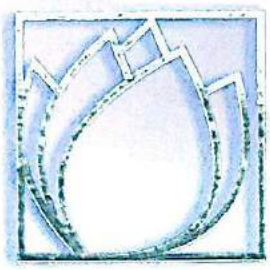

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 2

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NỘI DUNG

Gs.Ts. PHÙNG HỮU PHÚ *(Chủ tịch)*
Nhà thơ HỮU THỈNH *(Phó Chủ tịch)*
Hoạ sĩ VŨ GIÁNG HƯƠNG
Pgs.Ts. NGUYỄN VĂN THẠO
Gs. HÀ MINH ĐỨC
Pgs.Ts. PHAN TRỌNG THƯỞNG
Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG
Nhà văn TRUNG TRUNG ĐỈNH
Ts. NGUYỄN DANH NGÀ

BAN BIÊN SOẠN

Nhà thơ HỮU THỈNH *(Chủ biên)*
Nhà văn TRUNG TRUNG ĐỈNH
Nhà thơ TRẦN QUANG QUÝ
Nhà văn PHẠM SÔNG HỒNG

Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.
Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

HỒ CHÍ MINH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hưởng ứng cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị "Tiếp tục xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới", Hội Nhà văn Việt Nam được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã giao cho Nhà xuất bản Hội Nhà văn xuất bản bộ sách "HỒ CHÍ MINH VỚI VĂN NGHỆ SĨ - VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH", nhằm quảng bá sâu rộng trong nhân dân, giúp cho các tầng lớp nhân dân hiểu biết sâu sắc hơn tình cảm của Bác Hồ với văn nghệ sĩ, cũng như tình cảm chân thành, sâu sắc của giới văn nghệ sĩ đối với Bác Hồ.

Bộ sách là sự thể hiện sinh động, chân thực tình cảm cao đẹp và đạo đức trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với dân với nước, và đặc biệt là, đối với các văn nghệ sĩ cách mạng - những người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá tư tưởng của Đảng; đồng thời là vũ khí sắc bén và hiệu quả, nhằm đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc, bóp méo sự thật về nhân cách, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người.

Đây là bộ sách quý, mang tính khoa học, tính tư tưởng và nghệ thuật cao, tập hợp có hệ thống những tác phẩm, bài viết và bài nói chuyện của Bác về văn học nghệ thuật, hồi ký của các văn nghệ sĩ tiêu biểu của Việt Nam và thế giới; những sáng tác văn học, nghệ thuật chọn lọc viết về Người.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thường trực Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, cán bộ, công nhân viên Nhà xuất bản Hội Nhà văn cùng các cộng tác viên nêu cao trách nhiệm, nghiêm túc và khẩn

trương sưu tầm, tuyển chọn với lòng biết ơn sâu sắc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh; coi đây là việc làm có ý nghĩa thiết thực chào mừng kỷ niệm lần thứ 120 Ngày sinh của Người, 80 năm Ngày thành lập Đảng và đón mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Bộ sách cũng là một công trình tập thể của giới lao động văn học cả nước chào mừng Đại hội lần thứ XI của Đảng.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, biên tập khó tránh khỏi có những sơ suất, chúng tôi chân thành kính mong nhận được sự đóng góp xây dựng quý báu của quý độc giả để những lần tái bản sau, bộ sách sẽ hoàn thiện hơn, đáp ứng niềm mong mỏi và tình cảm của nhân dân cả nước nói chung và giới văn nghệ sĩ nói riêng đối với Bác Hồ kính yêu.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI TỰA

Trên báo Ogoniok (Liên Xô trước đây), số 39, ra ngày 23-12-1923, nhà thơ đồng thời là nhà báo Xô-viết nổi tiếng O.Mandenxtam trong bài "Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc" *đã tiên cảm phi thường về Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: "Dáng dấp con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra thật lịch thiệp và tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai". Với dự cảm đặc biệt của một thi nhân, O.Mandenxtam phát hiện ra sự dồn tụ, kết tinh của văn hoá Việt Nam trong con người Việt Nam tiêu biểu nhất và khẳng định Bác là tinh hoa của Việt Nam và cũng là tinh hoa của nhân loại. Nhà thơ viết: "Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới...".*

Gần một thế kỷ đã trôi qua, thời gian đã chứng minh linh giác đặc biệt sáng suốt của O.Mandenxtam. Đó là một phát hiện thiên tài về một thiên tài. Thời gian ấy Bác đang học tập tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Matxcơva. O.Mandenxtam không viết về Bác với tư cách lãnh tụ tinh thần, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đó thế giới đã từng biết qua những hoạt động yêu nước nổi tiếng của Người ở Pháp và trong những ngày đầu đến đất nước của Lênin. Chọn tư cách là đại diện nền văn hoá tương lai, nhà thơ Nga đã nhìn thấy sự bất tử của Người, tiên đoán về những giá trị có tầm nhân loại vĩnh cửu của Bác từ khi Người mới bước sang tuổi ba mươi.

Với một nguồn mạch cảm hứng như vậy, những người đề xuất và được Ban Bí thư ủng hộ việc tổ chức thực hiện bộ sách chuyên đề

"Hồ Chí Minh với Văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh" *mong muốn cung cấp cho bạn đọc rộng rãi, đặc biệt là cho tất cả những ai quan tâm đến việc xây dựng con người, quan tâm đến việc xây dựng nền văn hoá dân tộc, rất Việt Nam mà cũng rất hiện đại, nguồn tư liệu phong phú, sinh động, hệ thống, đa dạng, chọn lọc từ những trước tác quan trọng nhất của Bác về văn học, nghệ thuật và của những văn nghệ sĩ hàng đầu Việt Nam và thế giới viết về Bác. Hình tượng Hồ Chí Minh với ba chủ đề: lãnh tụ thiên tài, nhà văn hoá kiệt xuất, nhà nhân văn vĩ đại được các tác giả từ góc độ văn hoá thể hiện sống động và xuyên suốt bộ sách. Chúng ta bắt gặp ở đây sự kết hợp đẹp đẽ giữa những cái cao cả và bình thường, giản dị mà thanh cao, vĩ đại mà gần gũi, rất Việt Nam mà cũng rất nhân loại. Bức tượng đài ngôn ngữ này làm nổi bật chân dung Hồ Chí Minh, một con người trong tất cả, tất cả trong một con người.*

Với những phẩm chất cao quý như vậy, hiển nhiên từ lâu Bác đã là một ngọn nguồn, ngọn nguồn của suy tưởng, của bồi đắp, của dẫn dắt và soi sáng. Và đúng như Tố Hữu đã viết:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

Bác vĩ đại nhưng không quá tầm với bất cứ ai.

Hôm nay và mai sau, tiếp nhận Hồ Chí Minh là tiếp nhận một sự sống không bao giờ ngơi nghỉ.

Và bây giờ, với thói quen bước vào một ngôi đền thiêng, xin chúng ta hãy lật từng trang sách với lòng chân thành nhất, để được chứng quả lời Phật dạy:

Được đi trên đường chánh
Là Phước Đức lớn nhất.

Hà Nội, 4-5-2010
Nhà thơ Hữu Thỉnh
Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1958)

Ảnh: Đinh Đăng Định

VĂN HỒ CHỦ TỊCH VỚI NHÂN DÂN *(Trích)*

NGUYỄN ĐÌNH THI

Nói đến Hồ Chủ tịch, mỗi lần chúng ta lại nhận ra những nét mới.

Hoạ sĩ Nguyễn Đỗ Cung hồi 1946 vẽ Hồ Chủ tịch ở Bắc Bộ phủ có kể lại cái cảm giác bàng hoàng khi gặp Cụ lần đầu: giữa một phòng làm việc kiểu lai tây lai ta của bọn thực dân trước, giữa những tủ gương, bàn giấy, sập, giường tây, ghế nằm, bỗng thấy Cụ Hồ ngồi làm việc trong bộ áo ka ki bạc cũ như một ông già ở đâu hiện đến, và lúc nào cũng có thể tự nhiên lại ra khỏi cảnh ấy. Trong con mắt hoạ sĩ, hình ảnh ông già kỳ diệu không ăn khớp gì với những đồ đạc và gian phòng chung quanh, Hồ Chủ tịch hiện lên trong khung cảnh ấy một cách khác thường, hình như chỗ của Cụ là ở nơi khác kia.

Lần gặp gỡ đầu tiên giữa Hồ Chủ tịch và nhân dân thì khác hẳn: ngày mồng hai tháng chín lịch sử dưới nắng thu đổ lửa, lúc người chiến sĩ cách mạng nét mặt như nhà hiền triết, lúc vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bỗng hỏi: "Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?" thì cả biển người đang còn ngấm ngầm đợi chờ bỗng dào lên mà trả lời. Từ lúc ấy người lính già của dân tộc đã thấy dân tộc Việt Nam nghiễm nhiên độc lập tự do, và nhân dân Việt Nam đã thấy mình có một vị Chủ tịch chiến sĩ.

Trong khi nhân dân nhận ra Cụ Hồ một cách nhanh chóng như vậy, thì giới văn hoá trí thức vẫn còn lúng túng và bỡ ngỡ. Chúng ta còn nhớ sau ngày khởi nghĩa, một số anh em trí thức xì xào bàn tán ca tụng vị Chủ tịch nói được nhiều thứ tiếng ngoại quốc! Một nhà giáo dục lúc đó thường hay đi khoe rằng Cụ biết

tiếng Anh giỏi hơn cả một vài người đã từng ở lâu năm và đậu bằng cấp cao bên Anh. Nhưng còn những điều Hồ Chủ tịch nói bằng tiếng Việt Nam và cách nói những điều ấy thì lại thực làm cho nhiều người ngạc nhiên. Những người trí thức kính trọng Hồ Chủ tịch như mọi công dân kính trọng lãnh tụ. Nhưng đọc những lá thư, những câu thơ của Hồ Chủ tịch, nghe Cụ nói về chính trị, văn hoá của dân ta, có người như muốn tự hỏi thầm: "Thế này thôi ư?". Nói đời sống mới, Hồ Chủ tịch bảo: Cần kiệm liêm chính. Nói đường lối đấu tranh, Hồ Chủ tịch bảo: Toàn dân đoàn kết. Viết thư cho chiến sĩ Nam Bộ, vị Chủ tịch làm thơ: "Tết này ta tạm xa nhau".

Nhà văn Nga Êrenbua có nhận xét rằng người thợ không hiểu một bài văn thơ, một bức tranh thì cho là lỗi tại mình và cố sức tìm hiểu, trái với kẻ tư bản không hiểu một tác phẩm thì khinh bỉ, cho là tại người đã tạo ra tác phẩm ấy. Một số người lúc đầu, đọc lời văn bình dị đơn giản của Hồ Chủ tịch không thấy những câu đẹp, bóng bẩy theo ý họ mong đợi, theo những sách vở họ quen đọc, có lẽ trong thâm tâm cũng như kẻ tư bản kia đổ lỗi cho người viết. Nhưng trước mắt họ, hình ảnh Hồ Chủ tịch vĩ đại, họ chỉ thắc mắc thầm.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến, Hồ Chủ tịch đứng trên diễn đàn Hội nghị Văn hoá toàn quốc nói với các nhà văn hoá trong khi bên ngoài phố vắng, những xe thiết giáp của Pháp chở đầy lính mũ đỏ hung hăng khiêu khích. Hồ Chủ tịch nói: "Thưa các ngài, đối với văn hoá, tôi là một người môn ngoại hán"(*)! Có lẽ một số các nhà văn hoá "chuyên môn" bây giờ cũng nghĩ rằng ý kiến Hồ Chủ tịch không có tính chất "văn hoá chuyên môn". Nhưng trong khi ấy, những lời Hồ Chủ tịch nói ra làm rung động lòng nhân dân suốt từ phố hè Hà Nội đến những cánh rừng Việt Bắc, đồng cỏ Tây Nguyên hay ruộng lầy Đồng Tháp Mười.

Trải bao nhiêu năm bị che đậy, lừa dối trong cái "học" của tư bản, của thực dân, chúng ta đã bị lừa vì những bề ngoài của

(*) Môn ngoại hán: Người không chuyên môn (NĐT).

văn hoá. Chúng ta đã không nhận thấy rõ rằng một người nông dân du kích ở Tây Ban Nha, ở Hy Lạp, là người văn hoá hơn một viên giáo sư đại học phát xít chẳng hạn. Cuộc kháng chiến ngày nay đã dạy ta: một anh binh nhì i tờ của chúng ta là người văn hoá hơn những tên quan năm, quan sáu lê dương Pháp xuất thân ở các trường đại học, mồm nói những Tôntôi (Tolstoi), tai nghe những Môda (Mozart). Và người đàn bà "nhà quê" đi họp phụ nữ xã là người văn hoá hơn những thứ quan lại, tiến sĩ làm tay sai của giặc để tàn sát đồng bào.

Hồ Chủ tịch đã đem sự thực ấy đến rọi vào văn hoá nước ta. Văn Người viết chính là lời nói, ý nghĩ của tất cả những con người "nhỏ bé", nhũn nhặn, cần cù dai dẳng, anh dũng, đang tạo ra đất nước mới của chúng ta ngày nay, đang đẩy cuộc kháng chiến vĩ đại của chúng ta tiến gấp đến ngày chiến thắng. Vì vậy nên nhân dân gặp thấy Hồ Chủ tịch là nhận ngay ra người dắt đường cho mình.

Một bạn nhà văn có kể lại câu chuyện đọc cuốn *Đời sống mới*. Những trang giản dị đến hết mực ấy đã khiến cho nhà văn đọc rất nhanh, và gấp cuốn sách mỏng lại, ông ta thầm nghĩ: "Cũng không có gì lạ". Đến buổi tối, người con gái bà cụ chủ nhà hỏi mượn và đem đọc cho cả nhà nghe. Cô ta đọc còn chưa thông, ngập ngừng từng câu. Cả gia đình nông dân ấy, bà cụ mắt lèm nhèm, người con dâu hay đánh chửi con cái, mất một con gà thì nguyền rủa hàng xóm hàng mấy ngày, cho đến một hai người đàn bà hàng xóm sang chơi, những con người bỏ làng từ lâu lắm lên cái thung lũng hẻo lánh này của Việt Bắc để làm ăn, tất cả đã ngồi ngây người nghe từng lời như bị thôi miên. Bấy giờ nhà văn mới thấy mình chưa đọc được gì lúc trước.

Ngày nay chúng ta đã nhìn lại được rõ hơn. Sự bỡ ngỡ lúc đầu của một số người trí thức trước Hồ Chủ tịch là sự bỡ ngỡ của họ trước nhân dân. Công việc làm văn hoá, công việc trí thức trong chế độ cũ, trong vòng trói buộc và phỉnh phờ của chủ nghĩa thực dân đã bị cắt lìa với đời sống của nhân dân đông đảo.

Không hiểu hết nhân dân, không sống đời sống nhân dân, không nói tiếng nói của nhân dân, nhìn nét mặt một người "nhà quê", một người đàn bà lam lũ, một anh thợ nhọ nhem, không hiểu những nét mặt ấy giấu những ý nghĩ tình cảm gì, nên người trí thức lúc đầu không hiểu văn Hồ Chủ tịch. Vì Hồ Chủ tịch nói tiếng nói của nhân dân. Khi Cụ Hồ nói, mỗi người dân hồi xưa tối tăm cực khổ mà đồng thời cảm thấy mập mờ trong lòng mình bao nhiêu khát khao, bao nhiêu ý nghĩ không rõ ràng, người dân ấy bỗng thấy hình như chính mình nói lên. Khi Hồ Chủ tịch nói là nhà hiền triết và người thi sĩ là trong lòng mỗi người dân nói lên.

*

* *

Mấy năm gần đây, đã nhiều nhà văn tìm hiểu văn Hồ Chí Minh. Đồng chí Phạm Văn Đồng trong cuốn *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc*, đã vạch rõ những bài học lớn trong đời sống, tư tưởng và tác phong của Hồ Chủ tịch.

Văn Hồ Chủ tịch giản dị như tâm hồn của nhân dân. Cái lớn lao của một nhà tư tưởng là tìm được đường lối giản dị, soi sáng cả muôn ngàn sự việc rắc rối, hỗn độn của đời sống hàng ngày. Cuộc chiến đấu gian nan và phức tạp của chúng ta đã được Hồ Chủ tịch soi sáng theo một đường lối minh bạch, ai cũng hiểu và tin. Phân tích chủ trương chính trị của Người, đồng chí Phạm Văn Đồng viết: "Dân tộc Việt Nam bây giờ muốn gì? Muốn thống nhất, độc lập, muốn no ấm, muốn biết chữ, muốn đời sống bớt tối tăm. Cho nên Hồ Chủ tịch chủ trương: đoàn kết kháng chiến, tăng gia sản xuất, bình dân học vụ, đời sống mới". Tiến gần đến phản công, Hồ Chủ tịch dặn trước mọi người: "Càng gần thắng lợi, càng nhiều gian nan". Ngày nay giặc đánh Khu Ba, tàu bay khủng bố, thóc cao gạo kém, các bà cụ nhà quê vẫn truyền nhau câu ấy mà hiểu được tình thế. Sự sáng rõ giản dị của Hồ Chủ tịch là do một tư tưởng khoa học đã thấm nhuần được vào cuộc sống bình thường làm lụng, chiến đấu hàng ngày.

Hồ Chủ tịch nói là để làm và để mọi người làm. Người nói một câu, viết một câu, bao giờ cũng chú ý làm sao người tầm thường nhất cũng hiểu và làm theo được...

Giản dị, thực tế, luôn luôn từ đời sống nhân dân nảy lên, nên văn Hồ Chủ tịch không khô khan lạnh lẽo. Lời nói của Người đầm ấm thấm nhuần tâm hồn. Hồ Chủ tịch không những là nhà tư tưởng, Người còn là nghệ sĩ của nhân dân. Trong mỗi lời của Người, ta nghe rõ lối cảm xúc của dân ta. Người khuyên răn cán bộ đừng "Đầy túi quần thông cáo, đầy túi áo chỉ thị". Ai quên được bức thư trung thu đầu tiên của Người gửi cho nhi đồng: "Trăng thu trong sáng như một bà mẹ hiền". Người để lại câu: "Có việc lo, lo trước thiên hạ, có việc vui, vui sau thiên hạ". Hồ Chủ tịch bảo: "Một ngày đồng bào chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên". Nhắc nhở đồng bào phải cố gắng vượt bậc, Người nói: "Nước ta kinh tế lạc hậu, nhưng lòng yêu nước, chí quật cường chẳng kém ai"...

*

* *

Nhân dân là nhà hiền triết cũng là nhà thi sĩ đầu tiên.

Những nhà tư tưởng và những nghệ sĩ thiên tài chỉ nảy lên khi nào họ đứng vào hàng ngũ nhân dân, tìm tòi thu hút những sáng tạo của nhân dân, khi nào họ là kết tinh của nhân dân.

Ở nước ta, Cách mạng tháng Tám đã trả lại đầu óc và tâm hồn cho nhân dân. Sức mạnh khổng lồ của nhân dân được giải phóng đã thực hiện những công cuộc không thể tưởng tượng, trên đường kháng chiến, kiến quốc. Và nhân dân, vừa vùng dậy, còn hơi bỡ ngỡ, như người quáng mắt khi ra khỏi ngục tối, thì tự tìm ngay thấy mình trong cách nói của Hồ Chủ tịch.

Điều kiện đã có đủ. Như lời Hồ Chủ tịch: "Gạo nước củi đều sẵn sàng, chỉ cần nhen lửa thì có cơm ăn". Chúng ta cố gắng trở thành những chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, xứng đáng là người nhen ngọn lửa nấu cơm cho nhân dân.

5-1950

CÂU CHUYỆN VỀ THƠ BÁC HỒ

(*Trò chuyện với nhà thơ* TỐ HỮU)

Một buổi sáng mùa xuân, sau những ngày mưa phùn ẩm ướt, trời hửng nắng và khô ráo. Hai hàng cây trên đường Phan Đình Phùng (Hà Nội) như xanh đậm hẳn lên, làm cho tiết trời thêm ấm áp. Trong căn phòng nhỏ và giản dị với những bức tranh nghệ thuật trên tường, nhà thơ Tố Hữu đã thân mật tiếp chuyện chúng tôi, những cán bộ giảng dạy và nghiên cứu văn học từ Việt Bắc về. Biết chúng tôi đang tiến hành đề tài về thơ ca Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Việt Bắc, tác giả *Sáng tháng năm* mở đầu câu chuyện:

- Vấn đề mà các đồng chí đang nghiên cứu thú vị lắm! Nền văn học hiện đại của chúng ta vẫn còn món nợ về việc phản ánh cuộc sống và chiến đấu ở chiến khu Việt Bắc năm xưa. Nếu đời mình chưa trả được thì con cháu chúng ta sau này sẽ vất vả trong việc đi tìm tư liệu.

- Là người đã từng sống và làm việc nhiều năm ở chiến khu Việt Bắc, xin nhà thơ cho biết vẻ đẹp gì của vùng đất này đã tạo nên cảm hứng cho thơ ca kháng chiến nói chung, thơ ca của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm tại Việt Bắc nói riêng?

- Vẻ đẹp chính là nhân hoà. Ở đây, cuộc sống chỉ có đùm bọc nhau, không ai nghĩ mình dành riêng cho mình cái gì hết. Ở đời có hai quan niệm sống: cho và nhận. Kháng chiến là cho, người nọ cho người kia. Việc nhường cơm sẻ áo, chia hầm, chia lửa là chuyện bình thường. Ở đây cũng không có tự đòi hỏi và giành giật. Giá trị lớn của cách mạng là cho. Chừng nào sống thì phải biết cống hiến, hy sinh, không chỉ có nhận, càng không nên

giành giật, thì đó là xã hội văn minh. Nếu chỉ giành giật làm mục đích thì xã hội không thể tồn tại được.

Ngừng một lát, Nhà thơ nói tiếp:

- Thời kháng chiến chống Pháp, đi bộ đội gọi là "xung phong" chứ không phải là bắt đi. Thời chống Mỹ, không chấp nhận B *quay*. Hỏi đồng chí đi đâu, đi B, vinh dự lắm!

Biết rõ chúng tôi muốn đóng góp một phần nhỏ vào việc tìm hiểu thơ ca chiến khu của Bác Hồ, được sáng tác trong hai giai đoạn: Tiền khởi nghĩa (1941-1945) và kháng chiến chống Pháp (1947-1954), đồng chí Tố Hữu tán thưởng, nhưng thoáng vẻ suy tư, như đang nhớ lại những ngày ở Việt Bắc và những kỷ niệm về Bác qua bao năm tháng đáng ghi nhớ ấy.

- Xin đồng chí cho biết đôi nét về những kỷ niệm của mình đối với Bác Hồ làm thơ hoặc nói chuyện thơ ca khi Người sống và làm việc ở chiến khu Việt Bắc? - Một đồng chí trong chúng tôi đề nghị.

- Thỉnh thoảng Bác gọi tôi đến làm việc, có khi cho xem những bài thơ Bác làm. Dạo ấy, tôi ở cơ quan tuyên huấn, không được gần Bác, Bác ở một nơi riêng, chỉ một số ít đồng chí biết, nhưng Bác Hồ làm thơ trong hoàn cảnh cụ thể nào thì thật khó nói với các đồng chí. Bác là một tâm hồn lớn của dân tộc và của thời đại. Ở cảnh ngộ nào cũng rất trong sáng, rất ung dung, hình như giữa thiên nhiên, Bác càng thoải mái. Nhà sàn của Bác ở Việt Bắc kín đáo dưới cây cao nhưng thoáng mát, thường gần bờ suối và trông ra trời xanh. Trong khung cảnh ấy, thơ Bác vừa sâu lắng vừa nhẹ nhàng, tưởng như bình thường mà vô cùng cao thượng.

- Thưa đồng chí, có sách viết rằng, khi Bác Hồ trở lại thăm hang Pác Bó, đồng chí có cùng đi với Bác (1961). Cảm xúc trước cảnh vật và tình người, Bác nói: Bác đã có thơ rồi, nhà thơ có thơ chưa? Và Bác đã đọc bài thơ của mình:

Hai mươi năm trước trong hang này,
Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây.

Lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu,
Non sông gấm vóc có ngày nay.

(Thăm lại hang Pác Bó, 1961)

Xin nhà thơ kể đôi điều kỷ niệm và chuyến đi đó?

- Tôi biết, sau chuyến đi, Bác mới có bài thơ ấy, chứ không phải Bác đọc ngay tại chỗ. Đúng, Bác hay hỏi người khác về thơ theo kiểu thù tạc cho vui. Khi họp Hội đồng Chính phủ, ông Phan Anh hay lẩy *Kiều* hoặc đọc thơ rất vui. Nhưng Bác tế nhị, không bao giờ đặt người làm thơ vào hoàn cảnh khó xử. Bác không hề hỏi tôi "nhà thơ có thơ chưa". Tôi rất tiếc là, trong những ngày đi cùng với Bác, tôi không ghi lại ngay được bằng thơ. Sau này nhớ lại, tôi có viết một đoạn trong bài *"Theo chân Bác"* về hang Pác Bó... Tôi nghĩ rằng viết về Bác phải sao cho xứng, vì vậy việc ứng khẩu làm thơ, tôi không dám. Phong cách thơ Bác trong những trường hợp thù tạc ấy là để cho vui, tất nhiên cũng có ý nghĩa giáo dục. Song tính nghệ thuật của những bài thơ như thế, Bác không chú ý lắm, khác với loại thơ như *Trăng vào cửa sổ đòi thơ*. Trong cuộc sống cũng như trong thơ, Bác hết sức giản dị và cũng rất tế nhị, thâm trầm.

Nói xong, nhà thơ cười rất vui, đôi mắt cũng như cười. Nhà thơ Tố Hữu nhìn chúng tôi như thầm nói Ông Cụ là thế!

Chúng tôi lại tiếp lời nhà thơ Tố Hữu bằng những thắc mắc của mình, nhưng thắc mắc thì nhiều lắm. Nào là người ta đã viết, đã giảng về bài *Cảnh khuya* (1947) chưa đúng lắm, khi phân tích chi tiết "người chưa ngủ", nào là có giáo sư "tán" câu thơ: *Du kích quy lai tửu vị tàn* trong bài *Thu dạ* không hợp với hoàn cảnh sống và chiến đấu cũng như phong cách sinh hoạt của Bác ở chiến khu Việt Bắc, v.v..

Chúng tôi còn nêu lên những cách hiểu khác nhau của các nhà nghiên cứu về những chi tiết như tiếng *"Chuông lầu"* trong bài *Báo tiệp* (Tin thắng trận), chi tiết *"chim rừng vào cửa đậu"*, *"Hoa núi chiếu nghiên soi"* trong bài *Tặng Bùi Công*, và chi tiết

"Xách bương dắt trẻ ra vườn tưới rau" trong bài *Vô đề*, v.v.. Một người trong chúng tôi hỏi:

- Là một nhà thơ, xin đồng chí gợi cho độc giả một vài suy nghĩ về cách hiểu thơ Bác?

Giọng nói của tác giả *Sáng tháng năm* lại vang lên trong căn phòng ấm cúng đang được nắng xuân chiếu vào. Da mặt nhà thơ hồng tươi hơn, nhà thơ Tố Hữu sôi nổi trả lời chúng tôi như một điều tâm đắc:

- Không nên hiểu thơ chỉ với những từ ngữ của nó. Thơ không phải như cuộc đời hoàn toàn thực. Tôi thấy người ta hay dựng lên các trường phái này, trường phái khác như các bức tường. Đành rằng chủ nghĩa này, chủ nghĩa nọ, đúng là có cái thực chất nào đó. Nhưng thơ, nó như cuộc đời ấy, nó phong phú và biến động. Tâm hồn con người phản ánh hiện thực cuộc sống theo cách riêng của nó, nhưng không phản ánh nguyên xi qua tri giác, cảm quan. Vì vậy mà nó có sự biến dạng, thậm chí có thể biến *thực* thành *hư* mà tác giả cũng không ngờ tới. Trong tư duy con người có yếu tố chủ quan và khách quan, tôi vừa nói đến *hư* và *thực*; cái thực vào trong đầu có phần *hư*, với nghệ sĩ thì phần *hư* thường có thế mạnh. Cũng có khi anh ta lấy *hư* làm *thực*, vì vậy Lý Bạch ôm trăng mà chết đuối! Để hiểu thơ Bác cũng như hiểu thơ mọi người, đừng nên câu nệ vào từ ngữ và suy diễn sự thực. Nhưng cũng không nên cho rằng, thơ không có cơ sở hiện thực nào! Không nên nghĩ nhất thiết cái còi là cái còi, tiếng chuông là tiếng chuông... nhưng cũng phải là tiếng gì đó.

Dừng một lát, như để suy nghĩ thêm điều gì, với giọng Huế nhẹ nhàng và ấm, Tố Hữu nói:

- Về thơ Bác, tôi chưa nghĩ được nhiều và sâu sắc, nhưng nói chung, các bài thơ Người viết, từ *Nhật ký trong tù*, đến những bài sau này, thì phải hiểu là Bác không vô cớ mà làm thơ đâu! Mỗi bài thơ là một tâm trạng nào đó, một ý định nào đó. Song Bác vẫn là Bác, trước hết là CON NGƯỜI LỚN. Giọng thơ của Bác không phải là giọng của lãnh tụ, mà là giọng của một

con người lớn. Con người ấy đã nói về những vấn đề có ý nghĩa, tuy không phải bao giờ cũng là "quốc gia đại sự". Bác luôn luôn nghĩ mình là người bình thường, cảm xúc và suy nghĩ cũng như mọi người. Ở Bác ta không thấy cái khẩu khí siêu nhân, đặt mình lên trên thiên hạ. Chính vì thế mà Bác lớn. Bác nói những điều mọi người muốn nói nhưng với tư tưởng, tình cảm của Bác. Do vậy, tính nhân đạo và tính nhân dân trong thơ Bác thật là sâu sắc. Chủ nghĩa cổ điển mới là ở đó!

Qua cửa sổ, những cành lá xanh bên mái hiên đang đưa nhẹ theo chiều gió, dưới ánh nắng xuân dìu dịu trong lành. Dường như nhà thơ không để ý đến thời gian đã trở về trưa. Chúng tôi vừa lắng nghe vừa xen vào những câu hỏi nhỏ hoặc những lời tán thưởng đối với những điều có thể hiểu như lý luận thơ ca được nói ra một cách tự nhiên từ kinh nghiệm thực tế của nhà thơ lớn.

Nhìn tờ báo trên bàn, nhà thơ chậm rãi tiếp:

- Chủ nghĩa cổ điển mới, ấy là cái đẹp trong sáng nhất và cũng là giản dị nhất, các đồng chí ạ! Một số anh chị em ham cái mới, nhưng phải thấy cái mới là ở nội dung và nghệ thuật, chứ không phải ở một vài thủ thuật. Đọc một số bài thơ trên báo bây giờ, thực tình tôi không hiểu lắm, và cả một số bức tranh nữa, tôi cũng không biết tác giả nói gì?

- Thưa đồng chí, người ta nói nhiều viết nhiều về sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính dân tộc và tính quốc tế, giữa tính dân gian và tính bác học, giữa Đông và Tây trong con người Bác cũng như ở thơ văn Bác. Ý kiến của đồng chí về vấn đề này như thế nào?

- Vấn đề đó khá rộng! Tôi xin nói vắn tắt một vài ý. Văn bác học, Bác hiểu sâu, văn dân gian, Bác cũng hiểu sâu. Tư tưởng của Bác vừa là dân tộc, vừa là khoa học, hiện đại, nhưng về nghệ thuật, tôi thấy Bác chịu ảnh hưởng của thơ Đường khá nhiều. Không ít bài thơ của Bác có phong vị thơ Đường. Điều đó dễ hiểu, vì thơ Đường là một trong những đỉnh cao của thơ ca nhân loại. Thơ Bác thường có vị Đường thi và dân gian, không có mùi thơ Tây.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nghe nghệ sĩ Châu Loan ngâm thơ
tại cuộc bình thơ Tết Nhâm Dần tại Văn Miếu (5/2/1962)
Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

Trở lại vấn đề ngôn ngữ thơ ca, *cái hư, cái thực* và cả tính ước lệ trong thơ một chút - Nhà thơ Tố Hữu nói tiếp - Có lẽ không nên hiểu *"thu địch"* (còi thu) là có thật. Tôi cũng không tin là có thật. Cả *"sơn lâu"* (chuông lầu) nữa, cũng thế. Người ta có thể hiểu là tù và hay là tiếng kẻng cũng được. Nhà thơ có thể cho phép mình nói cái *hư*. Khi nhà thơ nói tiếng "em" không nhất định có em nào đâu! Nhưng cũng không thể nói là không có cái thực nào đó. Có người nói vui: nghệ thuật là "bịa như thật".

Nhân bàn thêm về *cái hư* và *cái thực* trong thơ, tác giả *Theo chân Bác* muốn liên hệ đôi nét về thơ mình.

- Đối với tôi, nhà thơ thấp giọng, tôi lại thích nói thật (thực), nhưng có người lại bảo là tôi "bịa":

Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?
Phòng lặng, rèm buông tắt ánh đèn!

Là có thật đấy chứ. Và *Trái bưởi kia vàng ngọt với ai/ Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài?* là tôi thực sự xúc động mà viết ra như thế. Tôi gắng nói lên tình cảm của mình và của đồng bào với Bác, mặc dù Bác không hề nghĩ đến mình! Tôi không có khả năng bịa cái *hư* bao giờ. Thế là *cái thực* ấy lại được coi như là *hư*. Và người ta cũng chấp nhận. Tôi viết: *Bác sống như trời đất của ta/ Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa*, là tôi nói thật đấy, vì tình cảm của Bác là thế. Trở lại *cái hư* một chút - Nhà thơ vẫn say sưa, với vấn đề có thể nói là rất kỳ diệu của thơ ca. - *Cái hư* chỉ có ý nghĩa khi nó là cái đẹp, cái cao vọng, cái mong ước. Nghệ thuật là từ *cái thực* vươn lên cao hơn, đạt tới *cái hư* là từ cái cụ thể vươn lên cái trừu tượng; từ cái cá biệt vươn tới cái khái quát. Ví như Bác nói về cái gậy, tức là cái bình thường có thực trên đời. Nhưng cái gậy trong thơ Bác cũng là cái gì đấy, là bạn của người, nơi nương tựa của con người. Mấy chữ *"bồ công văn"* trong *Sáng tháng năm* là có thực, nhưng có lúc in lại đã bỏ mất. Nơi Bác sống ở chiến khu Việt Bắc có nuôi chim bồ câu để ăn thịt và cũng để cho vui. Trong kháng chiến gian khổ, bữa ăn của Bác thường chỉ có bí ngô và tôm khô. Thế mà trong thơ Bác lại hay dùng chữ *"đứng"*, đó là để nói cho vui.

Ngừng một lát, nhà thơ tiếp:

- Các đồng chí ạ, qua từ ngữ phải thấy tâm trạng. *Xách bương tưới rau* là có thực, nhưng xách từ suối lên thì chắc không ai để Bác xách. Còn *"dắt trẻ"* thì cũng là một cách nói hình tượng. Ở chiến khu cũng có các cháu nhỏ, nhưng các cháu thường ở xa nơi Bác làm việc, thỉnh thoảng mới đến chơi gần Bác, mặc dù Bác rất yêu trẻ.

Càng trao đổi những suy nghĩ của mình về thơ ca, nhà thơ Tố Hữu càng hào hứng, sôi nổi. Quả là, muốn hiểu sâu sắc thơ văn phải có bề dày cuộc sống và cũng phải học hỏi để biết được nhiều tri thức. Đó là điều mà chúng tôi rất thấm thía.

Trong cuộc mạn đàm, dường như nhà thơ và chúng tôi không biết mệt, vì cứ bị cuốn vào những vấn đề thú vị của thơ ca, vào những lời truyền cảm của nhà thơ với bề dày kinh nghiệm của mình. Chúng tôi muốn hiểu thêm về con người Bác, về cuộc sống của Bác ở chiến khu Việt Bắc, cái nền hiện thực tạo nên cảm xúc thơ ca của Người.

Khi hồi tưởng về những năm tháng sống và làm việc ở Việt Bắc, khi nhớ lại những kỷ niệm trong nhiều năm được làm việc với Bác ở Thủ đô, sau những ngày *Mình về với Bác đường xuôi* ấy, nhà thơ Tố Hữu lại say sưa kể:

- Tôi đã đưa vài bài thơ của Bác vào trong trường ca *Theo chân Bác* của mình, như các đồng chí đã biết. Bởi vì những trích đoạn thơ Bác mà tôi lựa chọn, rất thích hợp với nội dung lịch sử của trường ca, kể cả nhịp điệu thơ. Chính Bác Hồ là người tạo ra các giai đoạn lịch sử của cách mạng Việt Nam.

Trong suốt cuộc đời của mình - Nhà thơ thấp giọng - Bác Hồ là con người mà ai cũng yêu, cũng trọng. Hiểu đời thì ít ai bằng Bác, Bác đã đi khắp thiên hạ. Văn hoá của Bác rất rộng. Bác dân tộc trong máu thịt, Bác quốc tế trong máu thịt! Bác có cái nhìn xuyên suốt thời gian và không gian. Bác là người của nhiều chân trời, kẻ thù cũng phải kính phục về trí tuệ và nhân cách của Người.

Câu chuyện thơ với tác giả *Sáng tháng năm* đã dài mà vẫn còn nhiều điều chưa nói được hôm nay. Tưởng nhớ Bác, theo chân Bác, thực hiện tốt Di chúc của Người, nghiên cứu, học tập thơ ca của Người là điều tâm niệm của thế hệ chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau. Di sản văn hoá của Bác Hồ thật là vô giá! Rồi đây đất nước Việt Nam sẽ phồn vinh và tươi đẹp, cái đẹp được nhân lên từ "con người Việt Nam đẹp nhất": Hồ Chí Minh!

Kết thúc câu chuyện về thơ Bác Hồ, nhà thơ Tố Hữu đọc hai câu thơ trong bài *Mẹ Tơm* để tỏ tấm lòng thành kính của mình đối với những con người đã khuất mà ánh hào quang trong linh hồn họ vẫn vằng vặc sáng trong:

"Sống trong cát, chết vùi trong cát
Những trái tim như ngọc sáng ngời!"

Nắm chặt tay chúng tôi, nhà thơ nói: "Câu chuyện tôi nói với các đồng chí hôm nay là tâm huyết".

VŨ CHÂU QUÁN - NGUYỄN HUY QUÁT *ghi*

CHÚNG TA NHỚ, NHỚ MÃI...

ĐẶNG THAI MAI

Hồ Chủ tịch... mất...

Tin loan ra, như một tiếng sét ngang tai. Cả nước ta đau đớn, choáng váng... Toàn thể thế giới tiến bộ ngậm ngùi, thương tiếc.

Cùng với toàn thể đồng bào, cùng với toàn thể quần chúng nhân dân cách mạng trong nước và trên thế giới, anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta cắn răng, nuốt lệ và tự hỏi:

Sao lại có thể thế được?

Chúng ta muốn phủ định cả "việc đã rồi" vì nó là một sự thực quá đau lòng...

Không phải là trong mấy năm vừa qua, chúng ta không bao giờ sống những giờ phút hồi hộp, lo âu... Ngày qua, tháng tới, mỗi năm chúng ta mừng Bác vừa thêm một tuổi thọ thì, đồng thời chúng ta cũng ái ngại mỗi một lúc chúng ta nghĩ là... tuổi Bác ngày càng cao thì sức Bác rồi cũng sẽ yếu dần đi... Nên chỉ mỗi lúc chúng ta có dịp gặp Bác, thấy Bác, nghe Bác nói với đồng bào, hoặc đọc trên báo một mẩu tin về hoạt động của Bác, hay một tấm ảnh với nét mặt điềm đạm, hồng hào, hiền từ mà kiên quyết, minh mẫn mà sâu sắc, đăm chiêu mà lạc quan của Bác là chúng ta sung sướng... Bác khoẻ... Bác vui!... Nếu như có một thời gian ngắn nào, chúng ta cảm thấy hơi "vắng" Bác... thì mọi người lo lắng, hỏi han, thăm nom. Và khi được biết là Bác vừa đi thăm một nhà máy, một đơn vị bộ đội, một hợp tác xã, vừa tiếp một đoàn khách, vừa vỗ về một đoàn thiếu nhi... vừa nói câu này, viết bài kia... thì lập tức mọi người lại yên tâm, vui vẻ làm công việc hằng ngày. Rõ ràng là khi nghĩ đến Người, đến

sức khoẻ của Người, chúng ta không bao giờ muốn liên tưởng tới một ý niệm buồn tẻ như là *ý niệm chết*. Chúng ta nghĩ, chúng ta tin rằng: Bác Hồ của chúng ta sẽ không bao giờ có thể mất... Cái chết trong "trường hợp" này là một điều phi lý, không thể quan niệm được, không ai dám nghĩ tới!...

*

* *

...

Cùng với toàn thể đồng bào Việt Nam, từ Bắc chí Nam, trong nước, ngoài nước, anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta biết rõ công đức của Hồ Chủ tịch đối với dân tộc, đối với nhân dân.

Chúng ta biết rõ những đóng góp vĩ đại của Người vào sự nghiệp giải phóng con người trên đất nước chúng ta cũng như ở nhiều nơi, nhiều nước khác trên thế giới ngày nay.

Đối với chúng ta, Hồ Chủ tịch là một người không bao giờ chết.

Vì rằng: đối với mọi người có ý thức về lẽ sống, tên tuổi của Người sẽ luôn luôn sống mãi trong lịch sử sống còn và vinh quang của nước nhà, trong lịch sử tiến bộ của loài người.

Vì đời của Người là một sự *Sống* vĩ đại.

Vì sự nghiệp của Người là sự nghiệp của sự *Sống* - là sự nghiệp bảo vệ sự *Sống*, bồi dưỡng sự *Sống* và làm cho sự *Sống* có *ý nghĩa* hơn, *đẹp* hơn.

Rồi đây, nhiều tiếng nói đủ thẩm quyền sẽ nói lên những gì Người đã làm đối với nước nhà, đối với phong trào giải phóng dân tộc, đối với cách mạng vô sản trong giai đoạn lịch sử mới của thế giới ngày nay...

Đối với tất cả những người có ý thức, Hồ Chủ tịch trước hết là:

Người đã xây dựng lên Đảng cách mạng tiền phong của đất nước.

Người đã đoàn kết, tổ chức, hướng dẫn toàn dân nước ta trên đường đấu tranh vì quyền sống của nước nhà, vì hạnh phúc của nhân dân.

Người đã cải tử hoàn sinh cho Tổ quốc Việt Nam thân yêu của ba mươi mốt triệu đồng bào,

Người đã lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân ta đánh thắng chủ nghĩa thực dân Pháp trước đây, và hiện giờ đang đánh thắng giặc Mỹ xâm lược,

Người đã soi đường cho toàn dân chúng ta trong cái sự nghiệp gian lao và vĩ đại có một ý nghĩa lịch sử vô cùng cao cả: xây dựng chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước,

Người đã áp dụng đến mức độ thiên tài học thuyết Mác - Lênin vào sự nghiệp cách mạng của một xứ thuộc địa đang quằn quại dưới hai tầng áp bức của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phong kiến.

Người đã làm cho bè lũ hiếu chiến chủ nghĩa đế quốc Mỹ thấy rằng: thế giới này không phải là lĩnh địa của Ác-ma, của cái *Xấu*, của cái *Chết*, mà là của con Người, của cái *Tốt*, cái *Đẹp* và của sự *Sống*.

Người đã kết hợp một cách chí tình, chí lý, tinh thần yêu nước nồng nàn nhất, trong trắng nhất, với chủ nghĩa quốc tế chân tình nhất, tích cực nhất, trên cơ sở học thuyết giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Người đã chỉ cho mọi người thấy rằng: trong đời *Sống*, giá trị chân chính là giá trị tinh thần của cái *Tốt*, cái *Hay*, cái *Đẹp*. Và lực lượng vô địch là lực lượng của quần chúng lao động giác ngộ.

Người đã bồi dưỡng cho Đảng ta, cho nhân dân, cho dân tộc ta, những người "học trò" trung thành, dũng cảm, sáng suốt, và thấm nhuần đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản mà thân thế của Người là một biểu hiện đẹp đẽ nhất, lộng lẫy nhất...

Người đã...

Nhưng... kể sao cho xiết được công ơn của Người?

Nói sao hết được đóng góp của Người đối với sự nghiệp cách mạng của Việt Nam và của thế giới?

Khi mà trong đời sống của một con người, tình cảm, trí tuệ, tài năng, đạo đức của "Con Người" đã đạt tới mức độ thuần khiết và cao quý như đời sống của Hồ Chủ tịch, thì mọi sự biểu dương bằng lời nói, bằng ngòi bút, đều cảm thấy là bất lực...

*

* *

Anh chị em văn nghệ sĩ Việt Nam chúng ta biết ơn sâu sắc và ghi nhớ mãi mãi những gì Hồ Chủ tịch đã làm đối với văn nghệ nước nhà, đối với giới văn học nghệ thuật nước nhà.

Hồ Chủ tịch đã lãnh đạo cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc, vì sự nghiệp thống nhất đất nước. Với tất cả tinh thần kiên quyết của nhà cách mạng dân tộc và nhà cách mạng vô sản chân chính, với tất cả khối óc sáng suốt của một nhà cách mạng khoa học, với tất cả tình yêu và bàn tay khéo léo của người nghệ sĩ, với tất cả phong thái của người hiền triết, với tất cả tinh thần bất khuất trước mọi gian nguy, và ngay trước cái chết luôn luôn đe doạ mình, Hồ Chủ tịch đã luôn luôn xuất hiện trước mắt mọi người như là một biểu tượng lộng lẫy vô cùng vĩ đại của sự *Sống*.

Người đã giành lại cho chúng ta một Tổ quốc để mà phụng sự... Tổ quốc ta, tất cả cái gì đẹp đẽ nhất trong mấy nghìn năm lịch sử... Tổ quốc ta, tất cả cái đẹp của chủ nghĩa anh hùng trong thời đại hiện nay...

Tổ quốc ta với tất cả cái hạnh phúc và cái huy hoàng vô tận trong những ngày đang tới.

Tổ quốc ta với địa vị xứng đáng của mình trong lịch sử nhân loại...

Đưa lại cho nhân dân Việt Nam một ý thức mới và tự hào dân tộc đồng thời với nền độc lập, tự do, hạnh phúc, Hồ Chủ tịch thực sự đã mở cho văn học nghệ thuật nước nhà một con đường sống và cả một đời sống mới.

Cách mạng tháng Tám thành công, cuộc kháng chiến chống thực dân và chủ nghĩa đế quốc thắng lợi đã khai phục lại giá trị

tinh thần của văn hoá Việt Nam. Chỉ có trong một nước Việt Nam độc lập, tự do, thống nhất, thì thế giới - và rất nhiều người Việt Nam nữa - mới ghi nhớ và hiểu đúng những tinh tuý và những cái đẹp chân chính của lịch sử nước nhà.

Hồ Chủ tịch đã làm sống lại những giá trị văn nghệ của dân tộc bị lu mờ khá nhiều trong những ngày đen tối cũ của đời sống dân tộc.

Trên cơ sở đó, Người đã xây dựng nền móng cho văn học nghệ thuật mới của dân tộc.

Người yêu quý nền văn hoá ngày xưa.

Người quan tâm hơn nữa tới hiện tại và tương lai của văn nghệ dân tộc. Người thích đọc những tác phẩm mới. Người yêu mến những văn sĩ, nghệ sĩ của thời đại mới...

Và bản thân Người cũng chính là một nhà văn nghệ của thời đại. Những đóng góp của Người vào văn học nước nhà, vào kho tàng di sản văn học thế giới sẽ là một niềm tự hào rất chính đáng của chúng ta. Điều mà rất nhiều bạn đọc trên thế giới ngày nay hết sức kinh ngạc và kính phục là trong cuộc đời hoạt động chính trị bận rộn, gian khổ, lắm lúc nguy hiểm, với trăm nghìn công việc to lớn, chồng chất như vậy, mà Người vẫn sắp xếp được thì giờ để viết văn, làm thơ, và để lại cho chúng ta những hạt ngọc vô giá, những tác phẩm bất hủ!

Trong những ngày đau thương hiện nay, cái ý nghĩ cám cảnh hơn hết của chúng ta là sự ân cần của Bác đối với những người làm công tác văn học nghệ thuật trong Nam, ngoài Bắc.

Hai mươi bốn năm qua, Người không bao giờ lãng quên sự chú ý ân cần của Người đối với sự nghiệp xây dựng nền văn nghệ trong giai đoạn lịch sử mới của đất nước.

Chúng ta cảm động và sung sướng mỗi lúc được đọc những bài Bác viết, hay được nghe những lời Bác phát biểu về văn học nghệ thuật, trong một buổi họp mặt thân mật, hoặc một cuộc triển lãm nghệ thuật, một buổi biểu diễn văn nghệ, một buổi

chiếu phim... Từ những ngày Cách mạng tháng Tám mới thành công, và chế độ dân chủ cộng hoà vừa thành lập khi tình hình chính trị đang sôi sục ở Hà Nội vào khoảng 1945-1946, Hồ Chủ tịch vẫn đi xem triển lãm, xem biểu diễn và tới thăm Hội nghị văn hoá toàn quốc đầu tiên tổ chức ở Thủ đô. Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, từ ngày thành lập tới nay, đã hai lần được vinh dự đón Người tại Đại hội toàn quốc thứ II và III. Và mỗi một lần Người tới thăm là toàn thể anh chị em chúng ta sung sướng, say sưa như vừa được tắm gội trong nguồn ánh sáng của Cảm hứng. Tin Người tới làm cho toàn thể Hội nghị nôn nức đón chờ từng giờ từng phút... Và rồi Bác tới... Bác bước chân vào hội trường. Tiếng hoan hô nổi dậy như tràng pháo nổ trong một ngày lễ vui. Phòng họp rạng rỡ hẳn lên. Mọi người cảm động nhìn lên vừng trán cao rộng, dưới bộ tóc bạc, cặp mắt sáng ngời, đôi gò má hồng hào, và chòm râu thần tiên, và nụ cười hiền từ, tinh anh của Người. Mọi người có cái cảm giác rằng trước mắt mình đang xuất hiện... như một hiện thân của *tình yêu* vĩ đại, của *chân lý*, của cái đẹp, cái đẹp chân thật, giản dị, mà sự Sống và Nghệ thuật có thể ước mong... Bác tới trước dãy bàn của Đoàn chủ tịch, tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô càng vang to hơn nữa. Nhưng Bác vào và đưa hai bàn tay từ từ hạ xuống để chấm dứt tất cả những biểu hiện đang làm chấn động cả hội trường... Và rồi Bác nói... Ngắn thôi! Có lúc chỉ một vài câu... Nhưng đằm thắm, sâu sắc, vui vẻ, và phong phú biết bao! Bác đã nói gì với chúng ta? Bác nói với chúng ta về nhiệm vụ của người làm công tác văn nghệ, về quan hệ của người nghệ sĩ với xã hội, của nghệ thuật với cuộc sống, với cuộc đấu tranh của dân tộc, của nhân loại, về sự cần thiết phải tu dưỡng đạo đức cho người làm công tác nghệ thuật... Cũng có những buổi gặp gỡ thân mật hơn, với một số người nghe ít ỏi hơn. Người vui vẻ "góp ý" về những vấn đề cơ bản trong công trình sáng tác nghệ thuật. Nhưng Người đã nêu vấn đề dưới một hình thức giản dị: "Vì ai mà mình viết?", "Viết để làm gì?", "Viết cái gì?", "Viết thế nào?"... Bác góp ý về một tác phẩm, một bài báo vừa được in ra. Đôi khi vui miệng, Bác nhắc

lại một số kinh nghiệm viết của Bác. Có lúc Bác nhắc tới một nhà văn, một nghệ sĩ nước ngoài, ngày xưa, ngày nay: Shakespeare, Lev Tolstoi, Lỗ Tấn, Picasso... Cũng có lúc Bác đọc lại một câu thơ cổ Trung Quốc, một câu danh ngôn nước ngoài. Nhưng hình như Bác cảm thấy hứng thú nhiều hơn mỗi một khi giữa câu nói, Người nhớ lại một câu tục ngữ, một câu ca dao của nhân dân ta, hay một vài vần lục bát, một vài câu thơ cổ của các nhà văn nhà thơ Việt Nam... Mọi người lắng nghe, thú vị, say sưa, rồi ra về, suy nghĩ... Và rồi hàng chục năm sau, vẫn nhớ Bác đã dự buổi họp... hôm ấy, Bác đã nói chuyện với chúng ta... Bác đã tới... Bác đã nói... Có những vấn đề... lý luận thật đấy chứ! Đúng! Nhưng qua lời nói của Bác, lý luận đã trút hết cái áo cao đạo của nó để cho mọi người có thể tới gần; lý luận không nói những lời uyên bác, để mọi người có thể hiểu. Với Bác, mỗi một cuộc hội nghị đều có một tinh thần sinh động. Mọi nghi thức "lễ tân" (Bác không bao giờ thích cái danh từ này) trở thành thân tình. Mọi công thức cứng nhắc, đều được uốn nắn. Lý luận không bao giờ dài dòng, trừu tượng, xám xịt! Lý luận luôn luôn cô đọng, cụ thể, tươi đẹp. Và đây là cái đẹp giản dị, tự nhiên, trong trẻo như ánh sáng, sâu sắc, phong phú như sự *sống*...

Bác Hồ mất rồi!

Nhưng tinh thần của Bác sẽ còn, sẽ sống mãi trong tâm hồn của nhân dân chúng ta, của giới văn học nghệ thuật chúng ta. Chúng ta sẽ nhớ, nhớ mãi...

Vừa mới hôm qua, hôm kia đây thôi, Người tới xem các triển lãm hội hoạ chống Mỹ, cứu nước của các nghệ sĩ miền Bắc, miền Nam, của văn nghệ Quân đội chúng ta...

Vừa mới hôm qua, hôm kia đây thôi, sau lúc nghe báo cáo về hoạt động của Đoàn văn công ta biểu diễn ở Pháp, ở Ý, ở Angiêri, Liên Xô và Trung Quốc về, Người liền nói với đồng chí phụ trách: thế là tốt, Bác rất vui lòng. Và giờ đây, trước hết hẵng sắp xếp cho các cháu diễn viên nghỉ ngơi để bồi dưỡng sức khoẻ đã!

Vừa mới hôm qua, hôm kia đây thôi, Người đang vui vẻ góp ý với các nhà văn chúng ta về vấn đề viết "Người thật, việc thật", viết "Người tốt, việc tốt", viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Quên làm sao được tất cả nỗi niềm ân cần tha thiết của Người đối với văn nghệ nước nhà, đối với văn nghệ sĩ hai miền Nam Bắc chúng ta?...

Không! Chúng ta sẽ không bao giờ quên! Chúng ta sẽ nhớ mãi công ơn của Người.

Và cũng là nói rằng: Người sẽ sống mãi mãi trong tâm hồn của mọi người chúng ta.

*

* *

Mấy hôm nay, cùng với toàn thể đồng bào, anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta thương tiếc nhiều, đau đớn vô hạn. Trên tầng không của Thủ đô, mấy ngày liền, những là mưa gió sụt sùi, mây mù u ám... Mắt mọi người chúng ta mờ đi vì nước mắt. Lời nói của chúng ta nghẹn lại trong cuống họng... Ý nghĩ trong tâm hồn chúng ta đang choáng váng...

Viết gì về Bác... Viết gì để... nếu như Bác còn sống thì Bác sẽ vui lòng? Viết gì để góp một phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, vào sự nghiệp đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, vào sự nghiệp cách mạng thế giới - những điều "mong muốn cuối cùng", những điều mong muốn tha thiết nhất của Bác?

Chúng ta thương tiếc, suy nghĩ.

Chúng ta nhớ, nhớ mãi công ơn như trời như biển của Bác đối với giới văn học nghệ thuật chúng ta.

Suy nghĩ về cái chết của những bậc vĩ nhân, thực ra là suy nghĩ về sự sống.

Bởi vì những con người vĩ đại luôn luôn suy nghĩ về sự sống, phấn đấu cho sự sống.

Bởi vì những con người vĩ đại dù có chết cũng không bao giờ bị cái chết đánh bại!

Bởi vì đời sống của những con người ấy là đời sống đầy đủ, trong trẻo, xán lạn, không bao giờ chết được.

Hồ Chủ tịch muôn kính ngàn yêu của chúng ta là thuộc vào hàng ngũ không nhiều lắm của những Người vĩ đại ấy.

Trong những ngày đau thương này, trước ngưỡng cửa ngăn cách *cõi chết* và *cõi sống*, ngăn cách cái *không* với cái *có*, cái *một thời* và cái *vô cùng*, cái *có hạn* và cái *không có hạn*, chúng ta đã suy nghĩ nhiều...

Chúng ta hẵng để cả ý nghĩ, tâm tư của chúng ta vào việc học tập gương sống của Hồ Chủ tịch, suy nghĩ về đời sống của Người, về sự nghiệp của Người, về đạo đức, tư tưởng và tác phong của Người.

Chúng ta hẵng đọc lại những tác phẩm của Người, ôn lại những lời nói của Người.

Chúng ta hẵng đọc lại bài Di chúc vô cùng sâu sắc, phong phú và cảm động - tác phẩm cuối cùng kết thúc sự nghiệp văn chương của Người - như một ánh hào quang bất diệt.

Trong dịp đau thương này, chúng ta đã được nghìn muôn lời thương xót từ đáy lòng của toàn thể nhân dân ta trong nước, ngoài nước, đàn ông, đàn bà, tất cả các giới, các giai cấp, tôn giáo, các lứa tuổi.

Đảng ta, Chính phủ ta đã nhận được hàng nghìn bức điện chia buồn của những vị lãnh đạo các Đảng anh em và các nước bạn, với những lời tiếc thương, xúc động, những lời biểu dương nồng nàn và chân thành đối với thân thế của Người.

Và hàng trăm bài báo, bài hồi ký của nhiều người trí thức tiến bộ trên toàn thế giới.

Chúng ta đã được nghe Lời kêu gọi lịch sử của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Bản hiệu triệu của Uỷ ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam

Việt Nam, Uỷ ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình miền Nam Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Hội đồng Chính phủ.

Đặc biệt chúng ta đã nghe bài *Điếu văn* chứa chan tình thương tiếc Người đồng thời với quyết tâm không gì lay chuyển nổi của toàn Đảng, toàn dân ta nhất định hoàn thành sự nghiệp của Người.

Chúng ta hằng cố gắng để làm tốt hơn nữa công tác văn nghệ của chúng ta. Cố gắng luyện thêm cái chất Thép mà Hồ Chủ tịch đã đưa vào trong thơ ca nước nhà.

Có như thế mới xứng đáng với công ơn của Người.

Có như thế mới đóng góp được vào sự nghiệp cách mạng mà Người đã đề xướng, lãnh đạo và Trung ương Đảng ta, cùng với toàn Đảng, toàn dân đang tiếp tục, đang hoàn thành.

Sống là sáng tạo, Hồ Chủ tịch là gương mẫu của nghệ thuật sáng tạo cái mới, cái tốt, cái hay, cái đẹp.

MIỀN NAM TRONG LÒNG HỒ CHỦ TỊCH

HUỲNH VĂN TIỂNG

"Miền Nam thật xứng đáng với danh hiệu Thành đồng Tổ quốc. Miền Nam xứng đáng được tặng thưởng Huân chương cao quý nhất".

Đó là lời phát biểu của vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc trong kỳ họp Quốc hội vừa qua. Lời nói trang nghiêm ấy đã vang lên giữa hội trường vừa như một sự đánh giá thành tích 20 năm đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam, vừa như một lời tiên tri báo hiệu những cơn phong ba sấm sét đang giáng xuống đầu Mỹ - Diệm. Trong lịch sử cổ kim Đông Tây đã có không ít những người hy sinh tuẫn tiết cho một lý tưởng, nhưng quả là rất hiếm có những tấm gương hy sinh anh dũng tuyệt vời như ở miền Nam chúng ta.

*

* *

Chúng ta trở lại kỳ họp Quốc hội lần thứ 6. Ngày 7-5-1963, bên cạnh các phiên họp chính thức của Quốc hội, một thứ hoạt động mới mẻ là lạ chớm nở trong các đoàn đại biểu miền Nam rồi nhanh chóng truyền sang các đoàn khác. Suốt ngày là cả một sự rộn rịp lên xuống như con thoi giữa chủ tịch đoàn và các đoàn đại biểu, và đến chiều, song song với việc thông qua các nghị quyết về kế hoạch 5 năm và kế hoạch ngân sách Nhà nước năm 1963, một vấn đề quan trọng đã được các đoàn đại biểu nhất trí biểu quyết ở hậu trường là Quốc hội tặng Huân chương Sao vàng cho Hồ Chủ tịch.

Quốc hội đã nhất trí, nhưng còn làm thế nào cho Bác chấp nhận? Trưa ngày 8-5 là cao điểm của cuộc vận động bất thường này. Chủ tịch đoàn họp phiên đặc biệt cử một phái đoàn gồm ba đồng chí gần gũi với Bác với sứ mạng cực kỳ khó khăn là thuyết phục cho được đức tính khiêm tốn vĩ đại của Bác. Phái đoàn đi rồi về. Kết quả còn chưa rõ. Bác hẹn hai giờ sẽ trả lời.

Mới một giờ rưỡi toàn thể Chủ tịch đoàn đã có mặt, hồi hộp đợi chờ. Đúng hai giờ Bác đến. Mọi người xôn xao, nhưng Bác chỉ nói vắn tắt cảm ơn Chủ tịch đoàn và xin ra trả lời chung trước Quốc hội. Rồi hình như đoán được nỗi lo âu của mọi người, Bác vừa đứng lên vừa nói thêm:

"Tôi không nhận mà cũng không từ chối".

Bác cùng các vị trong Chủ tịch đoàn bước ra hội trường.

Bác sẽ nói sao đây?

"Bác ơi, Bác hãy nhận đi cho toàn dân vui mừng". Câu này ghi trong bản kiến nghị của một vị nữ đại biểu, giờ đây trở thành điều mong ước của mọi người. Nó vang lên không phải bằng lời mà bằng sự rung động của hàng ngàn quả tim.

Bác vẫn bước đều đặn, tiến ra phía đài của Chủ tịch đoàn, mỗi bước đi hoà nhịp với hơi thở của toàn thể đại biểu và đồng bào, hoà nhịp với bản điệp khúc réo rắt khẩn thiết:

"Bác ơi, Bác hãy nhận đi cho toàn dân vui mừng".

Bác đã đứng giữa hội trường - Bác bắt đầu nói. Cả thời gian như lắng lại.

Lời Bác nói xuất phát từ một việc cụ thể là vấn đề Quốc hội tặng Huân chương Sao vàng cho Bác, nhưng phút chốc đã sớm vượt lên, bao quát phong trào cách mạng của cả nước và có ý nghĩa kết tinh nội dung tư tưởng của toàn bộ kỳ họp quan trọng này.

Dân tộc ta là một. Tổ quốc ta là một. Nhiệm vụ cách mạng ở hai miền vì thế mà quyện lấy nhau như hình với bóng, khăng khít nhau như môi với răng. Giữa không khí tưng bừng của cuộc thảo luận và biểu quyết về kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của sự

nghiệp to lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, lời của Bác vang lên:

"Trong khi miền Bắc ra sức thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội để ủng hộ miền Nam thì đồng bào miền Nam anh dũng chiến đấu để bảo vệ công cuộc xây dựng hoà bình ở miền Bắc. Cho nên nhân dân miền Bắc từng giờ từng phút nhớ đến đồng bào miền Nam".

Đặc biệt mấy chữ "Bảo vệ... miền Bắc" đã đi sâu vào tâm can của mỗi người có mặt hôm ấy. Còn lời nào xác đáng hơn đã xác định vị trí và chức năng của cách mạng miền Nam đối với miền Bắc, rõ ràng là vị trí của một tiền tuyến đối với hậu phương.

Lời của Bác như thúc giục chúng ta hỏi lại lòng mình:

Ta đã làm gì cho xứng đáng với tiền tuyến miền Nam, xứng đáng với Tiểu đội anh hùng Lê Quang Vịnh, với ngọn đuốc sống Thích Quảng Đức?

Liên hệ lại vấn đề "Huân chương" Bác nói:

"Tôi tự xét chưa có công huân xứng đáng với sự tặng thưởng cao quý của Quốc hội... Gần hai mươi năm hết đấu tranh chống thực dân Pháp lại đấu tranh chống Mỹ - Diệm, đồng bào miền Nam thật là những người con anh hùng của dân tộc anh hùng Việt Nam. Miền Nam thật xứng đáng với danh hiệu Thành đồng của Tổ quốc và xứng đáng được tặng Huân chương cao quý nhất".

Nhưng lịch sử khách quan đã chứng minh rằng Bác có một vai trò cực kỳ to lớn trong mọi thắng lợi của Đảng ta và nhân dân ta từ Nam chí Bắc. Bác là hiện thân của cái gì đẹp nhất, quý nhất của dân tộc. Hai mươi năm qua, chính hình ảnh của Bác, lời nói của Bác, tư tưởng của Bác đã vượt qua ngàn trùng sông núi đến với đồng bào miền Nam, sưởi ấm, soi sáng và động viên đồng bào từng bước tiến lên. Do đó làm thế nào tách được công huân của miền Nam ra khỏi công huân của Người đã hiến cái tên vẻ vang của mình cho thành phố Sài Gòn anh hùng?

Dường như thông cảm với lòng mong mỏi chân thành của Quốc hội, để thanh toán những nỗi chờ đợi bàng hoàng của đại biểu và đồng bào, Bác thốt lên những lời nói bất hủ:

"Chờ đến ngày Tổ quốc hoà bình, thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng vui mừng".

Thật là bất ngờ mà cũng là rất tự nhiên. Thật là kỳ diệu mà cũng thật là giản dị. Giản dị và tự nhiên như con người của Bác. Kỳ diệu và vĩ đại như sự nghiệp cách mạng của Bác.

Cả hội trường run lên trong niềm cảm xúc nghẹn ngào. Trên các hàng ghế, nhiều cái đầu gục xuống nức nở.

Thế là bằng một lời nói giản dị, ba vấn đề phức tạp khó khăn đồng thời được nêu ra và giải quyết gọn ghẽ hợp lý hợp tình:

- Bác nhận Huân chương thể theo ý muốn của Quốc hội.

- Nhưng với điều kiện là do đồng bào miền Nam trao lại, tức là bằng một cách gián tiếp Bác đề cao lên tột độ công lao của nhân dân miền Nam anh hùng.

- Và điều kiện trên chỉ có thể đảm bảo trong hoàn cảnh nước nhà thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà. Việc này nhất định sẽ thực hiện vì đó là ý chí sắt đá của 30 triệu đồng bào từ Mục Nam Quan đến Mũi Cà Mau.

Để củng cố thêm lòng tin tưởng của mọi người và chứng tỏ rằng Bác sẽ luôn luôn mạnh khoẻ để lãnh đạo toàn dân tiến bước vững chắc đến ngày trao tặng Huân chương lịch sử kia, Bác đã phóng tác mấy câu thơ:

Bảy mươi ba tuổi hãy còn xuân,
Sức lực còn nhiều phục vụ dân.

Thế là Quốc hội chịu phép. Lời Bác chí tình chí lý quá, không còn kèn cựa thêm bớt gì được; cả thái độ và lời phát biểu của Bác hôm ấy có ý nghĩa của một bản hoà tấu thần kỳ, trong

đó hai dòng nhạc hùng vĩ là con người Hồ Chí Minh và phong trào cách mạng miền Nam song song cuộn dậy để sau cùng hoà hợp nhau trong một cao trào tuyệt mỹ. Từ đây, trong tình cảm cách mạng của nhân dân ta xuất hiện thêm một mục tiêu phấn đấu cụ thể:

Ngày đồng bào miền Nam trao tặng Huân chương cho Bác Hồ.

Chúng ta ai lại không mong đợi cái ngày vui sướng đó. Nhưng mong ước không chưa đủ, còn phải nỗ lực phấn đấu cho ngày đó chóng đến.

Đồng bào miền Nam thân yêu của chúng ta đang vượt lên ghi công đầu!

Đồng bào miền Bắc đang rầm rộ tiến bước, biểu hiện những thành tích tốt đẹp trong dịp kỷ niệm ngày 20 tháng 7 năm nay.

Bác Hồ đang mỉm cười nhìn chúng ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm nghệ thuật toàn quốc tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam Yết Kiêu - Hà Nội (4/12/1955) cùng hoạ sĩ Trần Văn Cẩn, nhà thơ Tố Hữu...

Ảnh: Nguyễn Kim Côn - BTHCM

BÁC VÀ THƠ BÁC TRONG LÒNG ĐỒNG BÀO MIỀN NAM

HOÀI THANH

Năm 1954-1955, trong thời gian tập kết chuyển quân, Chính phủ và Mặt trận có cử cán bộ vào thăm hỏi đồng bào miền Nam. Tôi có được tham gia đoàn cán bộ ấy. Ở Khu V, chúng tôi đã đi từ Quy Nhơn đến Quán Lác trên bờ Nam sông Vệ. Ở Khu IX, chúng tôi đã đi từ Phụng Hiệp đến Chắc Băng rồi lại từ Chắc Băng đi Cà Mau, đi ra cửa sông Ông Đốc. Tuy là những vùng ở xa Thủ đô nhưng chúng tôi đã thấy khắp nơi đều có Bác. Chúng tôi đã được chứng kiến bao nhiêu biểu hiện cảm động của mối tình đối với Bác và Trung ương.

Một hôm, chúng tôi đến thăm một xã vùng Cà Mau. Ca nô chúng tôi đi giữa kênh. Đồng bào đứng trên hai bờ kênh hoan hô. Từng đoàn thiếu nhi nhảy múa, tung khăn đỏ lên chào. Có tiếng gọi với: "Bác có khoẻ không?". Chúng tôi đứng cả lên đầu mũi ca nô giơ mũ vẫy chào. Và cứ đứng vẫy chào như thế trên hàng chục cây số. Có cụ già thấy hoan hô chưa đủ, vừa nhảy lên vừa vỗ tay, chòm râu bạc phất phơ. Từng đoàn trẻ em chạy theo chúng tôi hai bờ kênh. Trẻ em chạy rồi người lớn cũng chạy. Có người mang cả trống chạy theo. Gặp rạch nước, không có cầu, cứ thế cả đoàn người lội phăng xuống, ướt đến bụng. Luôn luôn dẫn đầu là một em bé khoảng mười một, mười hai tuổi, mặc quần cộc đen, tay cầm hoa râm bụt đỏ.

Càng đến gần địa điểm, tiếng hoan hô và tiếng trống càng dồn dập. Chuông nhà thờ cũng rung lên sang sảng. Trên bờ kênh, gió thổi. Những hàng dừa, hàng chuối lung lay.

Chúng tôi đến nơi, các em thiếu nhi trong xóm ca múa tặng hoa. Các chị thanh nữ người Hoa múa ương ca chào đón. Chúng tôi đứng trên một chỗ cao. Anh Trần Huy Liệu, Trưởng đoàn, báo cáo sức khoẻ của Bác. Cả biển người rạo lên. Tiếng vỗ tay kéo dài không biết đến mấy phút. Tôi nhìn chung quanh, em bé cầm hoa râm bụt đỏ đã ngồi gọn dưới chân chúng tôi.

Lại một hôm trên một cái bãi trống ở Phù Mỹ, chúng tôi đang nói thì trời mưa. Nhưng chúng tôi vẫn nói và đồng bào vẫn nghe. Tôi để ý có một ông già mù suốt thời gian chúng tôi nói mắt vẫn không ngớt hướng về chúng tôi.

Lúc này là lúc ở những vùng đối phương đã tiếp quản, bọn Diệm đang ra sức khủng bố, chém giết. Nghĩ đến cảnh nay mai phải sống dưới ách của địch, làm sao cho khỏi băn khoăn lo lắng. Nhưng lo mà vẫn tin. Mỗi lần tiễn đưa, trong lòng chúng tôi cũng như trong lòng đồng bào thật là xôn xao, khó nói. Nhớ thương có, quyến luyến có, phấn khởi có, quyết tâm có, không biết nói với nhau thế nào cho hết. Những lúc đó chỉ còn có một cách là cùng nhau hô Hồ Chủ tịch muôn năm! Chỉ những tiếng hô ấy mới nói hết được những điều chúng tôi muốn nói.

*

* *

Vừa rồi, sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, tôi lại được vào Nam. Bao nhiêu đồn thù đều đã bị quét sạch. Chúng tôi đi như trong một giấc mơ. Mấy câu thơ Nguyễn Tư Giản quê ở miền Bắc tặng Nguyễn Thông quê ở miền Nam ngót trăm năm trước ngân nga trong trí chúng tôi:

Bao giờ Bến Nghé lại trong
Cho dòng sông Nhị vang lừng hát ca
Cưỡi thuyền lên tận Ngân Hà
Mênh mông biển lặng trăng ngà ngắm chơi.

(Lời dịch của Bảo Định Giang)

Nhưng trên đường đi thỉnh thoảng tôi không khỏi băn khoăn: không biết ông già mù ở Phù Mỹ cùng em bé cầm hoa

râm bụt ở Cà Mau và bao nhiêu người thân yêu khác nữa giờ đây ra sao? Ai còn? Ai mất? Nhất là chúng tôi cứ nghĩ: giá chúng ta toàn thắng sớm hơn một tí, trước ngày Bác đi xa! Nghĩ thế bỗng thương tiếc ngẩn ngơ.

Tết cuối cùng, trước lúc đi xa, Bác có nói:

Tiến lên chiến sĩ, đồng bào
Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn!

Đúng là không vui nào bằng vui Bắc Nam sum họp. Nhưng trong niềm vui lớn ấy không phải không có lúc len vào những tâm tư này nọ. Bởi trong một thời gian dài dằng dặc, bao nhiêu chuyện đã xảy ra nhất là dưới sức o ép của quân thù. Một anh bạn miền Nam tập kết ra Bắc nay trở về làng gặp bà con xóm giềng. Anh thấy vui thì rất vui nhưng không phải không có phần ngỡ ngàng... Một chị làm nghệ thuật ở Sài Gòn tâm sự cùng với anh chị em cùng nghề: thực không sao nói hết được những khó khăn, những tủi cực phải vượt qua để hôm nay có thể nhìn nhau mà không đến nỗi ngượng.

Nhưng vô luận ở đâu, cứ nói đến Bác, đến quê Bác, đến những ngôi nhà của Bác, cứ nhắc lại một vài câu nói, cứ kể lại một vài câu chuyện về Bác là liền tạo nên một sự chan hoà, một sự cảm thông sâu sắc. Riêng tôi lần này lại có cái may mắn lớn là được cùng cô Lệ Quyên, người ngâm thơ và chị Lệ Minh người đệm đàn đi nói thơ Bác với đồng bào, đồng chí miền Nam.

Chúng tôi đã đi nhiều nơi từ Đông Hà, đến Huế, đến Sài Gòn, đến Cà Mau. Thật không ngờ chúng tôi lại có thể đưa thơ Bác đến sớm như vậy, đàng hoàng như vậy ở những nơi như Mang Cá, như các sân bay, như căn cứ Sóng Thần, căn cứ Đồng Tâm, những nơi chỉ mấy tuần trước thôi còn là sào huyệt của địch.

Tôi có bình luận, có phân tích chút ít nhưng chủ yếu là làm cái việc đọc thơ Bác để bà con cùng nghe. Chỉ cần nghe đọc và, tiếp đó, nghe ngâm là qua lời thơ của Bác mọi người như được trông thấy Bác hiền hoà và linh hoạt, rất giản dị mà đẹp tuyệt vời.

Mọi người như được nghe giọng nói âu yếm của Bác hứa với các em từ thời Pác Bó:

Bao giờ đuổi hết Nhật Tây
Trẻ em ta sẽ là bầy con cưng;

được nghe tiếng cười vui của Bác đùa với cảnh sống cay cực ở trong tù qua bài thơ về ghẻ:

Đầy mình đỏ tím như hoa gấm
Sột soạt luôn tay tựa gẩy đàn
Mặc gấm bạn tù đều khách quý
Gẩy đàn trong ngục thảy tri âm;

được chứng kiến một cảnh ít có, là cảnh Bác trò chuyện với trăng trong rừng Việt Bắc:

Trăng vào cửa sổ đòi thơ
- Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau.

Đi đến đâu chúng tôi cũng thấy có một sự thiết tha lớn muốn được nghe thơ Bác. Có thể lúc đầu bà con ta muốn nghe thơ Bác chủ yếu là vì Bác, chưa phải vì thơ. Nhưng càng nghe càng thấy thơ Bác quả thật rất hay và hay nhất là ở chỗ rất nhẹ nhàng, rất tự nhiên, thơ đưa ta vào một thế giới quen thuộc, gần gũi mà trong sáng, cao đẹp, đầm ấm vô cùng.

Không phải chỉ có một số người thấy như thế, mà gần như mọi người nghe thơ đều thấy như thế. Từ anh cán bộ, anh chiến sĩ quân đội nhân dân vừa xông pha lửa đạn giải phóng quê hương, anh cán bộ Đảng ở Củ Chi dã bao nhiêu năm quần nhau với giặc, anh công nhân Ba Son đến các em học sinh phổ thông và đại học, các anh chị em trí thức, các anh chị em giáo viên trong đó có không ít những nhà tu hành đạo Gia tô và đạo Phật làm nghề dạy học, tất cả đều thấy mình có thể dễ dàng đi theo lời thơ mà bước vào thế giới riêng của Bác. Nhưng người nghe thơ và cả người nói thơ lại cũng đều thấy thế giới này có đi mãi vẫn không cùng. Vì thơ Bác hết sức dễ hiểu mà lại rất sâu.

Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình.

Hương hoa bay thấu vào trong ngục,
Kể với tù nhân nỗi bất bình.

Nỗi niềm của một bông hoa quý bị bỏ quên! Bao nhiêu bông hoa quý bị bỏ quên trong trời đất! Nhất là khi trời đất chưa phải là trời đất của các loài hoa và hương hoa còn phải bay vào trong tù để tìm bạn. Làm sao thấy hết được chiều sâu của một bài thơ như vậy? Chiều sâu của một cái nhìn, một tấm lòng tinh tế, chi ly mà bao la như trời biển.

Có người nói: Phải là người cách mạng mới thấy được cái hay của văn thơ cách mạng. Nhưng người ta cũng có thể nghĩ văn thơ cách mạng thường có sức nhen ngọn lửa thiêng ngay trong lòng những người chưa phải là người cách mạng. Có hôm nhìn những em học sinh sau khi nghe thơ Bác trên đường về tíu tít trò chuyện với nhau, tôi bỗng nghĩ biết đâu trong đó không có những trái tim đang bừng lên nắng hạ. Y như trong trái tim em học sinh Tố Hữu ba mươi mấy năm xưa. Cho nên chúng tôi càng tiếc chưa đi được nhiều hơn và sâu hơn nữa.

Có thể nói trong muôn một chúng tôi đã góp phần đưa thơ Bác đến với một số đồng bào đồng chí ở miền Nam. Nhưng đồng thời chúng tôi cũng thấy mình được bồi dưỡng rất nhiều. Mỗi lần trông thấy những nét mặt rạng rỡ tươi vui, những nét mặt bồi hồi xúc động, những ánh mắt long lanh trong khi nghe thơ Bác, chúng tôi phấn khởi vô cùng. Thì ra cái phần đúng, cái phần trong, cái phần đẹp, cũng có thể nói là cái phần của Bác trong tâm hồn anh chị em ta, kể cả những anh chị em từ những góc trời xa vừa mới trở về đoàn tụ, cái phần ấy vẫn rất lớn.

Chẳng những thế, anh chị em còn giúp cho chúng tôi càng thêm hiểu Bác. Ví như khi nói đến bài thơ:

Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh
Lủng lẳng chân treo tựa giảo hình
Làng xóm ven sông đông đúc thế
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh

thường tôi chỉ nhấn cái ý này: cái tư thế bình tĩnh ung dung của Bác trong bài thơ có thể nói đã đạt đến mức phi thường, mà bài thơ lại chỉ kể lại câu chuyện một cách bình thường và bình dị. Nhưng nhiều anh chị em lại nghe bài thơ này và nhiều bài thơ khác viết trong tù một cách khác. Anh chị em vẫn biết cuộc đời của Bác nhiều gian khổ, nhưng thường thì chưa hình dung được cụ thể gian khổ như thế nào. Anh chị em không ngờ Bác Hồ muôn kính ngàn yêu của chúng ta lại bị đày đoạ đến mức ấy. Nhiều anh chị em vừa nghe thơ vừa rưng rưng nước mắt. Chính do sự xúc động của anh chị em mà thơ Bác chúng tôi hiểu thêm sâu, hình ảnh Bác chúng tôi thấy thêm sinh động, và tấm lòng của Bác, bàn tay dìu dắt của Bác càng thêm gần gũi, thêm ấm áp với chúng ta trong khi chúng ta đang ra sức làm theo lời Bác.

BÀI HỌC HỒ CHÍ MINH

THIẾU SƠN

Cách đây tới 10 năm, tôi có viết trên báo *Thần chung* ở Sài Gòn một loạt bài về một số nhân vật mà tôi đã theo dõi từ thời Pháp thuộc qua Cách mạng tháng Tám và suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Tôi đề cao những ai đã hưởng ứng cách mạng, tham gia kháng chiến và giữ tròn tiết tháo nếu phải sống trong vùng kiểm soát của thực dân và phê bình nghiêm khắc những kẻ không làm được như thế. Tôi nhớ là tôi viết mấy chục bài về nhiều nhân vật trong đó có những bài về Nguyễn Văn Tố, Thái Văn Lung, Lưu Văn Lang, v.v.. Trong khi ấy, tôi nhận được một bức thư của một độc giả vô danh viết tới toà soạn hỏi tôi đại khái như sau: *"Ông Thiếu Sơn đã cho chúng tôi rất nhiều bài học nhưng tôi ao ước được thấy* ***Bài học Hồ Chí Minh****"*.

Nhưng *Bài học Hồ Chí Minh* thật quả không thể nào viết được ở Sài Gòn, có viết thì báo cũng không dám đăng. Nếu đăng ra thì chẳng những tác giả lại vào tù phen nữa và anh bạn Nam Đinh của tôi cũng không tránh khỏi vạ lây.

Hơn nữa, đề tài lớn quá, vì Cụ là kết tinh những truyền thống tốt đẹp nhứt của dân tộc và thời đại, tôi không đủ tài trí thấu triệt trong một bài báo.

Nhưng nghĩ cho kỹ thì tất cả các bài học tôi đã viết đều có hình bóng vị Cha già dân tộc. Những nhân vật tôi đề cao đều có liên quan tới cách mạng, tới kháng chiến và tất nhiên đều dưới quyền lãnh đạo trực tiếp hay gián tiếp của Cụ Hồ. Cụ đã mở mắt, mở lòng cho những người đã làm việc cho Tây, đã vô dân Pháp

mà cũng biết trở về với dân tộc, hy sinh danh lợi, hy sinh xương máu để không hổ thẹn với non sông.

Cách mạng tháng Tám là do Cụ tạo nên. Kháng chiến chống Pháp là do Cụ tổ chức. Chiến thắng Điện Biên Phủ là một trong những chiến thắng oanh liệt nhứt trong lịch sử Việt Nam, vật ngã một cường quốc như Pháp là một kỳ công. Đương đầu với một siêu cường quốc như Mỹ thật là kỳ diệu.

Đồng bào ở khu giải phóng công khai tôn thờ Cụ. Nhưng đồng bào ở vùng tạm chiếm cũng âm thầm nuốt lệ khi nghe tin Cụ qua đời. Lúc đó ở Sài Gòn cũng có một vài nhà báo dám công khai thương tiếc một người đã làm vinh dự cho dân tộc. Riêng phần tôi không dám ho he một tiếng nào, biết rằng người ta nói được mà mình nói ra là mang vạ vào thân.

Cố nhiên tôi không dám treo ảnh Cụ Hồ ở nhà tôi tại Sài Gòn, nhưng trong tủ sách tôi có số tạp chí *Regards* ở ngoài bìa có in hình Cụ đẹp lắm. Tạp chí đó đã có lần bán công khai ở Sài Gòn. Nhưng ngày 29-2-1972, cảnh sát đem giấy biện lý tới xét nhà tôi, đã tịch thu sách này mà họ cho là bất hợp pháp. Tôi cãi với họ không được. Họ cứ điệu tôi ra xe và đưa về tổng nha rồi giữ tôi hơn 2 năm tù cho tới ngày trao trả. Nói cho công bằng, không phải chỉ vì tấm ảnh Bác Hồ mà họ kết tội tôi. Họ còn kết tôi đủ thứ tội và nặng nhứt là tội phản nghịch.

Tới sân bay Lộc Ninh, giữa một số đông đồng bào tiếp đón tôi, tôi thấy rất nhiều hình của Cụ, lại nhớ tới số tạp chí *Regards* bị tịch thu với tấm hình vị Cha già của dân tộc mà tôi đã cất giữ cả mấy năm trời.

Huy Cận đã viết:

Bác Hồ ơi!
Chẳng có bao giờ vắng Bác
Bác là mặt trời mỗi sáng mọc lên
Bác là mặt trăng mỗi đêm dịu mát

Bác là biển sông muôn trùng dào dạt
Ôm quê hương trong chan chứa tình thương

Huy Cận còn viết:

Việt Nam - Hồ Chí Minh
Tiếng gọi Bác chuyển rền lưng trái đất
Từ Á, Âu, Phi đến Mỹ La tinh...

Hồ Chí Minh là nghĩa lớn, là ngọn cờ, là hiệu lệnh điểm những giờ chiến đấu...

Huy Cận nói đúng. *Bài học Hồ Chí Minh* không phải là bài học riêng cho dân tộc Việt Nam mà là chung cho nhân dân thế giới, nhứt là nhân dân bị áp bức. Chính nhờ bài học đó mà nhiều dân tộc đã thoát khỏi ách nô lệ của thực dân. Nhưng Huy Cận chưa nói hết. Bài học Hồ Chí Minh còn ảnh hưởng ngay tới những đầu óc thực dân hạng bự. Điển hình là tướng Degaulle. Khi ông tuyên bố ở Brazaville về Đông Dương thì ông có khác gì mấy chú thực dân khác. Nhưng sau Điện Biên Phủ, sau Hiệp định Geneve, ông đã thay đổi một cách rõ rệt. Ông đã chấm dứt cuộc chiến tranh thuộc địa An-giê-ri và đã công khai tuyên bố giải thực một cách thành khẩn rõ ràng. Ông còn rút ra khỏi minh ước Bắc Đại Tây Dương, liên phòng Đông Nam Á và chỉ trích cuộc chiến tranh nhơ bẩn của Mỹ ở Đông Dương. Ông làm cho Mỹ chới với, mới đầu còn giận dữ, sau phải làm hoà và rốt cuộc phải năn nỉ ông giúp kế hoạch để thoát khỏi vũng lầy ở Đông Dương.

Tôi thích đọc tiểu sử của những bậc vĩ nhân và tôi lấy làm hãnh diện là dân tộc nhỏ bé như dân tộc mình lại sản sinh ra một nhân vật vĩ đại như thế. Hồi tôi kháng chiến ở Nam Bộ, tôi có gặp được một cụ tú già trên 80 tuổi. Cụ đã làm cho tôi một câu đối mà nay tôi chỉ còn nhớ được một vế:

Chí thành, chí thành, chí Minh, thiên hạ anh hùng vô đối thủ.

Cố nhiên ta phải nhìn nhận rằng trong thế giới còn có lắm vị anh hùng được sánh ngang hàng với Hồ Chủ tịch. Nhưng chưa

có một dân tộc nhỏ bé nào như dân tộc Việt Nam mà sản sinh được một người anh hùng như Cụ.

Có những bực tiền bối đã làm quốc sự nhưng không thành công. Đơn cử hai cụ Phan ở thời cận đại. Cụ Phan Tây Hồ đả kích một cách hăng say cái triều đình thối nát ở Huế nhưng cụ lại viết thơ cho toàn quyền Beau muốn dựa vào Pháp để thủ tiêu cái triều đình đó. Giả thiết như Pháp nghe theo lời cụ thì rồi Pháp có chịu rút khỏi Việt Nam mà trả lại độc lập cho ta hay không?

Cụ Phan Sào Nam bôn ba hải ngoại muốn nhờ quân lực ngoại quốc giải phóng cho ta nhưng cụ lại ỷ lại vào những nước tư bản. Kết quả là tư bản cấu kết với tư bản làm cho phong trào Đông Du tan rã và rồi cụ phải thất bại một cách đau thương.

Lòng yêu nước của các bậc tiền bối đó cố nhiên đã tài bồi cho người đi sau. Nhưng Cụ Hồ đã rút kinh nghiệm của những người đi trước mà tránh khỏi được những lầm lạc của các bậc nói trên. Cụ lấy căn bản là nhân dân trong nước, không đồng minh với những chánh phủ tư bản mà đồng minh với nhân dân bị áp bức trên thế giới. Cụ xây dựng một số cán bộ trung kiên ở trong nước và liên kết với một số đồng chí đáng tin cậy ở ngoài nước. Nhờ đó mà Cụ thành công. Cụ ít sai lầm vì có làm việc tập thể và tin tưởng vào nhân dân, nhứt là nhân dân lao động, công nhân và nông dân. Cụ thấy xa, biết rộng từ bỏ những cơ hội may mắn nhứt thời và chấp nhận mọi khó khăn đã đạt tới mục đích.

Degaulle là một anh hùng cứu quốc của Pháp nhưng chính nhờ *Bài học Hồ Chí Minh* mà ông mới có những ý kiến tốt đẹp lúc về già. Ông chết năm 79 tuổi, cũng được thế giới coi là một bậc vĩ nhân. Nhưng so sánh với Hồ Chí Minh, xuất thân từ một cậu bé nhà quê ở một nước nô lệ làm đủ nghề để độ nhựt và để xuất ngoại, suốt đời lo cho nước cho dân, chịu nhiều hy sinh gian khổ để đạt thành hoài bão - thì tướng Degaulle còn thua xa Cụ Hồ của chúng ta.

Cụ Hồ cũng qua đời năm 79 tuổi. Định mạng muốn rằng tuổi 79 là tuổi thọ của vĩ nhân. Nhưng trong số vĩ nhân trên thế giới, tôi nghĩ rằng Hồ Chủ tịch phải là người được nhân dân thế giới khâm phục và kính thương hơn hết. Những kẻ bị áp bức nhờ Cụ mà thấy rõ cảnh cá chậu chim lồng và phải tranh đấu để được tự do độc lập. Những kẻ đi áp bức người ta cũng thấy ghê tởm về hành động của mình mà biết tôn trọng công lý và lẽ phải.

Bài học Hồ Chí Minh không phải chỉ bổ ích cho mỗi người trong chúng ta. Bài học đó còn bổ ích cho toàn dân thiên hạ.

NHỚ BÁC HỒ *(Trích)*

PHẠM HUY THÔNG

"Là lãnh tụ, là thầy, là cha". Đó là tình cảm của tôi, của thế hệ chúng ta ngày nay đối với Bác Hồ. Như thế hệ Bác Hồ đã nói lên như vậy tình cảm của mình đối với Lê-nin thân thiết và vĩ đại.

May mắn hơn Bác đối với Lê-nin, tôi đã được gần Bác. Lần đầu tiên được gặp, đã được gần ngay. Trước ngày Bác trở lại Pa-ri, lần này với tư cách một nguyên thủ quốc gia, tôi được Thủ tướng Phạm Văn Đồng, bấy giờ đứng đầu phái đoàn nước ta dự Hội nghị Việt Pháp Phông-ten-nơ-blô, giao cho nhiệm vụ làm thư ký riêng cho Bác.

Tôi được gần Bác không lâu. Nhưng đó là những ngày chẳng bao giờ phai kỷ niệm. Bác giao cho tôi tiếp khách, chuẩn bị văn kiện.

Khách tôi tiếp đầu tiên là nữ ký giả Phrăng-xoa-dơ Co-re-dơ, báo *Nhân đạo*. Đó là ngay trước buổi họp báo chí đầu tiên của Bác, ở khách sạn Roay-an Mông-xô. Với lý do thông báo mục đích hội nghị sắp họp, Bác muốn đặt trước lương tri nhân dân Pháp và thế giới niềm gắn bó thiết tha của Nam Bộ với Tổ quốc Việt Nam, tình cảm thắm thiết của toàn dân ta với Nam Bộ ruột thịt. Chính trong buổi họp báo này, Người đã ngừng đọc bài phát biểu đã chuẩn bị sẵn, thốt lên thống thiết: "Nam Bộ là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam". Chị Co-re-dơ xin được gặp Bác trước khi họp, và tôi đã mời chị đến dùng điểm tâm với Bác và tôi. Nhà báo cảm tạ Bác đã ân cần soi sáng nhiều vấn đề, và hỏi Bác cho phép được nói những gì và thế nào.

- Cô hãy tự lượng mình là người của báo *Nhân đạo* - Bác nói - mà viết bài. Chỉ có điều là cô hiểu thế nào thì viết rằng mình hiểu thế, chứ không viết là mình nghe thấy thế.

Cuộc họp báo khi vãn, nhân trên bàn có mấy bông hồng, Bác đứng dậy tặng chị một bông vì là nhà báo nữ. Tuần báo *Con mắt nhìn (Regard)* đã đăng tấm hình với lời chú thích hóm hỉnh: Bốn mươi năm dấu tranh cách mạng mà vẫn lịch thiệp như thường!

Hơn hai mươi năm sau, tôi xúc động được tin khi Bác mất, nhà thơ Phrăng-xoa-dơ Co-re-dơ đã ôm một bó hoa hồng đến trước ảnh Bác ở Đại sứ quán ta tại Pa-ri mà khóc.

Một điều tôi rất tự hào, là trong những năm trước khi được gặp Bác, viết trang nói về lịch sử phong trào yêu nước, tôi không tin cái tin phao đồn rằng sau khi thoát khỏi Hương Cảng, Bác đã mắc bệnh lao mà mất. Tôi trình bày: Thực dân Pháp nói thế, nhưng người Việt Nam "không nỡ tin". Không nỡ, vì thương Bác; không nỡ, cũng vì thương dân tộc... Tò mò và chưa có ý thức chính trị nhiều, tôi đã nghe anh chị em xui, và, một buổi nọ, hỏi Bác về Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc. Bác mỉm cười: "Các chú hỏi ông Nguyễn Ái Quốc, chứ tôi biết đâu mà nói!". Mọi người đều cười, và không ai dám hỏi thêm nữa. Thật ra nghe cách Bác nói chuyện với chiến sĩ lão thành Pháp, thấy ít lâu sau Bác đi bộ một sáng sớm đến thăm hẻm Công-poăng, chúng tôi không nghi ngờ gì mấy nữa về điều mình nghĩ!

Được Bác bình luận và sửa chữa những văn bản chuẩn bị, tôi học được thêm nhiều điều. Ngay sau khi xem văn bản đầu tiên tôi chuẩn bị, Bác chê: "Chú viết văn Pháp, xem ra bóng bẩy, tế nhị đấy. Thế nhưng đây là một bài nói. Chú có định cho người ta kịp nghe, kịp hiểu không, mà viết câu dài hàng ki-lô-mét thế này?".

Có lần tôi nói về mấy khẩu hiệu quốc gia Pháp: Tự do, bình đẳng, bác ái. Bác bình luận: "Nêu vậy là vừa đúng, vừa hợp đối tượng. Cách mạng 1789 của Pháp đối với lúc bấy giờ là lớn lắm. Nhưng đó là đối với lúc bấy giờ".

Một anh em đứng bên so sánh nội dung đạo lý khẩu hiệu ta, khẩu hiệu Pháp. Tôi thấm thía mãi lời Bác: "Ta đâu chọn khẩu hiệu để cũng có như người, hoặc để hay hơn người! Khẩu hiệu của ta hợp với ta lúc này là: Độc lập, tự do, hạnh phúc".

Từ ấy càng rõ trong tôi đó là những điều ham muốn thiết tha của Người đối với nhân dân.

Một lần khác, tôi nói về tính dân chủ trong xã hội ta xưa: ruộng công tương trợ, chú bé chăn trâu thi đỗ làm quan. Bác lưu ý tôi: "Nhân dân ta có những truyền thống tốt đẹp, nhưng cuộc sống phong kiến không thơ mộng thế. Hãy nhớ Phạm Quỳnh tán dương quốc hồn quốc tuý, nhớ toàn quyền Pa-xki-ê ca ngợi An Nam xưa. Để làm gì? Trong khi cách mạng đòi hỏi cuộc sống phải hoàn toàn đổi mới thì chúng lại bảo cuộc sống cổ truyền ở Huế, ở thôn xóm, êm đềm thế, cần đi đâu tìm cái mới nào?".

Từ viết văn đến nhận thức, tôi đã học được nhiều. Tuy cần nói rõ, như mọi trí thức học dưới mái trường Pháp, tôi đâu dễ nghe ai khuyên nhủ! Nhưng với tình cảm sẵn có với Bác, với phấn khởi được sống bên Bác một thời gian, với cách nói năng ôn tồn và thấm sâu của Bác, tôi đã từng bước, từng bước sang một thế giới mới... Đã chói lói tim tôi một "mặt trời chân lý"!

5-1977

NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG QUÊN VỀ BÁC *(Trích)*

HOÀNG VĂN BỔN

CHỤP ẢNH BÁC

Trận bóng đá quốc tế tại sân Hàng Đẫy năm ấy rất đông. Cầm vé trong tay cũng không sao len vào được. Tôi cố vào mấy lần, đều bị bật ra, ngã dúi vào một anh bộ đội có tuổi mồ hôi đầy người, làm chiếc máy ảnh của anh bị bật văng xuống đất, tôi vội vàng cúi xuống lượm lên.

- Ủa, mày đó hả. Chú mày giỏi, tao khen – Anh Hưng, nhiếp ảnh báo *Quân đội* lau mồ hôi đón chiếc máy ảnh lấm đất, rồi nhờ tôi mở đường tiến vào cổng.

Tôi thì mở đường cái khỉ mốc, nhưng nhờ cái giọng Nam Bộ của hai chúng tôi, người xem cũng nể tình chút ít.

Vào được đến trong sân, anh Hưng già khệ nệ ngắm nghía qua máy ảnh, không buồn lau mồ hôi khắp người. Còn tôi, tôi phải lủi tìm tổ quay phim Quân đội của tôi. Trận ấy, tổ làm phim chúng tôi có nhiệm vụ làm một bộ phim nhỏ để tuyên truyền. Tôi len mãi mới gặp được cậu trung uý quay phim đang loay hoay trước khán đài.

Ngước nhìn lên tôi thấy Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngồi cạnh một ông già đội mũ cối, mảnh khăn che gần kín mặt.

Tôi và cậu quay phim chen lấn vào gần Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhưng hai, ba người mặc thường phục kiên quyết xô chúng tôi bật ra.

May quá, ông nhiếp ảnh già Hưng của chúng tôi xuất hiện. Tôi bảo cậu quay phim yên tâm, thế nào ông Hưng cũng mở được đường tiếp cận Thủ tướng Phạm Văn Đồng và các cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước để mình quay phim.

Anh Hưng già sửa lại đôi quân hàm trung uý, thở è è mồ hôi như tắm, khệnh khạng, ngắm ngắm, nghía nghía hướng Thủ tướng Phạm Văn Đồng và cụ già ngồi cạnh, bò xổm vào, tư thế như con ếch khổng lồ. Sau anh, chúng tôi cũng tư thế ấy, bò theo anh...

Đang bò lổm ngổm, bỗng anh đưa tay phải đập mạnh sau lưng, phát âm đúng giọng "Anh Hai Nam Kỳ":

- Làm gì kỳ cục dậy? Có để yên cho người ta làm nhiệm vụ không tía? - Thế rồi vẫn lổm ngổm bò xổm vào, che khuất mọi người.

Lại có cánh tay túm áo anh lôi lại... Anh lại đưa tay gạt phắt phía sau lưng, gắt toáng lên:

- Giỡn hoài, cha nội, người ta đang làm nhiệm vụ quan trọng... Lần này, hai cánh tay túm áo anh rất chặt, lôi tuột ra sau. Anh quay phắt lại, vung tay, quát lớn:

- Bảo vệ hả? Với thằng Hưng già này mà cũng... Muốn chơi nhau hả ? Được. Để tao chụp Bác Hồ của tao hai kiểu, rồi ra ngoài kia, cởi áo chơi nhau, chết ai nấy chịu...

Cậu quay phim hướng ngay máy quay về phía ông cụ già cuốn khăn gần kín mặt ngồi cạnh Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Máy quay phim có gắn tê lê. Còn máy ảnh của ông Hưng làm gì có bộ phận ấy. Ông điên tiết, quay lại cà khịa chúng tôi:

- Dạt ra, đừng ỷ máy móc tân kỳ, ăn cướp cảnh này của tao. Ở sông Cấm, tao chịu thua hai lần rồi...

Nhiều người xung quanh cười khoái trá vì lời nói, hành động ngô ngộ của ông trung uý già nhiếp ảnh Nam Kỳ. Mặc, ai cười cứ cười, các đồng chí bảo vệ vẫn nắm chặt lưng áo ông trung uý già mồ hôi đầy mình, mặt nhăn như bị, bò lổm ngổm tìm

cách xông vào. Nhưng, cụ già ngồi cạnh Thủ tướng Phạm Văn Đồng biến đâu mất. Trung uý nhiếp ảnh già nổi khùng, không thèm lau mồ hôi dính chùm dưới da cổ đỏ như gà chọi, cáu gắt um lên:

- Nhiệm vụ số một của tao bữa nay do Toà soạn báo *Quân đội* giao, coi như phèo.

Lại có ai đó nắm áo ông, giật giật. Đang ức, ông trung uý già quờ tay phảy ra sau quát lớn:

- Bỏ ra, cha nội, làm khổ người ta hoài, làm tiêu nhiệm vụ số một của người ta, còn giật giật hoài...

Và, ông trung uý già quay phắt lại theo linh tính nào đó, bỗng ông la lớn:

- Bác, Bác Hồ muôn năm !...

Chúng tôi cũng reo theo, vừa reo vừa quay nhanh cảnh Bác tươi cười, ngồi ung dung giữa các cụ già, trẻ em quanh đấy. Ông trung uý già nhảy cà tưng một lúc, chợt nhớ ra, vội đưa cao chiếc máy ảnh bấm lia lịa.

Bác tươi cười hỏi:

- Hoàn thành nhiệm vụ số một của Toà soạn chưa, chú Hưng? Ông trung uý già xúc động quá, lúng túng:

- Dạ thưa Bác, chụp chưa đã lắm... Bác cho cháu chụp một kiểu đặc biệt gửi về Nam.

Bác Hồ không cười, sửa lại cổ áo ka ki, kéo mảnh khăn che mặt để bộ râu bạc bay theo gió, kéo nhẹ một cháu bé gần đấy vào lòng cho ông trung uý già hoàn thành "nhiệm vụ số một" của ông.

Tất nhiên máy quay phim của chúng tôi đã quay gọn cảnh xúc động ấy. Ngậm điếu thuốc lá thơm từ tay Bác, ông trung uý già nhảy cà tưng như trẻ thơ mồ hôi rơi lộp độp xuống sàn gỗ khán đài.

Bác đã biến vào đám đông từ lúc nào, ông trung uý già mới la lên:

- Trời đất, tôi quên cám ơn Bác rồi... Tui quên...

CÁC CHÁU ĐỪNG LÀM THẾ

Đi làm phim chiến trường hai tháng, về dựng tại xưởng gần tháng, vẫn cay đắng vì một cảnh quan trọng về một chiến sĩ bắn tỉa nổi tiếng ở mặt trận Cồn Tiên. Đã quay được nhiều cảnh lính Mỹ bị trúng đạn, cũng xa xa thôi, nhưng chiếu lên, vẫn không thấy rõ. Vẫn muốn cho người xem nhìn rõ một tên lính Mỹ bị anh chiến sĩ bắn tỉa hạ ngon lành tại trận.

Bàn bạc mãi, đành bấm bụng bí mật dẫn nhau lên Sơn Tây. Cậu Dũng xung phong làm tên lính Mỹ bị bắn ngã lộn nhào... Suốt một buổi sáng, quần quật như trâu lăn, cậu Dũng nhào lộn đến rách cả đít quần…

Được lệnh vào chiếu duyệt tại Phủ Chủ tịch, chúng tôi hí hửng và lo sợ. Quả thật là chúng tôi không muốn chiếu cho Bác xem cảnh ấy. Tâm tư rất lạ: Nói dối Bác là có tội, là điều không nên... Tranh luận mãi, cuối cùng, có đồng chí tắc lưỡi: Đành liều.

Buổi chiếu duyệt ấy, rất đông cán bộ lãnh đạo cấp cao dự.

Chúng tôi lấm lét liếc chừng Bác theo từng thước phim ráp chạy xè xè, theo từng hình ảnh loang loáng trên màn ảnh. Mồ hôi ướt đầm mặt mũi chúng tôi.

Cái cảnh khốn khổ ấy chạy qua màn bạc lúc nào, chúng tôi không hay biết. Bỗng có một bàn tay khều nhẹ vào vai tôi: Bác.

Giọng Bác ấm áp, nho nhỏ:

- Lần sau, các cháu đừng làm thế nữa...

Chúng tôi đã hiểu tất cả. Nhưng vì quá bàng hoàng xúc động nên cứ ngơ ngơ ngác ngác. Bác lại ôn tồn:

- Các cháu lau mồ hôi đi. Quay được những thước phim thế này, tốt lắm, dũng cảm lắm. Đừng để những thước phim "bắn tỉa" như thế làm mất lòng tin của đồng bào khi được xem các cảnh anh hùng của chiến sĩ, đồng bào ta mà các cháu đã quay thật.

Bác mỉm cười:

- Không thể nào cùng một cảnh, một khung hình mà các cháu quay rõ được người bắn tỉa và kẻ bị bắn tỉa, tất cả đều rõ như thế...

Tất nhiên, cảnh ấy đã được chúng tôi tháo ra khi về xưởng. Sức mạnh của phim tài liệu nghệ thuật là ở tính chân thật. Gần mấy trăm bộ phim về sau của chúng tôi, chúng tôi không sao quên được lời dặn của Bác.

TIẾNG BÁC TRÊN TRẬN ĐỊA

Cứ khoảng 15 phút lại một lần báo động. Chỉ kịp nghe tiếng các pháo thủ cao xạ phòng không hai đầu cầu Hàm Rồng thét "tiêu", tiếng nòng pháo quay vo vo và tiếng chiến sĩ quan trắc 3 ĐH dõng dạc đếm "Năm nghìn, hai nghìn rưỡi, hai nghìn..." là cả mặt đất chúng tôi đang đứng rung chuyển dữ dội như động đất. Những ngày ấy nhiệm vụ của chúng tôi là làm nhanh một bộ phim về người Hàm Rồng đánh Mỹ bảo vệ cầu, bảo vệ cuộc sống quanh vùng chân cầu. Ngoài ra, các đội quay của Xưởng phim Quân đội phải quay kỳ được nhiều cảnh máy bay Mỹ bốc cháy trên trời, phi công Mỹ bị bắt sống.

Hôm qua, chúng tôi nhịn đói suốt buổi mang xách máy quay, thùng đựng ca-sét phim nhựa chạy bộ lên tận gần cầu Lèn để quay chiếc A6A bị ta bắn rơi. Một buổi tối tổ làm phim chúng tôi đang nghỉ trong một cái hang, bỗng dưng, có tiếng la lớn bên kia bờ sông Mã:

- Bác Hồ, Bác Hồ muôn năm!..

Rồi tiếng kêu ấy lan truyền rất nhanh trong đêm từ trận địa núi Ngọc đến trận địa Đông Sơn, Đồi Thông, Nhà máy điện.

- Bác Hồ... Bác Hồ... các bạn ơi !...

Đại uý Lê Bằng chụp nhanh chiếc đài Xiongmao trong tay Lê Lâm, lần tìm làn sóng trong màn đêm. Bỗng nghe tiếng Bác cất lên rất ấm, rất vang cả hang Mắt Rồng chúng tôi đang trụ.

Rồi bên kia sông Mã, các pháo thủ cũng vặn to đài cho cả vùng Hàm Rồng có thể nghe Lời kêu gọi của Bác. Chúng tôi nín thở, bấu chặt vào vai nhau, nghiêng tai đón hứng từng Lời kêu gọi cứu nước của Bác lẫn trong tiếng ì ầm của đạn pháo cao xạ phòng không khắp khu cầu Hàm Rồng. Trong tiếng bom của giặc Mỹ chúng tôi vẫn nghe rõ lời Bác: "Hà Nội, Hải Phòng có thể bị tàn phá... Song...".

Dứt trận bom toạ độ B57 sát chân cầu, chúng tôi mới nghe tiếp được những lời kêu gọi của Người.

Và sau đó chỉ còn lại khúc nhạc vang dội trong đài như một khúc quân hành.

Chúng tôi lặng người, nghe từng nhịp thở của nhau trong hang Mắt Rồng. Nghe cả tiếng các pháo thủ, dân quân hai bờ sông Mã gọi nhau í ới lẫn trong tiếng cười sảng khoái, nghẹn ngào:

- Có nghe được không ? "Này Giôn-xơn..."

- Nghe được chứ.

Có trận địa nào đó bắn một tràng tiểu liên lên trời để mừng như mừng chiến thắng.

Chúng tôi bàng hoàng, rồi giật mình hối nhau mang máy quay, ắc quy, thùng casét, máy ghi âm lao ra cửa hang, bò qua cầu Hàm Rồng, men theo đê Yên Vực đến trận địa cao xạ của anh Nguyễn Gia Nhuệ. Anh Nguyễn Gia Nhuệ đang gào trong điện thoại gì đó:

- Nghe được chứ? "Này Giôn-xơn" nhé. Sướng chửa?- Hình như đại đội trưởng Nguyễn Gia Nhuệ đang nói chuyện cùng chính trị viên Yết ở trận địa Yên Vực, cùng anh Công, đại đội trưởng cao xạ. Đồi Thông và trận địa Đông Sơn - một trong những nơi phát tích loài người miền châu Á.

Các pháo thủ, thương binh của Nguyễn Gia Nhuệ đang quây quần bên mâm pháo, tranh nhau nhắc lại lời nói của Bác như chính Bác chỉ nói với họ thôi:

- Giọng Bác vẫn ấm, vang lắm nhé, "Này Giôn-xơn".

- Tiếc quá. Đoạn đầu, mình chưa kịp tháo tai nghe máy phôni. Tại cái thằng A3J khốn kiếp, lại mò đi đêm vào lúc quan trọng ấy... Thú quá, nhẩy?

Chúng tôi dùng đèn pin, đèn ắc quy tập trung ánh sáng quay tạm cảnh trận địa Hàm Rồng xúc động nghe Lời kêu gọi cứu nước của Bác năm ấy. Tiếc một điều, những năm ấy, chúng tôi còn nghèo quá, không đủ đèn ắc quy cho các đội quay phim mặt trận, cũng không đủ máy ghi âm dã chiến... Giờ đây, tôi có thể giở tuyển tập Hồ Chí Minh để ghi lại đầy đủ Lời kêu gọi lịch sử của Bác vào năm ấy. Nhưng tôi không muốn làm như thế. Tôi muốn được gìn giữ nguyên chất anh hùng, yêu nước cao cả của Bác đã truyền cho chúng tôi trong giây phút lịch sử ấy, giữa những giờ phút vô cùng ác liệt, nguy hiểm với đời chiến đấu của chúng tôi.

BÁC HỒ VỚI NHỮNG NGƯỜI LÀM PHIM

Tổ làm phim có ba người: Suduki biên tập, Têramôtô quay phim (hai đồng chí này là đảng viên Đảng Cộng sản Nhật), còn tôi là người của Xưởng phim Quân đội biệt phái đi giúp bạn. Nhiệm vụ của chúng tôi là làm phim cho Đảng Cộng sản Nhật, hay nói cho đúng hơn là làm phim để nhờ Đảng Cộng sản Nhật đưa vào hãng truyền hình của Đảng Cộng sản Nhật NDN làm cái cầu truyền hình ảnh chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta vào màn ảnh nhỏ của 52 nước tư bản trên thế giới.

Cuối năm 1965, chúng tôi được phép quay hình ảnh Bác Hồ. Tin vui đó đến với tổ làm phim. Chúng tôi ai ai cũng náo nức mong đợi giờ phút được gặp Bác.

Để đảm bảo chất lượng hình ảnh và âm thanh trong nhiệm vụ mà chúng tôi cho là rất trọng đại này, từ Nhật Bản, hãng NDN đã điều thêm sang đồng chí Phudi và một máy quay phim có ghi âm đồng bộ.

Chúng tôi đến phòng khách Phủ Chủ tịch chuẩn bị đón chờ Bác. Bác đi vào, vẫn với bộ quần áo ka ki quen thuộc. Chúng tôi kính cẩn chào Bác. Bác giơ tay đáp lại và cho phép làm việc. Trong khi Bác trả lời những câu phỏng vấn của hãng truyền hình NDN thì trong máy quay phát ra những tiếng không êm khiến tôi rất lo ngại, nếu không may có gì trục trặc về kỹ thuật thì thật là thiếu sót lớn. Đồng chí Phudi, một phóng viên quay phim đứng tuổi đã từng đi nhiều nước, có nhiều tuổi nghề, nhưng hôm nay cũng có vẻ hồi hộp, thao tác có phần lúng túng.

Bác đã trả lời xong những câu phỏng vấn. Cuối cùng, Bác dùng tiếng Nhật gởi lời chào và chúc nhân dân Nhật hạnh phúc.

Có lẽ quá lo lắng nên tôi nói với đồng chí Phudi: "Tiếng máy không êm, liệu có trục trặc kỹ thuật gì không?". Phudi vội kiểm tra lại máy móc. Không ngờ Bác đã nghe thấy những điều chúng tôi trao đổi nhau. Đột nhiên, Bác bảo: "Các chú cứ làm cho tốt. Nếu cần Bác đọc lại cho mà quay". Tất cả chúng tôi đều sững sờ, xúc động trước câu nói chứa đựng sự thấu hiểu và ân tình của Bác đối với nhóm làm phim. Nước mắt Phudi bỗng trào ra, anh nói: "Thưa Bác, tốt rồi ạ".

Bác bảo:

- Nếu tốt rồi thì sang phòng bên, Bác cháu ta uống nước.

Phudi tâm sự với tôi: Hơn hai mươi năm làm phim, anh đi nhiều nước, đã quay nhiều vị nguyên thủ quốc gia. Nhưng nhiều nơi anh chỉ làm việc như cái máy. Các vị nguyên thủ cứ diễn thuyết, mình cứ quay, việc của ai người ấy làm, không có sự giao lưu nào khác. Lần này được gặp Hồ Chủ tịch, ngay từ phút đầu anh đã xúc động, hồi hộp quá nên có lúng túng trong thao tác. Tất cả tâm trí anh bị chi phối bởi được gặp Bác Hồ, vị lãnh tụ nổi tiếng của một dân tộc anh hùng. Đến khi được nghe Bác Hồ nói sẵn sàng tạo điều kiện cho nhóm làm phim hoàn thành tốt nhiệm vụ, anh càng thêm xúc động.

Trong phòng trà có cà phê, bánh, kẹo, trái cây. Bác ngồi cùng với những người làm phim, thân mật như người cha ngồi cùng các con. Bác hỏi:

- Các chú sang Việt Nam công tác lâu chưa ?

Suduki đáp:

- Thưa Bác, con sang Việt Nam hơn một năm rồi ạ.

Bác bảo:

- Thế thì các chú khuyết điểm, sang Việt Nam hơn một năm mà vẫn phải nhờ chú này (Bác chỉ đồng chí phiên dịch). Hồi còn trẻ, Bác ra nước ngoài, chỉ sau sáu tháng là nghe và nói được tiếng nước đó, không cần phiên dịch. Từ nay, các chú nên học tiếng Việt, nhờ chú này (Bác lại chỉ đồng chí phiên dịch) giúp đỡ.

Giờ phút gần Bác, ai cũng muốn kéo dài. Chúng tôi muốn được ở bên Bác lâu hơn, nhưng Bác còn bận nhiều việc. Bác tạm biệt ra về.

Các đồng chí Nhật cứ đi theo Bác, tay cầm máy quay phim, máy ảnh mà như quên mất công việc, nét mặt ai cũng thẫn thờ, luyến tiếc.

Ống kính máy quay trong tay tôi không lúc nào rời Bác. Từng cử chỉ, từng bước đi, từng giọng nói, tiếng cười của Bác đối với tôi đều vô cùng quý giá.

Bác đã bước xuống bậc thềm sau phòng khách, các đồng chí Nhật vẫn bước theo sau. Bác chợt ngừng lại ngắt một bông hồng tặng Suduk rồi đi về phía nhà sàn. Như đoán được mọi người vẫn dõi theo, Bác quay lại mỉm cười đôn hậu và giơ tay chào tạm biệt. Ống kính của tôi vẫn theo Bác cho đến khi bóng Người đã khuất sau những hàng cây bên nếp nhà sàn.

Từ đó đến nay đã hơn 25 năm, mỗi khi nhìn tấm ảnh Bác Hồ vai khoác áo kaki, một tay cầm quyển sổ, một tay giơ cao chào tạm biệt nhữag người làm phim, tôi lại nhớ đến kỷ niệm sâu sắc nhất trong cuộc đời của một phóng viên quay phim quân đội.

1991

TRÊN QUẢNG TRƯỜNG BA ĐÌNH SÁNG NAY...

PHẠM HỔ

Tất cả những sự chuẩn bị lặng lẽ trong đêm khuya bây giờ đã hiện rõ dần ra trong ánh sáng ban ngày. Và tất cả họp lại đã thành một bức tranh lịch sử lớn, khiến ai nấy, khi nhận ra, đều cũng bồi hồi xúc động: Trước quảng trường và xung quanh lễ trường Ba Đình, nơi đặt linh cữu của Hồ Chủ tịch, hơn mười vạn người, băng tang đeo trước ngực, đã hàng ngũ chỉnh tề, đợi đến giờ làm lễ truy điệu trọng thể vị Cha già, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của Đảng.

Mười vạn người. Và ở đây có đủ mặt đồng bào của khắp các nơi trên đất nước: Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung Bộ, Khu Bốn cũ, vùng mỏ, hải đảo... Đủ cả công nhân, nông dân, trí thức, cán bộ, bộ đội... Đủ cả các lứa tuổi, già và trẻ, gái và trai...

Và cùng với mười vạn người ở đây, hàng triệu người Hà Nội trong các nhà máy, cơ quan, hợp tác xã, nhà riêng... cũng đang tham dự tang lễ.

Phần lớn những người ở đây, có nhiều điểm khá giống nhau. Ai cũng đã khóc Bác nhiều, từ cái buổi sáng phải nghe những tiếng làm cho ai nấy quặn lòng: "Hồ Chủ tịch... đã từ trần".

Bác không còn nữa. Tổn thất lớn lao ấy, nỗi đau thương vô hạn ấy càng chia ra cho cả ba mươi mốt triệu đồng bào thì đồng thời cũng nhân lên, dồn lại, đau hơn. Càng nghĩ càng đau. Có lúc tưởng như không chịu được nổi. Nhưng một ngày, hai ngày, ai cũng thấy rằng, cắn răng lại, mọi người sẽ chịu đựng được... Ai cũng tự hào về lòng kính yêu Bác của mình và càng tự hào về lòng kính yêu Bác của những người khác. Nghe các em bé nào

đó ở Hà Tây, kéo nhau đi bộ hơn mười một cây số, mang một vòng hoa các em tự Tết lấy, ra xin viếng Bác, ai cũng ứa nước mắt. Nghe chuyện bà Yên ở Cao Bằng trước kia đã nấu cơm nuôi Bác, nay về viếng Bác, được túc trực ở cạnh linh cữu Bác, ai cũng như muốn được chia niềm vinh dự ấy với bà Yên. Được biết chị Phan Thị Quyên, vợ anh hùng Nguyễn Văn Trỗi đến khóc trước linh cữu của Bác, mọi người lại nhớ đến ước vọng của anh Trỗi được ra thăm Bác, nhớ lại ba lần anh ấy gọi Bác trước lúc hy sinh, và ai cũng thấy hãnh diện về những người con ưu tú của dân tộc mình...

Một số người ở đây, hôm qua, hôm kia, đã xúc động được đi viếng Bác lần cuối cùng trong lễ trường Ba Đình. Mặc mưa mặc nắng, mặc trời khuya, tất cả đều im lặng đứng chờ... Miễn là được gặp Bác... Họ đã được gặp Bác. Ai cũng còn giữ nguyên vẹn những cảm giác ấy, khi chân bước nhẹ vào lễ trường: Bác như nằm giữa một rừng hoa. Bác nằm như ngủ. Bác nằm như một ông tiên...

Đêm nay, hầu như không ai ngủ. Ai cũng đã làm theo đúng ý thích của Bác, chọn một bộ quần áo giản dị nhất nhưng cũng đẹp nhất để mặc đi dự tang lễ.

Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc đã đến. Mọi người dào lên một niềm xúc động mới. Ai cũng muốn nói với lên một câu gì đó, hứa một điều gì rất giản dị mà cũng rất thiêng liêng...

Các đoàn đại biểu các nước anh em và bạn bè bốn phương mang lòng kính yêu vô hạn đối với Bác cũng lần lượt đủ mặt. Mỗi đoàn góp thêm một niềm tự hào vào buổi lễ. Càng có đông đủ anh em bầu bạn, càng có sự gần lại bên nhau, lòng Bác càng vui.

Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và luật sư Trịnh Đình Thảo kia rồi! Ôi miền Nam trong giờ phút này...! Ai cũng biết là miền Nam cũng đang tổ chức lễ truy điệu trọng thể Hồ Chủ tịch ở trong kia... Càng hơn bao giờ hết, tình cảm Nam Bắc sôi lên trong lòng từng người, xe kết chặt hơn, bền hơn...

*
* *

Tiếng nói của đồng chí Lê Duẩn cất lên làm ai nấy đều nghẹn ngào.

Bài điếu văn vừa nhắc lại cả cuộc đời và những mục tiêu phấn đấu vĩ đại của Bác, vừa bày tỏ được hết tấm lòng biết ơn của mọi người đối với công đức cao dầy của Bác... Cả biển người im lặng lắng nghe. Bài điếu văn không kể lại những sự việc cụ thể nhưng nghe mỗi câu, mỗi đoạn, mọi người lại nhớ ngay đến những lời Bác dặn, mà câu nào cũng thành thơ, thành chân lý; đến những việc Bác làm, mà việc nào cũng thành đạo đức, mẫu mực; đến những vui buồn của Bác từ mấy mươi năm nay, mà họ muốn san sẻ suốt đời. Năm lần, cùng với đồng chí Lê Duẩn những tiếng sấm "Xin thề" lại vang lên, vọng lại, như vừa muốn bay thật xa, rất xa, vào miền Nam, qua tận nước Mỹ, vừa như muốn trở về với mỗi tấm lòng trên miền Bắc... Năm lần những tiếng sấm "Xin thề" như dồn sức cho nhau, kết lại thành một khối ý chí, một lòng quyết tâm sắt đá, thề *quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ, thống nhất đất nước; thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, đoàn kết nhất trí trong Đảng... trong phe xã hội chủ nghĩa; học tập đạo đức tác phong của Người...*

Đến lúc này thì cả mười vạn con người đều như nín thở để lắng nghe những lời di chúc của Người. Nhưng sự lặng im đó không kéo dài được quá một phút. Chỉ nghe Bác dự định *"đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam, Bắc để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta..."* thì nhiều tiếng khóc vụt bật lên, nhưng liền đó lại ghìm lại được. Mọi người lại ứa nước mắt khi nghe Bác nói đến đoạn *"sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin;"*... Cho đến khi giọng đồng chí Lê Duẩn rung lên và nghẹn ngào: *"Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân..."*, rồi tiếp liền đó: *"Cuối cùng tôi để lại muôn vàn tình*

thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng" thì không còn ai có thể nén được nữa. Tất cả mọi người đều nấc lên, nước mắt giàn giụa.

Nhạc vĩnh biệt bắt đầu... Từng phát đại bác nổ rền đưa tiễn.

Từ nay vắng Bác thật rồi!

Lần này Bác đi xa, khác với ba lần Bác đã đi xa!... Nhưng cũng như bao lần, Bác ơi, Bác vẫn ở bên cạnh chúng con: trong quả tim và khối óc của chúng con, mãi mãi...

Một âm thanh rất lạ, bỗng nổi lên, to dần. Rồi liền đó như những ngọn sóng trào, những tiếng khóc của các cháu thiếu nhi cùng oà lên một lúc: "Bác ơi! Bác ơi!".

Các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Tố Hữu, từ trên lễ đài vội vàng xuống với các cháu, ôm lấy đầu các cháu, khuyên dỗ...

Các đoàn đại biểu trên lễ đài đều lặng im xúc động.

Bây giờ thì cả cái biển mười vạn người cũng đều đang lau nước mắt.

Bác ơi! Xin Bác đừng lo! Cho chúng con được khóc Bác và sau đó chúng con sẽ trở về, người nào ở vị trí nấy, với tinh thần xung trận và quyết đánh thắng kẻ thù! Chúng con cũng đã từng được thấy Bác lấy khăn ra lau nước mắt khi nhắc đến miền Nam. Những giọt nước mắt ấy chỉ làm kẻ thù khiếp sợ.

Phát đại bác thứ hai mươi mốt vừa dứt thì tiếng đoàn phản lực bỗng vút qua, nghiêng cánh chào vĩnh biệt Người Cha suốt đời quên mình lo cho dân cho nước, lo cho tất cả mọi người lương thiện trên trái đất này. Các anh nào đang bay trên kia nhỉ? Dưới này tất cả chúng tôi ai cũng tin rằng, các anh cũng đang vừa nắm chặt cần lái, vừa khóc như chúng tôi... Cảm ơn các anh đã chọn một hướng bay tuyệt đẹp: Phương Nam!

9-9-1969

CÙNG NHÂN DÂN ĐI BÊN BÁC SÁNG NAY

NGUYỄN MINH CHÂU

Bác Hồ kính yêu của chúng ta mất rồi!

Cái tin hay tiếng đau thương bao trùm lên đất nước và sông núi ta! Cái điều mà tất cả chúng ta không ai nghĩ đến! Cái vết thương giữa trái tim từng người hôm nay!

Cái tin đau cắt lòng đó, tôi đã nghĩ tới như một thứ linh cảm đau buồn khi tôi lần theo bước chân một đại đội pháo anh hùng mà tôi vừa mới đến sống với họ, chúng tôi vừa nhận được lệnh triệu tập về tiểu đoàn gấp. Tôi cùng những người pháo thủ bước lặng lẽ về tiểu đoàn với một tấm lòng nặng trĩu.

Cả tiểu đoàn, những người lính pháo kỳ cựu đã từng trải qua hàng trăm trận đánh thắng giặc Mỹ, tất cả mọi người, giữa hôm đó đã ngất lặng đi khi nghe đồng chí chính trị viên nghẹn ngào thốt lên: "Các đồng chí, Bác Hồ của chúng ta mất rồi!".

Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ những ngôi sao trên triền đồi của miền Tây Nam khu Bốn ấy, những ngôi sao sáng rực và buồn bã như những cặp mắt tinh tường viền nước mắt của các chiến sĩ. Những người chiến sĩ trinh sát đứng im lặng bên máy thám không, những người pháo thủ đứng im lặng quanh pháo. Giờ kiểm tra buổi sáng, các chiến sĩ vẫn thao tác hết sức khẩn trương và thành thạo, nhưng quanh vành mắt từng người có những giọt nước mắt đang cố kìm lại, từng người đang cắn chặt hàm răng. Trận địa im lặng như sắp đến giờ chiến đấu. Mọi người đang cố kìm tiếng nấc. Từ đồng chí chiến sĩ mới bổ sung đến người chính

Hồ Chủ tịch thăm triển lãm tranh của miền Nam gửi ra tại CLB Thống Nhất (1968) - *Ảnh: TTXVN*

trị viên tiểu đoàn, tất cả mọi người chúng tôi đứng trên trận địa này đều chỉ muốn bật lên một tiếng kêu thật lớn: Bác ơi!

*

* *

Bác ơi! Chỉ cách đây chừng nửa tháng, cháu đến với những người đánh cá ở phía ngoài động cát dưới biển, cháu còn nói với họ rằng Bác khoẻ, rất khoẻ và hồng hào. Còn gì sung sướng hơn khi những người ở cách xa Hà Nội được nghe kể chuyện Bác và nghe nói Bác khoẻ và hồng hào!

Sáng hôm nay cháu đem về đây tấm lòng tôn kính và thương nhớ Bác của những đồng chí bộ đội đang cầm chặt súng ngoài trận địa, của những người dân đánh cá, của người làm ra hạt muối trên vùng tuyến lửa cũ, của những đồng chí công nhân kéo phà, của các cháu thiếu nhi và các cụ già biển cả đang sụt sùi khóc Bác trong các khoang thuyền.

Sáng hôm nay, sau chuyến đi công tác, cháu vội vã trở về đứng bên Bác giữa quảng trường Ba Đình rộng bát ngát. Cháu đến đây từ đêm và đứng đây mà chờ cho nắng hừng lên. Vẫn là cái ánh nắng quen thuộc đầu tháng chín của mùa thu nước ta vàng như mật ngọt chiếu sáng dần trên nền vôi của lễ đài Ba Đình. Mùa này nắng đẹp, đêm, trời cũng đẹp, lá cờ đỏ của ta càng lộng lẫy. Dịp này, bộ đội và nhân dân ở xa thường chờ nghe tiếng nói ấm áp của Bác phát ra những lời dạy bảo cho cả nước, từ trên lễ đài này. Cũng vào mùa này, Bác đi chia kẹo cho các cháu nhi đồng.

Sáng hôm nay, sau ngày lễ tang Bác, từng đoàn người giữa cuộc đời tấp nập, xe đạp có, ô tô có, đi bộ có, mọi người đi làm việc như thường lệ, nhưng tất cả mọi người khi qua đây đều dừng lại mấy phút để được ngắm Bác, ngắm chòm râu và đôi mắt Bác vẫn cười, để ngắm hai gốc cây tùng xanh rờn mới trồng dưới chân Bác, người ta qua đây để còn ngắm cái ánh nắng vàng như vàng thếp lên cuộc đời! Bác mất rồi mà cháu thấy đôi mắt Bác vẫn đằm thắm và vẫn vui, đôi mắt già lấp

lánh dưới nắng sớm; và vừng trán Bác vẫn mênh mông, đường như Bác vẫn còn đang tiếp tục suy nghĩ, đang tính toán những công việc lớn lao của đất nước và thế giới này, cũng như những công việc bình thường dưới từng mái nhà, trong từng chiến hào của chúng cháu. Sáng hôm nay, đứng bên Bác giữa Ba Đình cháu nhớ như in từng lời trong di chúc của Bác in trong một số báo Đảng mà cháu mới được đọc dưới ánh sáng ngọn đèn dầu lắc lư trong toa xe hoả chạy từ miền Trung ra đêm qua. Trong cái đoạn nói về cái chết của mình, Bác vẫn nói với lời lẽ đầy lạc quan, để sau cùng, cuối lời di chúc, Bác gửi muôn vàn lời thân yêu tới Nhân dân ở lại.

Nhân dân đọc những lời đó, có ai cầm được nước mắt!

Nhân dân đang ở lại đây, đang đeo băng tang trên ngực, đang đoàn kết thành một khối, đang cầm súng và cầm búa, cầm cày, đang làm theo những điều Bác dặn dò là quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Những ngày này, Nhân dân đang hướng về Ba Đình để tưởng nhớ hình dáng Bác hơn hai mươi năm về trước. Cũng vào một cái năm nước sông Hồng dâng to mấp mé ngoài mặt đê và giặc xâm lăng ngấp nghé ngoài cửa ngõ nước nhà, ngày năm đó chòm râu và mái tóc Bác vẫn còn xanh nguyên, ngày năm đó Bác mới từ chiến khu về đứng giữa Ba Đình này để hỏi vọng xuống: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?".

Từ bấy đến nay, gần một phần tư thế kỷ, Bác cùng Nhân dân là một, Nhân dân với lưỡi cày lưỡi búa và khẩu súng Bác trao tay, đã làm nên khuôn mặt của mình. Nhân dân có bàn tay Bác dẫn dắt qua vô vàn gian khổ và hiểm trở, có tấm lòng Bác đùm bọc mỗi khi ấm lạnh. Từ bấy đến nay, Bác như một người thợ nề kiên nhẫn, đem muôn triệu viên gạch gắn lại thành một sức mạnh vô địch: đó là sức mạnh đoàn kết của Nhân dân Việt Nam ta.

*

* *

Những buổi sáng nay, ta soi mình trong giọt nước mắt, ta thấy cuộc đời Bác và tấm lòng Bác, ta thấy cả cuộc đời ta và tấm lòng ta.

Không cần phải có những người thợ chuyên môn dựng tượng để dựng tượng Bác, bởi vì mỗi người chúng ta là một người thợ rồi. Mỗi người Việt Nam chúng ta là một bức chân dung của Bác chưa hoàn chỉnh và đang cố gắng tu sửa để hoàn chỉnh. Vì thế, chẳng bao giờ Bác xa cuộc đời này, Nhân dân này. Bác không vĩnh biệt chúng ta. Bác đang hoà vào trong mỗi người Việt Nam chúng ta. Trong những ngày này, mỗi người chúng ta khi nghĩ đến Bác đã chẳng thấy lòng mình trong sáng và cao cả thêm, cánh tay và đôi chân cứng cáp thêm đó sao?

Bác sống thanh bạch cả một đời, nhưng cái gia tài Bác để lại cho chúng ta thật là vô giá: đó là khuôn mẫu mực thước nhất của một người cộng sản Việt Nam ngày nay và mai sau.

Bác mãi mãi là người thợ chuốt ngọc, là người nhóm lửa và giữ lửa, là thợ rèn kiếm và đóng thuyền vượt biển, là người cày vỡ đất và gieo hạt cho mùa sau.

12-9-1969

MỘT GIAI THOẠI QUÝ

VŨ NGỌC PHAN

Trong cuộc đời văn học của Hằng Phương, giai thoại quý nhất là việc Hằng Phương có bài thơ đăng tặng Bác cam và được Bác đáp lại một bài lục bát: *"Cảm ơn người tặng cam"*.

Năm 1970, Hằng Phương đã ghi đoạn mua cam ở Thanh Hoá và đem cam lên Bắc Bộ phủ; còn về ngày lên chúc Tết Bác, cô vẫn chưa ghi lại.

Tiếp theo những trang ghi chép của Hằng Phương, tôi xin thuật lại những điều cô đã kể tỷ mỷ cho tôi nghe về ngày cô được gặp Bác lần đầu.

*

* *

Từ đầu năm 1945, muốn cho gia đình đỡ thiếu thốn, Hằng Phương mua văn phòng phẩm ở Hà Nội đem vào bán ở Thanh Hoá, nhờ có những chuyến xe buýt của người quen chạy đường này.

Hằng Phương có ghi những dòng sau đây trong những tập bản thảo cô để lại:

Hôm đó là ngày mồng một Tết dương lịch năm 1946. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập mới được hơn bốn tháng. Tôi ngồi ở chợ Thanh Hoá đợi một người bạn mua vài thứ, rồi cũng về Hà Nội. Tôi đi Thanh Hoá chuyến này bằng ôtô hàng, vì xe lửa không chạy được(*).

(*) Do máy bay Mỹ ném bom xuống Đông Dương, nhiều đường giao thông bị cắt đứt, vì quân Nhật đang chiếm đóng Đông Dương lúc bấy giờ (1939 - 1945).

Những bức tường lớn quanh chợ đều kẻ khẩu hiệu chữ to đập vào mắt tôi: Hồ Chí Minh muôn năm! Làm cho tôi rất cảm động, nhớ đến một việc xảy ra trước đó vài ngày. Tình hình Thủ đô ta lúc bấy giờ thật hỗn độn. Chính quyền cách mạng còn trứng nước, bọn phản động dựa vào quân đội nước ngoài để quấy rối. Hôm đó, tôi đang đi ở phố Hàng Thiếc thì gặp một bọn chừng hơn mười đứa vừa đi vừa hô khẩu hiệu: "Đòi cơm áo cho dân". Bầy người lộn xộn và hung hăng ấy đi đến giữa phố thì một em trai, chừng mười hai tuổi, chạy ra đứng giữa đường, giang tay chắn ngang và hô lớn: "Hồ Chí Minh muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!".

Lũ phản động túm lấy em, định hành hung, thì đồng bào đi đường và ở các nhà đổ ra ôm lấy chú bé gạt chúng ra:

- Các người yêu cầu tự do, các người muốn nói gì cũng không ai cấm. Thằng em nó nói lên lòng kính yêu Cụ Hồ của nó, các người cấm sao được!

Bọn kia đuối lý, đành bỏ đi. Bà con nói với nhau:

- Nghe đâu bọn này được thuê, mỗi đứa ba đồng đấy.

Nhớ lại hình ảnh dũng cảm của em bé mà tôi mến phục. Tôi nhớ đến những mẩu chuyện về Cụ Hồ mà tôi được biết qua anh Hoàng Hữu Nam, anh em cô cậu với tôi. Anh hàng ngày được làm việc với Bác ở Bắc Bộ phủ. Lúc đó đề phòng địch đánh úp Hà Nội, cán bộ ta cứ tối đến là đem tài liệu ra ngủ ở nhà quen, xa trung tâm thành phố. Các anh gọi là "ngủ du kích". Anh Nam thường đến ngủ nhờ gia đình chúng tôi ở Thái Hà. Anh kể cho chúng tôi nghe: Bác làm việc rất khuya. Trời rét căm căm, nghe tiếng một em bé rao bánh mỳ vào nửa đêm, Bác mở cửa nhìn theo, ứa nước mắt. Bác thường ăn cơm cùng anh em làm việc ở Bắc Bộ phủ, Bác ước mong sau này, nhân dân ta, mỗi gia đình hàng tuần cho vào nồi được một con gà...

Những mẩu chuyện ấy cứ trở lại trong đầu tôi khi ngồi ở chợ tỉnh Thanh. Tôi đã được biết Hồ Chủ tịch là Cụ Nguyễn Ái Quốc, nhà cách mạng vĩ đại đã từng bôn ba nhiều nước, đã từng

chịu đựng gian lao để tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Đối với Cụ Hồ, đồng bào vô cùng kính mến và tin tưởng. Cụ là người cầm đầu cuộc cách mạng, đánh đuổi thực dân, giành độc lập cho Tổ quốc.

Tôi nhớ hình ảnh Hồ Chủ tịch khi Người đọc *Tuyên ngôn độc lập* tại quảng trường Ba Đình và khi Người đến khai mạc triển lãm văn hoá ở trụ sở Hội Văn hoá cứu quốc. Người làm việc nhiều, lo nghĩ nhiều lại mới ở chiến khu về, nên vóc gầy và xanh xao. Tôi nghĩ thế và nhìn thấy những thúng cam vàng tươi đầy chợ. Có thứ cam làng Giàng, quả nhỏ bằng miệng chén trà, vỏ mỏng, ngọt lịm. Tôi thường nghe nói bà con nông dân có củ khoai tơ, quả bí lớn, cũng đem biếu Hồ Chủ tịch. Tôi nảy ra ý định là mua thứ cam quý hiếm này đem về biếu Người. Giống cam Giàng cũng hiếm, tôi chọn mua được mười quả đẹp nhất, cành lá xanh tươi. Một chục quả cam có lẽ ít quá, tôi nghĩ như vậy, nhưng rồi tôi lại tự nhủ: ít mới quý, Hồ Chủ tịch có cần bao nhiêu đâu. Trên xe ô tô về Hà Nội, tôi nâng niu gói cam trên tay, sợ xe xóc, cam bị giập chăng.

Xe chạy qua Đồng Giao, hai bên đường lau sậy cao vút. Lúc này bọn cướp có súng, thường ngóng ra chặn đường cướp của, đôi khi giết người. Lần trước đi qua, thoáng thấy bóng người trong đám lau sậy, tôi đã giật mình. Nhưng chuyến đi này, gói cam đã thu hút mọi cảm nghĩ của tôi. Một chục quả cam nhỏ mọn này làm sao nói lên được tấm lòng nhân dân quý mến Người? Tôi chợt nhớ Hồ Chủ tịch hay làm thơ, chắc Người cũng thích thơ ca. Hay ta làm mấy câu thơ kèm theo gói cam kính dâng Người? Ý nghĩ ấy làm cho tôi sung sướng quá, muốn reo lên, xe chạy qua Đồng Giao lúc nào tôi không biết...

Thế là từ đó cho tới khi về đến nhà, tôi nghĩ mải miết về mấy câu thơ. Đến trưa hôm sau tôi mới làm xong. Khoảng ba giờ chiều hôm ấy (2-1-1946) tôi lên Bắc Bộ phủ.

Vào những ngày đầu Cách mạng tháng Tám. Chủ tịch Hồ Chí Minh sẵn sàng tiếp gặp nhân dân, nếu ai muốn yết kiến lãnh

tụ của mình. Ở cổng vào Bắc Bộ phủ, có anh Vệ quốc trẻ đứng gác. Tôi xin phép vào, anh hiền lành gật đầu, không đòi hỏi giấy tờ gì cả. Vào đến phòng khách, tôi đưa gói cam nhỏ và chiếc phong bì trong đó có bài thơ, và nói với đồng chí tiếp khách:

- Thưa ông, tôi đi xa về, có gói cam kính biếu Hồ Chủ tịch cùng với bài thơ. Chiều nay sau bữa cơm, nhờ ông đưa giúp lên để Cụ(*) tráng miệng.

Đồng chí tiếp khách liền nói:

- Ấy, Cụ đang ở phòng bên. Cụ sắp sang đây bây giờ. Bà chờ một tý.

Được gặp Hồ Chủ tịch là một điều tôi vô cùng mong ước, nhưng lúc bấy giờ không hiểu sao tôi lại sợ, nếu gặp Người thì biết nói năng ra sao, vì đã có bài thơ thay lời rồi. Tôi lúng túng vội trả lời:

- Thưa ông, thì giờ quý báu của Cụ còn để lo việc nước, tôi đâu dám làm mất thì giờ của Cụ.

Nói xong tôi chào đồng chí đó, rồi tất tả bước xuống thềm ra thẳng cổng, chào anh Vệ quốc, rồi đi mau ra đường. Hết hồi hộp, trên đường về nhà, tôi lại lo, mình làm như thế có điều gì bất kính đối với Hồ Chủ tịch không? Hay những chuyện nhỏ mọn ấy lại làm mất thì giờ của Người? Tôi lo lắm, không yên tâm, nhưng không dám thổ lộ với ai.

Đến tối ngày 8-1-1946 như thường lệ, anh Hoàng Hữu Nam lại về nhà tôi, vừa thấy tôi, anh nói ngay:

- Tôi thấy Cụ có bài thơ *"Cảm ơn người tặng cam"* ở báo đấy.

Tôi mừng quá, hỏi anh có đem tờ báo về không? Anh nói anh bận quá, nên đã quên, không đem tờ báo về.

Sáng hôm sau, tôi lên Hà Nội đến phố Hàng Bồ và mua được tờ *Tiếng gọi phụ nữ*(**) cơ quan tuyên truyền của Phụ nữ cứu quốc, số 11 ra ngày 8-1-1946, thấy một mục có những dòng thơ sau:

(*) Nhân dân lúc đó gọi Bác Hồ là Cụ Hồ.

(**) Chủ nhiệm báo *Tiếng gọi phụ nữ* lúc bấy giờ là chị Nguyễn Dương Thanh. Sau đó, báo *Dân chủ*, cơ quan Việt Minh miền biển đăng lại bài thơ trên (số báo 1856 ngày 13-1-1946) ở Hải Phòng.

Thơ của Hồ Chủ tịch trả lời bà Hằng Phương:

Bà Hằng Phương gửi biếu tôi một gói cam, kèm theo một bài thơ. Vì bà không viết chỗ ở, tôi không biết gởi thơ cảm ơn đến đâu. Nên tôi nhờ báo *Tiếng gọi phụ nữ* đăng mấy lời cảm tạ của tôi như sau:

Thơ bà Hằng Phương kính gửi Hồ Chủ tịch:

Cam ngon Thanh Hoá vốn dòng
Kính dâng Chủ tịch tỏ lòng mến yêu.
Đắng cay Cụ nếm đã nhiều
Ngọt bùi trời trả đủ điều từ đây.
Cùng quốc dân hưởng những ngày
Tự do, hạnh phúc tràn đầy trời Nam.
Anh hùng mở mặt giang san
Lưu danh thiên cổ, vẻ vang giống nòi.

Tháng Giêng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà
Năm thứ hai (2-1-1946)
Hằng Phương kính bút

Trả lời:

Cảm ơn bà biếu gói cam
Nhận thì không đáng[*] *từ làm sao đây!*

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
Phải chăng khổ tận, đến ngày cam lai[**]

Hồ Chí Minh

Tôi cầm tờ báo, xúc động nước mắt trào ra... Cách sau đó vài hôm anh Hoàng Hữu Nam bảo tôi: "Cụ Hồ có hỏi tôi về người biếu cam. Tôi nói nó là em cháu. Như vậy, cô nên lên gặp Cụ".

Tôi định đến Tết ta thì lên Bắc Bộ phủ chúc Tết Người.

Tháng 3-1970
Hằng Phương

(*) Trong tập *Thơ Hồ Chủ tịch*, Bác sửa là "không đúng".
(**) Tập thơ của Người, do Nhà xuất bản Văn học in năm 1967.

*

* *

Ngày Tết theo tục cổ truyền của dân tộc ta, ai có áo đẹp nhất, mới nhất, đều đem ra mặc.

Cũng như mọi người, mồng một Tết Bính Tuất Hằng Phương vấn tóc trần như mọi ngày, mặc áo lụa tím dài thêu kim tuyến, quần xa tanh trắng, đi giầy nhung đỏ do cô thêu lấy trên mũi giầy con phượng bằng kim tuyến, khoác áo măng tô đen, cổ áo bằng lông thú, như tấm ảnh của cô trong *Thi nhân Việt Nam*. Cô cầm một bông cúc trắng to và một cành tùng, mua từ hôm trước, và lên Bắc Bộ phủ. Đem tùng cúc lên chúc Tết Cụ Hồ, Hằng Phương có ý dựa vào điều: "Cúc tùng vẫn tiết", ví người anh hùng có khí tiết, chịu đựng gió sương mà vẫn cứng cáp xanh tươi như cây tùng cây cúc.

Trở về nhà, Hằng Phương kể cho tôi nghe như sau:

Đến cửa phòng khách (ở Bắc Bộ phủ) thì Hồ Chủ tịch đang ở phòng bên đi ra. Đồng chí tiếp khách nói với Người: "Người biếu cam...". Đồng chí ấy nói nhỏ, nhưng ở nơi yên tĩnh, tôi cũng nghe thấy.

Người đi vào phòng khách, giơ tay ra hiệu cho tôi vào. Người đi trước, tôi và đồng chí tiếp khách theo sau.

Thấy tôi đứng, Chủ tịch giơ hai tay vẫy bảo tôi ngồi xuống ghế. Tôi bỏ cái ví xuống ghế, hai tay cầm bông cúc và cành tùng tiến đến dâng Người và nói:

- Cháu là Hằng Phương, năm mới cháu lên chúc Cụ mạnh khoẻ sống lâu với non sông đất nước, lãnh đạo cách mạng thắng lợi.

Cụ vui vẻ cầm bông cúc và cành tùng cắm vào cái bình ở bàn, và lại giơ tay ra hiệu cho tôi ngồi xuống ghế. Nghe tôi nói giọng miền Nam, Cụ hỏi - tiếng sang sảng như tiếng chuông:

- Chị ở miền Nam mới ra à?

- Thưa Cụ, quê cháu ở Quảng Nam, chồng cháu là người ngoài này.

Cụ nói:

- Dạo trước, chị gửi cho tôi bài thơ và gói cam, nhưng chị không vào gặp, lại không ghi địa chỉ, nên tôi mới phải đăng báo.

Tôi thưa:

- Cháu đã được đọc bài thơ Cụ trả lời. Thật vinh dự cho cháu vô cùng, một vinh dự lớn nhất đời cháu.

Cụ "hừ" một tiếng, như ông bác đối với cháu, và nói:

- Phong kiến thế! Đưa thơ thì phải vào gặp.

Tôi thưa:

- Cháu sợ mất thì giờ của Cụ.

Cụ gọi lấy nước uống. Đồng chí tiếp khách rót nước đã nguội, Cụ liền bảo:

- Lấy nước khác! Lấy nước khác!

Tôi vội cầm chén nước uống hết và nói:

- Thưa Cụ cháu đã uống rồi!

Ý nghĩ của tôi là được uống nước của Hồ Chủ tịch ban cho, dù nước nguội cũng quý. Tôi đứng dậy nói:

- Hôm nay cháu lên chúc Tết Cụ, được thấy cụ hồng hào hơn ngày Cụ đọc *Tuyên ngôn độc lập* ở quảng trường Ba Đình và ngày Cụ đến khai mạc Triển lãm văn hoá, cháu rất lấy làm mừng.

Người nói một cách bình dị:

- Ấy vì tôi ở miền rừng núi lâu ngày, nên bị ngã nước.

Thấy tôi đứng dậy. Cụ giơ tay ra hiệu bảo tôi ngồi xuống. Tôi phải vâng lời Người. Người hỏi:

- Thế hôm nay lên chúc Tết tôi, chị có thơ không?

Tôi thưa:

- Cháu chưa nghĩ được câu nào.

Người bảo:

- Từ rày, hễ có thơ thì phải gửi tôi xem.

Tôi kính đáp:

- Cháu xin vâng lời Cụ dặn.

Người lại hỏi:

- Thế chị làm gì mà có cam Thanh cho tôi?

Tôi thưa:

- Cháu vào bán hàng ở Thanh Hoá.

Cụ nhìn xuống đôi giầy ở chân tôi và hỏi:

- Đi buôn à?

Tôi thưa:

- Cháu đem ít văn phòng phẩm vào bán, để giúp thêm cho gia đình.

Cụ lại hỏi:

- Thế anh ấy làm gì?

Tôi nói:

- Thưa Cụ, chồng cháu viết văn. Dạo này, đường sá khó đi, sách bán không chạy, nên nhà xuất bản không lấy sách nữa. Ngay những khi họ lấy sách, người viết cũng chẳng được là bao. Rồi sách mình bày đẹp đẽ trong cửa hàng của họ, người viết sách qua đường, nhìn tác phẩm của mình, cũng hững hờ chàng Tiêu vậy.

Nghe tôi nói thế, Người cười và bảo:

- Chị về nói cho anh chị em nhà văn biết: từ rày có cách mạng người viết văn sẽ không bị bóc lột nữa. Rồi sẽ có chế độ nhuận bút giải quyết thích đáng cho quyền lợi của văn nghệ sĩ.

Tôi thầm nghĩ ngày Tết, chắc còn nhiều khách muốn vào yết kiến Người, nên tôi nhấp nhổm, định đứng dậy. Người biết ý, vẫy tay bảo hãy ngồi xuống và Người hỏi tôi:

- Thế chị có mấy cháu?

- Thưa Cụ, cháu đã có sáu cháu, chúng còn nhỏ cả.

Người cười và bảo:

- Rồi chị sẽ có một chục.

Người gọi lấy kẹo. Người tiếp khách đem ra một hộp kẹo rất đẹp đặt trên bàn. Người cầm hộp kẹo đưa tôi và dặn.

- Chị đem về chia cho các cháu, nói là quà Tết của Cụ Hồ.

Tôi đứng dậy, hai tay đón lấy hộp kẹo Người cho, cảm tạ Người và cúi chào, xin phép Người ra về.

Người giơ tay bắt tay và dặn lại:

- Từ rày có thơ thì gửi cho tôi xem.

Tôi kính đáp:

- Cháu xin nhớ lời Cụ.

*

* *

Mấy tháng sau, Hằng Phương có đan bốn chiếc áo sợi cộc tay. Ở cổ mỗi chiếc áo, phía trong, Hằng Phương có đính bốn câu thơ ngũ ngôn và gửi áo đến Bộ Quốc phòng, yêu cầu gửi cho chiến sĩ ngoài mặt trận. Hằng Phương có chép bốn bài thơ gửi lên Hồ Chủ tịch để Người xem, như lời Người dặn. Người đã bảo đưa bốn bài thơ báo đăng. Tôi không nhớ thơ và cũng không nhớ báo nào. Tất cả bản thảo và sổ tay của chúng tôi đều bỏ lại nhà, khoá trái cửa lại và ra đi kháng chiến (19-12-1946). Nhà của chúng tôi đã bị giặc Pháp đốt phá trong thời Hà Nội bị tạm chiếm.

Bao nhiêu sách của chúng tôi - tất cả 2000 cuốn không kể các tài liệu viết tay - các cố đạo Dòng chúa cứu thế ở Nam Đồng lấy đi mất cả. Năm 1955, tôi có nhờ ông Ngô Tử Hạ giới thiệu tôi gặp ông cố Đại phụ trách tu viện. Tìm khắp các phòng còn được 13 quyển (trong này có 3 quyển *Kinh dịch* do anh Ngô Tất Tố tặng tôi, sách của tôi đều có đóng dấu và chữ ký). Họ nói các trường đạo đã đưa sách vào Nam mất.

Hằng Phương đã có mấy câu thơ về nơi chúng tôi ở cũ khi chúng tôi mới ở Việt Bắc về:

Từ núi rừng chiến thắng
Về thăm lại vườn xưa
Giặc đốt nhà cháy trụi
Trơ nền cũ nắng mưa[*] ...

Sau khi gửi bốn chiếc áo sợi đến Bộ Quốc phòng để nhờ Bộ chuyển cho chiến sĩ, Hằng Phương đã nhận được thư sau đây của Bộ:

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 1946
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
Kính gửi: Bà Hằng Phương - Thái Hà ấp

Thưa bà.

Uỷ ban vận động mùa đông giúp binh sĩ đã nhận được bốn chiếc áo len[**] khâu bốn bài thơ của bà gửi tặng các chiến sĩ ngoài mặt trận.

Thay mặt các anh em binh sĩ, bộ đội và dân quân, chúng tôi đã cho gửi bốn chiếc áo quý ấy ra cho anh em chiến sĩ ở mặt trận Nam và Bắc. Vậy xin báo cho bà rõ.

Kính thư
Thứ trưởng
Tạ Quang Bửu

Trong suốt đời làm thơ của mình, có bài thơ nào Hằng Phương cho là được, cô đều chép gửi lên Hồ Chủ tịch xem. Những ngày Người đã yếu, Người còn chú ý đến bài bút ký: "Trong cao trào ba đảm đang - Hướng ra tiền tuyến" của Hằng Phương đăng trên báo *Nhân dân* (số 5383 ra ngày 8-1-1969) viết về Đại đội Thanh niên xung phong 333 ở cầu Cấm (Thư Bác Hồ gửi thanh niên xung phong số 333 - Báo *Nhân dân*, số Chủ nhật 9-2-1969).

(*) *Hương đất nước* - Tập thơ của Hằng Phương, bài *"Vui ngày kỷ niệm"* (trang 66), Nxb. Văn học, 1976.
(**) Thực ra là áo sợi.

Bốn bức tứ bình gồm 12 bức hoạ về anh hùng lao động Nguyễn Thị Song, do con gái chúng tôi là Vũ Giáng Hương vẽ và có mười hai bài thơ minh hoạ của Hằng Phương, hai mẹ con cũng được vinh dự gửi lên Bác xem. Sự chú ý của người đến công việc sáng tác của anh chị em văn nghệ đã làm cho giới văn nghệ phấn khởi vô cùng.

Trong bài nhà văn Liên Xô Puph Bec-sat-xki phỏng vấn Người[*], người hỏi nhà văn Liên Xô:

- Các bạn có gặp các nhà văn của chúng tôi không?

- Có ạ. Với Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, nữ thi sĩ Hằng Phương. Đáng tiếc là nhiều người khác lúc này không có mặt ở Hà Nội.

Đồng chí Hồ luôn luôn đưa tay ra hiệu ngắt lời người phiên dịch, ý nói, cứ vậy Người cũng hiểu cả rồi. Đấy, Người cũng nhẹ nhàng ra hiệu cho người phiên dịch không phải dịch, quay sang nói với tôi bằng tiếng Nga:

- Sao lại đáng tiếc? Ngược lại, họ đi khắp đất nước là rất tốt. - Và đến đây hoá ra là Chủ tịch biết gần như tất cả mọi chi tiết công việc mỗi nhà văn đang làm - Như tôi biết - Người nói - chính Tô Hoài mà các bạn đã gặp, hằng năm đều đi đến các vùng dân tộc ít người ở miền núi, nơi anh ấy đã chiến đấu, cái đó cũng rất tốt! Hằng Phương mà các bạn cũng đã làm quen với nữ thi sĩ ấy, trong thời gian cải cách ruộng đất, đã về nông thôn và ở đó, cùng lao động với nông dân. Do đó, thơ của cô ta, như các bạn hiểu đấy, chỉ hay hơn mà thôi. Và Nguyễn Đình Thi bao giờ cũng sát bên nhân dân. Cả nhà thơ xuất sắc Tố Hữu của chúng tôi cũng vậy. Và như vậy là đúng, phải như vậy, chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng cho sáng tác của nhà văn bằng những nguồn nhựa sống. Còn nếu nhà văn quên điều đó, nhân dân cũng sẽ quên anh ta...

(*) Một lần gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh (*Văn nghệ*, số 20, 17-5-1980). Trích ở cuốn *Cách đường xích đạo hai bước* do Thuý Toàn dịch.

HỒ CHỦ TỊCH NĂM NAY*

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Một con đường sạch sẽ và dài dẫn tôi vào. Tôi có cảm tưởng đi giữa một công viên Hà Nội với rất nhiều péc-gô-la. Sự thực, hai bên tôi toàn là vườn rau dền, dền xanh, dền tía, dền đỏ; giàn toàn thị là giàn mướp, giàn bầu. Một vài giàn mướp đã trổ hoa vàng bướm lượn tíu tít. Mây bay không làm vẩn trước sau dịp lễ chúc thọ. Chiều hôm nay bình tĩnh lắm. Sau một trận mưa, trời bắt đầu hửng nắng. Ánh hồng trên các thân cây.

Tôi lâng lâng vui, đồng thời cũng ngại ngại, cái ngại dĩ nhiên của một người sắp đến trước một vĩ nhân. Tôi đã được gặp Cụ ở Bắc Bộ phủ, ở các cuộc mít tinh, ở mấy cuộc hội nghị, những buổi dạ hội tại Nhà hát lớn Thủ đô. Nhưng từ ngày kháng chiến, tôi không được gặp Cụ và bị kích thích mạnh mỗi khi nghe các bạn kể lại những chuyện về Cụ: Cụ đánh vô lê, Cụ tăng gia, Cụ đi kinh lý mặt trận, Cụ đem cái vui và niềm tin đến cho bao nhiêu hội nghị. Cụ tiễn chân các cán bộ tới thăm Cụ, một buổi chiều lẫn lộn cây cối và mưa gió của chiến khu, v.v.. Cho nên lần này đi chúc thọ Cụ, tôi vẫn có cái náo nức của những buổi đầu tiên gặp Cụ.

*

* *

Tôi biết trước rằng Hồ Chủ tịch sẽ giản dị lắm. Đối với Cụ, cái ngày trọng đại này(**) sẽ cũng giản dị như mọi ngày thường.

(*) Năm 1950.

(**) Ngày 19-5.

Ngay bây giờ, ta có thể hình dung được Hồ Chủ tịch trong ngày chiến thắng nay mai: nghĩa là giản dị vô cùng.

Tôi biết trước như vậy. Chẳng có gì đâu. Nhưng sao mà rất khác. Vườn dền dẫn đến một khu rất đông người, nhiều cây và nhiều khoảng nắng. Chỗ nào cũng có thiếu nhi. Chúng nhảy tung tăng. Chỉ nhìn theo chiều mắt lóng lánh của chúng cũng biết Cụ ở chỗ nào. Và tôi gặp Cụ. Một câu nói vui của Cụ. Một cái bắt tay. Chụp ảnh. Những nụ cười chung quanh. Tôi trở về với gia đình. Trán Cụ chiều nay không có nét răn, nước da hồng sáng. Bộ áo ka ki cũ và mềm, phơn phớt trắng hồng càng tôn nước da, và làm cho cử chỉ thoải mái, thanh niên. Có một cái gì quyến rũ trong đôi mắt thẳm sâu, phản ánh những khóc cười của dân tộc. Cái ngại ngại trong tôi không còn nữa. Tôi nghe trong tôi những lời của Chủ tịch. Giữa Chủ tịch và tôi không có sự cách biệt nào.

Tiếng "chú" Cụ dùng để gọi mọi người, tiếng "Bác" mọi người dùng để gọi Cụ trao đi đổi lại, tự nhiên, tíu tít, sum vầy, trong phòng khách. Bao vây Hồ Chủ tịch đây là cả Việt Nam thu gọn do những đại biểu muôn vẻ muôn màu. Ông Hoàng Quốc Việt nhanh nhẹn và niềm nở. Cụ Phan Tất Tuân râu tóc bạc phơ giữ vẻ cung kính của một nhà nho. Linh mục Phạm Bá Trực xuề xoà. Cụ Tôn Đức Thắng người công nhân lão đại. Ông Trường Chinh nhỏ nhắn nói chuyện vui vẻ cùng mọi người. Chị Hồ Thị Minh ở Hội nghị phụ nữ Bắc Kinh mới về, nói lên ở đây tiếng nói yêu thương của Nam Bộ. Ông Phan Anh thấp, vững đang nghĩ một bài tập Kiều mừng Cụ. Phó Thủ tướng(*) gân guốc như một bức tượng đồng. Đại biểu thanh, công, nông, phụ. Và lại thiếu nhi. Thiếu sinh quân, Thiếu nhi nghệ thuật, Thiếu nhi địa phương. Cháu nhìn Bác không chớp mắt. Cháu bên vai Bác nũng nịu. Cháu ngồi dưới chân Bác, nghểnh cổ lại há mồm. Cháu biếu Bác một bài hát. Cháu dâng Bác một cây sáo mộc. Bác hỏi cháu cách thổi, và chiều cháu, thổi lên một tiếng dài hơi khiến các cháu nhảy nhót, vỗ tay thích chí. Anh hùng lao động, Anh hùng tăng gia ngồi bên những bộ trưởng và các tướng tá

(*) Phạm Văn Đồng, bấy giờ là Phó Thủ tướng Chính phủ.

của quân đội nhân dân. Dân quân có rất nhiều đại biểu, tượng trưng cho sự trưởng thành mau chóng của địa phương quân. Những anh hùng của những vùng tạm bị giặc chiếm đang giằng co từng tấc đất, từng con người với giặc. Bình Trị Thiên, xã Phùng Thượng Sơn Tây, đường số 5, Hà Nội.. Lá cờ đỏ thêu chỉ vàng: *Vạn thọ vô cương*, tặng phẩm của Hoa kiều mười tỉnh Việt Bắc, chói lọi gian phòng; đại biểu, ông Văn Trang, còn giữ nguyên phong thái của một sinh viên du học châu Âu. Tôi ngồi gần một chiến sĩ cụt tay trong Đại đoàn 308, đồng chí Lê Chi, da mặt sạm đen và nghe anh thủ thỉ:

- Tôi thật chỉ thích làm đội viên. Tôi đã đánh trận Á Lữ, Nghĩa, Lai Tê. Ở tổ giật mìn vui lắm. Tôi không ngờ lại gặp Bác. Chỉ tiếc rằng nhiều anh em không được may như tôi. Nhưng thôi, tôi gặp thì cũng như là các anh em gặp.

Chợt Đại tướng Võ Nguyên Giáp giới thiệu anh với Cụ: Một quân nhân gương mẫu và kỷ luật, mười một lần bị thương, bị cụt tay trong trận xung phong diệt đồn Yên Phụ. Một tiếng: Có! Rất gọn, anh bước ra, ngượng nghịu, tay áo phải lủng lẳng, nét mặt võ vàng. Mọi người im, chăm chú nhìn anh. Cụ rẽ các cháu bước ra, bắt tay anh, kéo anh về ngồi bên cạnh. Tôi không nghe rõ câu chuyện giữa Cụ và người chiến sĩ, chỉ thấy sau lưng Cụ, cửa sổ tròn, để lọt một mảnh trời sao lấp lánh. Mãi đến khi ông Trần Văn Giàu đọc những điện văn của các chính phủ, đoàn thể các nước bạn chúc mừng ngày lục tuần đại khánh của Cụ, phòng họp mới trở lại cái tíu tít ban nãy. Những tên Sta-lin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh quyện nhau trong một tinh thần quốc tế mà cảnh sum vầy ở góc trời này, hôm nay, càng làm bật rõ ý nghĩa thâm trọng. Sau những lời hô khẩu hiệu đáp lại tình hữu nghị, bài hát *Hồ Chí Minh muôn năm* cất lên vang lừng. Anh Lê Chi đứng bên Cụ hát, vụng về nhưng với tất cả cái say sưa của một người quyết tử.

Cụ bước lại bắt tay cha Trực và nói:

- Tôi bắt tay Quốc hội[*], tức là bắt tay toàn dân, và xin cám ơn Quốc hội, Chính phủ, các đoàn thể nhân dân đã tới đây chúc

[*] Linh mục Phạm Bá Trực là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội (khoá I).

thọ tôi. Cụ rung tiếng: Nhờ Quốc hội và Chính phủ lãnh đạo, nhờ các đoàn thể và các báo chí động viên dân chúng nên cuộc kháng chiến mới đạt tới kết quả vẻ vang ngày nay. Hiện giờ lệnh tổng động viên đã được ban ra, mọi người lại càng phải cố gắng hơn nữa, chuẩn bị mau chóng đầy đủ để chuyển sang Tổng phản công.

Gò má Cụ đỏ bóng trong cuộc xướng hoạ thơ.

Kết thúc cuộc xướng hoạ, cha Trực hát một đoạn thánh kinh mừng Cụ:

O Remus
Pro Domino nostio Ho Chi Minh
Dominus conservet eum, et
Vivificet eum et Beatam
Facial eum in terra, et
Non tiodat eum in animam
Inimi corum ejus!

Hỡi các giáo hữu ta hãy nguyện chúc cho vị Chủ tịch quý mến của chúng ta, Hồ Chí Minh, xin Thiên Chúa hằng gìn giữ cho Người, xin Thiên Chúa hãy ban cho Người hưởng trường thọ và được hạnh phúc thật trên cõi đời. Xin Thiên Chúa hằng hộ vực và che chở Người cho khỏi mọi mưu chước của kẻ thù của Người (cũng là kẻ thù chung của nhân loại)..

Tiếng hát âm vang, trang nghiêm. Phòng thốt nhiên im lặng, phảng phất một cái gì cao rộng, bao trùm. Cụ nắm tay cha Trực rất lâu.

Trong buổi dạ hội nhạc kịch do các Thiếu sinh quân và Thiếu nhi nghệ thuật trình bày, Bác lại ngồi giữa các cháu. Lúc buông màn, tôi nghe Bác nói với các huynh trưởng của hai đoàn: Đừng để cho các cháu nó đói. Phải lo cho các cháu nó được học, được tiến bộ. Tôi không rõ được Bác nói gì với các cháu, vì tôi đứng xa, và Bác nói sẽ, nhưng chợt thấy các em đồng thanh thưa: Có ạ, có ạ, âm hưởng trong hơn tiếng hát; những bàn tay nhỏ xíu vỗ chung quanh Bác, đẹp như những cánh hoa. Cả cái thế giới thiếu nhi ấy lại tranh nhau gần Bác, cầm tay Bác, víu vai

Bác. Cổ áo xộc xệch, một vai lún xuống. Bác trở về phòng, tưởng không gỡ khỏi những ngón tay và những tiếng giòn giã reo hò của các cháu.

Hôm sau, các đại biểu ra về. Chúng tôi còn ở lại. Sớm tinh sương, chúng tôi gặp Cụ đi nhanh trên một con đường nhỏ trong phủ, áo may ô nâu hở ngực, choàng ngoài chiếc áo ka ki mềm gió thổi phồng hai tà, vườn dền, giàn mướp, lá cây làm nổi bật nước da hồng và tóc bạc. Bác chia kẹo cho các cháu, trước khi đi họp Hội đồng Chính phủ. Bác đứng trên thềm vẫy tay tiễn các cháu và các đại biểu lên đường. Tịch mịch lại trở về đây. Giờ họp điểm. Cụ rảo bước chân kịp các bộ trưởng đi trước, hồ sơ cắp nách, một tay bá vai ông Nghiêm Xuân Yêm vừa đi vừa nói chuyện, trông xa như một cặp học sinh. Buổi chiều, tôi đang ăn cơm. Cụ đến sau lưng, đặt tay lên vai hỏi: Chú ăn được mấy bát. Chúng tôi hỏi lại Cụ, Cụ nói:

- Tôi ăn được hai bát.

Tôi se se trong lòng. Cụ cười và tiếp:

- Trước kia bằng tuổi các chú, tôi ăn được bốn năm bát, cái thứ bát mà ta gọi là bát ngô ấy.

Cơm nước xong, Cụ hò mọi người:

- Bây giờ nghe tin tức.

Đèn điện bật sáng. Các bộ trưởng, các nhân viên, các tiếp tế, chúng tôi ngồi chung quanh Cụ bên vườn, trên một miếng đất rộng. Cụ để một chân lên ghế, một chân buông thõng xuống, dẫm lên chiếc dép cao su trắng. Chị Hồ Thị Minh đọc bản tin tiếng Việt xong, ông Trần Công Tường đọc bản tin tiếng Pháp. Những con mối cánh bay đến hằng trăm hằng nghìn, dưới bóng đèn, rơi lả tả trên tóc, trên vai, trên cổ người đọc. Ông vừa đọc vừa phủi. Mọi người cười. Cụ cũng cười, nhưng lặng lẽ đứng lên, rút chiếc khăn mù soa trong túi ra, đến sau lưng ông, lấy tay gạt hết những con sa trên tóc, trên vai, trên cổ ông, sẽ đặt chiếc khăn lên trên đầu ông và từ từ trở về chỗ cũ giữa lúc đến cái tin

ngày lễ Quốc tế lao động, hình Hồ Chủ tịch được rước trong những cuộc mít tinh đồ sộ tại Thủ đô Mạc Tư Khoa bên những hình các lãnh tụ thế giới, chúng tôi vỗ tay sung sướng tự hào.

Bắt tay chúng tôi, ngày hôm sau khi chúng tôi trở về, Cụ nhắc lại bốn điểm thi đua giữa các báo: Đúng chính trị - Văn chương hoạt bát - Ít tếu - Hình thức giản đơn. Anh em đã đi được vài bước, Cụ còn nói với:

- Nhớ là 19-8 thì Tổng kết. Các chú cố gắng lên. Giải thưởng đã có rồi đấy.

Chúng tôi từ biệt Chủ tịch, chưa qua hết vườn dền, giàn mướp, lòng đã nao nao nhớ. Rừng đã điệp trùng. Tôi quay lại... Ở đây, chiến khu tịch mịch, rung động trái tim bao la tình yêu của Bác, sáng lên hy vọng của kháng chiến, tương lai của dân tộc.

TRONG NGÀY THỐNG NHẤT VIỆT MINH - LIÊN VIỆT

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Ngày mồng ba tháng ba, trước Đại hội Việt Minh - Liên Việt thống nhất toàn quốc, Đảng Lao động Việt Nam ra mắt quốc dân(*).

... Ông Trường Chinh thay mặt Đảng chào mừng Đại hội mặt trận, trình bày chính cương của Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

- Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ: *Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc*.

Quá khứ đấu tranh. Hiện tại kháng chiến. Tương lai xây dựng. Bước đường đi lên của dân tộc. Và dân tộc thừa nhận Đảng là đội quân tiền phong của mình. Mặt trận nhận thấy ở các lãnh tụ Lao động những người lính xung kích mà lời nói, việc làm đều thể hiện cái tinh thần phục vụ nhân dân, cái nhiệt tình cách mạng, cái ý chí quyết liệt đánh giặc dựng nước.

Trung, Nam, Bắc sum họp. Công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên sát cánh. Đại biểu miền núi. Những người hai ba chục năm bôn ba cách mạng, nay mới trở về, đại diện cho tất cả đồng

---

(*) Việt Minh: Gọi gắt của Việt Nam Độc lập Đồng minh hội, thành lập ngày 19-5-1941; Liên Việt: Gọi tắt của Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, thành lập ngày 29-5-1946. Tháng 11-1945, do yêu cầu của cách mạng, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán (thực chất là rút vào bí mật). Ngày 3-3-1951, khi Đảng trở lại hoạt động công khai thì hai tổ chức Việt Minh và Liên Việt cũng hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt. Tại Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch danh dự và ông Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt.

bào hải ngoại, góp cái ý chí đoàn kết của những người xa Tổ quốc, luôn luôn hướng về Tổ quốc. Đại biểu miền hậu địch: chị phụ nữ ngoại thành Hà Nội, chị phụ nữ Mai Đà, một tay phục hồi cơ sở chiến đấu của huyện mình, xây dựng chiến khu du kích. Chiến sĩ Quân Tiên Phong. Chiến sĩ thi đua. Chiến sĩ nông nghiệp. Anh hùng lao động. Bên cạnh, mấy thương binh chiếc tay áo lòng thòng. Các vị linh mục chậm rãi, hiền từ. Những thân sĩ đầu bạc râu trắng. Cụ Thi Sơn, Bí thư cũ của nhà anh hùng cứu quốc Đề Thám, trên diễn đàn, nói những lời rắn rỏi:

- Chúng ta đã đoàn kết, chúng ta lại có Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo, thì không nói một Pháp, mà mười Pháp chúng ta cũng đập tan, không nói một can thiệp Mỹ, mà mười can thiệp Mỹ chúng ta cũng đánh chết...

Đại hội Việt Minh - Liên Việt thống nhất là nước Việt Nam thu hẹp lại. Đảng Lao động Việt Nam là lực lượng trụ cột của đấu tranh. Đại hội quây quần chung quanh lãnh tụ Hồ Chí Minh. Chủ tịch ôm trong lòng một em bé. Tất cả mọi người nói: Chúng ta chiến đấu cho tương lai em bé, cho tương lai dân tộc. Em bé ngày mai sung sướng hay khổ sở là do chúng ta. Nhưng nhất định là em bé sẽ được sung sướng.

Sau khi ban tổ chức giới thiệu thành phần đại biểu trong Đại hội, Hồ Chủ tịch giơ tay xin nói. Và Người đứng lên, tay ôm em bé, vừa cười vừa nói:

- Ban tổ chức giới thiệu sót thành phần thiếu nhi. Vậy tôi xin giới thiệu cho đủ.

Hội trường vỗ tay. Em bé cũng đập hai bàn tay nhỏ xíu vào nhau, và nhảy nhót trên vai Hồ Chủ tịch.

Những người tới đây để thảo luận những điều quan thiết đến vận mạng dân tộc, lại là những người có cái vui hồn nhiên, thẳng thắn. Những buổi ngoài hội trường, các đại biểu nắm tay nhau, mời nhau nhảy múa những điệu Trung Hoa, Tiệp, Hung, Phần Lan. Thanh niên chưa chắc đã hăng hái tham gia bằng các

thân sĩ, các bộ trưởng, các nhà sư, các giáo sĩ, các lãnh tụ chính đảng, các tân khách Miên, Lào. Những cụ già xuất thân Khổng giáo, mặc quốc phục, tay cầm gậy, thốt nhiên không còn cái vẻ cứng nhắc, nghiêm nghị của nhà nho. Các cụ hướng chòm râu bạc ra phía những người đứng chung quanh đang vỗ tay, nhún chân đánh nhịp theo điệu kèn. Hồ Chủ tịch khi đi đầu, khi lẫn trong đám rồng rắn kéo dài, ngoằn ngoèo uốn khúc, nhiều màu, nhiều lứa tuổi. Tiếng reo hò ầm ĩ. Tất cả những ông già công kênh Hồ Chủ tịch lên vai. Theo sau là chị em phụ nữ, anh em thanh niên giơ tay nhưng vui quá quên cả vỗ tay.

Âm nhạc nghỉ. Đại biểu vào hội trường. Một lúc mới thấy Hồ Chủ tịch trở vào. Cụ ôm trong tay một chiếc áo dạ, sẽ đặt xuống bàn của hoàng thân Xu-pha-nu-vông. Đấy là áo mà vị đại biểu nhân dân Lào đã cởi ra trong lúc tưng bừng nhảy múa, và quên khuấy không đem vào. Sức mạnh của chúng ta không những ở ý chí chiến đấu quyết liệt. Sức mạnh của chúng ta còn nhiều ở tình yêu. Ông Trường Chinh, nghe xong lời phát biểu chân thành của ông Sieu Heng, đại biểu nước Miên tự do, chạy lên ôm lấy ông ở trước diễn đàn. Ông Hoàng Quốc Việt đứng sau bục chủ tịch đoàn, hồi lâu không nói được, sau khi ông Bồ Xuân Luật tuyên bố Cách mạng đồng minh hội, theo gương Việt Minh, tự nguyện hoà vào Liên Việt. Người lính thuỷ lão thành Tôn Đức Thắng mà đại hội suy tôn làm Chủ tịch Mặt trận dân tộc thống nhất, trao tặng phẩm cho những chiến sĩ có công trong mọi ngành hoạt động, hôn mọi người như cha con. Niềm vui và tình thương yêu đã làm cho Đại hội thành công trong cái ý chí đại đoàn kết, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hoà bình. Đại hội đã bế mạc với một hình ảnh tươi sáng. Hình ảnh chim bồ câu trắng bay trên thành bục chủ tịch đoàn. Khi anh hoạ sĩ vừa dán xong con chim cuối cùng lên vai bức chân dung Hồ Chủ tịch, cả hội trường đứng lên, mỗi người vẫy trong tay một con chim bồ câu. Ra khỏi hội trường, con chim bồ câu ấy vẫn bay mừng trên tay các đại biểu. Nó vui và nhẹ, và cũng nặng trĩu nghiêm trang. Các đại biểu ký vào bản nghị quyết hưởng ứng hiệu triệu của Hội đồng

bảo vệ hoà bình Bá Linh. Chúng ta thấy nặng thêm nhiệm vụ, lớn thêm chiến đấu, ấm thêm trong tình nhân đạo bao trùm thế giới. Chúng ta biết chỉ có hoà bình mới đem lại cho chúng ta hoàn toàn tự do, hoàn toàn hạnh phúc. Chúng ta đánh giặc vì ý nghĩa ấy. Chúng ta căm thù giặc cũng vì ý nghĩa ấy.

Tin chiến thắng gửi về mừng Đại hội. Mỗi tin chiến thắng của ta là một tiếng nói của hoà bình. Thông cáo, công văn, tiệp báo là những cánh chim bồ câu bay về Đại hội, bay toả trong toàn cõi Việt Nam, bay truyền tới Liên Xô, gặp gỡ trong một cuộc bay tới tấp, tưng bừng, những cánh chim bồ câu của thế giới từ tay thống chế Sta-lin bay đi khắp nơi, khắp cõi...

Chủ tịch Hồ Chí Minh với các diễn viên Đoàn sân khấu - điện ảnh
(diễn viên Trà Giang đứng cạnh Bác) (28/9/1968)
Ảnh: Vũ Đình Hồng - BTHCM

NGƯỜI MÃI MÃI DẪN ĐƯỜNG CHO CHÚNG TA

HỮU MAI

Vào một mùa xuân cách đây hai mươi chín năm, bóng tối còn phủ dày trên khắp đất nước, con đường mòn nằm giữa những nương rẫy bỏ hoang trên một trái núi khuất nẻo ở miền biên giới phía Bắc đã được đón Người. Từ ngày Người ở Sài Gòn ra đi, đã ba mươi năm qua. Và Người đã trở về. Người hôn nắm đất đầu tiên của Tổ quốc. Nắm đất đó đã cùng Người đi vào lịch sử. Buổi chiều nào, bên dòng suối nhỏ ở chân núi Pác Bó, Người viết những câu thơ:

Đây suối Lê-nin, kia núi Mác
Hai tay xây dựng một sơn hà.

Cũng như tất cả những lời nói, những câu thơ giản dị của Người, có những điều mà mãi về sau chúng ta mới hiểu được thật sâu sắc. Mỗi lời Người nói ra đều mang một ý nghĩa vĩ đại, vì một lẽ giản dị: Người là một người con vĩ đại của dân tộc và của giai cấp.

Chính ở đây, bốn năm sau, Người đã nói lên những ý lớn về việc xây dựng những đội du kích bé nhỏ thành lực lượng vũ trang cách mạng lớn mạnh sau này của nhân dân ta. Những đồng chí ở quanh Người khi đó kể lại: Đầu mùa đông năm 1941, Bác từ Liễu Châu trở về Pắc Bó trong bộ quần áo màu chàm của đồng bào Nùng, người gày và yếu. Gần hai năm qua, trong một chuyến ra ngoài, Bác đã bị bọn Quốc dân đảng Trung Hoa bắt giữ (mãi về sau chúng ta mới được biết nhiều

về những ngày Người bị giam cầm qua tập thơ *Nhật ký trong tù*). Một đêm giá lạnh, nằm gối đầu trên khúc gỗ cứng trong căn lán nhỏ náu dưới lùm cây ở sườn núi, Bác đã nói về việc thành lập Đội Quân giải phóng Việt Nam. Bác đã vạch ra từ tổ chức, phương châm hành động đến miếng cơm, viên đạn cho đội quân cách mạng sắp ra đời.

Núi rừng Việt Bắc im ắng sau những ngày khởi nghĩa Bắc Sơn lại âm vang tiếng súng của các đội Giải phóng quân, Cứu quốc quân từ Cao - Bắc - Lạng đến Thái - Tuyên - Hà. Và từ đó đến nay, tiếng súng không bao giờ tắt. Vì theo lời của Người: "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi".

Trên mỗi chặng đường nếm mật nằm gai đầy chiến thắng và vinh quang của quân đội ta, đâu đâu cũng in hình bóng của Người.

Vào những ngày hôm trước của Cách mạng tháng Tám, vận mệnh của dân tộc đã có lúc bị đe doạ. Những trận sốt nguy hiểm ập đến với Người. Hễ tỉnh sốt, Người lại gọi các đồng chí ở chung quanh tới dặn dò. Người nói: "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập". Giữa rừng xanh, thuốc men không có, Người chống trả với bệnh tật bằng nghị lực của mình. Cuối cùng bệnh tật phải lui. Đất nước cảm ơn Người. Lịch sử Việt Nam đã tránh được một tổn thất cực kỳ lớn lao.

Dưới bàn tay chèo lái của Người, Cách mạng tháng Tám đã thành công. Những đội quân giải phóng tiến về phía Nam. Đất nước bước vào một kỷ nguyên mới. Con thuyền quốc gia Việt Nam mới chỉ ở vào những ngày sóng gió đầu tiên.

Chỉ hơn một năm sau, một tối mùa đông, đèn điện ở Thủ đô Hà Nội phụt tắt. Lời kêu gọi cả nước kháng chiến của Người truyền đi. Không còn là "tiếng súng lẻ loi giữa đêm trường tịch mịch" của những người tư sản và tiểu tư sản năm xưa. Tiếng súng đánh Pháp cứu nước nổ ran khắp từ Nam chí Bắc. Trận

đánh lớn giữa nhân dân ta và chủ nghĩa đế quốc bắt đầu. Bác Hồ năm mươi sáu tuổi dẫn đường toàn dân bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ.

Miền Nam đánh giặc bằng gậy tầm vông, dao găm và súng sáu. Miền Bắc đánh giặc bằng mã tấu, bom ba càng và lựu đạn lọ mực. Người nói với các chiến sĩ, tự vệ Thủ đô: "Các em quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Những người thanh niên Hà Nội bỏ kìm búa tại xưởng máy, buông sách vở trên ghế nhà trường, cầm lựu đạn, súng chim ra ngã ba đường cản xe tăng địch. Nghe lời Người, họ buộc lên cổ chiếc khăn quàng đỏ của quân quyết tử, đánh giặc suốt sáu mươi ngày giữa Thủ đô khiến cho kẻ thù kinh ngạc.

Sáu mươi tuổi, Người trèo non vượt suối cùng bộ đội đi chiến dịch Biên giới. Những ai đã được gặp Người với chiếc nón lá, cái khăn bịt râu, đôi dép lốp trên con đường nằm giữa muôn vàn quả núi đá Trùng Khánh - Quảng Uyên. Ai quên được hình ảnh của Người với cái mũ to vành, chiếc áo bộ đội có cầu vai mở cúc ngực, ống quần xắn cao, ngồi trên một đỉnh núi ở Đông Khê, mắt đăm đăm theo dõi trận đánh của Trần Cừ, La Văn Cầu. Được sự cổ vũ của Người, các chiến sĩ đã xông lên tiêu diệt hoàn toàn hai binh đoàn quân viễn chinh tinh nhuệ của địch, mở thông cả biên giới phía Bắc.

Những cán bộ, chiến sĩ vượt sông Hồng tiến vào miền Tây trong chiến dịch Tây Bắc với một câu chuyện, một hình ảnh của Người. Dọc đường Người tới hội nghị trao nhiệm vụ chiến dịch cho cán bộ, trời mưa to. Đến một con suối, nước lũ đổ về rất lớn. Ai nấy ngập ngừng chưa biết tính sao. Người đã dấn bước đầu tiên xuống dòng suối, mọi người đi theo. Và cả đoàn đã vượt qua con suối lũ nguy hiểm. Bài học quyết tâm đó của Người đã thấm sâu vào các chiến sĩ trong đêm vượt đèo Khâu Vác mây phủ với đôi bàn chân rỗ nát ứa máu và những ngày không ăn, không ngủ đuổi giặc trên đường 41. Bộ đội ta đã giải phóng cả cánh đồng Nghĩa Lộ rộng lớn, khiến quân giặc kinh hoàng, bỏ đồn rút chạy hàng trăm ki-lô-mét tới tận Nà Sản.

Trên khắp nẻo đường chúng ta đi dù về Đông hay sang Tây, vào Nam hay lên Bắc, ở đâu chúng ta cũng thấy trước mắt hình ảnh của Người. Bác dạy chúng ta thương yêu dân, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, quyết đánh quyết thắng kẻ thù. Ở Thất Khê, Bác dạy bộ đội phải ăn ở cho hợp vệ sinh, phải tôn trọng tập quán, tín ngưỡng của đồng bào. Bác căn dặn cán bộ khi lên đường đi chiến dịch Tây Bắc phải nắm vững quân số. Chúng ta không chỉ tìm thấy ở Người một đồng chí lãnh đạo, chỉ huy tuyệt vời mà còn thấy ở Người một người cha với tình thương yêu rộng lớn. Tuân theo những lời dạy bảo cụ thể, chu đáo, tỉ mỉ của Người, chúng ta đã sớm thành những chiến sĩ giỏi, những cán bộ tốt của quân đội cách mạng. Chưa tròn mười tuổi quân, trong dịp mừng thọ Người sáu mươi tư tuổi, chúng ta đã làm nên chiến công thần kỳ Điện Biên Phủ, đánh bại hoàn toàn kẻ thù đế quốc trong hiệp đầu, giành lại nửa nước, kết thúc một chặng đường lịch sử.

*

* *

Miền Bắc đã sống trong độc lập, hoà bình. Cuộc đời mới tươi nở trên nửa nước. Thủ đô đón Người trở về. Vầng trán Người cao hơn, mái tóc Người bạc thêm. Mỗi thu nắng đẹp Ba Đình, đất nước lại nghe giọng nói trầm ấm của Người hát bài ca "Kết đoàn". Người đang đi vào tuổi bảy mươi. Nhưng chúng ta vẫn chưa ai nghĩ Người đã già. Đó cũng là điều sau này chúng ta mới hiểu. Người đã vì tất cả chúng ta mà đem hết nghị lực để đẩy lùi năm tháng. Người đã vì chúng ta mà đi lưng không còng, ngồi không mỏi, giữ nụ cười tươi, giọng nói ấm khoẻ.

Những người trẻ tuổi sau một ngày sản xuất, tối nay dắt tay nhau đi trên con đường có những hàng cây cao mát, chạy từ quảng trường Ba Đình tới Hồ Tây, tới vườn Bách Thảo, nhìn ngôi nhà Phủ Chủ tịch với những cánh cửa khép đứng im lìm dưới ánh trăng. Họ thầm cảm ơn Người đã mang lại cuộc sống mới hạnh phúc cho mình. Nhưng họ bỗng thấy lòng nao nao... Từ những ngày cách đây bốn mươi nhăm năm, sống trong căn

buồng nhỏ tại một ngõ hẹp phố Công-poanh nước Pháp, đến những ngày Cách mạng tháng Tám thành công cho đến nay, cuộc sống riêng của Người vẫn không thay đổi. Ở đây, Người sống trong một căn nhà nhỏ tại khu vườn của Phủ Chủ tịch. Người vẫn mặc bộ quần áo ka-ki bạc màu ngày nào, vẫn đi đôi dép cao su đen. Mỗi bữa cơm, Người vẫn thích những món ăn giản dị...

Tối nay, ngọn đèn trong căn nhà của Người vẫn sáng. Người lo trăm công, ngàn việc cho đất nước, cho mỗi người chúng ta. Một con đường Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội... Một lời nhắn nhủ những người cầm bút phải biết giữ gìn tiếng nói của dân tộc... Người lo việc trước mắt: bát canh ngọt cho người già, chiếc áo hoa cho em nhỏ, cốc nước mát cho những người lao động, con đường dạo chơi cho lứa tuổi thanh niên. Người lo việc lâu dài: trồng cây mười năm, trồng người trăm năm, xây dựng xã hội mới con người mới.

Và nếu họ biết đêm nay, giấc ngủ của Người thao thức! Trong trái tim lớn của Người còn mười bốn triệu đồng bào miền Nam ruột thịt chưa được giải phóng. Những đau thương của đồng bào nửa nước làm cho Người ăn không ngon, ngủ không yên.

Người dành cả cuộc đời vì đất nước. Cả đất nước vì độc lập, tự do, vì Người, lại một sớm lên đường. Lớp người ngày trước được Người đào tạo từ Quảng Châu, Pắc Bó, Tân Trào, suốt cả thời kỳ chống Pháp. Lớp người ngày nay ra đời trong ánh bình minh của Cách mạng tháng Tám, được bàn tay chăm sóc của Người ngay từ khi mới lọt lòng. Các thế hệ do Người đào luyện lại viết tiếp thiên sử vàng chống Mỹ, cứu nước.

Người đã quá tuổi bảy mươi. Vì đất nước, Người nói với chúng ta:

Bảy mươi tư tuổi vẫn không già,
Cố gắng làm tròn nhiệm vụ ta.
Bao giờ Nam Bắc một nhà
Dân giàu, nước mạnh thì ta vui lòng.

Đêm đêm, ngọn đèn vẫn sáng trong căn nhà nhỏ của Người.

Người băn khoăn vì các chiến sĩ lái máy bay ngồi chờ địch trong buồng lái nóng bức. Người lo cho các chiến sĩ cao xạ ngồi trên mâm pháo chiến đấu với bọn giặc trời suốt ngày dưới nắng hé. Người nghĩ đến chuyện sinh hoạt của các cụ già, việc học tập của các cháu nhỏ ở nơi sơ tán. Người hỏi tên anh dân quân vừa bắn rơi máy bay địch để tặng huy hiệu. Người cắt bài báo nhỏ trong một tờ báo địa phương, ghép vào tập tài liệu "Người tốt việc tốt" đã được Người chuẩn bị suốt mười năm nay để giáo dục thế hệ mới.

Có anh hùng nào của lực lượng vũ trang ở cả hai miền Nam, Bắc tới Thủ đô mà không được sự dạy bảo, dặn dò trực tiếp của Người? Người luôn đến thăm các đơn vị, các trận địa. Và mỗi lần tới thăm, Người đều bắt đầu thăm từ nơi ăn, chốn ở của bộ đội.

Nhiều người nước ngoài đã ca ngợi Người là một nhân vật thần thoại. Với chúng ta, ý nghĩa của những lời nói đó là ở chỗ: Người đã chăm lo cho chúng ta mọi mặt trong đời sống của con người.

Vì đâu Người đã làm được và còn đang làm những khối lượng công việc khổng lồ cho đất nước? Vì Người có những năng lực làm việc tuyệt vời. Vì Người - như chúng ta đã biết - chỉ nghĩ đến một điều: "làm sao mang lại thật nhiều hạnh phúc cho dân tộc" và quên đi cho riêng Người, tất cả những gì mà thông thường mỗi con người đều có quyền được hưởng.

Vì sao mỗi lời nói giản dị của Người đều chuyển thành bão táp giáng sấm sét xuống đầu kẻ thù, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam tiến lên phía trước? Vì chúng ta tìm thấy chân lý trong lời nói của Người, chúng ta còn tìm thấy chân lý đó trong mỗi việc làm của Người.

Người dẫn đường chúng ta đi và rọi sáng con đường đó bằng hành động, bằng đạo đức của Người.

*
* *

"Không thể nào như thế được" khi sớm nay chúng ta đứng lặng giữa trời mưa nghe từ loa phóng thanh cái tin dữ dội: Chúng ta phải vĩnh biệt Người. Điều đó chúng ta đã biết rồi sẽ có ngày phải đến, nhưng lẽ nào lại là hôm nay ư! Vừa mới đấy thôi, chúng ta còn nghe những lời dạy bảo của Người, còn nghe nói về bao nhiêu công việc Người đang làm cho đất nước, cho mỗi chúng ta.

Từ trái tim của chúng ta, từ trên mảnh đất chúng ta đang đứng đã lan đi tràn ngập thế giới loài người đang chiến đấu cho tự do, công lý, một nỗi đau thương mênh mông.

Rồi chúng ta biết giữa những cơn đau, khi tỉnh, Người luôn hỏi tình hình mặt trận. Người đã dành sự chăm sóc và tình cảm của Người ngay ở những giờ phút cuối cùng này cho những đứa con đang chiến đấu. Niềm đau thương của chúng ta lại càng vô hạn.

Điều ước nguyện của Người trong những câu thơ Người làm ngày mới về Pắc Bó đã trở thành sự thật. Đất nước xưa cũ bốn ngàn năm lịch sử của tổ tiên đã được xây dựng lại, một cuộc đời mới đang đâm bông kết trái. Nhiệm vụ lịch sử của dân tộc hôm nay mà Người và Đảng đã chỉ vạch, đã dẫn đường chúng ta đi, cũng sắp hoàn thành. Có thể nào chúng ta phải vĩnh biệt Người?

Như đồng bào, như các chiến sĩ miền Nam ân hận chưa thoả mãn lòng mong ước của Người là giải phóng hoàn toàn nửa nước để rước người vô Nam, lòng mỗi chúng ta cũng trào lên một niềm ân hận khi thấy chúng ta chưa làm được bao nhiêu, chưa xứng đáng với những gì Người đã dành cho chúng ta suốt cả cuộc đời.

"Không thể nào như thế được" nếu từ hôm nay chúng ta phải vĩnh biệt Người!

Đêm nay, với bộ quần áo chiến đấu màu lá cây, chúng ta lại cùng cả nước đến quảng trường Ba Đình lịch sử. Trời vẫn mưa

sập sùi. Những bức tường của nhà hội trường lớn sao trở nên nặng nề? Chúng ta đi trên hành lang trải thảm đỏ. Căn phòng của Người bát ngát những màu hoa. Cả nước đem hoa đến dâng Người. Những bông hồng Ngọc Hà đỏ thắm của miền Bắc. Những bông sen Tháp Mười sém lửa của miền Nam. Từ trời Âu băng giá, từ châu Phi nóng bỏng, từ châu Mỹ, châu Á sục sôi, cả loài người tiến bộ cũng đem hoa về đây đặt kín phòng Người.

Một ánh hào quang bỗng hiện trước mắt ta. Người kia rồi! Vẫn vừng trán cao thanh thản một vùng trời, vẫn gương mặt hiền hậu. Người nằm đó với bộ quần áo ka-ki bạc màu giản dị. Đôi dép cao su đen đã theo Người lội suối băng đèo đi chiến dịch, đã theo Người đến Thủ đô các nước anh em, bầu bạn châu Á, châu Âu, đêm nay được đặt dưới chân Người.

Người đang yên ngủ, giấc ngủ yên tĩnh nhất của Người sau già nửa thế kỷ làm việc hết mình cho dân tộc, cho giai cấp.

Cả dân tộc chầm chậm đi phía sau Người. Chúng con biết trước giờ phút yên nghỉ, Người vẫn thấy đầu óc rất sáng suốt, Người chỉ tiếc sức khoẻ không còn. Hãy nén niềm đau đang cuộn lên trong lồng ngực, các mẹ, các chị, các em, các đồng chí! Hãy giữ yên tĩnh cho giấc ngủ của Người!

Những đoàn người da trắng, da màu, của mọi miền trái đất với vòng hoa buồn lặng lẽ nối nhau đi. Gương mặt trong sáng của những người con các đất nước đang hát ca xây dựng cuộc đời mới, tối nay bỗng trĩu nặng đau buồn. Bạn từ góc trời còn tối tăm nào một mình tới đây, đứng trước mặt Người nức nở? Tiếng khóc của bạn là mũi dao chạm vào vết rạn nứt trong trái tim ta.

Người là của chúng ta. Người là của các bạn. Người là của cả loài người.

"Không thể nào như thế được" nếu chúng ta phải vĩnh biệt Người! Người vẫn nằm kia và mãi mãi sẽ còn ở với chúng ta. Văng vẳng quanh đây, tiếng nói ấm áp của Người suốt hai mươi bốn năm qua vẫn tiếp tục vọng về.

Một tấm nhung đen đính những vì sao thưa long lanh căng phủ khắp vòm trời. Chúng ta đi cúi đầu im lặng. Trái tim ta thắt lại. Đầu óc ta nóng bỏng với hình ảnh của Người đang toả hào quang. Ánh hào quang đó sẽ không bao giờ tắt, sẽ tiếp mãi cho trái tim ta tình yêu nước thương nòi mênh mông rộng lớn của Người, sẽ rọi sáng con đường chúng ta đi thực hiện trọn vẹn lý tưởng vĩ đại của Người.

Ai đi đó, quanh ta muôn ngàn tiếng chân rầm rập?

Chính chúng ta, đang thẳng tiến trên đường của Người: ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH.

HỒI ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ TÔI CÒN LÀ THIẾU NHI

KIM NHẤT

Hơn bốn mươi năm trước cũng vào ngày sinh của Bác Hồ 19 tháng 5, một đoàn thiếu nhi các dân tộc Tây Nguyên học trường Nội trú Trung ương Hà Nội do thầy Trần Văn Đảnh phụ trách đội, được vinh dự lên Phủ Chủ tịch tặng hoa cho Bác, mừng ngày sinh nhật của Người và biểu diễn tiết mục "Dâng hoa Bác Hồ" do chú Thành - bộ đội bên đoàn C - tập cho.

Ngồi trên xe con lên Phủ Chủ tịch, đứa nào cũng thấp thỏm vì mừng sắp được gặp Bác, được tận mắt nhìn thấy Bác và tận tay cầm tay Bác. Bác bằng xương bằng thịt hẳn hoi chứ không phải trong giấc mơ như hồi còn ở quê nhà. Vài bạn vì quá xúc động đã ứa nước mắt nói: "Được tận mắt nhìn thấy Bác rồi, tớ sẽ cố gắng học tập, lao động giỏi hơn nữa để lần sau được nhà trường cho lên tặng hoa Bác Hồ nữa". Còn tôi vốn nhút nhát chỉ nói: "Bác Hồ là Yàng trên trời. Được gặp Bác lần này, tớ sẽ kể cho Bác nghe tấm lòng của bà con các dân tộc Tây Nguyên đối với Bác như thế nào và mong Bác vào Tây Nguyên thăm bà con ra sao để Bác vui cái bụng".

Sự thật trong trí tưởng tượng của tôi lúc bấy giờ Bác Hồ không phải người trần bình thường mà là một vị Yàng cao to từ trên trời xuống trần cứu đồng bào hết cái khổ cái nghèo. Và vị Yàng linh thiêng đó còn biết biến hoá và biết bay như rồng nữa. Vì vậy, khi sắp được tặng hoa cho Bác, tôi cứ nghĩ Bác Hồ là người như thế. Nhưng khi chiếc xe con vào tới tận Phủ Chủ tịch

thì tôi nhìn thấy người đứng trên thềm phủ là một ông già đầu lưa thưa tóc bạc, vầng trán cao rộng rất đỗi thông minh. Dưới vầng trán cao rộng ấy là đôi mắt long lanh hiền từ đang cười đón chúng tôi. Thầy Đảnh xuống xe, bảo: "Các cháu xuống xe mau lên. Bác Hồ ra đón kia rồi!". Nghe chú phụ trách nói người đó là Bác Hồ, chúng tôi ào lên như một đàn chim ríu rít vây quanh Bác. Ai cũng muốn tặng hoa cho Bác trước và ngồi bên Bác thật lâu để nghe giọng nói trầm ấm của Bác, được nắm bàn tay ấm áp của Bác và được nhìn Bác kỹ hơn, để sau này trở về Tây Nguyên nói lại cho cha mẹ, buôn làng biết Bác là người bằng xương bằng thịt như chúng ta.

Bác tươi cười nhận lấy những bó hoa tươi thắm và ôm hôn từng đứa thật thắm thiết. Bác hỏi thăm tất cả chúng tôi về tình hình gia đình, bà con buôn làng sống ra sao? Đôi mắt Bác long lanh ứa lệ khi biết có vài bạn không còn người thân nào nữa. Ôi! Tình Bác rộng bao la như biển trời. Bác ở Thủ đô nhưng vẫn ngày đêm thương nhớ đồng bào miền Nam đang sống dưới ách thống trị của bọn Ngô Đình Diệm và lũ tay sai bán nước hại dân. Ngày nào miền Nam chưa giải phóng, đất nước vẫn bị chia hai miền thì ngày đó Bác ăn không ngon, ngủ không yên. Vì miền Nam luôn trong trái tim Bác. Bác đã khóc vì thương các cháu mồ côi! Bác dặn dò chúng tôi phải cố gắng học tập thật giỏi, đạo đức thật tốt để mai này có ích cho quê hương đất nước.

Lên tặng hoa mừng thọ Bác, còn có đoàn thiếu niên, nhi đồng Thủ đô Hà Nội. Tất cả ngồi quây quần bên Bác, nghe Bác kể chuyện hoạt động cách mạng và được Bác dặn dò những lời quý báu.

Thấy các bạn thiếu nhi Thủ đô hoà nhập với đoàn thiếu nhi các dân tộc Tây Nguyên rất vui vẻ, Bác gật đầu khen ngoan, biết đoàn kết. Rồi Bác chia đều kẹo cho cho mỗi bạn Thủ đô và chúng tôi. Trước khi chia tay với Bác, Bác nắm tay chúng tôi cùng các bạn Thủ đô nhảy vòng tròn, hát bài *"Kết đoàn"*, một bài hát mà Bác thích nhất, như muốn nhắc nhở mọi người phải

luôn luôn đoàn kết "Đoàn kết đại đoàn kết" mới chiến thắng mọi kẻ thù. Và dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ kính yêu, chúng ta đã đánh bại kẻ thù mạnh nhất thế giới, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc vào mùa xuân năm 1975, một mùa xuân lịch sử làm chấn động toàn cầu. Ước nguyện của Bác và nhân dân ta đã thành sự thật. Cả nước rợp bóng cờ hoa. Trong ngày vui đại thắng ấy, vẫn như có Bác Hồ đang vẫy tay chào đồng bào và chiến sĩ cả nước. Vì Bác vẫn sống mãi trong trái tim của mỗi người dân nước Việt.

Bây giờ Tổ quốc đã thái bình, đất nước không còn bị cắt chia. Bác Hồ ơi! Bác cứ ngủ ngon trong giấc ngủ ngàn thu. Bác ngủ ngon giữa pha lê sáng chói hình người và vòng hoa ngát hương. Bác Hồ ơi! Bác có nghe đoàn thiếu nhi dân tộc Tây Nguyên vẫn hát mãi bài *"Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng?"*. Và Bác có nghe chăng lời tạ lỗi chân thành đầy nước mắt của chúng cháu trước vong linh của Bác nhân dịp đi dự Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ VI không? Cháu muốn đứng thật lâu trước nơi Bác yên nghỉ để được nhìn thấy Bác lâu hơn và nói với Bác thật nhiều như ngày xưa Bác đã từng dẫn cháu đi thăm vườn hoa, ao cá của Bác! Nhưng không thể được như thế nữa rồi Bác ơi!

Bây giờ đây, các bạn nhỏ hồi ấy của tôi đều đã lớn khôn trưởng thành, và mỗi người mỗi nơi, mỗi ngành nghề khác nhau. Nhưng những lần được gặp Bác Hồ dù chỉ phút giây ngắn ngủi bên Người cũng là một vinh dự lớn lao, một kỷ niệm đẹp suốt cả đời.

NHỮNG NGÀY THÁNG CUỐI CÙNG CỦA BÁC

NGUYỄN TRÍ HUÂN

1. Hiếm thấy trong lịch sử có con người nào mà tên tuổi và sự nghiệp lại gắn bó với vận mệnh của cả một dân tộc, một đất nước như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có thể tìm thấy hình ảnh Người trong từng hơi thở của mỗi người dân và cũng có thể tìm thấy số phận mỗi người dân trong từng ý nghĩ của Người. "Bác Hồ", đó là tên gọi trìu mến nhất, thiêng liêng nhất mà cả dân tộc đã dành để gọi vị lãnh tụ kính yêu của mình. Bác giản dị và gần gũi. Không có khoảng cách nào giữa một người dân bình thường với lãnh tụ lại được rút ngắn như vậy. Từ lâu Bác đã trở thành một lẽ sống không thể thiếu được trong đời sống chính trị và tinh thần của đất nước. Người là một cá nhân, nhưng Người cũng đã trở thành tất cả.

Đã có biết bao nhiêu người anh hùng trước giờ phút hy sinh đã hô lớn "Hồ Chủ tịch muôn năm!", "Bác Hồ muôn năm!". Lời hô giản dị và tha thiết ấy trước kẻ thù trên nhiều pháp trường đã vang lên như một lời thề, thể hiện khí phách "tận trung với nước, tận hiếu với dân" của người chiến sĩ cách mạng. Đó cũng là niềm mong mỏi da diết, là lời cầu chúc của người chiến sĩ cách mạng đối với sức khoẻ của Bác. Người sắp hy sinh cầu chúc cho Bác mãi mãi mạnh khoẻ, sống lâu, người sống cũng luôn khao khát Bác trường sinh cùng với dân tộc, đất nước.

Nhưng sức khoẻ của Bác lại hoàn toàn nằm ngoài ý muốn của toàn Đảng, toàn dân ta. Vào giữa những năm của thập kỷ sáu

mươi, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang ở vào giai đoạn quyết liệt nhất. Nửa triệu quân Mỹ đã đổ bộ ồ ạt vào miền Nam, tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ tàn khốc nhất trong lịch sử. Tin tức về những người dân vô tội bị giết hại, những làng mạc trù phú ở miền Nam bị tàn phá đã trở thành nỗi đau nhức nhối thường xuyên của Bác. Cùng với tuổi tác, sức khoẻ của Bác cứ mỗi ngày một suy giảm. Đã có một câu chuyện kể lại rằng, thấy Bác suy giảm sức khoẻ vì thuốc lá nhiều, các bác sĩ đề nghị Bác không được hút thuốc nữa. Bác chấp hành. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, các bác sĩ lại phải để Bác hút thuốc trở lại vì bỏ thuốc, sức khoẻ của Bác có phần sa sút hơn. Điếu thuốc là người bạn duy nhất của Bác trong những giờ phút riêng tư, khi tất cả mọi người sau một ngày làm việc với Bác đều trở về cuộc sống gia đình êm ấm của mình.

Năm 1962, khi phái đoàn đầu tiên của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc, trước khi về, thay mặt cho 14 triệu đồng bào miền Nam lúc đó, đoàn chỉ có một yêu cầu với Trung ương Đảng và nhân dân miền Bắc: "Phải cố gắng giữ gìn sức khoẻ của Bác cho thật tốt, để đồng bào miền Nam có thể được gặp Người khi nước nhà hoàn toàn thống nhất".

Tháng 5 năm 1967, sau lễ mừng thọ nhân ngày sinh thứ 77 của Bác, Bộ Chính trị đã triệu tập một cuộc họp bất thường để bàn việc bảo vệ sức khoẻ của Người và chuẩn bị giữ thi hài Bác lâu dài khi Người qua đời. Cuộc họp do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trì. Hội nghị đã xác định: vấn đề quan trọng đặt ra lúc này là phải đảm bảo hai yêu cầu:

1- Phải tuyệt đối giữ bí mật, nếu không, nhân dân sẽ hoang mang lo lắng và Bác sẽ phê bình Bộ Chính trị, không cho phép triển khai thực hiện chủ trương này.

2- Phải chọn một số cán bộ y tế giỏi gửi sang Liên Xô học tập về khoa học gìn giữ thi hài. Nhân sự cụ thể giao cho Ban Tổ chức Trung ương lựa chọn.

Hội nghị nhất trí giao nhiệm vụ đặc biệt này cho Quân uỷ Trung ương vì quân đội sẵn có truyền thống nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Mặt khác, Bộ Chính trị cũng chỉ thị đồng chí Nguyễn Lương Bằng thay mặt cho Trung ương Đảng trực tiếp theo dõi và chăm sóc sức khoẻ của Bác.

Vốn là một người sống giản dị, Bác luôn luôn lo lắng đến vận mệnh của dân tộc, của đất nước. Bác thường kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ta thực hành tiết kiệm. Bởi vậy, quyết định trên của Bộ Chính trị là hoàn toàn trái với ý nguyện của Bác. Sau khi qua đời, Bác chỉ có một nguyện vọng: Hoả táng thi hài Bác, lấy tro đựng vào ba chiếc bình, đặt trên ba ngọn đồi thấp ở ba miền Bắc, Trung, Nam để đồng bào cả nước có thể đến với Bác Hồ và Bác mãi mãi được gần gũi với dân, với nước. Bác còn dặn thêm rằng, trên mỗi ngọn đồi phải được trồng thật nhiều cây có bóng mát và làm nhà để nhân dân có thể ngồi nghỉ mỗi khi lên viếng Bác.

Nhưng việc giữ gìn thi hài Bác cho đời đời con cháu mai sau được chiêm ngưỡng lại là nguyện vọng thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân ta. Đó sẽ là di sản vô giá mà Đảng ta dành cho các thế hệ tương lai của đất nước.

Để công việc được triển khai sớm, Bộ Chính trị quyết định cử đồng chí Lê Thanh Nghị thay mặt Đảng và Chính phủ ta sang Liên Xô hội đàm đề nghị bạn giúp đỡ, từ công tác đào tạo cán bộ đến việc gìn giữ lâu dài thi hài Bác.

Chuyến đi là một thành công lớn. Nhưng cũng bắt đầu từ đó, trong lòng mỗi người biết tường tận về sức khoẻ của Bác, bắt đầu xuất hiện một khoảng trống còn mơ hồ nhưng không gì có thể bù đắp: đó là sự thiếu vắng Bác trong tương lai mà mỗi người dân, mỗi người lính sẽ phải gánh chịu. Không ai muốn điều đó, nhưng lại không thể không nghĩ đến nó.

2. Trong cuộc đời của Bác có nhiều nỗi đau, nhưng nỗi đau lớn nhất là nỗi đau miền Nam chưa được giải phóng, nước nhà chưa được hoàn toàn thống nhất. Năm 1966, khi tiếp một nhà

báo Cu Ba, Bác đã đặt một bàn tay lên ngực mình nói rằng: "Nhân dân miền Nam, mỗi nhà, mỗi người đều có một nỗi đau, đem cộng tất cả những nỗi đau đó lại thì đấy là nỗi đau của tôi". Cũng trong năm ấy, Người tuyên bố một chân lý bất hủ: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Chân lý đó, cho đến bây giờ vẫn vang lên trên khắp hành tinh, trở thành lẽ sống của nhiều dân tộc còn chưa giành được độc lập, tự do thực sự.

Trong những năm tháng khốc liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, có ngày nào Bác không gọi điện hỏi Đại tướng Võ Nguyên Giáp về tình hình chiến sự ở miền Nam? Được vào miền Nam là nguyện vọng da diết trong những năm cuối đời của Bác. Nhiều lần, Bác đề nghị Bộ Chính trị bố trí để Bác được vào thăm đồng bào miền Nam theo đường mòn Trường Sơn, hoặc đường hàng không Hà Nội - Phnôm Pênh, nhưng nhận thấy sức khoẻ của Bác không đảm bảo cho chuyến đi, nên Bộ Chính trị đã tìm mọi cách trì hoãn chuyến đi ấy vì trước đây, sau chuyến đi thăm đồng bào Thái Bình trở về, Bác đã bị bệnh co thắt động mạch não.

Vào mùa xuân năm 1968, theo lời mời của Đảng và Nhà nước Trung Quốc, Bác sang Bắc Kinh nghỉ ngơi và chữa bệnh. Đồng chí Lê Đức Thọ trước khi vào miền Nam công tác đã sang Bắc Kinh chào Bác. Khi nghe đồng chí Lê Đức Thọ báo cáo về chuyến đi sắp tới, Bác lại tha thiết đề nghị Bộ Chính trị bố trí để Bác đi miền Nam. Bác bảo: "Chú vào trong đó bàn với chú Hùng (Phạm Hùng) bố trí để Bác vào thăm đồng bào miền Nam". Đồng chí Lê Đức Thọ khéo léo từ chối, nói rằng: Bác chỉ có thể đi đường hàng không qua Phnôm Pênh. Muốn vậy phải làm hộ chiếu và người ta dễ dàng nhận ra Bác vì Bác có râu. Bác bảo: Thì Bác cạo râu đi. Nhưng cạo râu thì đồng bào miền Nam không còn nhận ra Bác nữa - đồng chí Lê Đức Thọ trả lời. Bác ngồi yên và rất buồn. Lát sau Bác lại bảo cho Bác đi theo đường biển. Hồi đó, tàu chở vũ khí tiếp tế cho chiến trường miền Nam vẫn cập cảng Xi-ha-núc-vin. Bác sẽ cải trang làm một thuỷ thủ hoặc được giấu dưới hầm tàu... Phương án đã được Bác vạch ra

tỉ mỉ, chi tiết, khó có thể từ chối được. Nhưng cũng như những lần trước đồng chí Lê Đức Thọ lại khéo léo trì hoãn, và hứa: Tình hình còn rất nhiều khó khăn, Bộ Chính trị sẽ cố gắng thu xếp để đồng bào miền Nam có thể sớm được gặp Bác. Lúc chia tay, Bác đã ôm lấy đồng chí Lê Đức Thọ khóc. Trong lòng người học trò, người đồng chí của Bác hôm ấy và suốt cả chuyến đi, lúc nào cũng canh cánh một nỗi lo, sợ rằng sau khi hoàn thành nhiệm vụ trở về có thể sẽ không còn được gặp Bác nữa.

Mồng một Tết Nguyên đán 1969, Bác đến thăm Quân chủng Phòng không - Không quân, sau đó đi theo Quốc lộ 11 lên chúc Tết đồng bào huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây. Đây là chuyến đi xa cuối cùng của Bác. Buổi trưa, ngồi nghỉ ăn cơm dưới một gốc đa ven đồi, nhìn những bóng người đang cắm cúi làm cỏ dưới cánh đồng ven đường, Bác cười quay sang đồng chí Kháng, Cục trưởng Cục Cảnh vệ nói vui: "Nhân dân mình chăm chỉ thật, mồng Một Tết vẫn đi làm". Và Bác đột ngột hỏi: "Này, có phải quân của chú không?". Đồng chí Kháng bối rối "dạ" khẽ. Những năm ấy, đất nước còn chiến tranh nên việc bảo vệ an toàn cho chuyến đi của Bác luôn là nhiệm vụ hàng đầu của Cục Cảnh vệ.

Sau chuyến đi đó trở về, sức khoẻ của Bác vẫn bình thường, nhưng kiểm tra kỹ điện tim, các bác sĩ thấy sóng tim đều đảo ngược. Hội đồng bác sĩ chẩn đoán Bác đang bị nhồi máu cơ tim bước đầu. Trước những dấu hiệu không lành ấy, Bộ Chính trị quyết định mời các giáo sư và bác sĩ Trung Quốc sang điều trị cho Bác.

Tháng 5 năm 1969, Bác sửa chữa lần cuối bản Di chúc nổi tiếng. Bản Di chúc này, Bác bắt đầu viết từ mùa hè năm 1965 mà Bác thường gọi là "Tài liệu tuyệt đối bí mật". Nó "tuyệt đối bí mật" không phải ở nội dung mà ở chỗ, Bác không muốn cho mọi người biết Bác đang làm cái công việc cuối cùng của một đời người. Đồng chí Vũ Kỳ, thư ký riêng của Bác kể lại rằng, Bác thường viết vào những giờ nhất định trong ngày. Có lần, đồng chí Trường Chinh gọi điện xin phép làm việc với Bác đúng vào

giờ Bác đang viết bản "Tài liệu tuyệt đối bí mật". Biết Bác không thể tiếp khách vào giờ đó, để đến chiều thì Bác bận, đồng chí Vũ Kỳ đã khéo léo bố trí để đồng chí Trường Chinh đến ăn cơm trưa với Bác, vừa ăn vừa làm việc.

Bây giờ Bác đang đọc lại và sửa chữa lần cuối cùng bản Di chúc ấy. Đó là những ngày nắng nóng ở Hà Nội. Khu vườn Chủ tịch phủ đầy bóng cây, nhưng không khí rất oi nồng, ngột ngạt.

Một lần, theo Bác đi dạo trong vườn, thấy trời nắng nóng, đồng chí Mẫn, bác sĩ trong tổ y tế đặc biệt được cử đến chăm sóc sức khoẻ Bác cầm theo một chiếc quạt lông chim quạt cho Bác. Bác tỏ vẻ không hài lòng: "Các chú làm cứ như đi hầu vua". Biết Bác không thích người khác quạt cho mình và hơn nữa là cái quạt làm bằng lông chim quý, đồng chí Mẫn đã chặt một tàu lá cọ trong vườn, cắt ra làm quạt đưa cho Bác. Bác rất thích chiếc quạt này. Vừa có thể che nắng, vừa có thể quạt mát. Từ đó, quạt lá cọ trở thành loại quạt rất phổ biến trong Phủ Chủ tịch. Để khỏi nhầm lẫn với những chiếc quạt khác, Bác cẩn thận lấy thuốc lá châm chữ B vào quạt của mình.

Cũng trong tháng 5 rất đáng ghi nhớ này, các cán bộ cao cấp toàn quân đã đến thăm và mừng thọ nhân dịp Bác 79 tuổi. Đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp cùng dự buổi gặp mặt đầy lưu luyến và xúc động ấy. Đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng và toàn quân lên chúc Bác mạnh khoẻ, sống lâu, hứa với Bác quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ để đón Bác vào thăm miền Nam. Đồng chí Vương Thừa Vũ thay mặt anh em ôm một bó hoa lớn lên mừng thọ Bác. Bác ngồi trên chiếc ghế tựa, cảm động nhận hoa và cảm ơn các chú ở quân đội luôn quan tâm tới sức khoẻ của Bác. Bác bảo các chú đánh thắng giặc là Bác vui, Bác khoẻ ra nhiều... Giọng Bác ấm áp, quen thuộc nhưng nhỏ và thỉnh thoảng Bác đã phải dừng lại nghỉ.

Buổi gặp mặt hôm ấy, các tướng lĩnh ai cũng thầm nghĩ, có lẽ đây là lần cuối cùng họ được gần Bác, được nghe tiếng nói âm vang đầy trìu mến của Người.

Buổi chiều ngày 12 tháng 8, trời mưa dông. Gió giật từng cơn ào ào trên những lùm cây trong vườn. Bác chợt nảy ra ý định lên nhà nghỉ Hồ Tây thăm phái đoàn ta mới ở Hội nghị Pa-ri về đang nghỉ tại đó. Hôm đó xe đưa Bác đến tận cửa để Bác không phải đi bộ nhiều.

Ngày hôm sau, Bác húng hắng ho, Bác bị nhiễm lạnh, phế quản bị viêm và khi kiểm tra thấy bạch cầu tăng so với ngày hôm trước. Các giáo sư và bác sĩ hội chẩn, quyết định để Bác uống kháng sinh nhưng không đỡ. Ngày 23 phải dùng pê-ni-xi-lin tiêm cho Bác. Khoảng 9 giờ tối hôm ấy, Bác thấy đau trong lồng ngực. Các bác sĩ vội đình chỉ tiêm và làm điện tim ngay, thấy rõ rệt có phản ứng nhồi máu cơ tim thành sau tim. Sau khi hội chẩn, các bác sĩ lại quyết định tiêm cho Bác.

Đến ngày 28 tháng 8, tim Bác bắt đầu có dấu hiệu loạn nhịp và rối loạn phần truyền nhĩ thất. Trong những ngày đêm căng thẳng ấy, ngày nào các đồng chí trong Bộ Chính trị cũng đến thăm Bác và báo cáo với Bác tình hình chiến trường ở hai miền. Mỗi tin chiến thắng đều làm gương mặt Bác rạng rỡ hẳn lên. Lần nào Bác cũng nói: "Hôm nay Bác khoẻ hơn hôm qua". Nhưng thực tế thì ngược lại.

Chiều ngày 30 tháng 8, đồng chí Phạm Văn Đồng sang, Bác còn hỏi: "Các chú chuẩn bị lễ kỷ niệm Quốc khánh đến đâu rồi?". Nghe đồng chí Phạm Văn Đồng báo cáo, Bác dặn: "Các chú phải nhớ bắn pháo hoa mừng chiến thắng để động viên tinh thần chiến đấu của nhân dân". Nhưng Bác đang bệnh, làm sao có thể bắn pháo hoa được.

Ngày 31, Bác thèm ăn một bát cháo. Các đồng chí phục vụ vội nấu cho Bác một tô cháo thật ngon. Thấy Bác ăn hết, ai cũng mừng. Nhưng tối hôm đó, lễ kỷ niệm Quốc khánh ở Hội trường Ba Đình diễn ra trong không khí đầy lo âu trên nét mặt các đồng chí trong Bộ Chính trị.

Nghe tin bộ đội tên lửa Hà Nội bắn rơi một máy bay không người lái của Mỹ ngày 30 tháng 8, nên hôm đó (ngày 31 tháng

8), Bác bảo Văn phòng gửi tặng lẵng hoa cho đơn vị vừa lập công. Đó là lẵng hoa cuối cùng của Bác mà các chiến sĩ tên lửa Sư đoàn 361 được đón nhận.

9 giờ 47 phút ngày mồng 2 tháng 9, trái tim Bác ngừng đập. Cho đến những giây phút cuối cùng ấy, đồng bào miền Nam và Tổ quốc Việt Nam thiêng liêng vẫn mãi mãi còn lại trong trái tim vĩ đại của Người.

3. Đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, sự ra đi đột ngột của Bác là một nỗi đau, một tổn thất vô cùng to lớn không gì bù đắp nổi.

Mồng 2 tháng 9, ngày Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng khai sinh ra Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Đông Nam Á hai mươi bốn năm trước, cũng là ngày Người vĩnh biệt chúng ta! Đây là một sự trùng hợp thật lạ lùng, không sao giải thích được. Để nhân dân có thể kỷ niệm Quốc khánh thật yên tĩnh, Bộ Chính trị quyết định công bố ngày mất của Bác lui lại một ngày: ngày mồng 3 tháng 9.

Có lẽ trong thời đại chúng ta, sau cái chết của Lê-nin chưa có sự ra đi nào lại gây chấn động lớn đối với loài người tiến bộ như sự ra đi của Bác. Khi đài phát thanh vừa đưa tin, đất trời như ngưng lại trong một nỗi đau khôn xiết và cái cảm giác trống vắng như bao phủ lên toàn bộ đất nước.

Bác đã ra đi và một cuộc đời mới của Bác lại được bắt đầu, được tái sinh trong lòng mỗi người dân, mỗi người lính. Việc xây dựng lăng và giữ gìn thi hài Bác trở nên hết sức bức thiết trong thời gian đó. Nhưng để đến được ngày đón Bác vào Lăng trên Quảng trường Ba Đình, những người dân, và những người chiến sĩ đã phải trải qua biết bao thử thách gian khổ với một sức lực và trí tuệ phi thường. Đoàn 969 là đơn vị được vinh dự thay mặt cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân gìn giữ thi hài Bác và bảo vệ Lăng - Nơi yên nghỉ vĩnh hằng của Người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh với diễn viên Đoàn văn công Trung ương sau buổi diễn mừng thành công kỳ họp Quốc hội khoá II (15/7/1960) - *Ảnh: BTHCM*

TẾT VỚI THƠ BÁC

LỮ HUY NGUYÊN

Hàng năm, mỗi độ xuân về, ông cha ta lại có tục lệ khai bút đầu năm. Thơ khai bút đầu năm. Thơ khai bút mang đầy dự cảm của một năm mới. Truyền thống thơ khai bút đầu năm thành một dòng mạch chảy ra đầu ngọn bút của nhiều thế hệ nhà thơ. Đến Bác Hồ, thì thơ khai bút dưới hình thức chúc Tết đồng bào, chiến sĩ, trở thành một sáng tạo, một hình thức độc đáo, không phải chỉ dăm bài, thậm chí vài bài, như các tác giả khác, mà là một chùm *ngót ba chục bài*. Những lời chúc thành thơ ấy mang khí vị riêng, đồng thời có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của dân tộc ta. Lần đầu tiên chúng ta được nghe thơ Tết của Bác là vào đầu năm 1946. Năm ấy, Người không chỉ chúc Tết đồng bào:

Trong năm Bính Tuất mới,
Muôn việc đều tiến tới:
Kiến quốc mau thành công,
Kháng chiến mau thắng lợi.

Mà còn dành hẳn phần đầu thư chúc riêng các chiến sĩ đang xông pha ngoài chiến trường: "Trong khi đồng bào đốt hương trầm để thờ phụng tiền nhân thì các bạn đốt thuốc súng để giữ gìn Tổ quốc. Trong khi đồng bào đốt pháo mừng xuân thì các bạn nổ súng chống địch. Các bạn hăng hái chống địch để đồng bào an toàn mừng xuân. Vậy nên đồng bào quyết không bao giờ quên công lao các bạn. Trong ba ngày Tết, đồng bào ai cũng đoàn tụ sum vầy xung quanh những bình hoa, mâm bánh. Còn các bạn thì chịu ăn gió nằm mưa, lạnh lùng ở chốn sa trường.

Song hình dung các bạn thì ấm áp trong lòng thân ái của mỗi một quốc dân". Và, Người thân thương gửi đến các chiến sĩ vô cùng yêu quý của chúng ta những dòng thơ đầm ấm, thiết tha:

Bao giờ kháng chiến thành công,
Chúng ta cùng uống một chung rượu đào.
Tết này ta tạm xa nhau,
Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vầy.

Dù rượu đào chưa có, bao nhiêu chiến sĩ và đồng bào những năm ấy thực sự đã say theo chung rượu đào trong thơ người, như có lần nhà văn quá cố Hoài Thanh đã bày tỏ niềm hứng khởi khi đọc bốn câu thơ lục bát đầy tâm tình này.

Trước năm 1946 khá lâu, Người đã từng có thơ chúc Tết, ấy là vào năm 1942, nhưng hồi ấy thơ Người không ký tên. Trên tờ báo *Việt Nam độc lập* in bằng đá, số 114 (đúng ra là số 14) ra ngày 1 tháng 1 năm 1942, độc giả ở vùng chiến khu giải phóng đã được đọc bài thơ *Mừng xuân 1942*, nghe thật sảng khoái, tin tưởng. Tiếng gọi của non sông tha thiết trong thơ Người, vận hội mới giục giã cả dân tộc bước vào cao trào tiền khởi nghĩa mãi những năm sau:

Tháng ngày thấm thoắt chóng như thoi,
Năm cũ qua rồi, chúc năm mới!
Chúc phe xâm lược sẽ diệt vong!
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi!
Chúc đồng bào ta đoàn kết mau!
Chúc Việt Minh ta càng tấn tới!
Chúc toàn quốc ta trong năm này
Cờ đỏ sao vàng bay phất phới!
Năm này là năm rất vẻ vang,
Cách mạng thành công khắp thế giới.

Và, hoàn toàn đúng, khi chúng ta nói rằng, với Bác, thơ chúc Tết liền một mạch suốt hai mươi bốn năm, từ 1946 đến 1969.

Thơ xuân Bác viết năm Đinh Hợi 1947 xôn xao, rung động, với màu cờ đỏ sao vàng và tiếng kèn kháng chiến thôi thúc lòng

người, vững tin vào cuộc kháng chiến đang hồi vô cùng gian lao. Người chỉ rõ: "Sức ta đã mạnh, người ta đã đông", "Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng". Bài thơ ghi mãi trong ký ức những người đi kháng chiến. Đồng chí Vũ Kỳ, bây giờ là Phó Viện trưởng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, nguyên là một đồng chí được sống gần gũi bên Bác nhiều năm, có kể lại trường hợp bài thơ Tết năm ấy:

Ngày 21 tháng 1 năm 1947. Lại 30 Tết... Từ hôm chuyển đến đây (tối 13 tháng 1 năm 1947 rời xã Xuyên Dương, Thanh Oai, Hà Đông đến xã Cần Kiệm, Thạch Thất, Sơn Tây), Bác Hồ vẫn giữ nếp làm việc đúng giờ giấc, mặc cho cảnh vật chung quanh thay đổi. Đến nơi nào cũng kê cái bàn làm việc sát giường nằm vừa dùng làm ghế ngồi nữa. Ở đâu Tết, chứ ở chỗ mình 30 Tết vẫn chưa thấy Tết. Vẫn ngày hai bữa cơm độn sắn... Chiều tối, Bác đi dự họp Hội đồng Chính phủ, rồi đến Đài phát thanh để chúc năm mới Đinh Hợi (1947) đúng vào lúc giao thừa.

Xe ô-tô chạy được một lúc thì tụt bánh xuống ruộng. Mà cũng may, ruộng không sâu nên xe chưa lật... Lúc mấy người trong làng đến giúp đã phải đốt đuốc. Chín giờ tối mới tới Quốc Oai. Hội đồng Chính phủ họp trong phủ. Phiên họp tất niên chúc mừng năm mới và bàn định một số công việc. Mười giờ rưỡi Bác đến Đài phát thanh. Mưa càng to, đường càng lầy và trơn. Nhiều lúc bánh xe quay tít trên đường mà xe vẫn đứng nguyên một chỗ. Đành phải xuống đẩy... ánh đèn pha chiếu phía trước nhoà đi vì mưa nặng hạt. Lo ngại nhất là lúc lên dốc... Vòng qua Xuân Mai rồi rẽ quặt xuống, gần 12 giờ đêm mới tới chùa Trầm. Hang chùa Trầm là nơi đài phát thanh làm việc. Điện sáng trưng. Máy chuyển ầm ầm, Bác Hồ vào buồng thu thanh nói trước máy:

. Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!

Sức ta đã mạnh, người ta đã đông,
Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập nhất định thành công!

Cùng với các bài thơ này, cuộc trường kỳ kháng chiến của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ mỗi năm lại giành thêm những thắng lợi mới. Lịch sử đã gợi cho thi tứ thơ Người và thơ Người giục giã bước đi của lịch sử.

Chúc Tết 1949, và cũng là chúc phong trào thi đua ái quốc bước vào phong độ mới:

Kháng chiến lại thêm một năm mới
Thi đua yêu nước thêm tiến tới.
Động viên lực lượng và tinh thần,
Kháng chiến càng thêm mau thắng lợi.
Người người thi đua,
Ngành ngành thi đua,
Ngày ngày thi đua,
Ta nhất định thắng,
Địch nhất định thua.

Cho đến thơ chúc Tết Giáp Ngọ (1954), Người chỉ rõ hai nhiệm vụ chiến lược phải hoàn thành:

Đẩy mạnh kháng chiến để giành độc lập tự do;
Cải cách ruộng đất là công việc rất to
Dần dần làm cho người cày có ruộng khỏi lo nghèo nàn.
Quân và dân ta quyết chí kết đoàn,
Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn thành công.

Và năm ấy là năm chiến thắng Điện Biên Phủ, năm lập lại hoà bình ở Đông Dương. Từ đây, chúng ta vừa tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ phản đế đối với cách mạng miền Nam, vừa đưa miền Bắc từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mỗi chuyển biến của cách mạng giải phóng miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đều in dấu trong thơ Người khi Người tổng kết một năm đã qua; đồng thời những dự cảm trong thơ Người cũng mỗi ngày một được hiện thực hoá trong năm mới. Ấy chính là sự

tâm đắc kỳ diệu giữa tác giả và người nghe, người đọc, nếu chúng ta có thể nói như thế. Thơ chúc Tết của Bác trong những năm này âm vang hai miền Tổ quốc; miền Nam luôn ở trong trái tim Bác, và ở trong thơ Bác.

Thơ mừng năm mới (1960), năm có những ngày lễ lớn của Đảng và dân tộc:

Mừng Nhà nước ta mười lăm xuân xanh!
Mừng Đảng chúng ta ba mươi tuổi trẻ!
Chúc đồng bào ta đoàn kết thi đua
Xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
Chúc đồng bào ta bền bỉ đấu tranh,
Thành đồng miền Nam vững bền, mạnh mẽ,
Cả nước một lòng, hăng hái tiến lên.
Thống nhất nước nhà, Bắc Nam vui vẻ!

Đặc biệt sảng khoái là thơ *Mừng xuân 1961*, năm đầu tiên của kế hoạch năm năm lần thứ nhất. Không phải ngẫu nhiên Nhà thơ Tố Hữu đã viết:

Thơ đã hát mát trong lời chúc
"Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh"

"Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh" là câu thơ của Bác trong bài *Mừng xuân 1961* này, lúc mà cảm hứng lịch sử và cảm hứng thi ca của Người dồn tới đỉnh điểm:

Mừng năm mới, mừng xuân mới,
Mừng Việt Nam, mừng thế giới.
Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh.
Kế hoạch năm năm thêm phấn khởi...

Thơ chúc Tết những năm sau của Người cùng có chung một cảm hứng ấy: miền Bắc và miền Nam luôn luôn song kề; chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội luôn gắn bó và tác động đến nhau:

Chúc miền Bắc thi đua phấn khởi,
Cả năm châu phấp phới cờ hồng!

Chúc miền Nam đấu tranh tiến tới,
Sức triệu người hơn sóng biển Đông.

Ý ấy Người sẽ nói rõ hơn trong thơ *Chúc mừng năm mới* (1964):

Nam Bắc như cội với cành,
Anh em ruột thịt đấu tranh một lòng.
Rồi đây thống nhất thành công,
Bắc Nam ta lại vui chung một nhà.

Mừng xuân 1966, Người đã đưa vào bài thơ những điều rất cụ thể, các dấu ấn của sự kiện rõ nét như thơ sử biên niên:

Mừng miền Nam rực rỡ chiến công,
Nhiều Dầu Tiếng, Bầu Bàng, Pơlây Me, Đà Nẵng...
Mừng miền Bắc chiến đấu anh hùng,
Giặc Mỹ leo thang ngày càng thua nặng.

Chiến công liên tiếp chiến công. Năm1967, năm đế quốc Mỹ ngày càng leo thang đánh phá miền Bắc và tiếp tục đưa quân ồ ạt vào miền Nam nước ta, những ai rối trí, phiền lòng hẳn cũng thấy yên tâm trong lời thơ vừa ngọt ngào, vừa say sưa của Bác năm đó. Bác đã thấy cái thế tất thắng của ta qua sự giãy giụa điên cuồng của đế quốc đầu sỏ Mỹ và bè lũ tay sai của chúng:

Xuân về xin có một bài ca
Gửi chúc đồng bào cả nước ta;
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi
Tin mừng thắng trận nở như hoa.

Mấy câu thơ này mặc dầu chúng ta đã nghe đi nghe lại nhiều lần, nhưng mỗi lần nghe lại, vẫn thấy trong cái nhẹ nhàng dung dị của vần thơ tứ tuyệt, ẩn một nội dung hiện thực sâu sắc, toát lên niềm tin tưởng lạc quan, tinh thần chiến đấu tuyệt vời và tâm hồn sáng ngời bản sắc Việt Nam của Bác - nói như Hoài Thanh - "trong suốt như pha lê mà rộn ràng tiếng thơ tiếng nhạc".

Thơ *Mừng xuân 1968* của Bác bắt đầu bằng câu:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua

Lúc ấy đọc lên chúng ta chưa mấy ai hiểu ý nghĩa hiện thực của câu thơ. Về sau thì chúng ta đều rõ: Sau lời chúc Tết của Bác đêm giao thừa ấy, cả miền Nam vang dậy tiếng súng Tổng tiến công vào dịp Tết Mậu Thân lịch sử:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà,
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta.

Nhắc đến bài thơ này, năm 1972, đồng chí Phạm Văn Đồng viết: "Năm nay ta lại nhớ bốn câu thơ Tết rất đẹp của Bác, vừa rất thơ vừa rất thép".

Phải chăng đây là quà tặng của Bác cho dân tộc mỗi khi Xuân đến, Xuân sau hơn Xuân trước và cứ như vậy mãi mãi về sau. Đó là cách nhìn của một nhân sinh quan cách mạng trong thời đại ngày nay, thời đại Hồ Chí Minh ở nước ta, thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga, bình minh của loài người... Cuộc đời đẹp nhất là cuộc đời chiến đấu, chiến đấu chống chiến tranh xâm lược Mỹ, chống "Việt Nam hoá" chiến tranh, cuộc đời đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội, cuộc đời chiến đấu và chiến thắng, cuộc đời mà mỗi lúc xuân về, mọi người Việt Nam ta đều có thể ngâm câu thơ rất hay của Bác:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua...

Và như vậy cho đến mùa xuân năm 1969. *"Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn":*

Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào.
Tiến lên!
Chiến sĩ, đồng bào!
Bắc Nam sum họp, Xuân nào vui hơn.

Và cho đến mùa xuân này chúng ta đã trải qua trọn mười mùa xuân "Bắc Nam sum họp", như Người mong mỏi.

Nhiều người vẫn nghĩ rằng bài thơ *Mừng xuân 1969* là bài thơ chúc Tết cuối cùng và cũng là *bài thơ* cuối cùng của Bác gửi đồng bào và chiến sĩ ta trước phút Người đi xa. Nói như vậy cũng có phần đúng, nhưng có một bài thơ còn ít người biết hẳn là được viết ngay sau bài thơ *Mừng xuân 1969* mà nhiều người vẫn đinh ninh là bài thơ cuối cùng. Hồi ấy, phái đoàn ta đang trên bàn Hội nghị Pa-ri, và các đồng chí trong Đoàn đã nhận được *một bài thơ gửi bằng điện tín* từ Tổ quốc đánh sang. Năm ấy là năm Kỷ Dậu, năm Con Gà. Bài thơ này có bốn câu, nhưng hai lần tiếng gà túc tác làm ta xao xuyến:

Xuân Gà túc tác đến nơi,
Gửi người thân thiết mấy lời mùa xuân.
Gà xuân túc tác rạng đông,
Đưa tin thắng lợi cờ hồng bay cao.

Mùa xuân này, đọc lại ngót ba chục bài thơ chúc Tết của Bác, chúng ta đều tâm niệm những lời Người hằng mong mỏi mà chúng ta chưa hoàn thành.

Và nguyện cùng Người, chúng ta sẽ hoàn thành!

BÁC HỒ VỚI TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

NGUYỄN LỘC - NGUYỄN MẠNH BÍNH

Phải nói Bác Hồ có một thích thú đặc biệt và có một sự am hiểu sâu sắc đối với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Trong thời kỳ còn hoạt động ở nước ngoài, nhiều lần Bác khuyên các đồng chí nên học *Truyện Kiều*, và học các tác phẩm cổ điển khác của dân tộc. Còn về phần Bác, thì cố nhiên Bác đã thuộc lòng *Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm*... cũng như nhiều tác phẩm khác. Trong các bài viết, bài nói, trong những câu chuyện ứng khẩu Bác thường tập Kiều, lẩy Kiều... Theo thống kê bước đầu của chúng tôi, có đến một trăm trường hợp Bác sử dụng *Truyện Kiều* theo cách như thế. Đối với Bác, dường như lúc nào cũng có thể dùng những câu thơ trong *Truyện Kiều* để nói những điều Bác muốn nói. Có khi Bác dùng nguyên vẹn câu Kiều, có khi Bác thay đổi chút ít, nhưng đọc lên ai cũng biết câu của Bác lẩy ra từ câu Kiều.

Đồng chí Trần Lâm kể lại, năm 1929 Bác từ châu Âu về Thái Lan hoạt động. Một hôm Bác và đồng chí đi công tác, giữa đường trời tối, hai người phải ngủ nhờ nhà một người Việt kiều. Đêm ấy nghe chị chủ nhà hát ru con, Bác hết sức xúc động. Sáng hôm sau trên đường đi, Bác đã nói với đồng chí Trần Lâm.

Xa nhà chốc mấy mươi niên,
Tối qua nghe giọng mẹ hiền ru con![*]

Câu thứ nhất của Bác lẩy từ câu Kiều:

---

[*] Trần Lâm - "Chuyện giả mà có thật". Xem *Bác Hồ*, Văn học, Hà Nội, 1960.

Chốc đà mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mồi tóc sương.

Lúc ở Vân Nam, những người hoạt động cách mạng của ta có một tờ báo lưu hành nội bộ. Một hôm Bác gửi đến cho toà soạn một bài thơ, nói là thơ của vợ Trịnh Đông Hải, một đồng chí hoạt động ở Vân Nam, gửi cho chồng. Bài thơ Đường luật, có những câu:

Tóc thề đã chấm ngang vai thiếp,
Luỵ nhớ e chưa ráo mặt chàng.
Thù nước, thù nhà, chàng gắng trả,
Việc nhà, việc cửa thiếp xin đương...(*)

Câu thứ nhất trong đoạn này là một câu Kiều trọn vẹn *"Tóc thề đã chấm ngang vai"*, nhưng Bác thêm vào chữ "thiếp" cho thành thơ thất ngôn, mà không thấy có gì là tì vết, chắp vá. Nhưng năm bốn mươi, Bác về nước hoạt động. Để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa tháng Tám. Bác làm nhiều bài ca cổ động nhân dân tham gia mặt trận Việt Minh, đoàn kết diệt địch. Nhiều bài của Bác có xen những câu Kiều rất lý thú. Chẳng hạn, bài *Mười chính sách của Việt Minh,* Bác viết:

Người có sức, đem sức quyên,
Người có tiền của, quyên tiền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh(**).

Hay bài *Ca sợi chỉ:*

Mạnh gì sợi chỉ con con,
Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng.
Càng dài lại càng mỏng manh,
Thế gian ai sợ chi anh chỉ xoàng.
Nhờ tôi có lắm đồng bang,
Họp nhau sợi dọc sợi ngang rất nhiều,
Dệt nên tấm vải mỹ miều...(***)

(*) Vũ Anh - "Từ Côn Minh đến Pác Bó". Xem *Bác Hồ*, Sách đã dẫn.
(**) Hồ Chí Minh - *Thơ*, Văn học, Hà Nội, 1975.
(***) Sách đã dẫn.

Và bài ca kết luận:

Hỡi ai con cháu Hồng Bàng,
Chúng ta phải biết kết đoàn mau mau.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau,
Việt Minh hội ấy mau mau tìm vào[*].

Trên các đoạn trích dẫn trên, những câu *"Trên vì nước, dưới vì nhà", "Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng", "Yêu nhau xin nhớ lời nhau"* là những câu lấy nguyên văn từ *Truyện Kiều,* hoặc có thay đổi một vài chữ.

Sau Cách mạng tháng Tám, trên cương vị Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng, Bác vẫn nói, vẫn viết với phong cách như thế. Trong bất cứ trường hợp nào, Bác cũng có thể xen vào một vài câu Kiều.

Mùa thu năm 1949, một đêm đi thuyền trên sông Đáy, Bác Hồ đã làm một bài thơ rất đẹp về cảnh ấy. Trong bài thơ của Bác cũng lại có mấy câu tập Kiều và lấy Kiều:

Dòng sông lặng ngắt như tờ,
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo.
Bốn bề phong cảnh vắng teo,
Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan.
Lòng riêng riêng những bàng hoàng,
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.
Thuyền về, trời đã rạng đông,
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi[**].

Năm 1957, về thăm quê cũ ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn sau năm mươi hai năm xa cách, Bác gặp lại bà con, trong câu chuyện tâm tình với mọi người, Bác xúc động nói:

"Tôi là một người con em của nhân dân, đi xa nhà hơn năm mươi năm:

Ơn sâu, nghĩa nặng, tình cao
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình[***]

(*) Hồ Chí Minh - *Thơ*, Văn học, Hà Nội, 1975.
(**) Sách đã dẫn.
(***) Vương Lộc, Vương Kinh - *Về quê Bác*, Kim Đồng, Hà Nội, 1970.

Câu cuối cùng Bác lấy ở đoạn Kim Kiều tái ngộ:

Những là rày ước mai ao,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình.

Năm 1960, trong diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, sau khi trân trọng giới thiệu đại biểu các đảng anh em đến dự, Bác nói với Đại hội:

"Các đồng chí đã vì tình nghĩa quốc tế cao cả mà đến dự Đại hội của chúng ta, và mang đến cho chúng ta tình thân ái của Đảng anh em. Thật là:

Quan san muôn dặm một nhà,
Bốn phương vô sản đều là anh em[*].

Câu thơ trên của Bác lấy ra từ câu Kiều, đoạn Từ Hải nói với Thuý Kiều:

Xót nàng còn chút song thân,
Bấy lâu kẻ Việt người Tần cách xa.
Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người thấy mặt là ta cam lòng.

Trong nhiều bài tiểu phẩm của Bác đăng trên các báo *Nhân dân, Cứu quốc* để châm biếm, đả kích kẻ thù, hay trong các câu chuyện Bác Hồ đi thăm nơi này, nơi khác, Bác cũng dùng rất nhiều câu thơ lấy trong *Truyện Kiều* như thế. Và cảm động nhất là cho đến cuối đời, trong Di chúc của Bác để lại cho chúng ta, cũng có hai câu thơ của Bác có nguồn gốc trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

Còn non, còn nước, còn người
Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.

Câu thơ trên của Bác lấy từ câu Kiều:

Con non, còn nước, còn dài,
Còn về, còn nhớ đến người hôm nay...

Chúng tôi liệt kê một số trường hợp Bác sử dụng câu thơ *Truyện Kiều* hết sức đa dạng và linh hoạt như thế để thấy rằng

---

(*) Hồ Chí Minh - *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Sự thật, Hà Nội, 1970.

Bác thích thú và trân trọng *Truyện Kiều* biết chừng nào! Trong đời sống cũng có nhiều người thích tập Kiều, lẩy Kiều, nhại Kiều, nhưng thông thường người ta làm việc đó trong những trường hợp không có tính chất trang nghiêm, và để thoả mãn thích thú cá nhân, còn đối với Bác Hồ thì hoàn toàn khác hẳn. Vui miệng lẩy một đôi câu Kiều cũng có, nhưng với Bác, hình như tập Kiều, lẩy Kiều không phải chỉ vì thích thú, mà trước hết là vì Bác nghĩ rằng *Truyện Kiều* đã đi sâu vào đời sống của dân tộc, là tiếng lòng của dân tộc. Nói như Tố Hữu:

Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời nghìn thu.

Cho nên dùng câu Kiều để nói điều mình muốn nói, tác động của nó sẽ tăng lên, chân lý mà mình muốn truyền đạt, sẽ dễ dàng đi vào lòng người hơn.

Bác có lần nói với những người sống gần gũi với mình: "Bác làm thơ là cốt để tuyên truyền, có bài được, bài không, sao bài nào các chú cũng khen hay tất cả?"[(*)]. Thái độ của Bác thật là khiêm tốn và khách quan trong sự bình phẩm, đánh giá! Bác không thích bất cứ một sự tâng bốc nào. Những điều Bác nói còn cho thấy tính mục đích rất rõ trong việc làm thơ của Bác. Đối với Bác, mục đích quyết định phương tiện. Mục đích của Bác là làm sao cho đông đảo quần chúng trình độ văn hoá còn thấp có thể hiểu được chân lý của cách mạng, để sống với chân lý ấy và làm theo chân lý ấy. Và vì vậy cho nên Bác viết văn, làm thơ bao giờ cũng cố gắng hết sức giản dị, hết sức dễ hiểu, để ai cũng có thể hiểu được. Và Bác sử dụng tất cả những hình thức văn học quen thuộc, không ngại nói nôm na, miễn là quần chúng thích thú, để đem đến cho họ cái mà họ cần trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình và để xây dựng một xã hội mới. Việc sử dụng nhiều câu Kiều của Bác Hồ nằm trong quan niệm này. Cho nên Bác Hồ không ngần ngại gì khi viết những câu như:

(*) Chế Lan Viên - *Bỗng nghe vần "Thắng" vút lên cao,* Báo **Sài Gòn giải phóng**, số Xuân Bính Thìn, 1976.

Mừng xuân xuân cả thế gian
Phải đâu lãng phí cỗ bàn mới xuân[*].

Trăm năm trong cõi người ta,
Chống úng thắng lợi mới là người ngoan[**].

Thiết tưởng đánh giá nghệ thuật trong nhiều câu thơ của Bác Hồ, phải thấy giá trị của nó trước hết là ở chỗ nó đã chuyển đạt một cách có hiệu quả nhất nội dung mà tác giả muốn thông báo đến với đông đảo quần chúng nhân dân, chứ không phải ở cứu cánh nội tại của nó.

Ngay trong việc vận dụng những câu Kiều của Bác, chủ yếu là nhằm mục đích làm cho người đọc, người nghe thích thú trong sự tiếp nhận, thì phải nói là ở nhiều trường hợp cách vận dụng của Bác hết sức tài tình, chứng tỏ không những Bác rất thuộc *Truyện Kiều,* mà còn hiểu *Truyện Kiều* một cách tinh tế, và điều này làm cho những câu Kiều Bác sử dụng phát huy được hiệu quả rất lớn.

Trong thời gian hoạt động ở Pháp, sau khi đọc luận cương về vấn đề giải phóng dân tộc của Lê-nin, Bác Hồ quyết định đi sang Nga để hoạt động. Một đồng chí hứa với Bác sẽ nhờ công nhân Đức giúp Bác trong chuyến đi này. Nhưng lúc sắp từ giã Pa-ri, vẫn có biết bao nhiêu điều làm Bác phải suy nghĩ. Bác kể lại: Làm thế nào để bỏ rơi bọn mật thám ngày đêm theo mình như bóng theo hình? Anh em công nhân Đức có thể giúp, nhưng công nhân Ba Lan có sẵn sàng giúp mình chăng? Và ai sẽ phụ trách tờ Pa-ri-a. Các đồng chí Á - Phi, người thì giúp bài, kẻ thì giúp tiền làm báo, nhưng cần có người không có gia đình bận bịu như mình để phụ trách mọi việc như đi góp tiền, đi giục bài, bí mật gửi báo đến các thuộc địa, bán báo để tuyên truyền ngay ở Pa-ri. Thật là ngổn ngang trăm mối bên lòng[***]. Sáu chữ cuối cùng là câu thơ Bác lấy trong *Truyện Kiều:*

(*) *Mừng Tết nguyên đán thế nào?* Báo Nhân dân, 18 tháng Giêng năm 1960.
(**) Hai câu thơ khắc vào bức tượng đài "Bác Hồ về Mai Xá" ở Ninh Giang, Hải Hưng.
(***) T.Lan - *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sự thật, 1976, tr.18.

Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.

Bác dùng câu trên để nói lên tâm trạng của Bác trong trường hợp này thật là hợp tình, hợp cảnh, và cũng thật là súc tích.

Trong Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, họp ở núi rừng Việt Bắc, một đại hội lần đầu tiên có đông đảo đại biểu các đảng bộ của cả ba miền Trung Nam Bắc về dự, Bác Hồ hết sức xúc động về sự trưởng thành của cách mạng, của Đảng. Mới ngày nào trong lần họp đầu tiên để thành lập Đảng, chỉ có mấy người tham dự, thế mà nay cách mạng đã thành công, nước nhà đã độc lập, Đảng đã có một đội ngũ đông đảo khắp nước. Bác đọc tặng Đại hội hai câu Kiều:

Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.

Thật không thể không có câu nào súc tích và hay hơn để nói lên cảm xúc và suy nghĩ của Bác bằng hai câu Kiều đó. Đến bây giờ mới thấy kết quả hoạt động của Đảng, mới thấy cách mạng thành công, nhưng Bác đã tin chắc sẽ có cái ngày đó từ lúc bước chân ra đi tìm đường cứu nước, từ lúc Bác đọc bản luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin, và một mình Bác đã nói to lên trong phòng giữa Pa-ri: *Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta.*

Nhà thơ Xuân Diệu kể lại năm 1950 trong một bản nhận định tổng quát về tình hình nửa thế kỷ qua, do Bác thảo lấy và in đá, Bác mở đầu bằng hai câu:

Sự đời trông thấy mà... lòng,
Mỗi trang lịch sử một trùng biển khơi.

Câu thứ nhất của Bác là lấy từ Truyện Kiều:

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Nhưng *"Những điều trông thấy mà đau đớn lòng"*, Bác rút lại: *"Sự đời trông thấy mà... lòng"* thì cái tài của Bác không phải chỉ là rút gọn câu thơ tám chữ còn lại sáu chữ, và đổi chữ "những điều" thành "sự đời" cho ý nghĩa triết lý bao quát hơn. Và cái tài là cách rút gọn của Bác làm cho câu thơ không còn nội dung xác định như câu thơ của Nguyễn Du nữa, do đó nó mở ra một sự liên tưởng mới, rộng lớn trên nhiều chiều hướng. Điều đó phù hợp với nội dung Bác định nói là lịch sử thế giới trong năm mươi năm qua, có biết bao nhiêu biến động, "đau đớn lòng" cũng có, mà hào hùng, phấn khởi cũng nhiều. Đúng là *Mỗi trang lịch sử một trùng biển khơi.*

Một điều cũng hết sức thú vị là nhiều câu thơ trong *Truyện Kiều* vốn là những câu thơ buồn, những câu thơ mang triết lý định mệnh tiêu cực của Nguyễn Du, mà Bác Hồ dùng lại, có khi dùng nguyên, có khi cải biên chút ít, và đặt trong những văn cảnh khác hẳn, không còn buồn, không còn tiêu cực một tí nào, mà trái lại, hết sức lạc quan, hết sức khẳng định, và đôi khi còn thoáng một chút dí dỏm quen thuộc của Bác nữa.

Đồng chí Vũ Kỳ có kể một dịp Tết Bác Hồ đến làm việc, thấy trong phòng của anh em có chậu hoa trà mi mới nở một bông rất đẹp, Bác nhớ đến câu thơ Nguyễn Du trong *Truyện Kiều,* ứng khẩu đọc:

Đẹp thay một đoá trà mi,
Bướm ong chưa tỏ đường đi lối về.

Trong *Truyện Kiều,* câu này Nguyễn Du nói về Thuý Kiều, một cô gái tài sắc, trinh trắng là thế, mà sống trong một xã hội đen bạc nên cuối cùng trinh tiết của nàng bị huỷ hoại bởi một tên vô lương, hèn hạ. Nguyễn Du than thở:

Tiếc thay một đoá trà mi
Con ong đã tỏ đường đi lối về.

Bác Hồ dùng lại hai câu ấy để ca ngợi vẻ đẹp của hoa trà mi, nên không có gì phải "tiếc". Bác thốt lên: *"Đẹp thay một đoá*

trà mi!". Hoa trà mi đã đẹp rồi, nhưng Bác nói nó còn đẹp hơn nữa vì *"Bướm ong chưa tỏ đường đi lối về"*.

Một lần khác có một bà đem cam đến biếu Bác, kèm theo là bài thơ tự làm để tặng Bác. Bác Hồ cảm động làm bốn câu thơ đáp lại:

Cảm ơn bà biếu gói cam,
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây.
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Phải chăng "khổ tận đến ngày cam lai".

"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" là câu Bác lấy trong tục ngữ. Còn câu "Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai" thì Bác lấy trong *Truyện Kiều,* lời của Thuý Kiều nói với Kim Trọng trong cuộc trùng phùng sau mười lăm năm lưu lạc:

Tẻ vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai.

Qua niệm "khổ tận cam lai" là quan niệm về sự tuần hoàn một cách tự nhiên nhi nhiên, tiêu cực, vì nó phủ nhận vai trò của con người trong đấu tranh để thực hiện chân lý. Bác Hồ dùng lại câu này, hoàn toàn không có chút ý nghĩa nào như thế, mà chủ yếu là Bác chơi chữ. "Cam" ở đây là gói cam biếu. Bài thơ kết bằng một câu dí dỏm, thân tình.

Nhưng hai trường hợp vừa kể trên, dù sao cũng có tính chất vui đùa. Trong trường hợp sau đây thì Bác Hồ dùng câu thơ *Truyện Kiều* một cách trang nghiêm, mà ý nghĩa của nó cũng được "cải tạo" lại. Trong bài gửi Hội nghị Tổng bộ Việt Minh ngày 20-4-1948 Bác viết: Chính sách của Việt Minh là cố giữ hoà bình, song đến ngày kháng chiến, Việt Minh ra sức ủng hộ chính sách trường kỳ kháng chiến của chính phủ. Trong cuộc kháng chiến này, Việt Minh đoán trước rằng sẽ thắng lợi và nhất định thắng lợi: *Đã tin lần trước, ắt nhằm lời sau.* Câu kết của Bác lấy từ lời của vãi Giác Duyên nói với Thuý Kiều về tài "tiên tri" của sư Tam Hợp:

Bảo cho hội ngộ chi kỳ,
Năm nay là một, nữa thì năm năm.
Mới hay tiền định chẳng lầm,
Đã tin điều trước, ắt nhằm việc sau.

Một lời nói đầy tính chất mê tín, bí ẩn, không có cơ sở thực tế nào cả. Nhưng khi Bác Hồ dùng lại *Đã tin lần trước, ắt nhằm lời sau* thì Bác muốn khẳng định rằng điều mình nói là hoàn toàn có cơ sở. Việt Minh đã từng lãnh đạo toàn dân đánh Pháp, đuổi Nhật, tiến hành Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Điều đó ai cũng biết. Cho nên bây giờ Việt Minh nói trước cuộc kháng chiến sẽ thắng lợi và nhất định thắng lợi, thì điều đó hoàn toàn là một phán đoán thực tế có căn cứ, không phải nghi ngờ gì cả.

Từ việc vận dụng những câu Kiều của Bác Hồ, chúng tôi có thể liên tưởng đến việc Bác Hồ đề ra chủ trương về Tết trồng cây. Trước đây trong ngày Tết, nhân dân ta thường có tục hái lộc. Cứ vào tối giao thừa, đúng vào giờ bắt đầu của năm mới, mỗi người bẻ một nhành cây, tượng trưng cho cái lộc của năm mới. Tục hái lộc có cái hay là nó phản ánh khát vọng của con người về những điều tốt lành trong cuộc sống. Nhưng ở thành phố sau đêm giao thừa hái lộc như thế, rất nhiều cây đẹp bị xác xơ, trụi lá. Bác Hồ đã đề ra Tết trồng cây thay cho tục hái lộc, thì đúng là Bác rất hiểu tâm lý của dân tộc, nên hướng được phong tục vào một mục đích có ích.

Nữ nghệ sĩ Ái Liên đã kể lại ấn tượng mạnh mẽ và sâu sắc của mình khi nghe những câu thơ ứng khẩu của Bác Hồ, trong một lần đoàn của chị diễn vở *"Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài"*. Xem xong, Bác lên sân khấu bắt tay từng người, hỏi mọi người có muốn nghe Bác phát biểu ý kiến không. Bác Hồ đi đi lại lại mấy bước rồi cất tiếng đọc:

Một đôi Sơn Bá, Anh Đài,
Chữ tình đáng trọng, chữ tài đáng thương.
Chỉ vì ông già dở dở ương ương,

Bác dừng lại chỉ tay vào chị Hồng Liên, người đóng vai Chúc công, bố của Chúc Anh Đài:

Làm cho đôi lứa uyên ương không thành.

Bác ngừng đọc, đi đi lại lại, rồi Bác cất cao tiếng hơn, một tay Bác giơ lên:

Đánh cho phong kiến tan tành,
Cho bao nhiêu Anh Đài, Sơn Bá sẽ được thành lứa đôi".

Đoạn thơ trên của Bác cũng lại có một câu lẩy Kiều: *Chữ tình đáng trọng, chữ tài đáng thương!".* Chị Ái Liên tâm sự: Những câu thơ đó chúng tôi chỉ được nghe có một lần giữa lúc tâm trạng vui sướng rộn ràng như vậy, thế mà mọi người đều nhớ ngay, thuộc ngay... Đối với riêng tôi, hơn mười lăm năm qua rồi mà tôi cứ tưởng tượng như đang nhìn thấy Bác khi đó, đang nghe tiếng Bác sang sảng bên tai. Bởi vì qua mấy câu thơ đọc ngay buổi đó, Bác đã dạy chúng tôi rất nhiều về nghề nghiệp..."[(*)]. Hiệu quả những câu thơ hết sức giản dị của Bác Hồ là như thế. Có thể nói hiệu quả sử dụng những câu Kiều của Bác cũng là như thế.

(*) *Hoa dâng Bác* - Hội Văn nghệ Hà Nội, 1971.

KÍNH DÂNG BÁC HỒ

NGUYỄN THỊ CẨM THẠNH

Tất cả phẩm chất cách mạng chung đúc, nhuần nhuyễn trong Bác, người tiêu biểu đầy đủ nhất cho tính cách Việt Nam lại vừa là người làm giàu thêm tính cách Việt Nam.

Bác vừa là lý tưởng, vừa là hiện thực của chúng cháu. Bác vĩ đại và thật gần. Mãi mãi, Bác vẫn trọn vẹn là Bác Hồ của cháu. Từ bao lâu, cháu cất kỹ một tấm ảnh Bác. Tấm ảnh trân trọng và vô cùng thân thiết này thành một kỷ niệm quý nhất của gia đình. Tấm ảnh giữ lâu năm đã ngả màu vàng, gợi lại một buổi sáng trong căn cứ địa Việt Bắc giữa những ngày kháng chiến chống Pháp. Bác ngồi đó, trên thảm cỏ và dưới bóng cây rừng. Quây quanh Bác là một đàn cháu nhỏ, đứa được Bác bế trên tay, đứa được Bác đặt vào lòng.

Chú bé mặt tròn bụ bẫm vừa đầy tuổi tôi mười tám năm về trước kia, chính là đứa con trai đầu lòng của cháu. Chú bé được ngồi gọn trong lòng Bác, dáng ngoan ngoãn, bình thản. Chú có ngờ đâu phút giây vô cùng sung sướng ấy lại trở thành hình ảnh thiêng liêng nhất đối với cả cuộc đời của chú sau này!

Cháu nhớ lại những lần may mắn được gặp Bác. Một ngày đầu xuân giữa cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp, Bác đến thăm Đại hội phụ nữ toàn quốc họp giữa núi rừng Việt Bắc. Không có tin báo rằng Bác đến. Nhưng xế trưa hôm ấy, cháu như thấy trước có điều gì khác thường. Cháu đang trên đường bước

vào hội trường qua những bậc cao và dài lát nứa, chợt bốn bề reo bật lên:

- Bác đến! Bác đến!

Đột nhiên, sung sướng, hân hoan tràn ngập khắp hội trường. Chúng cháu mừng cuống quýt chạy ùa về phía Bác.

Trước kia, thường ngày ngắm ảnh Bác, thấy Bác trìu mến nhìn lại, cháu đã được truyền thêm sức mạnh. Được gặp Bác, được hưởng niềm hạnh phúc lớn lao không ngờ ấy, cháu sung sướng quá, niềm sung sướng tột cùng.

Bác quắc thước hơn trong ảnh nhiều, vẻ đẹp tinh thần toát ra sáng ngời con người Bác.

Bác nhanh nhẹn, tươi cười đi giữa dòng người tiến vào sân hội trường. Bác đến, giản dị bộ quần áo lụa nâu và đôi dép lốp cao su đường trường. Gương mặt Bác hồng hào, kiên nghị. Đôi mắt Bác sáng lạ thường. Mãi mãi cháu vẫn nhớ như in ánh mắt ấy, ánh mắt của nghị lực, quyết tâm, chứa chan tình cảm nhân đạo, đầy sức cổ vũ lòng người.

Chị em chúng cháu đủ khắp các địa phương từ vùng tự do đến vùng sau lưng địch, miền núi cho chí miền xuôi, rộn rã quây quanh Bác. Ai cũng muốn được đến gần Bác, được đứng quạt cho Bác mát. Hiểu tấm lòng khao khát của chị em, Bác lần lượt đến với từng đoàn đại biểu. Suốt những ngày Đại hội cho đến lúc chị em chúng cháu đã toả về hoạt động trên khắp các nẻo đường đất nước, hình ảnh Bác rói mãi trong niềm tin của chúng cháu.

Sau đấy, nhiều lần trên đường đi công tác, Bác thường dùng ngựa ghé thăm cơ quan phụ nữ đóng trong căn cứ địa ven rừng, bên bờ suối mát. Bác đến! Bác đến! Âm thanh náo nức ấy lại vang dội khắp rừng theo bước chân Bác. Niềm vui bình thường vụt trở thành niềm vui lớn nhất, niềm vui rạng rỡ khắp trên mọi gương mặt chị em chúng cháu. Bác bảo ban chúng cháu về tổ chức phục vụ nhân dân, về đạo đức, tác phong của người

phụ nữ mới. Xem chị em diễn lại vở kịch bà mẹ nghèo vùng sau lưng địch bảo vệ cán bộ trước mũi súng giặc, Bác thương cảm rưng rưng. Thấy chị em phải chịu kham khổ, thấy chị em còn gầy, lòng Bác áy náy. Bác rảo đi thăm khắp lượt nơi làm việc, nơi ăn, nơi nghỉ của chị em. Bác hỏi:

- Các cô nhớ gọn gàng, quân sự hoá luôn chứ?

Chúng cháu đáp ran ran:

- Thưa Bác, nhớ luôn ạ.

Bác lại nhìn chúng cháu, Bác hỏi tiếp:

- Các cô có được mạnh khoẻ không? Đã "tăng gia" chưa?

- Thưa Bác, chị em mạnh cả, chị em cũng có "tăng gia" được một ít rau xanh ạ.

Bác cười:

- Các cô có chịu bón phân cho rau xanh không?

Bác kể ở cơ quan Bác, Bác có gieo được ít cải xoong ven suối. Bữa nào tiện cho ai qua, Bác cho một tí hạt giống.

Lần ấy, nhà cháu, anh Nguyễn Xuân Sanh, từ cơ quan văn nghệ xa ngót trăm cây số cũng vừa đến. Con ngựa nâu của Bác buộc ở gốc cây đầu cổng xổng ra, nhà cháu cùng đồng chí bảo vệ chạy theo giữ ngựa lại. Buộc được ngựa rồi, nhà cháu trở vào, Bác hỏi:

- Chú đến thăm cô phải không?

Nhà cháu đáp:

- Thưa Bác, vâng ạ.

Bác lại vui vẻ bảo:

- Cô chú hát Bác nghe một bài.

Hai chúng cháu hát không hay, nhưng chúng cháu đã vâng lời Bác, đứng nghiêm trước Bác và hát song ca bài *"Kết đoàn"*.

Chúng cháu hát xong, Bác cười rộng lượng:

- Cô chú hát không hay, nhưng vì hát *"Kết đoàn"*, Bác cũng thưởng cho mấy cái kẹo.

Chị em bạn bè cùng chúng cháu cười ran. Không khí thật là ấm cúng.

Một lần khác, Bác đến, vẫn áo lụa nâu hở cổ và khăn mặt bông vắt vai, Bác đem theo một tập báo của Đảng Cộng sản Pháp. Bác ngồi xuống sân nhà và chúng cháu lại tíu tít quây quanh. Bác kể cho chúng cháu nghe về gương hoạt động của các nữ chiến sĩ phong trào cộng sản quốc tế.

Một lần khác nữa, Bác đến, Bác lấy trong túi ra một hộp tròn xinh sơn màu đỏ, vui vẻ hỏi chúng cháu:

- Các cô biết có gì trong này? Cô nào đoán đúng, Bác thưởng.

Chúng cháu đoán mỗi người một ý.

Bác tươi cười mở hộp ra. Chúng cháu reo cả lên, phấn khởi quá: Huy hiệu in hình Bác!

- Thưa Bác cho cháu!

- Cho cháu!

Chúng cháu nhao nhao xin được nhận quà kỷ niệm của Bác, hứa phấn đấu xứng đáng với quà của Bác.

Bao giờ Bác đến, Bác cũng tạo ngay không khí ấm cúng, thân mật, thoải mái như vậy, cho chị em tha hồ quấn quýt quanh Bác như lớp lớp đàn con được nuông chiều quây quanh cha. Bác là người cha của sức mạnh, của niềm tin, của lý tưởng, tràn đầy tình cảm đôn hậu, gần gũi và cao quý hơn tất thảy mọi người cha trên đời này.

Lòng Bác đầy tình thương yêu vô hạn với nhân dân, càng sẵn niềm cảm thông sâu sắc với phụ nữ. Chúng cháu vô cùng xúc động. Mỗi lần Tết đến, cơ quan chúng cháu tổ chức làm một

món ăn dân tộc biếu Bác. Năm ấy, chị em làm mứt khoai, dưa món. Nhận được quà Tết của chị em, Bác rất vui. Bác trả lời bằng hai câu thơ:

Cám ơn các cháu, các cô
Mứt khoai, dưa món, Bác Hồ khen ngon.

Biết bao nhiêu buổi tối ngồi quanh ngọn lửa ấm trong lán ven rừng, chúng cháu cùng nhau say sưa ôn lại gương hoạt động hy sinh trọn đời vì dân vì nước của Bác, càng cảm kích những săn sóc ân cần của Bác đối với chúng cháu.

Tấm ảnh Bác đang trìu mến, nâng niu các cháu nhỏ là kỷ niệm lưu lại trong quãng thời gian ấy. Được tin Bác đến, cháu đã dắt thằng cháu nhỏ chạy ra đón Bác. Bác nhìn cháu, bỗng dưng ánh mắt Bác ắng lại như có điều gì không vui. Cháu phân vân thấp thỏm mãi chẳng hiểu sao. Đến khi Bác sắp ra về, một đồng chí đi theo Bác mới nói riêng với chúng cháu: "Bác vừa dặn: Phải luôn săn sóc các cô. Bác thấy các cô gầy quá!".

Lúc ấy, cháu hiểu. Ôi, tình thương của Bác đối với chúng cháu, mãi mãi chúng cháu còn nhớ như in.

Mười tám năm qua, cháu vẫn giữ trân trọng tấm ảnh cho đến ngày nay. Suốt những năm công tác cõng con trên lưng, địu con trước bụng, vượt qua tầm bom đạn giặc, trèo đèo cao, lội suối xiết, vừa công tác vừa nuôi con cháu vẫn nghĩ rằng có Bác đang trìu mến, cổ vũ cháu. Có lần cháu địu con băng qua suối lũ, ba lô quần áo ướt đẫm, nhưng thưa Bác, tấm ảnh Bác cháu vẫn giữ được khô nguyên.

Đứa con đầu lòng của cháu nay đã trở thành chiến sĩ diệt Mỹ ở tiền tuyến. Những ngày sắp sửa lên đường, cháu đã được trân trọng cầm tay ngắm mãi tấm ảnh mà ngày mới tròn tuổi tôi, cháu nó được hưởng cái diễm phúc ngồi trong lòng Bác.

Cháu nó đã viết thư về:

"1-1968: Đêm qua, vai vác nặng gần ba mươi cân, con hành quân có đoạn trên chục cây số đường đá dăm, đi chân đất (vì chân con to quá cỡ giầy). Con vẫn giữ đúng hàng ngũ. Trung đội trưởng đã nêu khẩu hiệu: "Thật là đôi chân vạn dặm. Quyết học tập đồng chí L. trong cuộc hành quân đêm nay".

"Tết Nguyên Đán 1968: Trước hết, con báo tin mừng: con là một người trong mười xạ thủ giỏi nhất của tiểu đoàn và là một trong năm xạ thủ giỏi, lọc ở mười người kia".

"5-1968: Chúng con hành quân trên đỉnh núi cao vòi vọi có chỗ dốc đứng không trèo được, phải leo bằng thang, mà có ít đâu, năm cái thang dài trên dưới chục mét, chỉ sểnh một tý là lộn nhào xuống đá! Có dốc cao phải đi ba, bốn tiếng mới tới đỉnh. Đi đến nỗi chân rời ra, mồ hôi đầm quần áo. Khó mà tưởng tượng được! Chỉ có quân đội cộng sản mới đi được như vậy".

Hứa hẹn quyết tâm với hình ảnh thiêng liêng nhất trong lòng, chắc chắn giờ đây cháu nó đang cùng đồng đội nắm vững tay súng tiêu diệt càng nhiều giặc Mỹ, làm tròn sứ mệnh Bác trao: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào", góp phần nhanh chóng đuổi sạch giặc ngoại xâm, thống nhất đất nước...

9-1969

BÁC HỒ NGHE ĐỒNG CHÍ VÕ NGUYÊN GIÁP ĐÁNH ĐÀN PI-A-NÔ

ĐÀO VŨ

Đồng chí Võ Nguyên Giáp với tên gọi thân mật từ xưa là *anh Văn* vốn là một nhà quân sự rất yêu thích văn học và nghệ thuật. Anh Văn đọc nhiều, tiếp xúc nhiều với các nhà văn, là tác giả của nhiều tập hồi ký văn học. Riêng về âm nhạc, anh đã từng chơi đàn pi-a-nô từ mấy chục năm nay.

Trên cương vị một vị tướng cầm quân, một Tổng tư lệnh quân đội, hay một Bộ trưởng quốc phòng, phải góp phần quyết định những vấn đề lớn của chiến tranh, tiếng đàn có lẽ đã tạo nên cho đồng chí Võ Nguyên Giáp những giây phút thư thái, bình lặng trong những ngày căng thẳng, bề bộn của bao nhiêu việc nước, việc quân.

Thế rồi vào một buổi tối mùa thu năm ấy, Bác Hồ sang thăm gia đình đồng chí Võ Nguyên Giáp. Giữa câu chuyện, Bác chợt quay sang chị Bích Hà cũng đang ngồi đó (chị Bích Hà là vợ của đồng chí Võ Nguyên Giáp), Bác hỏi:

- Có phải không cô Hà, nghe nói chú Văn chịu khó tập đàn? Sao không đánh thử Bác nghe?

Đồng chí Võ Nguyên Giáp không thể từ chối. Anh ngồi vào trước cây đàn pi-a-nô vẫn được kê ngay ở phòng khách.

Cũng cây đàn này, ở phòng khách này, trong những năm tháng căng thẳng nhất của cuộc chiến tranh leo thang của không

lực Hoa Kỳ ra miền Bắc, và còn điều quan trọng nữa, sau này mới được biết, đó là trong những ngày phải quyết định những vấn đề nghiêm trọng nhất của cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, cũng cây đàn này, ở phòng khách này vẫn được lên tiếng ung dung, hoặc có khi rộn rã, thúc giục.

Hôm nay, lần đầu tiên được cất tiếng cho Bác Hồ nghe, một dịp hiếm quý giá biết bao, đàn ơi, đàn sẽ lấy giọng nào, lên cung bậc nào cho xứng đáng đây?

Sau lời Bác hỏi, anh Văn đã ngồi ngay ngắn trước hàng phím đàn đen trắng. Nhưng chưa đánh ngay, có lẽ anh đang nghĩ xem đánh bài gì bây giờ. Rồi, tiếng đàn vang lên một bài quen thuộc - *Chiến thắng Điện Biên*.

Bác lắng nghe, niềm xúc động ngời lên khoé mắt. Còn người biểu diễn thì hoàn toàn không chờ đợi tiếng vỗ tay, anh Văn đánh tiếp để Bác nghe bài Sô-na-tin của Bê-thô-ven.

Bác nghe chăm chú, rồi chợt hỏi:

- Chú có chơi các bài dân ca của ta không?

Cây đàn liền vang lên bài *Trống cơm* rồi bài *Trảy hội đêm rằm* mà anh Văn vẫn ưa thích và hay chơi.

Bác Hồ tỏ ra thích thú rõ rệt. Đã dứt tiếng đàn, Bác mỉm cười, gật gù:

- Chú đánh hay đấy... nhưng mà... - Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã rời cây đàn, đứng nhìn Bác, chờ đợi. - Nhưng mà, chú đã đánh được bài *Kết đoàn* chưa?

Thật là bất ngờ, nhà tướng như bị đột kích, tuy nhiên anh tươi cười thưa với Bác:

- Dạ, chưa.

Bác Hồ còn tươi cười hơn, rồi Bác cười thật sự mà rằng:

- Đánh giặc, chú đánh cả trận to lẫn trận nhỏ. Đánh đàn, chú phải đánh cả bài khó lẫn bài dễ mới là giỏi. Bài *Kết đoàn* ai cũng hát, chưa đánh được bài *Kết đoàn* thì chưa giỏi, hà hà...

Cái bài ca ngắn ngủi, bé nhỏ kia, từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở mọi nơi, dường như ai cũng biết hát thật. Chính Bác Hồ đã từng có lần bắt nhịp cho chúng ta cùng hát bài *Kết đoàn* ấy. Nhưng có ngờ đâu Bác lại yêu cầu đánh bài ấy trên phím đàn pi-a-nô? Vì một lẽ đơn giản là chưa có ai viết bài ca bé nhỏ ấy cho đàn pi-a-nô.

Vậy là, trong buổi tối mùa thu này, đồng chí Võ Nguyên Giáp đành chịu lỗi với Bác. Có lẽ, đây là lần đầu anh chịu lỗi như thế.

Nhưng, ngay ngày hôm sau, không biết có phải nhà tướng coi ý của Bác như một mệnh lệnh quân sự, anh nói với người bấy nay vẫn hướng dẫn cho mình tập đàn hãy soạn bài ca *Kết đoàn* thành bài cho pi-a-nô. Và khi có bài *Kết đoàn* cho pi-a-nô rồi, anh đã tập một cách hào hứng và nghiêm chỉnh.

Chả bao lăm, bài *Kết đoàn* được nhà tướng đánh một cách trơn tru. Điều ấy có khó gì đâu. Vì anh đã từng đánh được những bài khó của bộ sách đàn cổ điển.

Chỉ có điều, cho đến mãi mãi về sau này, trên phím đàn pi-a-nô, anh Văn không bao giờ có dịp được đánh bài ca *Kết đoàn* cho Bác Hồ nghe nữa. Bác đã đi xa...

Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đoàn văn công Việt Nam vừa đi dự ĐH Thanh niên và Sinh viên thế giới tại Viên - Áo (6/1/1960)

Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

ĐÓN XUÂN, VUI TẾT VỚI BÁC HỒ

LƯU TRÙNG DƯƠNG

Là một người lính của bộ đội Liên khu 5, tôi rời Sư đoàn 324 về nhận nhiệm vụ biên tập ở báo *Sinh hoạt Văn nghệ* (tiền thân của Tạp chí *Văn nghệ quân đội*) vào khoảng cuối mùa thu năm 1956.

Những ngày kháng chiến chống Pháp ở Khu 5, cũng như những ngày đóng quân ở Thanh Hoá, Nghệ An... sau khi tập kết ra Bắc - mái ấm của tôi và anh em đồng đội đều là nhà dân, mái ấm của đồng bào mà chúng tôi coi không khác nào ruột thịt. Về với ngôi nhà số 4 Lý Nam Đế, dù kiểu kiến trúc không ra dáng vẻ một doanh trại lần đầu tiên trong cuộc đời bộ đội. Vốn xuất thân cùng một sư đoàn, tôi và Nguyên Ngọc lại được xếp ở chung một phòng, - láng giềng gần gũi nhất là anh Thanh Tịnh. Báo *Sinh hoạt Văn nghệ* vừa phát hành số cuối năm, trong đó tôi sung sướng góp bài thơ "*Cùng đi trên đường quốc lộ*", in ở trang nhất. Và tất cả anh chị em trong Toà soạn đang khẩn trương sửa soạn cho Tạp chí *Văn nghệ quân đội* được sinh thành.

Thấm thoắt mấy tháng trôi qua... thế là đến Tết. Tôi không nhớ rõ năm âm lịch, chỉ còn nhớ đó là vào đầu năm 1957, Tạp chí *Văn nghệ quân đội* đang in số đầu tiên. Đó cũng là cái Tết thứ hai của chúng tôi trên miền Bắc kể từ ngày con sông Hiền Lương, hiền lành như một dải lụa mềm óng ả, bỗng trở thành một lưỡi kiếm thép cắt ngang giữa mình Tổ quốc... như một nhà thơ nước ngoài đã viết.

Sáng mồng một Tết năm ấy, sau đêm giao thừa thức rất khuya, lúc tôi và Nguyên Ngọc còn đang gác chân nhau ngủ say,

bỗng có tiếng gõ cửa dồn dập. Chúng tôi choàng dậy: một đồng chí cán bộ của Văn phòng Tổng cục Chính trị, cùng với đồng chí thường trực của Toà soạn, xuất hiện trên ngưỡng cửa.

Không quá một giây, đồng chí cán bộ Văn phòng Tổng cục Chính trị nói ngay: "Tôi được lệnh đưa các đồng chí đến Chủ tịch phủ để chúc Tết Bác Hồ. Các đồng chí sửa soạn khẩn trương, ta đi ngay!...".

Trời ơi, tôi phát run lên vì nỗi sung sướng quá bất ngờ!... Gặp Bác! Tôi sắp được gặp Bác Hồ! Bao nhiêu năm rồi tôi mong đợi giờ khắc này đây!...

Ngồi trên xe, dọc đường đi đến Phủ Chủ tịch, tôi bỗng nhớ lại hình ảnh lời nói... của Bác Hồ khi tôi được gặp Bác lần đầu. Ngày ấy cách đây đã gần mười hai năm. Lúc bấy giờ tôi còn là một học sinh trường Chu Văn An (trước Cách mạng tháng Tám thường gọi là trường Bưởi). Chúng tôi vừa mới tựu trường chưa được bao lâu. Bác Hồ vừa từ nước Pháp về tới Hà Nội, sau một cuộc hành trình dài ngày, một cuộc thương thuyết đầy gian truân, phức tạp. Hôm ấy, chúng tôi đang giờ lên lớp. Không rõ nhà trường có được thông báo trước hay không chứ học sinh chúng tôi thì tuyệt nhiên không có người nào biết trước niềm hạnh phúc bất ngờ này...

... Bác Hồ đột ngột xuất hiện trước cửa lớp, nhanh nhẹn mà ung dung bước thẳng đến chỗ chúng tôi đang đứng, sau lưng Bác là thầy Hiệu trưởng và một đoàn cán bộ mà chúng tôi chưa biết mặt. (Thực ra, trước đó một tích tắc, tất cả học sinh chúng tôi đứng vụt dậy, mừng vui đến nghẹn ngào...). Bác đến ngay bên cạnh hàng ghế đầu. Vì là học sinh nhỏ trong lớp, tôi may mắn được ngồi ở hàng đầu, nhờ thế mà được gần Bác hơn, so với các bạn... Mới đấy mà đã hơn mười hai năm...

Tôi đã xa trường, xa lớp, xa Hà Nội... hơn mười năm. Lần đầu được gặp Bác Hồ, tôi là một cậu học trò nhỏ, được Bác đến ngay bên cạnh bàn học, ân cần dạy bảo. Cậu học trò nhỏ ấy đã nghe lời Bác gọi, đã làm theo lời Bác dạy, cùng thế hệ mình đi

đánh giặc mười năm... Để giờ đây, được trở về Hà Nội, được gặp Bác lần thứ hai... Trong tâm trạng bồi hồi bồi hồi của một đứa con được về thăm Cha, sau 10 năm xa cách và riêng phần mình thì đã lớn khôn...

... Trong gian phòng họp rộng lớn của Phủ Chủ tịch buổi sáng hôm đó, tôi nhận ra nhiều gương mặt quen thân là đồng đội Khu 5, và nghe giọng nói tôi biết hầu hết số anh chị em có mặt đều quê ở miền Nam.

Mọi người đang yên lặng chờ đợi, bỗng đột nhiên có hàng loạt tiếng reo: "Bác đến! Bác đến!...". Tất cả đều đứng dậy, rất đều, rất nhanh...

Bác Hồ vẫn với tác phong vừa nhanh nhẹn, vừa ung dung như mọi lúc, đang rảo bước từ phía cuối gian phòng đi lên phía trước. Bác vừa đi vừa đưa tay ra hiệu bảo mọi người ngồi xuống. Đôi mắt Bác cười rất vui...

Buổi họp mừng xuân với Bác Hồ năm ấy dù chỉ kéo dài được khoảng hai giờ, song, mọi hình ảnh, màu sắc âm thanh buổi ấy sẽ mãi mãi ghi sâu, in đậm trong tâm hồn tôi...

Tôi nhớ rõ bầu không khí vui vầy, đầm ấm giữa người Cha kính yêu với đàn con thương nhớ, vừa được quây quần bên nhau sau những năm dài xa cách.

Ngay từ những lời mở đầu rất hóm, rất vui, Bác đã tạo nên bầu không khí chan hoà, thân mật ấy: "Hôm nay, Bác ăn Tết với các cháu miền Nam. Bác đãi các cháu ba món: bánh, kẹo và nước chè. Bánh thì mỗi người một cái, kẹo thì hai cái một người. Còn nước chè... nước chè thì... (Bác bỏ lửng, dừng một tí rồi mới nói tiếp)... nước chè thì... uống tự do!". Hàng trăm tiếng cười giòn cùng cất lên một lúc.

Khi đã ngớt tiếng cười trong phòng họp, Bác Hồ nói chuyện tiếp. Rồi Bác hỏi: "Các cháu ăn Tết Hà Nội có vui không?". Nhiều giọng nói Nam Bộ trả lời: "Dạ vui". Bỗng xen vào một giọng nữ Khu 5: "Dạ vui... nhưng mà nhớ nhà quá, Bác ạ".

Bác Hồ mỉm cười, vẫy tay về phía đứa cháu gái miền Trung: "À, cháu bảo nhớ nhà, phải không? Thế thì phải định nghĩa: "nhà" là cái gì đã chứ. Nào, thế cháu nói đi: Nhà là cái gì, nào?...".

Cô nữ văn công còn đang ngồi lặng, lúng túng, Bác Hồ lại mỉm cười, đỡ lời: "Có phải nhà là nơi ta ăn ở, ta làm việc, ta học hành... phải không nào?...".

- Dạ, thưa phải ạ, - Cô nữ văn công ấp úng trả lời.

- Ờ, nếu thế thì hiện nay các cháu không có nhà à? Sao lại không có! Nhà ở đây chứ ở đâu? Sao lại còn nhớ nhà nhỉ?...

Tiếng cười lại rộ lên khắp phòng họp.

Cô nữ văn công đỏ bừng khuôn mặt, đôi mắt chớp chớp, rưng rưng như sắp phát khóc. Một lần nữa, Bác Hồ lại đỡ lời cho đứa cháu gái:

- Bác nói thế chứ các cháu nhớ nhà cũng tốt thôi. Có điều là nhớ nhà như thế nào đây? Nhớ miền Nam, phải làm gì đây?... Nhớ nhà, nhớ miền Nam thì phải cố gắng công tác, cố gắng học tập, làm thật tốt nhiệm vụ của mình vì đồng bào miền Nam ruột thịt. Chớ đâu có nhớ nhà, nhớ miền Nam bằng cách trùm chăn nằm khóc, có phải không nào?...

- Dạ phải ạ! Thưa Bác, phải ạ! - Hàng loạt tiếng thưa đáp lời Bác lại vang lên, sôi nổi mà trang nghiêm như một lời hứa hẹn đinh ninh.

Đến những phút cuối của buổi họp mừng xuân, Bác Hồ bảo mọi người ra đứng trên bậc thềm cao để chụp ảnh làm kỷ niệm. Tất cả hàng trăm người, không trừ một ai, đều muốn chen vào đứng gần bên Bác. Các đồng chí nữ văn công, dù sao cũng không đủ sức đua chen với các bạn trai, thế là bị lấn, bị đẩy ra tận các hàng đứng ở ngoài cùng, đành phải nhường các vị trí may mắn nhất cho những người đồng đội khác giới.

Nhưng, nỗi buồn của các cô cháu gái đã được Bác cảm thông, giải toả kịp thời. Bác khoát tay, nói to: "Các cháu giữ trật

tự! Xếp hàng theo thứ tự. Bác bố trí đây: - Ai thấp đứng trước, ai cao đứng sau. Các cháu gái, vì hiếm hoi hơn các cháu trai, nên được xếp hàng ở giữa, đứng gần Bác, rồi mới đến các cháu trai. Thế nhé!...".

Ý kiến của Bác Hồ như thế là rõ. Mọi người răm rắp làm theo lời Bác, xếp hàng, ổn định đội hình để chờ chụp ảnh, được khoảng 5, 7 phút vẫn chưa thấy phóng viên nhiếp ảnh ở đâu. Một lát sau, anh mới xuất hiện, vai mang một chiếc máy ảnh cỡ lớn, tay xách một cái giá ba chân khá kềnh càng. Anh vội vã đi đến chỗ Bác Hồ đứng: "Thưa Bác, cháu xin lỗi đã để Bác và các đồng chí phải chờ lâu: vì cháu phải tìm cái: "Chân máy" ạ. (Một bộ phận của máy ảnh cỡ lớn, thường gọi bằng tiếng Pháp là "trépied", tức là cái giá ba chân).

Anh phóng viên nhiếp ảnh đang lo sợ bị khiển trách. Anh không ngờ lại được nghe Bác Hồ nói đùa rất vui: Ờ, chỉ có điều là: đứng đợi cho chú tìm được cái "chân máy" thì cái "chân của người" mỏi nhừ, e đứng không nổi"... Những tiếng cười giòn giã lại cất lên. Anh phóng viên nhiếp ảnh, tuy đang áy náy vì sự chậm chạp của mình, cũng phải bật cười theo.

Chụp ảnh xong, Bác bảo: "Nào, bây giờ các cháu đứng nguyên tại chỗ, cùng hát bài "Kết đoàn". Bác đưa tay đánh nhịp. Bài hát "Kết đoàn" quen thuộc đến mức thân thiết, cất lên, vang xa trên khu vườn rộng lớn, và lan toả trên bầu trời xuân Hà Nội...

Khi chúng tôi chấm dứt bài hát, chủ ý tìm Bác Hồ, thì Bác không còn đứng ở đó nữa. Bác đã đi từ lúc nào, chúng tôi không rõ...

*

* *

Trên đường về ngôi nhà 4 Lý Nam Đế, tôi và Nguyên Ngọc không nói với nhau một lời nào. Tận trong tâm khảm của mình, chúng tôi muốn ghi khắc tất cả những điều đã cảm, đã thấy, đã nghe, chúng tôi muốn tập trung trí tuệ, tình cảm để được tận

hưởng niềm hạnh phúc đã mong ước từ lâu mà giờ đây lại đến với chúng tôi quá bất ngờ.

Mấy ngày nghỉ Tết còn lại sau đó, tôi không đi chơi xuân, cũng không đến thăm ai cả, tôi đóng kín cửa phòng, ngồi viết. Những bài thơ đầu tiên của tôi viết ở Hà Nội, tại Toà soạn Tạp chí *Văn nghệ quân đội* những ngày còn trứng nước, là thơ viết về Bác Hồ, là thơ ghi lại những cảm nhận của tôi khi trực tiếp được nghe lời Bác dạy, trong buổi đầu xuân năm ấy. Và chuyến đi công tác, chuyến đi viết đầu tiên của tôi, sau ngày trở thành biên tập viên của tạp chí, là chuyến đi về Nghệ An, Nam Đàn, làng Sen, làng Chùa... quê hương Bác. May mắn thay, ở đó, Sư đoàn 324 của tôi đang luyện tập, đang lao động, đang lớn lên trong tấm lòng đùm bọc của nhân dân.

Tôi vẫn thường nghĩ: trong cuộc đời cầm bút của mình, đây là thời kỳ tôi viết rất khoẻ, viết khá hơn cả. Và sợi chỉ đỏ xuyên suốt những bài thơ đó là lời dạy của Bác Hồ, ngay trong những ngày đầu tôi được sống và viết giữa ngôi nhà số 4 đường Lý Nam Đế, Hà Nội thân yêu.

NĂM ẤY CHÚNG TÔI LÀM TẬP SÁCH VỀ BÁC HỒ

NGUYỄN GIA NÙNG

Một ngày đầu tháng 4 năm 1965, khi đang làm công tác biên tập ở một nhà xuất bản, vừa đi công tác xa về, tôi được cùng đồng chí Tổng biên tập lên gặp đồng chí Hoàng Quốc Việt để nhận chỉ thị ra một tập sách đột xuất.

Sách gì mà quan trọng vậy?

Đồng chí Hoàng Quốc Việt lúc lấy là Chủ tịch Tổng công đoàn Việt Nam. Đối với Nhà xuất bản của giai cấp công nhân, đồng chí luôn quan tâm, nhưng chỉ những cuốn sách nào đặc biệt quan trọng, chúng tôi mới phải xin chỉ thị trực tiếp của đồng chí. Cuốn sách này thật bất ngờ và là niềm vui lớn đối với chúng tôi. Số là, dịp ấy nhân kỷ niệm 75 năm ngày sinh của Bác (19-5-1890 – 19-5-1965), nhiều nhà xuất bản ở Trung ương và địa phương đã chuẩn bị ra một tập sách về Bác, nhưng khi biết chuyện, Bác đã đề nghị để lại. Bác nói đại ý: Tình hình đất nước đang chuyển sang giai đoạn mới, có nhiều khó khăn, giấy bây giờ cần ưu tiên trước hết cho các cháu học chữ không phải in sách về Bác.

Chúng ta nhớ lại lúc ấy ở miền Nam, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ đã bị phá sản, nhưng chúng ngoan cố chuyển cuộc "chiến tranh đặc biệt" thành "chiến tranh cục bộ" đưa quân Mỹ và quân chư hầu ồ ạt vào miền Nam, tăng nhanh số quân ngụy, hòng tạo nên một bước nhảy vọt về so sánh lực lượng có lợi cho chúng, đồng thời liều lĩnh tiến hành "leo

thang" cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân ngày càng ác liệt đối với miền Bắc. Cần phải tích cực, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để có thể đương đầu với thử thách lớn hơn nhiều so với giai đoạn trước đó.

Nhưng ý kiến của Bác khiến nhiều người băn khoăn. Có những tư liệu rất quý về đời hoạt động của Bác nếu không kịp thời ghi lại, còn đợi đến bao giờ? Càng về sau sẽ càng khó khăn, có những tư liệu quý sẽ mất đi không bao giờ tìm lại được. Mà Bác thường rất ít nói về mình. Sau này chúng tôi được biết thêm: Cũng thời gian ấy có những đồng chí ở Trung ương đã hoàn thành những bản thảo, những tập hồi ký, những mẩu chuyện rất có giá trị về đời hoạt động của Bác, nhưng phải đành tạm thời để lại.

Không chỉ trong sách văn học mà cả một số ngành nghệ thuật cũng có chuyện tương tự. Sau này, đồng chí Hà Huy Giáp kể: Khi nghe ở hợp tác xã đúc đồng Trúc Sơn có một lão nghệ nhân đã từ lâu tích lũy đồng, chuẩn bị đúc một pho tượng Bác (đồng chí Hà Huy Giáp lúc ấy là Phó Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương Đảng, đặc trách phần văn hoá, văn nghệ). Bác nói: Đồng bây giờ là nguyên liệu chiến lược, phải dành ưu tiên cho yêu cầu quốc phòng. Nếu các chú thấy thừa đồng rồi, cần đúc tượng thì trước hết hãy đúc tượng nhân dân! Phê bình rất nghiêm khắc rồi, Bác mới nói thân mật: Các chú thử nghĩ xem, một mình Bác thì làm được gì, nếu không có nhân dân anh hùng, không có hàng vạn, hàng triệu cán bộ, đảng viên?... *"Mong manh áo vải hồn muôn trượng/ Hơn tượng đồng phơi những lối mòn"*. Sau này, đồng chí Tố Hữu đã viết như thế trong bài thơ *"Bác ơi!"* ngày Bác đi xa, chắc cũng lấy từ câu chuyện trên.

Trở lại về tập sách năm ấy.

Ngay từ cuối năm trước, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã trực tiếp báo cáo với Bác xin cho Nhà xuất bản của giai cấp công nhân ra một tập sách nhỏ về giai cấp công nhân và những người lao động nói chung đối với Bác. Ý đồng chí Hoàng Quốc Việt rất tế nhị: Đây không chỉ là tập sách viết riêng về Bác mà chủ yếu

nói lên những tình cảm gắn bó của công nhân đối với lãnh tụ của mình. Trước cách đặt vấn đề như vậy, Bác còn hứa để lại cân nhắc, được đồng chí Vũ Kỳ ủng hộ, nói thêm, cuối cùng được Bác chấp nhận.

Đó là cuốn sách duy nhất nói về Bác được in ra vào dịp tháng 5 năm ấy. Thật là một điều vui mừng, vinh dự lớn đối với Nhà xuất bản của giai cấp công nhân nói chung, đồng thời chúng tôi cũng thấy trách nhiệm thật nặng nề của những người làm công tác biên tập.

Hôm ấy là ngày mồng 5 tháng 4. Nghĩa là chỉ còn vẻn vẹn 45 ngày nữa là đến kỷ niệm ngày sinh của Bác. Sách mừng ngày sinh của Bác phải ra được trước ngày 19 tháng 5 mới đáp ứng được lòng mong đợi của mọi người.

Làm thế nào trong một thời gian ngắn ngủi trên dưới 45 ngày có thể tổ chức viết, biên tập và in ấn, phát hành kịp thời đối với một tập sách quý như vậy? Chỉ nói riêng việc đưa in một cuốn sách trung bình khoảng trên dưới 200 trang của Nhà xuất bản lúc ấy, nhanh cũng phải ba tháng. Điều làm chúng tôi đặc biệt phấn khởi và cũng hết sức lo lắng khi được biết Bác có dặn là để cho Bác được đọc bản thảo trước khi đưa in.

Được Bác trực tiếp làm "Tổng biên tập" duyệt cho bản thảo thật là điều vượt quá mơ ước đối với cả những người viết, người cán bộ biên tập bình thường như chúng tôi. Ai cũng biết Bác là một nhà báo, nhà văn, nhà biên tập lớn, từng viết và biên tập bằng nhiều thứ tiếng khác nhau, nhưng khi trở về đất nước, Bác vẫn giữ lối viết rất giản dị, trong sáng, đậm đà bản sắc dân tộc, được Bác đọc và góp ý cho, thật quý, làm thế nào để khỏi phụ sự quan tâm và lòng tin yêu ấy của Bác?

Chúng tôi nhanh chóng chuẩn bị đề cương và cử những cán bộ biên tập có kinh nghiệm toả đi các nơi để tổ chức bản thảo. Lúc này chúng tôi mới hiểu ra ý sâu xa của Bác: đồng chí Hoàng Quốc Việt báo cáo, xin ý kiến Bác từ cuối năm trước, nhưng Bác để mãi

tới lúc này mới chấp nhận còn có ý để chúng tôi phải làm sách thật gọn, nhẹ, mỏng thôi, không thể làm dày, công phu được.

Theo đề cương, chúng tôi tạm chia ra ba loại đối tượng có bài viết trong tập này. Một là, những người đã có may mắn được sống gần Bác. Hai là, những người đã được gặp Bác trong hoàn cảnh nào đó kể lại. Ba là, những người có thể chưa được gặp Bác bao giờ như đồng bào miền Nam và nhiều vùng xa xôi khác của đất nước nhưng vẫn có những kỷ niệm sâu sắc, những câu chuyện nói lên những tấm lòng của nhân dân đối với lãnh tụ.

Trong ý nghĩ của chúng tôi, đóng vai trò chủ lực trong tập sách phải là những người thuộc đối tượng thứ nhất vì những người này mới có những tư liệu quý về Bác. Tất nhiên, ở đối tượng này, ngoài những đồng chí làm nhiệm vụ lái xe, nấu ăn, bảo vệ... đa số nay đã là những cán bộ cách mạng hoạt động lâu năm, là cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước. Chúng tôi cũng mời thêm một số nhà văn, nhà báo làm công việc ghi chép đối với những người có tư liệu nhưng ít có điều kiện tự thể hiện.

Kết quả công việc thật bất ngờ. Chỉ hơn 20 ngày sau, số bài vở nhận được đã vượt xa dự kiến ban đầu và còn tiếp tục thêm nữa. Điều đặc biệt cảm động là khi về các địa phương để gặp nhiều người, đề nghị cộng tác bài cho tập sách, ngoài việc kể lại, viết lại những mẩu chuyện, những kỷ niệm về Bác, nhiều người còn qua chúng tôi, nhờ chuyển lên Bác một số quà nhỏ và thư chúc mừng nhân dịp mừng kỷ nệm ngày sinh của Bác.

Có những món quà đơn sơ nhưng thật cảm động mà khi nhận chuyển, tôi không cầm được nước mắt, như một đồng chí thương binh hỏng mắt (đồng chí này bị thương trong chiến dịch Điện Biên Phủ) nhờ chuyển lên Bác tập sưu tầm những bức vẽ chân dung Bác của bộ đội. Tập sưu tầm này, đồng chí đã làm từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, khi đồng chí còn là một thiếu sinh quân. Suốt trong những năm chiến đấu trên các chiến trường, đồng chí bị thương nhiều lần, nhiều tư trang, vật kỷ niệm riêng không còn nhưng bộ sưu tập vẫn được bảo

quản chu đáo và ngày càng phong phú hơn lên. Nay mắt không còn nhìn rõ nữa, nhưng đồng chí vẫn hình dung ra rất rõ và chỉ cho tôi từng bức hoạ, nói rõ lai lịch của nó ở mỗi thời điểm lịch sử trên những chặng đường hành quân. Có chiến sĩ vẽ chân dung Bác trên báo tường dựa theo hình đầu tiên in trên tờ giấy bạc đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Có bức vẽ từ trong rừng sâu, người vẽ chỉ hình dung Bác qua trí nhớ. Nhiều "tác giả" của bức hoạ này đã không còn nữa. Gửi tập sưu tầm này lên Bác, đồng chí muốn nói lên tấm lòng kính yêu của những "Anh bộ đội Cụ Hồ" đối với Bác.

Như vậy là đồng thời với việc chuyển bản thảo lên để Bác duyệt, chúng tôi còn vinh dự được chuyển luôn những món quà đó lên Bác. Không khí làm việc của Nhà xuất bản trong những ngày ấy thật sôi nổi, khẩn trương, vui như chuẩn bị Tết.

Những đồng chí biên tập viên, những người được cử đi viết bài ở các nơi, khi về, say sưa kể lại những tư liệu mới sưu tầm được, những câu chuyện cảm động mà mình được chứng kiến. Cũng có những trường hợp mà chúng tôi xuýt xoa tiếc vì nếu công việc được tiến hành sớm hơn thì tư liệu sẽ còn tốt hơn nhiều vì những "nhân vật chính" nay đã không còn, chỉ được nghe người khác kể lại. Như trường hợp ông già Thuyết ở xóm Ngõ Nghè, Hải Phòng.

Ông Thuyết vốn là bạn của Bác từ những ngày Bác nhận làm bồi tàu trên chiếc tàu của Pháp để ra đi tìm đường cứu nước. Khi Cách mạng tháng Tám thành công, sau chuyến đi thăm nước Pháp theo lời mời của Chính phủ Pháp trở về Bác có dừng lại ở Hải Phòng. Hay tin, ông già Thuyết đã tìm đến gặp Bác. Ông Thuyết lúc này đã già yếu, mắt lại loà, sống với gia đình cháu nghèo trong ngõ hẻm. Bà con xóm phố ít ai để ý đến ông. Nay thấy ông phấn chấn như trẻ trở lại, ông tắm rửa sạch sẽ, lục dưới đáy vali cũ lấy ra một bộ quần áo dạ đen cũ, chưa ai thấy ông mặc bao giờ, vừa làm vừa lẩm nhẩm hát một bài hát tiếng Pháp. Sau khi quần áo đã chỉnh tề, ông kêu đứa cháu gái nhỏ dẫn ông

đi gặp Bác. Biết chuyện ai cũng lo ngại và can ngăn nhưng ông già Thuyết vẫn không đổi ý. Mấy chục năm qua, bao nhiêu "vật đổi sao dời", Bác đã là Chủ tịch nước, còn ông già Thuyết là một người dân thường, già yếu, mắt mờ, chân chậm, hình dạng khác xưa rất nhiều. Vậy mà ngay từ phút đầu, ông Thuyết vừa vào đến sân, từ trong nhà khách bước ra, Bác đã nhận ra bạn cũ, gọi tên. Ông già Thuyết cảm động khóc, không nói lên lời khi Bác nắm tay mình trong bàn tay trìu mến, Bác ân cần và khi ông lập cập "Xin thưa Hồ Chủ tịch...", Bác đã ngăn lại, nói "Cứ gọi tôi là Ba như những ngày trước" (tên gọi của Bác khi làm bồi tàu). Và tình cảm bạn bè thuỷ chung của Bác sau đó đối với ông già Thuyết thật cao quý, cảm động. Tiếc rằng khi chúng tôi sưu tầm được câu chuyện này thì ông già Thuyết mất cách đó mấy năm, chỉ những người trong gia đình ông kể lại.

Mẩu chuyện kể trên, cùng với một số mẩu chuyện quý khác sau này được in lại nhiều lần, kể cả trong sách giáo khoa. Dù đã đọc nhiều lần, nhưng chúng tôi vẫn không quên những cảm xúc ban đầu khi chúng tôi được tiếp nhận và chứng kiến những "nhân chứng", "vật chứng", của những câu chuyện như thế. Chuyện kể của chị Nông Thị Trưng ở Cao Bằng, người dân tộc Tày được Bác giới thiệu vào Đảng. Chuyện đồng chí Vũ Anh được Bác dạy chữ và những bài học cách mạng vỡ lòng những ngày ở Pắc Bó. Chuyện bác sĩ Vũ Đình Tụng được Bác gửi thư chia buồn khi Bác biết tin con trai của bác sĩ hy sinh trong khi làm nhiệm vụ. Chuyện một người thương binh bị hỏng mắt được Bác gửi cam ngày Tết. Chuyện gia đình một chị công nhân vệ sinh ở Hà Nội được Bác đến thăm, chúc Tết đêm giao thừa. Chuyện của một đồng chí đã từng nấu ăn cho Bác kể có lần chi bộ phải họp, ra nghị quyết đề nghị Bác phải ăn cơm không độn để bảo vệ sức khoẻ làm việc; một kiến trúc sư được thiết kế ngôi nhà sàn ở trong Chủ tịch phủ hiện nay cho Bác nhưng phải tranh thủ làm trong thời gian Bác đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa anh em vì lo nếu ở nhà, Bác sẽ ngại tốn kém không cho phép...

Chuyện một nữ thanh niên Mỹ gửi thư cho Bác nhân kỷ niệm ngày sinh của Bác kể với Bác về phong trào thanh niên, sinh viên Mỹ đấu tranh đòi nhà cầm quyền Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, bản thân cô bị chính quyền Mỹ bắt giam nhiều lần, cô vẫn là một chiến sĩ kiên cường, một trong những người lãnh đạo của phong trào. Cô còn cho biết đã thuộc rất nhiều bài thơ trong tập *"Nhật ký trong tù"* của Bác dịch ra tiếng Anh, phát hành rộng rãi ở Mỹ. Những bài thơ đó đã tiếp cho cô và đồng đội của cô thêm nghị lực, v.v..

Rất nhiều chuyện cảm động, hấp dẫn, nhiều tư liệu quý. Bài vở gửi về, chúng tôi tiến hành khẩn trương phân loại, biên tập, đánh máy, sắp xếp... Nhờ sự cố gắng chung của tập thể, trước hết là của đông đảo đồng chí, đồng bào ở khắp nơi với tình cảm thiêng liêng và nhiệt tình lớn lao với tập sách nên tập bản thảo đầu tiên dày tới hơn 300 trang đánh máy, nếu in khoảng 450 trang in khổ 13x19.

Đồng chí Tổng biên tập của chúng tôi đã đọc lần cuối cùng và chuyển lên Bác ngày 7 tháng 5.

Những ngày tiếp theo đó, đối với chúng tôi thật hồi hộp. Thời gian tổ chức viết và biên tập ngắn quá, dù cố gắng đến mấy cũng không ai dám nhận là bản thảo đã có chất lượng cao và tránh được mọi sai sót có thể xảy ra. Phạm vi hiểu biết và điều kiện của chúng tôi lại quá hạn chế trước một chủ đề lớn và quan trọng của tập sách. Và Bác sẽ đọc trong bao lâu? Đọc duyệt một bản thảo được in khác xa với cách đọc với một tập sách đã in hoàn chỉnh. Có nhiều vấn đề cần suy nghĩ, cân nhắc, xác minh mới có thể kết luận được.

Bác bận trăm công nghìn việc, mà thời gian thì gấp quá rồi còn sửa chữa, hoàn chỉnh, in ấn... Làm thế nào để kịp phát hành trước ngày 19 tháng 5?

Các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Trần Danh Tuyên cũng nóng ruột, điện hỏi liên tục. Không thể giục Bác đọc nhanh, càng

không thể đề xuất thời hạn cho Bác đọc xong bản thảo vào lúc nào được.

Mấy lần chúng tôi đánh bạo gọi điện cho đồng chí Vũ Kỳ, nhờ đồng chí quan tâm và tạo điều kiện giùm sao đó để chúng tôi có thể sớm nhận được ý kiến của Bác. Lần nào đồng chí Vũ Kỳ cũng vui vẻ trả lời và động viên chúng tôi yên tâm. Qua đường dây điện thoại, có lúc tôi hình dung đồng chí Vũ Kỳ đang trả lời chúng tôi, còn mỉm cười đôn hậu nữa. Chắc chắn đồng chí cảm thông với sự nóng ruột, bồn chồn của chúng tôi.

16 giờ ngày 13 tháng 5 chúng tôi nhận được tin vui: Bác đã đọc xong, Nhà xuất bản cử người lên nhận lại bản thảo và những ý kiến của Bác. Vậy là chưa đầy 6 ngày, Bác đã duyệt xong.

Khi nhận lại bản thảo và tiếp thu những ý kiến của Bác, chúng tôi càng ngạc nhiên và thú vị hơn nữa. Bác khen sự cố gắng, nhưng trách chúng tôi ham ra sách dày và chỉ ra nhiều điều cụ thể rất bổ ích với người viết và làm công tác biên tập. Trên rất nhiều trang bản thảo có bút tích của Bác bên lề bằng chữ bút bi đỏ không chỉ những vấn đề thuộc nội dung mà cả cách dùng chữ, cách đặt câu. Bác đánh dấu X ở nhiều bài, đề nghị chúng tôi xem xét để lại sau. Điểm lại những bài ấy, chúng tôi giật mình: hầu hết đều rơi vào bài của những đồng chí hiện là cán bộ cao cấp, đã được gần Bác nhiều, dù có đồng chí khi viết đã ký bút danh khác đi.

Sau này đồng chí Vũ Kỳ kể lại, lúc ấy Bác nói vui: "Các chú ấy ở gần Bác mà viết nhiều về Bác là "mèo khen mèo dài đuôi!". Nhưng cái chính là Bác không muốn sách viết về Bác lại ra dày. Những bài viết, những đoạn văn ca ngợi Bác với những từ ngữ lớn lao Bác đều đề nghị bỏ. Nhiều chi tiết sự kiện có tính lịch sử viết chưa chính xác, Bác sửa lại hoặc đề nghị xem xét thêm. Những bài đề nghị xem xét lại, qua đồng chí Vũ Kỳ, Bác còn dặn chúng tôi: nói sao đó là ý kiến của Nhà xuất bản để người viết chưa được sử dụng bài vẫn yên tâm vui lòng, đừng nói ý kiến của Bác yêu cầu để lại, tránh những suy nghĩ không đúng, không cần thiết.

Trong số những bài viết Bác yêu cầu để lại, chúng tôi băn khoăn nhất là bài viết của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Bộ trưởng Bộ Y tế lúc ấy. Bác sĩ Thạch là một trong những trí thức đã từ Pháp về, được gần Bác lâu, có rất nhiều kỷ niệm quý, rất ân tình với Bác, lại rất nhiệt tình muốn được có bài trong tập sách, tự tay mình viết bài và đã sửa đi sửa lại hai lần theo yêu cầu của chúng tôi. Bây giờ bài viết phải để lại, thật khó nói.

Chúng tôi xin ý kiến đồng chí Vũ Kỳ để tìm cách nói cho bác sĩ Thạch vui lòng. Cuối cùng cũng tạm ổn, bài viết của bác sĩ sẽ để lại, chờ hoàn chỉnh thêm, sau này có dịp sẽ đưa vào tập sách viết về đồng bào miền Nam với Bác.

Có thể nói, qua tập bản thảo nhận về, chúng tôi rút ra được bao nhiêu bài học bổ ích về công tác biên tập, kể cả cách ứng xử với từng loại cộng tác viên tham gia tập sách.

Cảm động hơn nữa là khi nhận lại bản thảo, chúng tôi còn nhận được cả một số thư của đồng chí Vũ Kỳ được sự uỷ nhiệm của Bác viết trả lời, cảm ơn những người mà hôm trước đã gửi quà thư từ lên chúc thọ Bác do chúng tôi chuyển...

Ít hôm sau, ngày 19 tháng 5 chúng tôi được biết, Bác gửi quà cho nhiều người, trong đó có những người được Bác quan tâm nhất vẫn là các đồng chí thương, bệnh binh nặng, những người cao tuổi vẫn còn có những cống hiến quý báu, những bà mẹ anh hùng có thành tích trong thời gian gần đây, v.v..

Chúng tôi chia nhau khẩn trương hoàn chỉnh lại bản thảo lần cuối cùng trước khi đưa in dựa theo những ý kiến chỉ bảo của Bác và đề nghị đồng chí Hoàng Quốc Việt viết *Lời giới thiệu*,

Chiều ngày 16 tháng 5, bản thảo đã hoàn chỉnh, kể cả bìa, ảnh phụ bản, ma két - và được chuyển xuống nhà máy in Tiến Bộ.

Các đồng chí công nhân, cán bộ Nhà máy in Tiến Bộ đã dành cho tập sách một sự ưu tiên đặc biệt. Mặc dù công việc của Nhà máy lúc này đã rất khẩn trương, có nhiều việc đột xuất, một bộ phận Nhà máy còn phải lo chuẩn bị sơ tán để đối phó với mọi

tình huống xấu nhất do cuộc leo thang chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ có thể xảy ra, nhưng hầu như ở các khâu của dây chuyền sản xuất đều sẵn sàng dành cho tập sách bất kỳ lúc nào cần đến.

Mấy anh em cán bộ biên tập chúng tôi thay nhau liên tục có mặt ở Nhà máy 24 trên 24 giờ trong ngày để theo dõi quá trình in và sửa các bản in thử. Thức suốt đêm mà vẫn vui, quên mệt. Và một kỷ lục chưa từng có của Nhà in đã xuất hiện: 2 giờ chiều ngày 18 tháng 5, nghĩa là chưa đầy 2 ngày 2 đêm, tập sách dày trên 200 trang, bìa giấy dày, có hơn 10 ảnh phụ bản đã hoàn thành. Xe ô tô của Quốc doanh Phát hành sách Trung ương và Hà Nội đã chờ ở cổng Nhà máy để nhanh chóng chuyển những cuốn sách còn thơm mùi mực toả đi khắp nơi.

Sách phát hành được dư luận khắp cả nước hoan nghênh nhiệt liệt. Chỉ mấy tháng sau, Nhà xuất bản đã nhận được nhiều yêu cầu của các nơi gửi về đề nghị tái bản, đồng thời chúng tôi cũng tiếp tục nhận được bài vở cho những tập tiếp theo.

Bản thảo tập sách thứ hai, chúng tôi chuẩn bị xong ngay từ đầu năm sau, 1966, với bài vở khá phong phú và báo cáo lên Bác xin được tiếp tục ra vào dịp tháng 5 năm đó.

Nhưng lần này chờ mãi, chúng tôi vẫn không được hồi âm. Nhiều lần trực tiếp hỏi đồng chí Vũ Kỳ, đồng chí đều trả lời Bác chưa có ý kiến. Tập sách đã chuẩn bị xong đành hoãn lại suốt năm này qua năm khác. Cho đến sau ngày 3 tháng 9 năm 1969, ngày Bác đi xa, bản thảo tập 2 mới được khẩn trương chuyển xuống Nhà in.

Bác đã không muốn có nhiều cuốn sách viết về mình, nhất là trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, có nhiều việc cần làm. Nhưng quan tâm đến việc ghi lại những sự tích anh hùng, những "Người tốt, việc tốt" trong quần chúng nhân dân thì không ai quan tâm, nhiệt tình, công phu bằng Bác. Giữa năm 1968, được cùng một số các đồng chí cán bộ biên tập của 6 nhà xuất bản ở Trung ương làm loại sách "Người tốt, việc tốt" do Bác

trực tiếp chỉ đạo, góp ý kiến, chúng tôi càng thấm thía, hiểu sâu sắc điều đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không để lại cho loài người những pho sách đồ sộ, nhưng cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú, sôi nổi của Người suốt hơn nửa thế kỷ khiến chúng ta nghĩ rằng khi Người từ biệt thế giới này ra đi thì những cuốn sách viết về Người mới thật sự bắt đầu. Một chính khách nước ngoài đã nhận xét như thế sau ngày 3 tháng 9 năm 1969.

Với cảm nhận của mình qua việc làm tập sách về Bác năm ấy và mấy năm sau này, tôi thấy điều nhận xét trên đây là rất có cơ sở. Không chỉ chúng ta mà nhiều bạn ở nước ngoài, không chỉ hôm qua, hôm nay mà nhiều thế hệ mai sau chắc chắn sẽ còn tiếp tục viết về Bác, về cuộc đời hoạt động và những gì Bác để lại cho loài người như một đề tài quý báu không bao giờ vơi cạn.

NHỚ BÁC

NGUYỄN ĐĂNG BẢY

Hồi đó là tháng 5 năm 1950, sắp đến dịp mừng thọ Bác 60 tuổi tức là vào dạo Bác viết mấy câu thơ phơi phới lạc quan dưới đây:

Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán
So với ông Bành vẫn thiếu niên
Ăn khoẻ, ngủ ngon, làm việc khoẻ
Trần mà như thế kém gì tiên!

Tôi được vinh dự trên giao cho tổ chức một phòng triển lãm nhỏ, bày một số ảnh chụp chân dung Bác. Tôi chọn đi chọn lại, trong số ảnh tôi đã chụp, được hai mươi kiểu tương đối ưng nhất, loay hoay mãi mới phóng được đủ số ảnh tàm tạm vừa ý. Khỏi phải nói thêm là trong những ngày ở rừng ấy, cánh nhiếp ảnh chúng tôi phải làm trong những điều kiện như thế nào: máy phóng thì chắp vá, thuốc thì pha chế theo lối thủ công, buồng tối là một cái chăn tùm hum...

"Phòng triển lãm" là một khoang nhỏ, quây cót, trong một ngôi nhà. Sáng hôm 18-5-1950, mọi công việc chuẩn bị xong xuôi, tôi bắt tay vào bày biện trang trí nơi trưng bày.

Sau khi sắp đặt ảnh, bố trí ánh sáng đâu vào đấy, tôi kiểm tra một lần nữa công việc của mình cho hoàn chỉnh. Tôi nghiêng nghiêng nghé nghé, tiến tiến, lui lui, cố tìm xem còn chỗ nào cần phải bổ khuyết. Đang bước lùi lại mấy bước để nhìn cho bao quát, tôi bỗng cảm thấy như có người đứng sau tôi tự lúc nào

không biết. Tôi giật mình quay lại. Và... Các bạn thử tưởng tượng cái cảm giác sửng sốt, bàng hoàng, bối rối, pha lẫn chút sợ hãi của tôi lúc bấy giờ... Người đứng sau tôi chính là Bác Hồ.

Vâng! Chính Bác đã lặng lẽ đứng sau, xem xét tôi loay hoay với những bức ảnh của mình.

Bác hỏi, với một nụ cười vui, hoàn toàn không để ý đến lời xin lỗi ấp úng của tôi:

- Chú làm gì vậy?

Kỳ lạ, chỉ có thế thôi mà tất cả nỗi lúng túng, sợ sệt của tôi bỗng tan biến đi. Một lần nữa tôi được thể nghiệm bản thân cái điều gần như là huyền thoại mà anh em thường kể về Bác. Ở Bác toát ra một cái gì làm cho không khí xung quanh, bất cứ trong hoàn cảnh nào, cũng trở nên đầm ấm, thân mật và thoải mái hết sức, khiến cho người lần đầu tiên gặp Bác hết bỡ ngỡ rụt rè.

- Dạ thưa Bác, cháu chuẩn bị một số ảnh trưng bày nhân dịp mừng thọ Bác sáu mươi tuổi.

- Các chú chỉ vẽ chuyện. Thế, được bao nhiêu ảnh tất cả?

- Thưa Bác, hai mươi ạ!

Bác mỉm cười:

- Có đúng hai mươi không?

Câu trả lời của tôi có phần kém tự tin hơn, mặc dù tôi biết chắc mình không thể lầm lẫn:

- Dạ... thưa Bác đúng ạ.

Mắt Bác sáng lên một tia sáng vui, rất trẻ:

- Chú cứ thử đếm lại coi!

Lần này thì tôi hoang mang thật rồi. Tôi không dám tin ở mình nữa. Liệu tôi có bỏ sót ở đâu bức nào không? Tôi đảo mắt đếm lại một lượt, hai lượt. Đúng là hai mươi bức, có nhiều nhặn gì mà lầm được.

- Vâng thưa Bác, đúng là hai mươi bức ạ - Tôi cả quyết.

- Thật chứ? - Và chỉ tay vào ngực, Bác nheo mắt - Thế còn đây, chú không kể ư?

Và hai Bác cháu phá lên cười, thoải mái.

Bác Hồ của chúng ta, trong những năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, đã lăn lộn tiếp xúc với nhiều tầng lớp xã hội ở cơ sở, thuộc nhiều nghề nghiệp khác. Cho nên Bác thấu hiểu rất mực, thông cảm rất mực công việc cùng những khó khăn, những yêu cầu riêng biệt của từng ngành, từng môn. Riêng anh chị em làm công tác nhiếp ảnh, điện ảnh chúng tôi đã nhiều dịp được thấy cụ thể điều đó. Về điểm này, tôi còn nhớ mãi trường hợp xảy ra trong dịp phục vụ Đại hội thành lập Mặt trận Liên Việt.

Hội nghị được tổ chức trong một khu rừng Việt Bắc vào những năm kháng chiến chống Pháp. Bộ phận điện ảnh và nhiếp ảnh phục vụ hội nghị gồm có các anh Đinh Đăng Định, Lê Minh Hiền và tôi. Hội trường là một ngôi nhà tre lợp lá cọ, rộng thoáng, do anh em công binh cấp tốc dựng trong một thời gian ngắn. Cho đến giờ phút chót mọi công việc chuẩn bị đều đã chu tất. Riêng có ba chúng tôi là vẫn bồn chồn không yên. Chúng tôi đã được phổ biến kỹ về tầm quan trọng đặc biệt của hội nghị. Một sự kiện lịch sử lớn lao nhường ấy, tất phải được ghi hình ảnh để lưu lại về sau, đó là điều cần phải thực hiện bằng mọi cách. Nhiệm vụ đó, ba anh em chúng tôi phải đảm đương. Nhưng trong hoàn cảnh kháng chiến, máy móc cũ kỹ kém phẩm chất, đèn chụp không có, nơi họp lại ở trong nhà, giữa rừng rậm, thiếu ánh sáng, làm sao có thể bảo đảm ghi được những hình ảnh tốt? Chúng tôi lo lắng, bàn đi bàn lại, tìm cách khắc phục khó khăn, cuối cùng đi đến kết luận: chỉ còn cách xin được phép dỡ một phần mái trên chỗ Đoàn Chủ tịch ngồi - Một yêu cầu mà bản thân chúng tôi thấy là có phần quá mức. Nhưng vì bí quá nên chúng tôi vẫn phải đánh bạo đề đạt ý kiến đó với các đồng chí

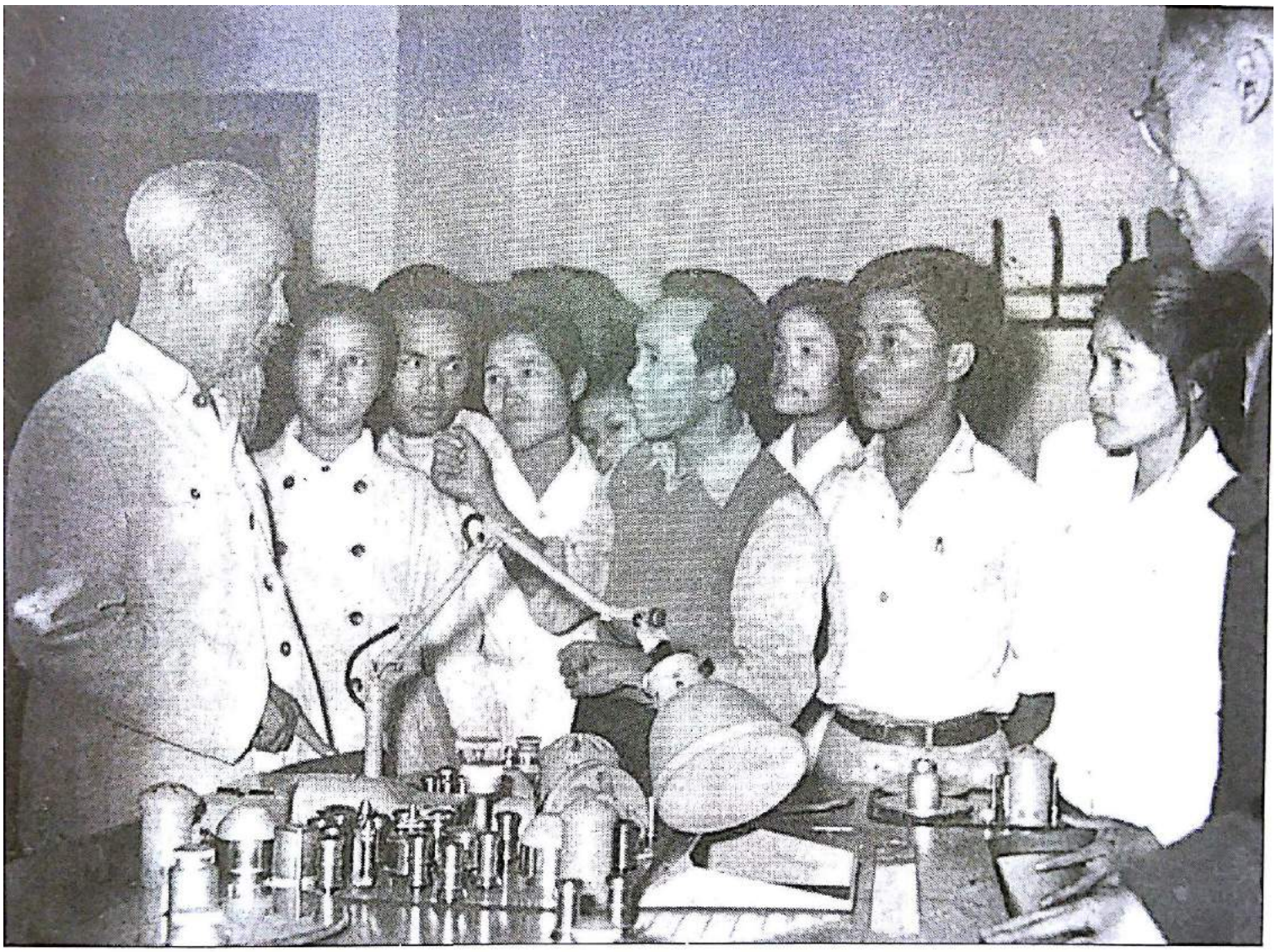

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm bộ phận dựng và ráp nối phim tại xưởng phim (10/2/1960) - *Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM*

phụ trách tổ chức Hội nghị. Tuy cũng thấy là cần thiết cho yêu cầu nghiệp vụ, các đồng chí vẫn do dự, không dám quyết định.

- Chuyện này gay đấy. Dỡ mái ngay trên chỗ Đoàn Chủ tịch ngồi đâu phải là điều có thể tự quyết định được. Có lẽ phải xin ý kiến của Bác mới xong. - Một đồng chí phụ trách Hội nghị nói.

Chúng tôi nhìn nhau, ngần ngại: ai dè cái công việc nhỏ đó mà cũng lại phải phiền đến Bác! Nhưng biết làm sao được.

Chúng tôi theo các đồng chí phụ trách lên chỗ Bác. Sau khi báo cáo tình hình Hội nghị, các đồng chí nêu lên một vài vấn đề tồn tại, trong đó có cái mắc mớ của chúng tôi. Bác ngồi xấp bằng tròn trong khoang nhà sàn, im lặng nghe, thỉnh thoảng gật gật đầu, với vẻ bình tĩnh quen thuộc. Nhưng ba chúng tôi thì phấp phỏng ruột cứ như lửa đốt. Bác sẽ chỉ thị ra sao đây. Liệu chúng tôi có làm phiền Bác không. Nhưng cái kết thúc lại rất nhanh chóng. Không cần hỏi thêm chi tiết, Bác thấy rõ ngay những khó khăn của chúng tôi và Bác bày cho cách giải quyết.

Cuối thời kỳ kháng chiến chống Pháp, tôi chuyển sang tập sự cầm máy quay. Tôi tự cho mình có cái may mắn đặc biệt được vào nghề điện ảnh, vừa được ghi những hình ảnh về lãnh tụ kính yêu của chúng ta. Một trong những thu hoạch đầu tiên mà tôi lấy làm vừa lòng là hình ảnh Bác ngồi đọc sách bên cửa sổ nhà sàn sau này đã được sử dụng trong các bộ phim *79 Mùa xuân* và *Người là Hồ Chí Minh.* Bác ngồi ung dung với dáng mạo một ông tiên bên khung cửa sổ, nơi "trăng vào cửa sổ đòi thơ". Bộ râu trắng của Bác rung rung trong gió, Bác vừa đọc sách vừa đưa tay vuốt ve một chú mèo nằm bên. Tất cả toát ra một vẻ yên tĩnh lạ.

Cái phong thái hiền triết rất Việt Nam ấy cũng như tâm hồn dào dạt tình yêu thiên nhiên, đất nước, tôi đã bắt gặp trong nhiều đợt theo Bác đi công tác. Trong những năm đầu lập lại hoà bình (sau kháng chiến chống Pháp) tôi được ăn hai cái Tết dọc đường với Bác, một lần đi thăm mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng), một lần

đi thăm Thác Huống (Thái Nguyên). Cả hai chuyến đó, mùa xuân đến bắt gặp Bác cháu chúng tôi trên đường đi. Lần đi thăm mỏ Tĩnh Túc, vào khoảng gần trưa mồng một Tết, xe chúng tôi vừa đến một con suối thì Bác bảo dừng lại nghỉ ăn cơm. Tâm hồn giàu cảm xúc của Bác không thể dửng dưng trước cảnh đẹp của đất nước. "Thiên nhiên hữu tình như thế này, mà không nghỉ chân hưởng lấy chút ít thì cũng phí quá", Bác bảo vậy. Anh em phục vụ dọn cơm riêng cho Bác, nhưng Bác không chịu, bảo tất cả ngồi ăn chung. Ăn xong, Bác ngồi trên một phiến đá lớn bên bờ suối, nước róc rách chảy. Câu thơ của Bác: "Tiếng suối trong như tiếng hát xa" vụt trở lại trong tôi với tất cả âm hưởng kỳ diệu của nó. Lần đi Thác Huống, Bác cháu cũng ăn bữa trưa mồng một Tết ở dọc đường như vậy. Dừng chân ở một khu rừng thông. Mỗi lần như vậy, đối với chúng tôi, là một bài học thấm thía về tình yêu quê hương xứ sở.

Khi chuyển sang Xưởng phim truyện Hà Nội, vào năm 1960, tôi tưởng sẽ ít có dịp được gặp Bác hơn. Nhưng rồi cứ mỗi kỳ hoàn thành một bộ phim mới, tôi lại được mang vào Phủ Chủ tịch chiếu để Bác xem. Thành thử tôi vẫn được gặp Bác. Như buổi chiếu phim *Nổi gió,* sau khi xem xong Bác còn đi dạo trong vườn trò chuyện mãi với anh chị em chúng tôi. Trời về khuya se se lạnh, anh Kỳ lấy áo ngoài choàng lên vai Bác.

Một hôm, sau khi chiếu một bộ phim mới xây dựng, đồng chí Phạm Tuấn Khánh, hồi đó là Giám đốc Xưởng phim truyện kiêm Cục trưởng Cục Điện ảnh, xin Bác cho ý kiến về những ưu, khuyết điểm của phim. Bác tươi cười khoát tay chỉ xuống chỗ anh chị em cán bộ, công nhân viên phục vụ trong Phủ Chủ tịch:

- Đây này, hỏi ý kiến quần chúng ấy, chứ hỏi ý kiến Chủ tịch nước làm gì?

Một lần khác, cũng đồng chí Phạm Tuấn Khánh hỏi:

- Thưa Bác, phim này có chiếu được không ạ?

Bác trả lời vui vẻ:

- Có phim, có điện, có máy ắt là chiếu được thôi!

Tôi nhớ nhất cái lần đem phim *Làng nổi* vào chiếu để Bác xem. Bữa đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng tới dự.

Khi bật đèn sáng, Bác chỉ vào tôi hỏi Thủ tướng:

- Chú Tô(*) có nhớ đây là chú nào không?

- Dạ, thưa Bác có, Thủ tướng trả lời. Chú ấy chụp ảnh hồi ở ATK(**).

Bác mỉm cười lắc đầu:

- Không phải!

Tôi hơi ngạc nhiên: Thủ tướng trả lời đúng, sao Bác lại bảo không phải? Không, chắc là Bác đang dành cho chúng tôi một điều gì lý thú đây.

Bác nói tiếp:

- Đây là chú "Mần tuồng".

Ra thế! Cái chi tiết nhỏ từ hơn 10 năm rồi mà Bác vẫn còn nhớ!

Nguyên do là thế này:

Chuyện xảy ra trong dịp Đại hội thành lập Mặt trận Liên Việt ở chiến khu Việt Bắc. Đó là một buổi tối liên hoan. Phần lớn các "tiết mục" đều là "tự biên, tự diễn". Đồng chí Tố Hữu ngâm thơ, đồng chí Phan Anh lẩy Kiều. Xem ra các "nghệ nhân" cũng không được đông đảo cho lắm. Cho nên đang giữa cuộc, Bác ra hành lang gặp anh Vũ Năng An và tôi. Bác kéo chúng tôi vào giúp vui. Không để cho tôi kịp chuẩn bị gì, Bác đẩy tôi ra "sân khấu":

- Xin giới thiệu chú "ảnh sĩ" ra góp vui đại hội.

(*) Tên gọi riêng của đồng chí Phạm Văn Đồng.

(**) ATK: An toàn khu ở Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Bị bất ngờ, tôi đứng ngây ra một lúc. Nhưng rồi trấn tĩnh lại, tôi nhớ đến một lớp tuồng mà hồi 13, 14 tuổi tôi rất thích và thường múa may bắt chước trong lúc cao hứng. Mới đầu còn rụt rè, vấp váp, sau mới trấn tĩnh được. Một mình tôi sắm luôn cả mấy vai.

Không ngờ "tiết mục" lại được hoan nghênh, hội trường vỗ tay rôm rả. Bác thưởng cho một điếu thuốc. Vậy đó, lai lịch chú "mần tuồng" là như vậy.

Hơn mười năm sau Bác còn nhớ.

Cho tới nay tôi vẫn làm phim truyện, nhưng không bao giờ tôi còn được mang phim của mình vào chiếu để Bác xem nữa. Bác đã đi xa rồi... Nhưng ngày nay đang cùng một số anh chị em bắt tay vào xây dựng bộ phim truyện mới, có lúc tôi bỗng tưởng tượng ra cái lúc hoàn thành phim mang vào trình Bác, Bác sẽ lại cho chúng tôi kẹo - cho ăn tại chỗ và được mang phần về nhà - Bác sẽ lại dạo trong vườn với chúng tôi, nói chuyện, cho ý kiến chỉ bảo, và khi sương xuống, anh Vũ Kỳ sẽ lại khoác áo ngoài lên vai Bác... Tôi rưng rưng xúc động và nghĩ phải cố gắng hơn để xứng với công ơn của Bác, với những lần được gặp Bác, được nghe Bác căn dặn và dạy dỗ.

NHỮNG LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC

BÙI ĐÌNH HẠC

Cuối năm 1958, tôi và anh Hồng Sến đi quay phim tài liệu trên công trường đại thuỷ lợi Bắc - Hưng - Hải. Cái nắng hanh vàng trong và nhẹ, rất đẹp trải trên khung cảnh rộng lớn của công trường. Đã mấy tháng nay, kể từ ngày Thủ tướng Phạm Văn Đồng cuốc nhát cuốc đầu tiên mở đầu cho công cuộc thi đua lao động xã hội chủ nghĩa, công trường như một guồng máy khổng lồ làm việc suốt đêm ngày. Những ngọn cờ đỏ vượt năng suất ngày càng nhiều, có đơn vị treo thành chùm. Những ngọn cờ xanh năng suất ngày càng ít và rồi không còn trông thấy nữa. Chúng tôi đặt chiếc máy quay phim K.S 50 lên trên chân máy để ghi toàn cảnh công trường nhuộm nắng rực lên màu cờ đỏ. Chúng tôi đang tập trung vào cảnh phim bỗng như cảm thấy có việc gì lớn lắm đang xảy ra ở phía sau. Tôi quay lại thấy có một tốp người đang đi tới giữa không khí náo nức của công trường. Tôi bỗng bàng hoàng, sửng sốt: Bác Hồ. Đúng là Bác, Bác mặc bộ quần áo nâu bạc mầu, chân đi đôi dép cao su đen đang thoăn thoắt bước tới.

Bao nhiêu đêm ngày làm việc ở đây, tôi cứ nghĩ thế nào công trường cũng được Bác đến thăm và tôi sẽ được quay phim Bác. Tôi chuẩn bị sẵn trong óc, nếu Bác tới sẽ quay như thế nào. Thế mà nay khi Bác đến thật, tôi chỉ còn đứng mà nhìn, mà xúc động. Một hạnh phúc quá lớn đối với tôi.

Bác bước tới. Ban chỉ huy công trường đi bên Bác. Chúng tôi cầm máy quay phim hồi hộp chạy tới. Tiếng reo "Bác đến!" truyền đi thành trăm ngàn tiếng reo vang âm tới tận xa. Cả công

trường rung động. Một rừng người chạy về phía Bác. Chỉ trong giây lát một đám đông lớn đã đứng quanh Bác. Các đồng chí đi theo Bác và các đồng chí trong ban chỉ huy công trường yêu cầu mọi người tránh ra hai bên để Bác đi, nhưng ai cũng muốn được đến gần Bác, được nhìn thấy Bác rõ hơn. Các đồng chí đi theo Bác lúng túng, chưa biết giải quyết ra sao. Chính lúc đó Bác hiểu nguyện vọng của mọi người. Bác đứng lên một miếng đất cao để mọi người nhìn thấy Bác rõ hơn. Bác mỉm cười nhìn tất cả một lượt và nói:

- Các cô các chú và các cháu thanh niên gặp Bác như thế này là đủ rồi. Bây giờ tất cả trở về chỗ của mình để làm việc.

Bác giơ tay ra hiệu. Lập tức mọi người giãn ra hai bên. Một niềm vui rộn ràng lan khắp công trường. Một sức mạnh kỳ diệu đưa công trường tiến lên những bước mới. Chúng tôi ra sức quay để ghi lấy giây phút kỳ diệu đó và đã đưa được phần nào vào bộ phim *Nước về Bắc - Hưng - Hải.*

Bác đi thẳng đến chỗ giàn giáo đổ bê tông xây móng cống Xuân Quan. Nhìn thấy quang cảnh làm việc khẩn trương: anh chị em công nhân đang vun vút đẩy những xe cút kít chở đầy bê tông, đôi mắt Bác thoáng hiện vẻ bằng lòng. Bác bước lên bậc thang, lướt qua những khung sắt, bắt tay các đồng chí chuyên gia nước bạn. Bác đến gần anh chị em công nhân đổ bê tông. Một chị đẩy xe cút kít chở đầy bê tông. Gặp Bác chị dừng lại. Bác cầm lấy hai càng xe cút kít và Bác đẩy. Ôi! Xe chở nặng, lại chỉ có một bánh gỗ ở giữa mà Bác thì đã cao tuổi. Anh chị em công nhân chạy đến vây quanh Bác, đỡ lấy càng xe. Bác cháu cùng vui. Bác cười, anh chị em công nhân cũng cười và hô vang "Bác Hồ muôn năm" trong không khí ngày hội lao động đầy phấn khởi.

Bác là một lãnh tụ, nhưng ở giữa công trường hôm nấy, ở Bác lại toả ra dáng vẻ người công nhân. Không chỉ ở bộ quần áo nâu, đôi dép cao su đen mà chính là ở tình cảm, suy nghĩ và việc làm của Bác.

Hôm đó chúng tôi đã quay được những mét phim mà suốt đời không sao quên.

*

* *

Đầu năm 1967, một số anh chị em công tác điện ảnh chúng tôi được may mắn đem bộ phim truyện *Nguyễn Văn Trỗi* vào Phủ Chủ tịch báo cáo với Bác. Buổi tối hôm ấy Bác gặp các đồng chí lái máy bay có thành tích bắn rơi giặc lái Mỹ. Chúng tôi ngồi chờ ở phòng chiếu phim. Bác bước ra trông hồng hào, khoẻ mạnh. Các đồng chí anh hùng lái máy bay đi bên cạnh. Bác rất vui, vừa đi, vừa nói chuyện, trông dáng rất nhanh nhẹn giữa những người con yêu mặc quân phục màu xanh. Hình ảnh ấy đẹp quá. Bỗng Bác hỏi:

- Các chú điện ảnh có đây chưa?

Giọng Bác vang và ấm lạ. Nhìn thấy Bác vui, chúng tôi sung sướng trả lời:

- Thưa Bác, chúng cháu có mặt.

Anh Hà Huy Giáp giới thiệu chúng tôi. Bác nhìn từng người một. Bác vẫy tay cho cô Thu Hiền đóng vai chị Quyên, nhân vật vợ anh Nguyễn Văn Trỗi, đến ngồi bên cạnh.

Bác hỏi:

- Khi làm xong phim, các cô, các chú đã nghe nhiều ý kiến góp ý chưa?

Anh Hà Huy Giáp trả lời:

- Thưa Bác, xin báo cáo với Bác là anh chị em làm bộ phim này đã làm việc với một tinh thần tập thể cao, ngay từ khi bắt đầu đã làm được nhiều ý kiến xây dựng. Và hôm nay anh chị em xin đề nghị Bác cho ý kiến sau khi xem xong.

Bác vui vẻ nhìn chúng tôi:

- Các cháu làm việc với một tinh thần tập thể cao, thế là tốt. Nhưng tập thể của đoàn phim làm mới là tập thể nhỏ, cần phải

chú ý lắng nghe ý kiến phê bình của đông đảo quần chúng, đó mới là tập thể lớn.

Chúng tôi lắng nghe từng lời Bác căn dặn.

Đèn tắt. Màn ảnh sáng lên. Từng hình ảnh, từng lời nói, tiếng nhạc trong phim trôi qua. Bác xem rất chăm chú. Mỗi khi trên màn ảnh xuất hiện một vài cảnh mà khi làm phim chưa thật cẩn thận, khi lồng tiếng còn vội vã để lại một số thiếu sót, những hạt sạn về nghệ thuật thì trong lòng tôi lại cảm thấy nỗi xót xa cắn rứt.

Buổi chiếu phim chấm dứt. Chúng tôi hồi hộp chờ đợi ý kiến của Bác.

Bác quay lại hỏi các đồng chí lái máy bay và các anh, các chị công tác trong Phủ Chủ tịch cùng xem phim hôm ấy:

- Các cô, các chú thấy phim có hay không?

Tiếng cười, tiếng trả lời vui vẻ:

- Phim hay ạ..., phim tốt ạ...

Bác mỉm cười. Bác nhìn anh Giáp rồi nhìn chúng tôi:

- Đấy! Ý kiến của quần chúng đấy.

Trước khi ra về Bác bắt tay từng người. Khi đến bé Vân, em bé lên năm tuổi đóng vai em bé Dân ở trong phim, Bác đưa kẹo cho bé và hỏi:

- Cháu lấy mấy chiếc?

Bé Vân thấy nụ cười hiền của Bác, thấy trong tay Bác nhiều kẹo, bé thích quá giơ cả hai tay ra đỡ lấy. Bác cười cho kẹo và xoa đầu bé Vân.

Ngày hôm đó chúng tôi vui một niềm vui trong lành ấm áp tình Bác. Chúng tôi sung sướng được thấy Bác vui và tự hứa với nhau sẽ cố gắng để Bác vui hơn nữa trong phần việc của mình.

QUAY PHIM BÁC Ở CHIẾN KHU VIỆT BẮC

LÊ MINH HIỀN

Năm 1951, đoàn cán bộ miền Nam lặn lội vượt núi, trèo đèo ra Bắc gặp Bác, trong đoàn có tôi và anh Doàn là cán bộ điện ảnh.

Yêu thương cán bộ miền Nam vất vả sau sáu tháng trời ròng rã từ Nam Bộ đi ra Bắc. Bác cho hai chúng tôi được ở trong "Phủ Chủ tịch" với Bác tại chiến khu Việt Bắc. Thật là điều vui mừng cảm động, ngoài mong ước của chúng tôi. Đúng như đồng chí Tố Hữu viết:

Nơi Bác ở, sàn mây vách gió
Sáng nghe chim rừng gáy bên nhà
Đêm trăng một ngọn đèn khêu nhỏ
"Tiếng suối trong như tiếng hát xa".

Quanh bếp lửa hồng, giữa một đêm đông giá rét, trong căn cứ địa kháng chiến chống Pháp, Bác Hồ gặp anh em điện ảnh miền Nam chúng tôi trong một cuộc liên hoan ấm cúng có nhiều tiết mục văn nghệ. Chúng tôi chuyển lời của đồng bào miền Nam kính chúc sức khoẻ Bác. Bác cảm ơn và ân cần thăm hỏi đồng bào miền Nam, hỏi thăm anh em quay phim đi đường có khoẻ không, có nguy hiểm vất vả không. Tấm lòng của Bác đối với đồng bào miền Nam rộng hơn biển cả. Những ngày được ở gần Bác là những ngày hạnh phúc nhất của đời tôi.

Với chiếc máy quay và số mét phim có lúc ấy rất ít ỏi và hiếm hoi, chúng tôi đã ghi lại được một số hình ảnh vô cùng quý giá về Bác giữa rừng tre "sàn mây vách gió", nơi Bác sống và làm việc.

Có những lần, chúng tôi xin Bác mặc chiếc áo ka ki để quay một số cảnh cần thiết, nhưng Bác bảo:

- Đấy, Bác như vậy đấy, các chú cứ thế mà quay.

Trong thực tế, hình ảnh Bác với bộ quần áo nâu bình thường đã trở thành quen thuộc, gần gũi trên phim của chúng ta. Thậm chí có lúc đi về nông thôn, Bác xắn quần cao, chúng ta vẫn thấy đẹp, cái đẹp hồn nhiên, giản dị của một vị Chủ tịch luôn luôn gần gũi dân.

Thấy chúng tôi yêu cầu mãi, chắc Bác thương, nên có lần, Bác mặc chiếc áo ka ki cho chúng tôi quay phim.

Mặc dầu được Bác thương như vậy, nhưng không bao giờ chúng tôi dám lạm dụng điều đó. Chúng tôi có quay được một đoạn phim về Bác trong bữa cơm. Bác cầm đĩa thức ăn dành riêng cho Bác chia đều cho các đồng chí chung quanh, không bao giờ Bác chịu ăn một mình. Đoạn phim này, chúng tôi phải quay "trộm" mới ghi lại được. Vì đã có lần, chúng tôi đề đạt nguyện vọng tha thiết của đồng bào miền Nam mong muốn được biết về đời sống hàng ngày của Bác, thì Bác bảo: "Đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống của người dân". Bữa cơm nào, chúng tôi cũng thấy Bác chia đều thức ăn cho mọi người. Do đó, chúng tôi nẩy ra ý nghĩ phải lén quay cho được cảnh đó, ít ra cũng nói lên được tình cảm yêu thương "chia ngọt sẻ bùi" của Bác. Thế là bữa đó, chúng tôi ra ăn chậm hơn mọi người, nhưng Bác vẫn dành phần cho. Lúc chia, chúng tôi vắng mặt nhưng Bác vẫn không quên. Đó là một đĩa trứng tráng, nhà bếp dành bồi dưỡng riêng cho Bác.

Một lần, trên đường đi công tác, chúng tôi đề nghị:

- Thưa Bác, sau này có điều kiện, Bác cho phép chúng cháu được vào chỗ ở của Bác, tìm hiểu thêm để làm phim truyện nữa, có được không ạ?

Bác không trả lời đề nghị của chúng tôi, mà nói sang chuyện khác.

Trong thời gian được sống gần Bác, chúng tôi học được những bài học lớn về tinh thần vì dân vì nước, đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, về đức tính giản dị, khiêm tốn, về lề lối làm việc khoa học của Bác, Bác luôn luôn nhắc nhở chúng tôi về nếp sống giản dị, ngăn nắp, trật tự. Lúc nào Bác cũng nhanh nhẹn, gọn gàng. Chúng tôi, khi đi quay phim Bác, cũng phải tập cho quen, nếu không sẽ bị lỡ. Bác còn nhắc nhở chúng tôi tập thể dục, dạy chúng tôi học võ cho người khoẻ mạnh để làm việc tốt.

Hơn hai tháng được ở gần Bác, kể ra đã là quá nhiều đối với những người chưa được vinh dự gặp Bác lần nào. Riêng chúng tôi cảm thấy vẫn còn quá ngắn ngủi.

... Sau mấy năm đi học về, trước khi chúng tôi lên đường về Nam, Bác cho gọi đến dặn dò mọi điều. Bác bảo:

- Khi nào độc lập, Bác vào Nam, các chú dẫn các cô và các cháu đến thăm Bác.

Bác cho hai chúng tôi mỗi người một tấm ảnh có chữ ký của Bác. Mỗi chúng tôi được hôn Bác một cái. Bác nói:

- Đây là đồng bào miền Nam hôn Bác. Nhớ chuyển lời Bác hỏi thăm đồng bào. Bác tuy ở xa, nhưng lúc nào cũng nghĩ đến đồng bào miền Nam. Các chú đi đường phải cẩn thận, giữ bí mật và sức khoẻ.

Nghe Bác dặn dò như người cha dặn đứa con trước lúc đi xa, miệng thì "Dạ! Dạ!" mà nước mắt chúng tôi trào ra không sao cầm được.

Ôn lại những kỷ niệm không bao giờ quên được về những ngày được ở bên cạnh Bác Hồ, chúng tôi vô cùng xúc động. Điều mà chúng tôi ân hận nhất là: những hình ảnh mà chúng tôi đã quay được về Bác quá ít ỏi, không nói được bao nhiêu so với cuộc sống lớn lao của Bác.

ĐƯỜNG VỀ TỔ QUỐC HAY LÀ Ý CHÍ VÀ NGHỊ LỰC LỚN CỦA BÁC HỒ

PHAN ĐÌNH MẬU

Đã có nhiều bộ phim tài liệu của ta và của nước ngoài nói về Bác Hồ, mỗi bộ phim đem đến cho người xem một sự hiểu biết mới, làm nảy nở những cảm xúc mới; chúng ta càng thấy rõ hơn tầm lớn lao, vĩ đại của Bác Hồ.

Đường về Tổ quốc là một bộ phim thuộc loại đó. Điều có thể khẳng định rằng, những ai được ngồi trước màn ảnh xem những thước phim này đều không khỏi ngạc nhiên về những khám phá mới làm chúng ta tự hào vui sướng. Quốc tế Cộng sản, Viện phim lưu trữ quốc gia Liên Xô, Đảng Cộng sản Liên Xô cất giữ những tài liệu, những thước phim tư liệu quý giá về Bác, và dần dần những tư liệu đó được đưa lên màn ảnh để chúng ta hôm nay và con cháu mai sau hiểu biết đầy đủ và tường tận về Bác Hồ kính yêu của chúng ta.

Một hôm, anh Bùi Đình Hạc đạo diễn bộ phim này gặp tôi ở Xưởng phim Thời sự tài liệu. Anh hỏi:

- Anh đã xem *Đường về Tổ quốc* chưa nhỉ?

- Xem rồi! - Tôi trả lời rất gọn. Tôi được xem từ khi phim chưa có thuyết minh.

- Ấy đấy! - Anh Bùi Đình Hạc thấp giọng - Bạn vừa mới gửi sang cho ta thêm một số tư liệu quý nữa. Xem lại, anh sẽ thấy Bác vĩ đại vô cùng.

Và thế là tôi lại xem lần thứ hai, lần thứ ba. Quả là qua những thước phim tư liệu quý giá chưa một lần đưa lên màn ảnh,

chúng ta sẽ ngỡ ngàng đến thú vị như khám phá ra được những điều bí mật về một quãng đời của Bác mà sử sách hoặc chưa nói hoặc nói rất ít. Người xem như được theo dõi cuộc hành trình vĩ đại của Bác. Đây là một sự thật - một sự thật đã qua đi non nửa thế kỷ nay mà chỉ có điện ảnh, chỉ có những thước phim tư liệu mới bảo tồn được nguyên vẹn, mới làm sống lại được một quãng đời đầy gian nan thử thách, và chỉ riêng cuộc hành trình trở về Tổ quốc cũng đủ để nhân loại khâm phục tài năng và ý chí của Bác. Đó là cuộc hành trình trở về Tổ quốc của Bác để kịp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam khi thời cơ cách mạng đã đến.

Tục ngữ có câu: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Với Bác Hồ cũng đúng như vậy. Bác hiểu nhiều, hiểu rộng, Bác trở thành lãnh tụ, trở thành vĩ nhân có một lẽ Bác đã đi nhiều, đã đi rất xa. Chỉ riêng việc trở về Tổ quốc Bác đã phải đi vòng quanh gần nửa trái đất.

Phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* cũng của nhóm làm phim Thép Mới, Hồng Hà, Bùi Đình Hạc, rồi phim này chính là sự tiếp nối phim trước, mặc dù nó có chủ đề riêng, chất liệu riêng. Nếu như bộ phim trước kết thúc ở cảnh Bác Hồ chia tay các đại biểu Quốc tế cộng sản ở Mát-xcơ-va đề về phương Đông hoạt động, thì bộ phim này chính là cuộc hành trình đó.

Sau khi giã từ các đại biểu Quốc tế cộng sản ở Mát-xcơ-va, Bác đi qua vùng Iếc-cút sang cảng Vla-đi-vốt-xtốc. Ở đây, Bác xuống tàu biển đi về lục địa Trung Hoa. Hồi đó, đất Trung Quốc cũng đang đắm chìm trong cảnh đời nô lệ, các vụ tàn sát, bắt bớ luôn xảy ra. Bác đã rơi vào tay bọn mật thám cảnh sát. Bác bị giam, nhưng nhờ sự giúp đỡ của ông bà luật sư người Anh là Lu-dơ-bai, Bác được giải thoát. Bác lại xuống tàu biển trở về Vla-đi-vốt-xtốc, qua Crưm, qua Iếc-cút về Mát-xcơ-va. Về câu chuyện ông bà luật sư Lu-dơ-bai giúp Bác, trong sử sách cũng có nói. Sau này, khi là Chủ tịch nước, đã đôi ba lần Bác mời bà Lu-dơ-bai và cô con gái của bà sang thăm Việt Nam.

Cuộc hành trình trở về Tổ quốc lần thứ hai của Bác phải đổi hướng. Từ Mát-xcơ-va Bác qua Pa-ri, qua Béc-lin qua Mi-lăng (Ý) qua Hồng Hải, qua Ấn Độ Dương về Xanh-ga-po và ngược lên Thái Lan. Đây là một cuộc hành trình vượt qua bao nhiêu lục địa, bao nhiêu đại dương. (Giá chúng ta hiểu được lý do cụ thể hơn về con đường mà lần thứ hai Bác chọn!). Nhưng dù Bác đã phải đi một con đường vòng như vậy, lần này Bác cũng không đặt chân lên được đất nước Việt Nam. Từ Thái Lan, Bác lại phải sang Quảng Châu Trung Quốc và rồi lại theo đường biển trở về Mát-xcơ-va.

Lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng, con đường tuy có ngắn hơn hai lần trước nhưng đó là một con đường mà hồi đó Bác phải dùng đến cả những phương tiện giao thông thô sơ nhất là đi bộ, đi bằng lạc đà qua sa mạc Gô-bi, qua miền Nam nước Nga, qua lục địa Trung Quốc về Pác Bó. Nếu được xem phim hoặc giở tấm bản đồ thế giới, lấy bút chì xanh đỏ vẽ cuộc hành trình trở về Tổ quốc của Bác, chúng ta sẽ thấy ý chí và nghị lực của Bác thật lớn lao phi thường.

Cuộc hành trình đó của một nhà hoạt động cách mạng, một đại biểu Quốc tế cộng sản luôn suy nghĩ và chăm lo cho phong trào cách mạng, và cũng luôn bị bọn mật thám rình mò theo dõi, truy nã, kết án, thậm chí cả kết án tử hình, nếu bắt được không cần xét xử. Cũng bởi vậy, Bác luôn phải thay hình đổi dạng, mỗi lúc mỗi nơi lại có một cái tên riêng. Chưa có một tài liệu nào thống kê đầy đủ các tên mà Bác đã dùng trong cuộc đời hoạt động của Bác. Trong phim *Đường về Tổ quốc* cũng chưa liệt kê đầy đủ tên của Bác. Chỉ qua những tài liệu, những chữ ký của Bác có liên quan đến bộ phim, những cái tên đó cũng đã khá nhiều. Ví dụ Bác có tên Trung Quốc là Trần Vương, Tống Văn Sơ, Lý Thuỵ, có tên Thái Lan là Thầu Chín, có tên Liên Xô là Ni-lốp-xki, là Lin, có tên Pháp là Lu-i, có cả tên Đức và nhiều tên khác nữa mà người xem không thể nhớ hết. Nhưng kẻ thù chỉ đi truy lùng cái tên gốc và chúng cũng sợ nhất cái tên đó:

Nguyễn Ái Quốc. Cái tên này đã nhiều lần xuất hiện trên báo chí, sách vở, trên diễn đàn của các tổ chức chính trị quốc tế, đã nhiều phen cho kẻ thù những đòn chí mạng. Hễ đánh hơi thấy cái tên này là chúng truy lùng ngay.

Bác đã làm nhiều việc cho phong trào cách mạng, không chỉ riêng của Việt Nam. Đối với cách mạng Trung Quốc, Bác cũng đóng góp nhiều công sức. Ở trên đất nước Trung Hoa, Bác đã làm nhiều việc, đã tham gia Bát lộ quân. Trong một báo cáo gửi về Quốc tế cộng sản, Bác viết ở Trung Quốc, Bác đã phải làm nhiều thứ việc không đúng với cương vị là một đại biểu Quốc tế cộng sản. Có khi Bác đã làm chủ nhiệm câu lạc bộ, một tuyên truyền viên, v.v.. Thế nhưng Bác vẫn làm. Khi nghe chiến tranh Tây Ban Nha nổ ra, Bác viết thư cho Quốc tế cộng sản xin được tình nguyện sang chiến đấu cùng các chiến sĩ yêu nước.

Xem những thước phim này chúng ta xúc động vô cùng. Một lãnh tụ Quốc tế cộng sản, tình nguyện làm một chiến sĩ, khi đất nước Tây Ban Nha bị xâm lăng cũng coi như chính Tổ quốc mình bị xâm lăng. Điều đó nói với người xem chúng ta hôm nay và mai sau về tinh thần và lẽ sống làm người, không phải bằng những lời giáo huấn mà là cả cuộc đời và tấm lòng. Những đồng chí cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta đã từng làm việc cạnh Bác trong nhiều năm, khi xem đến những cảnh phim này đã rất xúc động. Hẳn là đông đảo người xem cũng như vậy.

Khi Hít-le chuẩn bị châm ngòi lửa chiến tranh ở châu Âu với 300 sư đoàn quân phát-xít, và kêu gào, kích động sự thần phục mù quáng chủ nghĩa sô vanh cuồng tín; khi Mút-xô-li-ni leo lên bục diễn thuyết học đòi Hít-le, phụ hoạ theo Hít-le; khi Nhật hoàng và đội quân võ sĩ sát khí đằng đằng chuẩn bị tấn công Mãn Châu Lý, Bác Hồ khẳng định: "Chiến tranh thế giới có thể xảy ra nhưng kết thúc là sự hình thành một hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa".

Chúng ta cám ơn những nhà quay phim tư liệu hồi đó và những người giữ cho chúng ta những thước phim tư liệu quý giá

này, để đến bây giờ chúng ta thấy lại lịch sử, con người, vĩ nhân là Chủ tịch Hồ Chí Minh, mặc dù trong bộ phim sự xuất hiện của Bác không nhiều.

Nếu như bộ phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* có một lối kết cấu và dựng phim điềm tĩnh, sử dụng sự lặp lại, nhấn mạnh để gây cảm xúc, gây ấn tượng, tạo sự trang trọng cho phim, thì ngược lại, ở *Đường về Tổ quốc* là lịch sử sôi động của thế giới, là bức tranh rộng lớn của thế giới trong bão táp của những năm ba mươi, bốn mươi của thế kỷ này mà lịch sử Việt Nam cũng như thế giới vừa đau thương lại vừa hào hùng, mà Bác Hồ là sự liên kết các sự kiện của bức tranh rộng lớn đó. Điều thú vị đem đến cho người xem là chúng ta thấy lại bức tranh rộng lớn ấy không phải ở ngày nay mà lại ở thời điểm cách đây hơn bốn chục năm, và bằng chính những thước phim tư liệu do người nước ngoài quay được từ những ngày đó, lúc mà điện ảnh mới bước vào thời kỳ phim mới - phim có tiếng. Công nghệ điện ảnh bấy giờ chưa hoàn chỉnh. Có lẽ các nghệ sĩ quay phim hồi đó chưa được học nhiều như bây giờ, và máy quay phim là loại cũ với tốc độ chậm nên hình ảnh trên phim còn dáng dấp của phim hoạt hình. Như cảnh nhân dân Tây Nguyên cưỡi voi xông trận vừa có khí thế ra quân lại vừa có nét sinh hoạt văn hoá cổ xưa của một vùng núi Việt Nam, cảnh triều đình nhà Nguyễn quần chùng áo the cúi rạp mình trước bọn quan thầy Pháp, cảnh ở Trung Quốc bọn tư bản, quyền quý nước ngoài ngồi trên những chiếc xe kéo tay để chơi khúc côn cầu, cảnh hành hình cổ sơ là trói tay bắt ngồi xuống đất dí súng vào gáy mà bắn, cảnh những điệu múa cung đình của các vũ công Thái Lan... Tất cả những cái đó, tuy vậy đã giúp người xem nhìn lại bóng dáng của một thời đã qua của nhiều đất nước của phương Đông và châu Âu.

Những người tham gia xây dựng bộ phim này(*) cũng là tổ làm phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* trước đây. Khi chuẩn

(*) Biên kịch: Hồng Hà, đạo diễn: Bùi Đình Hạc, quay phim: Đỗ Duy Hùng, dựng phim: Vũ Lệ Mỹ, viết thuyết minh: Thép Mới.

bị bắt tay vào xây dựng những bộ phim về Bác, một số anh em trong thành phần chủ yếu của tổ làm phim đã sang Liên Xô, vừa để khai thác nguồn phim tư liệu và tài liệu lưu trữ của Liên Xô, vừa để quay những cảnh thực người thực trên đất nước Liên Xô có mối dây liên hệ với Bác. Đó cũng là hai nguồn chất liệu chính để xây dựng phim. Ở trong phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* người xem thấy lại được nhiều hình ảnh quý về Bác chúng ta, không những chứng minh vai trò và tác dụng to lớn của Bác đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế mà còn thấy rõ cả tâm hồn, tính cách của Bác. Còn trong *Đường về Tổ quốc* có hơi khác. Những hình ảnh về Bác rất ít. Các tác giả đã khéo sử dụng nguồn tư liệu lịch sử của thế giới và trong nước, dùng lối miêu tả gián tiếp thông qua hiện thực lịch sử giúp người xem hiểu được cái vĩ đại cái lớn lao của Bác Hồ. Thậm chí ở đây còn dùng tới cả những bức ảnh, cũng như trong phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* dùng cả tranh, tượng. Nhờ sự nghiên cứu sử dụng đúng lúc đúng chỗ, những hình ảnh đó phát huy được sức mạnh của nó, tạo được hứng thú cho người xem.

Đã có nhiều khán giả bộc lộ niềm sung sướng đối với bộ phim này, từ sự kết hợp giữa hai nguồn chất liệu nói trên, và đến việc đưa một cách khéo léo bối cảnh lịch sử sôi động của thế giới trong thời kỳ đó làm nổi lên chủ đề chính, làm nổi hình ảnh cao đẹp của Hồ Chủ tịch, mà nét đẹp rực rỡ nhất toát ra từ bộ phim là một bài học lớn về ý chí nghị lực của Bác, đã vượt qua ngàn dặm trở về Tổ quốc, lãnh đạo nhân dân ta làm nên những chiến công thần kỳ.

BÁC HỒ VỚI ĐIỆN ẢNH DÂN TỘC

HIẾU TRUNG

Bác Hồ của chúng ta bận việc ngày đêm, nhưng Bác vẫn dành nhiều thời giờ để chăm sóc tới các hoạt động văn nghệ. Đối với điện ảnh, Bác cũng thường chú ý khích lệ cho ngành nghệ thuật đó mau lớn mạnh...

Vào ngày 15-3-1953, trong lúc chúng ta đang ở giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, để giành độc lập dân tộc, ở nơi rừng sâu Việt Bắc, Hồ Chủ tịch đã ký sắc lệnh thành lập ngành điện ảnh Việt Nam.

Với cương vị là Chủ tịch nước không phải Bác chỉ có ký sắc lệnh, mà Bác đã trực tiếp đến thăm các cơ sở làm phim, trường điện ảnh, thường xuyên xem các phim mới sản xuất của ta, gặp gỡ các đạo diễn, diễn viên, v.v.. Chẳng phải chỉ có những người có hình, có tên trên phim, mà cả những người âm thầm làm trong phòng tối cũng được Bác thăm hỏi.

Có một lần vào năm 1960, Bác Hồ tới thăm một cơ sở làm phim. Bác đến đột ngột làm mọi người sửng sốt. Như người trong nhà, Bác đi thăm mọi nơi, vào cả phòng tối nơi in tráng phim. Bác hỏi thăm sức khoẻ mọi người và căn dặn: "Bây giờ nước ta còn nghèo, cho nên cơ sở vật chất của điện ảnh còn thiếu thốn là lẽ dĩ nhiên. Nhưng nhân dân ta rất giỏi, nghèo nàn mà vẫn làm nên sự nghiệp. Các cô, các chú đã cố gắng từ trước tới nay, bây giờ cố khắc phục khó khăn, đề cao tinh thần trách nhiệm, tự lực cánh sinh và sử dụng tốt những máy móc của anh em giúp ta để đạt những tiến bộ mới...".

Tại Đại hội điện ảnh Á Phi, khi các đại biểu biết câu chuyện trên thì có người kêu lên: "Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tận phòng tối xem làm phim kia à? Chúng tôi rất thèm cái hạnh phúc đó của các bạn!".

Năm 1960, theo chỉ thị của Trung ương, một số đồng chí điện ảnh được cử làm bộ phim *"Vài hình ảnh về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch"* để mừng thọ Bác 70 tuổi. Bác không bao giờ vui lòng cho làm những phim nói về Bác. Nhưng khi thấy các đồng chí điện ảnh tới đây để quay một cảnh về buổi họp của Bộ Chính trị dưới sự chủ toạ của Bác, Bác đã chủ động "đạo diễn" để các đồng chí đó khỏi lúng túng. Chính do Bác rất ân cần và chủ động giúp đỡ như vậy, nên nhiều lúc các đồng chí quay phim đã khỏi lúng túng và ghi được những cảnh tốt.

Các đồng chí quay phim đều ôm ấp niềm hy vọng là được một lần đi quay phim về Bác. Thật là hạnh phúc, nhưng cũng là một trách nhiệm to lớn. Bác đi đâu cũng rất linh hoạt, chủ động nên ghi cho kịp những hình ảnh về Bác là một điều khó. Người làm phim cũng như người quay phim không bao giờ thoả mãn, tất cả đều mong muốn được thấy Bác nhiều hơn, được ghi về Bác nhiều hơn nữa.

Có một đồng chí đi quay phim Bác về nông thôn. Hình ảnh vị lãnh tụ kính yêu đi giữa một thảm lúa bội thu vàng rực. Bác của chúng ta linh hoạt trong mọi việc, thăm lúa, thăm bà con nông dân. Đồng chí quay phim tất bật. Bỗng Bác dừng lại ở một góc độ thuận lợi cho việc tạo hình, dưới ánh chiều rực rỡ, bên một thửa ruộng lúa trĩu hạt. Mắt Bác ngời sáng, rạng rỡ. Có lẽ Bác như thấy trước bữa cơm gạo mới ngọt ngào trong mỗi gia đình... Riêng đồng chí quay phim còn như cảm thấy Bác hiểu nỗi tất bật của người quay phim, nên đã chủ động dừng lại. Không bỏ phí một giây, đồng chí đó bấm máy theo nhịp đập của trái tim mình ghi ngay hình ảnh đó, và lia máy theo bước chân Người tiếp tục đi trên tấm thảm mênh mông của cánh đồng lúa chín.

Mỗi lần anh chị em điện ảnh được gặp Bác là một lần được nghe Bác ân cần nhắc nhở từng ly từng tí. Trà Giang được Bác dặn: "Diễn viên phải đoàn kết thương yêu nhau, phải năng tập thể dục cho khoẻ mạnh". Bác dặn đồng chí thuyết minh phim là nói sao cho rõ ràng, dễ hiểu. Bác căn dặn những người làm phim là: "Phim của các chú tốt, có nhiều phim hay, nhưng có phim còn nhanh, đồng bào xem không hiểu, chưa thấy bổ ích thì không thể gọi là tốt được".

Từ những thước phim đầu tiên ghi được về Bác trong ngày lễ Độc lập 1945, tới những thước phim ghi về Bác ở Việt Bắc trong những ngày đánh Pháp, rồi tới những ngày đánh Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, và có lẽ thước phim cuối ghi được về Bác là hôm Bác vui với các cháu thiếu nhi nhân ngày 1-6 năm 1969. Những thước phim đó đã trở thành những hình ảnh lịch sử vô giá, và còn quá ít so với cuộc đời lớn lao của Bác, cũng như so với tấm lòng mong muốn của chúng ta.

Cách mạng đã nhận chìm bằng hết những "hình ảnh An Nam" khổ đau của thời nô lệ xưa cũ. Theo lời căn dặn ân tình của Bác Hồ, những người làm điện ảnh chúng ta đang ra sức làm sáng lên trên màn ảnh, trong tâm trí hàng triệu người xem về hình ảnh Tổ quốc Việt Nam bao la hùng vĩ, và sự nghiệp to lớn của nhân dân ta đang quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà quay phim,
nhiếp ảnh CHDC Đức và Việt Nam (8/2/1955) - *Ảnh: BTHCM*

NHỚ SINH NHẬT BÁC HỒ

TỐ UYÊN

Ngày 19-5-1999 là ngày sinh nhật lần thứ 103 của Bác Hồ. Hằng năm cứ vào ngày này là cả đất nước đều kỷ niệm ngày sinh nhật của Bác, để nhớ lại những năm tháng Bác Hồ còn sống... Nghĩ đến Bác, lời ca *"Hồ Chí Minh muôn năm, giải phóng cho nhân dân..."* lại vang lên trong tôi.

Riêng tôi, có những điều may mắn được gặp Bác rất nhiều lần. Những lần đón các phái đoàn quốc tế ở Phủ Chủ tịch, ở Câu lạc bộ Thiếu niên, ở các trại hè thiếu nhi chăm ngoan nghe lời cha mẹ; rồi trại "Bồ câu trắng" tổ chức ở Bách Thảo chắc nhiều bạn bây giờ còn nhớ. Bác Hồ và bác Su-các-nô đều ra nhảy múa với các cháu thiếu niên. Những bài *"Kết đoàn, 1-2-3-4-5-6-7, Bạn của tôi nay đang ở đâu?* vang lên trong tiếng hoan hô.

Năm 1960, tôi đang học lớp 7, thì được đi đóng phim *"Con chim vành khuyên"* do bác Nguyễn Đăng Bẩy quay phim, đạo diễn là chú Nguyễn Văn Thông, chú Trần Vũ tuyển chọn tôi trong vai bé Nga.

Phim "*Con chim vành khuyên*" được đưa lên chiếu cho Bác xem. Bác rất cảm động, thương hai bố con bé Nga (nhân vật phim). Để tan đi không khí im lặng sau buổi chiếu phim, Bác bảo: "Bác sẽ cho cháu dầu con hổ xoa cho sống lại. Nhưng cháu ơi, đó là nhân vật phim, còn cháu vẫn sống ngồi cạnh Bác cơ mà". Thế là cả đoàn phim vui vẻ, vây quanh Bác. Bác khen phim hay. Giữa năm 1972, phim "*Con chim vành khuyên*" được Giải

thưởng Quốc tế - Giải Đặc biệt của Liên hoan phim Các-lô-vi-va-ri ở Tiệp Khắc.

Rồi những lần tôi được mời đi dự tiệc chiêu đãi Quốc tế, gặp tôi, Bác đứng lại nói chuyện rất lâu, lần nào Bác cũng hỏi han tận tình, từ cha mẹ, anh em, rồi cuộc sống ra sao? Rồi ước mơ gì?...

Bác bảo: Hãy cố gắng đóng nhiều phim và làm những điều có ích cho xã hội, nhất là về mặt văn hoá của người dân Việt Nam sau này, của thế hệ các cháu. Bác mong muốn: Làm việc và văn hoá phải đi đôi với nhau. Nghe theo lời Bác ngày ấy, chúng tôi còn đi vào tuyến lửa, Khu 4 để biểu diễn cho bộ đội, ngày Tổng tiến công năm 1968. Rồi đi biểu diễn cho các bệnh viện, thương binh quân đội từ Vĩnh Linh tới Hà Giang và Nhà hát Giao hưởng Nhạc Vũ kịch. Rồi còn biểu diễn vở ca kịch *"Cô Sao"* của Đỗ Nhuận ở Nhà hát lớn thành phố, rồi sau ra chỗ nhà Gương ăn kẹo, uống nước và chụp ảnh với Bác Hồ cùng với các vị quan khách khác.

Đóng xong phim *"Nổi gió"*, phim *"Cô giáo vùng cao"* tôi lại phải đi làm tiếp phim khác. Một hôm, cũng có bảy, tám người trong Đoàn kịch Điện ảnh vào biểu diễn cho Bác xem. Bác lại hỏi các anh em trong Đoàn kịch Điện ảnh: "Tố Uyên đã về xưởng phim chưa hay vẫn ở Trường Múa? Sao hôm nay không lên gặp Bác?". Các chị em trong đoàn trả lời Tố Uyên đi biểu diễn vắng. Trong trăm công ngàn việc mà Bác vẫn nhớ tới cô bé Nga hồn nhiên, vô tư đã cứu cán bộ và bị địch bắn chết. Các anh chị trong đoàn kể lại: "Hôm nay Bác Hồ hỏi Tố Uyên đấy" làm tôi vô cùng xúc động.

Ba mươi năm đã trôi qua, kể từ ngày Bác Hồ mất, tôi khóc mãi và buồn mãi. Hàng bao nhiêu nghìn người tập trung ở Ba Đình để viếng Bác. Lúc ấy, tôi đi bộ suốt từ nhà lên Ba Đình nhập cùng dòng người để được vào viếng Bác tận nơi... Bác như một người Cha, như một người Mẹ. Không chỉ riêng với những

người làm việc bên Văn hoá mà còn trong các lĩnh vực khác, ở đâu cũng vậy, Bác đều thăm hỏi như một người rất gần gũi ruột thịt với chúng ta. Khi Bác xuống với người nông dân, người công nhân, rồi tầng lớp trí thức, sinh viên, Bác đều căn dặn tận tình: "Hãy làm những điều có ích cho xã hội, chính là làm những điều có ích cho con cháu chúng ta".

Mấy ngày nữa là sinh nhật của Bác, 19 tháng 5, tôi thầm nghĩ ai cũng làm như lời Bác dặn thì Xã hội Việt Nam sẽ có nhiều những điều tốt đẹp và ở nơi Bác Hồ yên nghỉ, Bác cũng rất vui... Bác Hồ ơi, cháu nhớ Bác nhiều...

ĐOÁ SEN HỒNG

KIM LIÊN *kể*

Lần đầu tiên tôi được gặp Bác Hồ, đó là ngày 21 tháng 5 năm 1963, khi Bác về thăm tỉnh Nam Định. Hôm đó, Đoàn văn công Nam Định được biểu diễn phục vụ Bác tại hội trường nhà máy dệt. Chúng tôi biểu diễn màn *Chị Tâm đi tìm Đảng* trích trong vở *Cuộc đời theo Đảng* của Đăng Thục. Tôi đóng vai chị Tâm, người con gái của Đảng. Lần đầu tiên trong đời được biểu diễn phục vụ Bác, tôi vô cùng xúc động và đó cũng là lần biểu diễn thành công nhất của tôi. Sau buổi diễn tôi được Bác khen và tặng cho bó hoa tươi. Bác nói: "Cháu diễn tốt, nhưng cần cố gắng hơn nữa để xứng đáng là người con gái của Đảng". Sau buổi diễn, chúng tôi được chụp ảnh chung với Bác.

Lần thứ hai, ngày 20-12-1968 Đoàn chèo Nam Hà của chúng tôi được Bộ Chính trị gọi lên biểu diễn vở *Trần Quốc Toản ra quân*. Diễn xong, chúng tôi chuẩn bị trở về thì sáng 21-12-1968 anh Vũ Kỳ mà chúng tôi gọi là "anh guốc mộc" (vì anh hay đi guốc mộc) đến thăm anh chị em chúng tôi, tại nhà khách số 8 Chu Văn An. Anh Kỳ vui vẻ hỏi: "Các em lên Hà Nội biểu diễn cho Trung ương xong, bây giờ có nguyện vọng gì nữa không?". Một số anh em nói là muốn được đi thăm chùa Một Cột và xem các bảo tàng. Riêng tôi, thì tôi thưa rằng: "Ngoài việc đi tham quan, đặc biệt xin anh tạo điều kiện cho chúng em được vào biểu diễn để Bác xem. Được vậy là chúng em mừng nhất". Anh Kỳ nói: "Tôi về xin ý kiến Bác, chiều tôi sẽ bảo lại". Thế là ngay chiều hôm đó chúng tôi được báo là bốn chị em: Kim Liên,

Thuý Ngân, Thuý Nga, Kim Chung được vào thăm Bác và hát cho Bác nghe. Chị em chúng tôi mừng quá, quên cả ăn uống buổi chiều. Chúng tôi được đưa vào nhà sàn của Bác. Vừa tới nơi, tôi đã thấy Bác đứng phía sau, tay chống ba-toong. Mới thấy Bác, tôi oà lên khóc vì thấy Bác đã già và yếu đi. Mới năm 1963, chính tay tôi cầm tay Bác và nói: "Bác béo khoẻ quá". Vậy mà hôm nay Bác đã gầy đi quá nhiều, tay lại phải chống ba-toong, chắc Bác phải lao tâm suy nghĩ nhiều vì đất nước còn bị chia cắt, quân thù còn giày xéo miền Nam? Thấy chúng tôi đều khóc, đều buồn, Bác nói: "Gặp Bác không được khóc, phải vui lên nào, ngồi xuống đây uống nước, ăn kẹo rồi hát cho Bác nghe". Bốn chị em chúng tôi ngồi xung quanh Bác. Bác hỏi: "Kim Liên, chồng cháu làm gì và đã có con chưa?". Tôi thưa với Bác: "Chồng cháu là bộ đội hiện nay đang chiến đấu ở chiến trường B. Cháu đã được hai đứa con gái, đứa thứ nhất tên là Ngọc Bích. Lúc cháu biểu diễn để Bác xem ở Nam Định là lúc cháu Bích được ba tháng rồi ạ! Còn cháu thứ hai tên là Hồng". Bác hỏi tôi: "Cháu có biết Bích là màu gì không?". Tôi nói: "Thưa Bác, cháu không biết!". Bác giải thích: "Bích là màu xanh, Hồng là màu hồng. Kim Liên là sen vàng". Bác hỏi tiếp: "Ai đặt tên cho các cháu?". Tôi trả lời: "Thưa Bác, cháu đặt đấy ạ! Nhưng khi đặt tên cho con, cháu cũng chẳng biết màu sắc gì, bây giờ được Bác chỉ dẫn cháu mới biết". Bác còn ân cần hỏi đến tiền lương và sinh hoạt ăn ở của văn công. Chị em cùng đi giới thiệu tôi là đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh. Bác liền nói đùa: "Cháu cố gắng lên làm tý Quốc hội thì mới có lương". Chúng tôi cùng cười vui. Thế rồi chị em chúng tôi lần lượt hát để Bác nghe. Cứ mỗi bài hát là được Bác thưởng một cái kẹo. Bác vừa cho kẹo vừa nói:

- Có lao động là có hưởng thụ.

Chị Kim Chung ngâm thơ. Trong bài thơ có câu: "Ai gọi tên xưa dãy núi Giăng Màn". Bác hỏi luôn:

- Tại sao lại gọi là núi Giăng Màn?

Chị Kim Chung ấp úng. Bác giải thích ngay:

- Đó là dãy núi Trường Sơn, nó trùng trùng điệp điệp như người ta giăng cái màn này sang cái màn kia...

Chúng tôi đều nói: "Bây giờ cháu đã hiểu rồi". Cuộc ngâm thơ lại tiếp tục. Bác nghe rất hào hứng.

Vì để đảm bảo sức khoẻ cho Bác, chúng tôi xin được tạm biệt Bác, mặc dù vẫn muốn được ở lâu hơn bên Bác.

Lần thứ ba tôi được gặp Bác vào giữa năm 1969. Hôm đó tôi cùng với Đoàn nghệ thuật Trung ương đi biểu diễn ở Pa-ri về. Chúng tôi có 78 người gồm các bộ môn: chèo, cải lương, múa hát, nhạc, và công nhân hậu đài, chia làm sáu tổ. Tôi là một trong 6 người được bầu ra để Bác Hồ tặng huy hiệu của Người. Để được nhận phần thưởng cao quý đó, ngày 16-7-1969 toàn đoàn chúng tôi được vào nhà khách trong Phủ Chủ tịch biểu diễn. Bác vui vẻ chúc mừng thành công của chúng tôi ở Pháp và Bác tự tay tặng huy hiệu cho chúng tôi. Trong đó gồm có:

1 - Ái Liên - nghệ sĩ cải lương;

2 - Kim Liên - nghệ sĩ chèo;

3 - Thanh Huyền - nghệ sĩ hát dân ca.

4 - Đinh Thìn - nghệ sĩ nhạc dân tộc.

5 - Thanh Bình - nghệ sĩ múa.

6 - Văn Phụng - công nhân.

Đến nay những huy hiệu của Bác đã tặng cho chúng tôi đều được giữ kỹ như một bảo vật thiêng liêng.

Lần thứ tư tôi được gặp Bác là ngày 17-7-1969. Tôi được Bác cho phép vào ăn cơm với Bác tại phòng riêng, có cả anh Vũ Kỳ, thư ký riêng của Bác cùng ăn. Bác hỏi tôi:

- Kim Liên đi Tây về chắc là thèm canh cua lắm nhỉ? Tôi thưa với Bác:

- Cháu thèm lắm, Bác ạ.

Bác lại bảo:

- Ừ hôm nay Bác cho cháu ăn cơm với canh cua.

Thế là Bác cháu ngồi vào mâm cùng ăn rất vui. Bác lại hỏi:

- Cháu ăn được mấy bát?

Tôi thưa:

- Cháu ăn được bảy bát ạ.

Bác quay sang phía anh Vũ Kỳ nói đùa:

- Thế là nó ăn hết phần của hai bác cháu ta đấy.

Tôi vội thưa lại ngay:

- Thưa Bác, mọi khi cháu ăn được bảy bát nhưng hôm nay được gặp Bác cháu mừng quá, cảm thấy no nên cháu chỉ ăn ba bát. Thế là Bác cười rất vui và chan canh cho tôi - Cử chỉ ấy giống như người ông chăm sóc đứa cháu yêu.

Trong mâm cơm của Bác hôm đó có canh cua, có cà, một đĩa phèo lợn, một đĩa rau xào, một đĩa thịt nạc xào và một bát dấm ớt. Tôi ngồi ăn nhưng vẫn không ngừng quan sát xem Bác ăn có ngon miệng không. Còn Bác thì không quên gắp thức ăn cho tôi. Thấy Bác ăn ít quá, tôi cố mời Bác ăn. Bác nói:

- Khi Bác ăn được thì không có cái để mà ăn. Khi có cái ăn thì ăn không được.

Tôi xúc động đến nghẹn ngào vì thương Bác!

Bác hỏi tôi:

- Chồng cháu có hay viết thư về không? Bích và Hồng có khoẻ không?

Tôi sửng sốt và xúc động đến nghẹn ngào, không ngờ một Chủ tịch nước bận trăm công nghìn việc mà vẫn còn nhớ đến chồng đến con của một người như tôi. Tôi ấp úng trả lời:

- Dạ thưa Bác, đã sáu năm rồi cháu chưa được gặp chồng cháu. Còn hai cháu Bích, Hồng vẫn khoẻ ạ.

Bác lại hỏi tôi:

- Chú Xuân Thuỷ tặng cho cháu bài thơ thế nào, cháu đọc đi cho Bác nghe.

Tôi buông đũa xuống mâm và đọc bài thơ *Đoá sen hồng:*

Kim Liên quê ở Nam Hà...

Bác ngắt ngay ở đó và bảo:

- Kim Liên vốn ở Nam Đàn chứ.

Nói xong, Bác bảo tôi đọc tiếp.

Tôi đọc một mạch trong giọng ngâm xúc động:

Kim Liên vốn ở Nam Đàn
Mênh mông đồng lúa đậm đà biển khơi
Xinh xinh em nở nụ cười
Khoan khoan em múa dẻo mười ngón tay
Tiếng em cao vút tầng mây
Bổng trầm em hát càng say lòng người
Nhớ nhung đôi lúc bồi hồi
Yêu anh chiến sĩ giữ lời thuỷ chung
Kim Liên như đoá sen hồng
Nam Hà như nước hồ trong mùa hè
Đêm trường thơm ngát Pa-ri
Tai nghe ai hát mà mê giọng chèo.

Bác chăm chú nghe tôi đọc thơ. Còn tôi thì chăm chú nhìn Bác suýt nữa quên cả lời thơ. Tôi đọc xong, Bác gật đầu khen hay. Tôi vô cùng sung sướng và nói:

- Cháu thấy Bác đẹp như ông tiên vậy.

Bác liền quay sang nói với anh Vũ Kỳ giọng rất vui:

- Nó lại nịnh Bác để Bác thưởng kẹo cho nó đấy.

Ôi! Câu nói sao mà giống hệt như những người ông nói với cháu mà tôi vẫn được nghe ở gia đình hoặc ở đâu đó trong làng quê Việt Nam.

Ăn cơm xong, Bác dặn anh Vũ Kỳ:

- Chú nhớ gửi kẹo cho hai cháu Bích - Hồng nhé.

Sau đó Bác cho phép tôi được lên thăm nhà sàn của Bác. Tôi theo chân Bác hồi hộp bước lên cầu thang. Bước vào phòng

riêng của Bác tôi đưa mắt quan sát khắp gian phòng đơn sơ mà lòng trào dâng lên một niềm thương cảm. Tôi không ngờ Bác Hồ, vị Chủ tịch nước kính yêu và vĩ đại của dân tộc, lại ở trong một gian phòng nhỏ, tiện nghi quá giản đơn, của cải chẳng có gì! Như hiểu được ý nghĩ của tôi. Bác nói giọng trầm buồn:

- Bác chẳng có gì cho cháu cả! Bác chỉ có cái thước mà lúc còn nhỏ đi bôn ba các nước. Bác có nhặt được mảnh gỗ, tự tay đẽo thành một cái thước kẻ để dùng, nay Bác cho cháu để làm kỷ niệm.

Tôi cầm cái thước mà rơm rớm nước mắt vì không ngờ Bác lại nghèo đến thế. Tôi phát hiện trên cái thước có ghi ba chữ cái: S - N - K (Suy Nghĩ Kỹ). Một lần nữa tôi lại hiểu thêm cuộc đời và nhân cách vô cùng trong sáng của Bác. Đến uyên thâm và vĩ đại như Bác mà khi viết và nói gì cũng phải "suy nghĩ kỹ". Cho đến nay tôi vẫn giữ cái thước của Bác Hồ như giữ một báu vật thiêng liêng nhất. Hôm nghe tin Bác mất tôi rụng rời, nước mắt cứ trào ra. Tôi lại cầm cái thước ra ngắm rồi đặt lên bàn thờ có ảnh của Bác, miệng thì thầm tưởng niệm:

- Bác Hồ ơi! Bác đã đi xa rồi, cháu xin nguyện sẽ làm theo lời của Bác để xứng đáng là đứa cháu đã được vinh dự mang cái tên đẹp đẽ "Kim Liên", cái tên mà Bác đã nhắc như một phần thưởng là:

- Kim Liên quê ở Nam Đàn.

Nam Đàn và Kim Liên đều là quê hương của Bác mà đến hôm nay cả nhân loại đang hướng về đó với tấm lòng sùng kính đối với một vĩ nhân - một anh hùng giải phóng dân tộc, một nhà văn hoá lớn, một người ông, một người cha vô cùng kính yêu của những người làm nghệ thuật chúng ta.

HOÀNG CHƯƠNG *ghi*

HOÁ TRANG NHÂN VẬT BÁC HỒ TRÊN SÂN KHẤU

NHỮ ĐÌNH NGUYÊN

Cho tới nay, sau gần 30 năm tiến hành công trình nghiên cứu hoa trang hình tượng nhân vật Bác Hồ trên sân khấu và màn ảnh, tôi đã tạo hình thành công trên 20 nghệ sĩ, diễn viện được trao trách nhiệm thể hiện nhân vật Bác Hồ trên sân khấu và điện ảnh trong các tác phẩm khác nhau.

Về điện ảnh:

1) Bộ phim truyện *"Vùng trời"*, người đóng vai Bác là nghệ sĩ quá cố Tuấn Tú.

2) Bộ phim tài liệu nghệ thuật thiếu nhi *"Câu chuyện tháng năm"*, người đóng vai Bác là nghệ sĩ Văn Hoà.

3) Bộ phim tài liệu nghệ thuật thứ hai *"Ông tiên trong tù"*, người đóng vai Bác là nghệ sĩ Ngọc Thuỷ.

Về sân khấu:

- Vở kịch *"Người công dân số 1"*, thể hiện vai Bác là nghệ sĩ Sỹ Hùng và nghệ sĩ Quang Văn.

- Vở kịch *"Lịch sử và nhân chứng"* do Đoàn kịch nói Hải Phòng dựng, thể hiện vai Bác là các nghệ sĩ Ngọc Thuỷ, Thăng Long, Trần Vinh.

- Vở tuồng *"Những năm tháng không thể nào quên"*, thể hiện vai Bác: Nghệ sĩ Tiến Thọ.

- Vở kịch *"Hành trình người chiến sĩ"* do Đoàn Tổng cục Chính trị dựng, thể hiện vai Bác là diễn viên Tiến Mộc.

- Vở kịch *"Đêm trắng"* do Đoàn kịch Quân khu Hai dựng, thể hiện vai Bác: diễn viên Tiến Hợi; do Nhà hát kịch dựng, thể hiện vai Bác: diễn viên Trần Thạch và Trung Anh.

Ngoài ra còn một tiểu phẩm khác *"Một kỷ niệm cao quý"*, người đóng vai Bác: diễn viên Văn Tân.

Với lòng kính yêu Bác Hồ, vị cha già của dân tộc, một vị lãnh tụ vĩ đại của cả những người dân Việt Nam và thế giới, với một tinh thần trách nhiệm đối với nghề nghiệp, tôi đã từng say mê nghiên cứu thể nghiệm. Đặc biệt là gần đây (trong tháng 5 và tháng 8, 9/1992) tôi đã có vinh dự được tham gia phục vụ tạo hình các hình tượng Bác Hồ trong Đoàn nghệ thuật sân khấu vào thành phố Hồ Chí Minh với chương trình biểu diễn đặc biệt về hình tượng Bác Hồ qua các thời kỳ lịch sử, do sáng kiến của Viện Nghệ thuật Sân khấu (chủ trì là đồng chí Viện trưởng Hoàng Chương), và đây chính là một dịp tôi được góp phần cùng các nghệ sĩ khác trong đoàn đưa đến cho những khán giả miền Nam mến yêu các hình tượng về Bác Hồ kính yêu của chúng ta qua các buổi diễn nghệ thuật.

Việc hoá trang hình tượng nhân vật Bác Hồ không phải là công việc hoá trang với những phương pháp bình thường, mà nó là một công trình tạo hình nhân vật rất công phu, phức tạp và phải dựa trên cơ sở khoa học về nhân chứng và giải phẫu học, dựa trên cơ sở lý luận thẩm mỹ, lý luận nghệ thuật về mọi mặt.

Phải nói rằng những suy nghĩ về việc xây dựng một công trình nghệ thuật tạo hình nhân vật lãnh tụ của dân tộc ta được nẩy nở trong tôi từ khi xem những bộ phim truyện về Lênin, với một niềm tự hào dân tộc, với một lòng kính yêu đối với các vị lãnh tụ của ta, nhất là đối với Bác, đồng thời với một tấm lòng tự tin và trình độ chuyên môn của mình, với cương vị là người phụ trách bộ môn nghệ thuật hoá trang điện ảnh - từ những năm của thập kỷ 70, tôi đã mạnh dạn xây dựng công trình nghiên cứu này

- mặc dầu chưa có tác giả nào viết về Bác. Chưa có kịch bản nào đề cập tới hình tượng Bác Hồ trên màn ảnh cũng như sân khấu.

Khi tìm hiểu kinh nghiệm của Liên Xô cũ, trong việc xây dựng hình tượng nhân vật Lênin, chúng ta thấy rằng:

Âydanh Stanh là người đạo diễn đầu tiên làm phim truyện về Lênin, và người mà ông chọn đóng vai là ông công nhân Nikandrốp, bởi vì anh ta trông giống Lênin. Tuy ở các cảnh quay xa, bộ phim đã gây được một xúc động lớn đối với người xem. Nhưng những cảnh quay gần, đặc tả, cần đòi hỏi khả năng diễn xuất của diễn viên thì không đạt vì Nikandrốp không phải là diễn viên chuyên nghiệp.

Việc làm của Âydanh Stanh đã mở ra cho nền điện ảnh cũng như sân khấu sau này một số kinh nghiệm khá bổ ích - một trong những kinh nghiệm đó là: vai lãnh tụ phải do các nghệ sĩ, diễn viên chuyên nghiệp từng trải, tài năng đóng.

Bộ phim truyện đầu tiên thường hay nhắc đến và được coi là cái mốc lịch sử của nền điện ảnh Xôviết cũ, về việc xây dựng hình tượng Lênin là *"Lênin hồi cách mạng tháng Mười"* do nghệ sĩ Sukin sắm vai Lênin.

Sau sự khai phá của Sukin là các nghệ sĩ Stra Úc, Ulianốp, Kirin Lavrốp, Tro Sannốpsky...

Về mặt sáng tạo ra ngoại hình của Lênin, công sức của nhà hoá trang điện ảnh đầy tài năng Andjan đã được nhà đạo diễn tên tuổi Yutskevich mô tả bằng những dòng ngắn gọn và trân trọng trong hồi ký của ông như sau:

"Lần đầu tiên trong lịch sử điện ảnh và sân khấu, trong đêm khuya lặng lẽ, tại phòng hoá trang của Lenzilm, nghệ sĩ hoá trang Andjan cùng Sukin vùi đầu trong đống ảnh tranh phiên bản, ngồi hàng giờ liền để tạo những nét đầu tiên của hình tượng Lênin".

Sau sự mở đầu này, hàng loạt các bộ phim truyện về Lênin ra đời: *Lênin năm 1918, Người cầm súng, Những mẩu chuyện về Lênin, Lênin ở Ba Lan, Theo con đường của Lênin, Lênin ở Pari, Bản nhạc Appassionata...*

Cùng với sự ra đời của những bộ phim đó, cũng đã xuất hiện nhiều nghệ sĩ hoá trang tên tuổi của ngành điện ảnh Liên Xô cũ, như Andjan, Eimolốp, Emelianops và của ngành sân khấu: Gôndốp, Macximốp... họ đã được coi là tác giả của những hình tượng sống động về Lênin trong lĩnh vực tạo hình.

*

* *

Bắt tay vào xây dựng công trình hoá trang thể nghiệm hình tượng nhân vật lãnh tụ của Việt Nam, trước tiên là hình tượng Bác Hồ, một kinh nghiệm đầu tiên và quan trọng là tìm chọn diễn viên *chuyên nghiệp*, mặc dầu ở ngoài xã hội số người chúng tôi đã gặp có nhiều đặc điểm giống Bác, hoặc có nhiều thuận lợi để tạo đặc điểm rất giống Bác. Nhưng theo suy nghĩ của chúng tôi việc nghiên cứu hình tượng các lãnh tụ là một việc làm có tính tổng hợp, không chỉ đơn thuần là vấn đề xây dựng ngoại hình, mà phải có sự phối hợp giữa trình độ khả năng diễn xuất của diễn viên.

Một mặt khác, trong những bước đầu thể nghiệm, chỉ có những diễn viên chuyên nghiệp mới có thể chịu đựng được và làm quen với những phương pháp tạo hình đặc biệt, với thời gian lâu dài từ ngày này qua ngày khác để đi đến kết quả cuối cùng.

Các đồng chí đầu tiên được chúng tôi mời thử là đồng chí Văn Hoà và đồng chí Tuấn Tú.

Có vấn đề đặt ra làm mức độ giống như thế nào? Thế nào là giống?

Các đồng nghiệp Liên Xô cũ, khi xây dựng hình tượng Lênin trên màn ảnh có người có quan điểm cho rằng: cần phải sao chép nguyên xi những chi tiết về đặc điểm ngoại hình của Lênin - sau những tìm tòi nghiên cứu và sự tranh luận của các nhà chuyên môn, cuối cùng là về mặt tạo hình, vấn đề nghiêm trọng là cần làm nổi bật được những nét điển hình, và đặc trưng nhất của lãnh tụ làm cho người xem nhận ra ngay được hiệu quả

tạo hình đó. Đây cũng là kinh nghiệm quý báu của các đồng nghiệp của chúng tôi.

Sau một thời gian dài công tác cùng hai đồng chí Văn Hoà, Tuấn Tú (hiện đã quá cố), cùng với sự tìm hiểu nghiên cứu qua tranh ảnh và xem một số phim tư liệu về Bác, cùng với đồng chí nhiếp ảnh Lưu Xuân Tú, vật lộn ngày đêm rất say sưa miệt mài, tìm tòi mọi góc độ khác nhau, cuối cùng cho đến 1 đêm tới 2 giờ sáng tôi mới chụp xong được một số tấm ảnh, mà là mấy tấm ảnh cho thấy có triển vọng tốt đẹp về mặt tạo hình.

Kết quả tạo hình này sau đó được ứng dụng ngay vào bộ phim *"Vùng trời"* do đồng chí Huy Thành làm đạo diễn, hình ảnh Bác Hồ do đồng chí Tuấn Tú đóng tuy vậy cũng chỉ thoáng qua trong một số cảnh. Và chất lượng tạo hình còn hạn chế chưa đảm bảo được tính chân thực của điện ảnh.

Tuy nhiên sự mở đầu đã giúp chúng tôi tìm ra được những đặc điểm về hình thể và khuôn mặt của Bác qua những tấm ảnh tư liệu, về mặt nhân chủng học, đồng thời chúng tôi cũng tự tìm ra một số giải pháp trong việc tạo hình, nhằm biến đổi bộ mặt ở dạng polyné diêng.

Chính những điều này đã trở thành những yếu tố cơ bản trong việc nghiên cứu hoá trang hình tượng Bác Hồ trên các khuôn mặt khác nhau sau này.

Và điều quan trọng hơn nữa cho việc mở đầu công trình nghiên cứu tạo hình tượng nhân vật Bác Hồ lại chính là tạo một tiền đề thuận lợi cho các nhà sáng tác kịch bản mạnh dạn viết về Bác Hồ.

Sau đó xuất hiện vở kịch *"Người công dân số 1"* do Nhà hát cải lương Trung ương dựng. Như chúng ta đều biết, đây là một vở kịch đầu tiên về Bác Hồ, vai Bác do nghệ sĩ Sỹ Hùng và Quang Văn thể hiện. Tình cảm của khán giả cũng như giới nghệ sĩ như thế nào, các đồng chí đã rõ, và giới báo chí đã viết đủ cả, chúng tôi xin phép không nhắc lại.

Và niềm xúc động rất lớn đối với tôi mà cho mãi tới bây giờ tôi còn nhớ lại như mới xảy đến ngày hôm qua, là được nhìn thấy tận mắt một số khán giả khi thấy hình ảnh Bác Hồ hiện ra trên sân khấu với nắm đấm trên tay, họ đã sụt sùi nức nở khóc lên thành tiếng. Như vậy có nghĩa là những sự đóng góp của tôi trong việc tạo hình vai Bác Hồ cho vở diễn đã có một thành công nhất định. Hình tượng Bác Hồ đã được sống lại trong lòng khán giả với một giá trị nghệ thuật tốt đẹp.

Và tôi cũng xin gửi lời cảm ơn nghệ sĩ Ái Liên (đã quá cố) người nữ Phó giám đốc Nhà hát chăm chút lo ăn uống cho chúng tôi (tôi và Sĩ Hùng) từng ngày trong suốt cả một quá trình nghiên cứu hoá trang phục vụ vở diễn *"Người công dân số 1"*.

Trong vở kịch, cả 2 giai đoạn lịch sử về cuộc đời hoạt động của Bác (lúc mới bước vào hoạt động cách mạng tại Pháp và lần đầu tiên Bác trở về trực tiếp lãnh đạo cách mạng tại nước nhà) đều là những giai đoạn không hề có những tấm ảnh tư liệu về Bác.

Vậy làm thế nào để xây dựng hình tượng Bác cho hợp lý và khán giả có thể chấp nhận được.

Đồng chí Dương Ngọc Đức, đạo diễn, đã trao đổi với chúng tôi, khi thấy những khó khăn lớn đó, nói vui rằng chỉ cần tạo hình giống độ 60% là được rồi.

Tôi căn cứ vào những tấm ảnh sẵn có, trong từng giai đoạn khác nhau, dựa vào cơ sở giải phẫu học, và tính toán một cách hợp lý những đặc điểm của Bác được phát triển theo quy luật khoa học với một sự sáng tạo riêng, để tạo nên một ngoại hình của Bác có sức thuyết phục đối với người xem.

Sau hơn 2 tháng nghiên cứu, thử nghiệm trên bộ mặt thực của diễn viên, hình tượng Nguyễn Ái Quốc ở Paris và hình tượng Hồ Chí Minh đã được tạo hình với một hiệu quả tốt đẹp.

Có một điều khó khăn, là tất cả những đường nét, hình khối được tạo nên trên bộ mặt của Bác với những dáng vẻ tự nhiên nhân hậu, lạc quan... đều bắt nguồn từ trạng thái thể chất bên trong, kết hợp với sự rèn luyện ý chí của Người qua quá trình

hoạt động cách mạng, cho nên khi khắc hoạ những đường nét đó trên một bộ mặt khác, đều phải cân nhắc, giới hạn đến mức độ nhất định, đồng thời đối với diễn viên thì sự rung động của cơ mặt khi nói cười, người hoá trang phải nghiên cứu để định cho họ như thế nào là vừa phải, nếu không những hiệu quả hoá trang sẽ bị phá mất hẳn trước ánh sáng của sân khấu. Ở đây tôi cũng xin gửi lời cám ơn các nhà nhiếp ảnh tên tuổi Đinh Quang Thành, Hoàng Kim Đáng đã tận tình giúp đỡ chúng tôi để có những tấm ảnh nghiên cứu cho những lần thử tranh tiếp theo.

Và điều lo lắng nhất về phần tạo hình đã được giải đáp: giải phẫu học là cơ sở khoa học chủ yếu cùng với sự sáng tạo của hoá trang đã là hai yếu tố quyết định cho việc xây dựng hình tượng lãnh tụ vĩ đại của dân tộc trong vở kịch *"Người công dân số 1"*. Và vở diễn đã có tiếng vang lớn.

Tiến hành công trình nghiên cứu tạo hình tượng Bác Hồ, ngoài việc tiếp tục sưu tầm những tư liệu những tấm ảnh đặc biệt về Bác để nghiên cứu sâu hơn, kỹ hơn, tôi cũng đã dự định thể nghiệm hoá trang các nghệ sĩ đã từng quen biết với khán giả, vì vậy sau khi xây dựng hình tượng Lênin do nghệ sĩ Mạnh Linh trong các vở *Khúc thứ ba bi tráng* (1978), *Người cầm súng* (1980), *Những con ngựa xanh thảm cỏ đỏ* (1982) chúng tôi đã có một suy nghĩ rất mạnh bạo là hoá trang đồng chí Mạnh Linh thành nhân vật Bác Hồ. Đã từ lâu, tôi rất quý trọng tài năng của đồng chí. Với ý định bằng những phương pháp tạo hình và sức sáng tạo của mình, chúng tôi muốn tạo những điều kiện thuận lợi đặc biệt để qua kết quả tạo hình của hoá trang đồng chí Mạnh Linh có thể đi sâu vào thể hiện nhiều nhân vật lãnh tụ vĩ đại của chúng ta và của cả thế giới như: Lênin, Bác Hồ, Phiđen Catstrô, Đimitrốp...

Và ở đây chúng tôi muốn chứng minh cho lời nói của nhà nghệ thuật sân khấu Stanilapsky: "Hoá trang là sự mở đường cho người diễn viên đi sâu vào thế giới nội tâm của nhân vật". Và câu nói này đã được chúng tôi cho là cẩm nang cho nghề nghiệp của mình.

Chính vì lẽ đó, nên sau khi hoàn thành vai Lênin cho đồng chí Mạnh Linh, ngay từ giữa năm 1983, giữa chúng tôi và đồng chí Mạnh Linh đã có sự cộng tác âm thầm, nghiên cứu thể nghiệm tạo hình vai Bác Hồ.

Nhưng kết quả tạo hình qua mấy tháng trời đều chưa thấy đạt kết quả qua các tấm ảnh đã chụp. Tuy nhiên, niềm tin tưởng tuyệt đối của đồng chí Mạnh Linh vào vai trò sáng tạo của hoá trang trong việc chúng tôi đã cộng tác nhiều lần với đồng chí xây dựng hình tượng Lênin, đã cổ vũ chúng tôi rất nhiều, đồng thời đồng chí cũng đã dành rất nhiều thời gian và điều kiện thuận lợi để chúng tôi tiếp tục và chủ động đặt kế hoạch nghiên cứu thể nghiệm tạo hình vai Bác Hồ cho đồng chí.

Và những kết quả tạo hình tiếp theo đó đã có nhiều triển vọng tốt đẹp.

Năm 1984, để kỷ niệm 30 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, Nhà hát kịch nói Việt Nam đã xây dựng một công trình lớn *Bài ca Điện Biên*, trong đó nhà viết kịch đã sửa lại kịch bản trước đây *"Bài ca viễn chinh"* và lồng vào một đoạn mới: Bác Hồ đi thăm đoàn dân công ở Đèo Khế theo yêu cầu của Nhà hát kịch.

Đây lại là cái mốc đánh dấu sự xuất hiện hình tượng Bác Hồ trên sân khấu. Bác Hồ do nghệ sĩ Mạnh Linh đóng bước ra sân khấu, với những bước đi nhanh nhẹn, dáng vẻ đôn hậu. Sự xuất hiện của Bác chỉ trong vòng mười phút, đã gây nên một sự xúc động đặc biệt đối với người xem, đồng thời ít ai có thể cảm thấy đó là nghệ sĩ Mạnh Linh với cái lưng hơi gù, tấm thân dài đôi chân ngắn... Vì tất cả thân hình đã được khắc phục để nâng cao giá trị thẩm mỹ của hình tượng, từ việc sửa đôi vai cho thanh, cho đến việc đặt làm đôi dép cao su cao tới 11cm... Về bộ mặt, thì tạo hình Bác trong những năm tháng còn chiến tranh cũng đã đem lại một hiệu quả đáng kể, khác hẳn bộ mặt thực của nghệ sĩ Mạnh Linh.

Như vậy trong việc tạo hình này, nhà hoá trang không chỉ chú trọng tạo hình bộ mặt nghệ sĩ cho giống Bác mà còn phải chỉnh đốn thân hình bảo đảm một tỉ lệ cân đối trên cơ sở giải phẫu học, thì hình tượng lãnh tụ mới được xây dựng một cách hoàn chỉnh.

Đồng chí Ngọc Thuỷ, một trong số nghệ sĩ mà tôi cho rằng có nhiều điều kiện thuận lợi để tạo hình vai Bác Hồ trong giai đoạn trước, thì một điều may mắn là các đồng chí lãnh đạo Đoàn kịch Hải Phòng cũng có những nhận định như vậy khi lựa chọn phân công đồng chí thể hiện vai Bác Hồ trong vở kịch *"Lịch sử và nhân chứng"* do đoàn dựng năm 1985.

Với tài năng diễn xuất của đồng chí Ngọc Thuỷ, những kết quả tạo hình được kết hợp một cách nhuần nhuyễn tạo nên một hình tượng Bác Hồ rất thông minh trí tuệ, lại rất quần chúng, rất thân thương.

Chính những thành công trong việc xây dựng hình tượng Bác Hồ này, đã làm cơ sở tốt đẹp để đạo diễn Bùi Thị Hiền của chúng tôi quyết định mời đồng chí Ngọc Thuỷ tham gia đóng vai Bác Hồ trong bộ phim nghệ thuật *"Ông tiên trong tù"*.

Để đảm bảo tính chân thực của điện ảnh, sau khi tạo hình tượng Bác, tất cả các chất liệu tạo hình cho phim như đôi tai, sống mũi, vầng trán đều được các đồng chí đồng nghiệp Liên Xô cũ đúc bằng chất liệu cao su để thuận lợi cho việc hoá trang, vì ở ta chưa xây dựng được cơ sở flastic để phục vụ cho các yêu cầu tạo hình này.

Riêng phần môi trên, sau khi nghiên cứu, chúng tôi thấy cần đắp thêm, để đảm bảo giá trị chân thực của hình tượng, sau khi tranh luận với các đồng chí chuyên gia bạn, cuối cùng vấn đề đó được giải quyết một cách tốt đẹp. Và hình tượng Bác Hồ trong bộ phim *"Ông tiên trong tù"* về mặt tạo hình đã có một giá trị nghệ thuật khá cao.

Cũng trong năm tháng này, đồng chí Văn Tân ở Đoàn kịch nói Hà Bắc, người đã ôm ấp ước vọng đóng vai Bác Hồ trên sân

khẩu, đã đề nghị chúng tôi xây dựng hình tượng Bác Hồ cho đồng chí đó đóng.

Sau một thời gian nghiên cứu, chúng tôi nghĩ đồng chí Văn Tân chỉ có thể được tạo hình vai Bác Hồ ở giai đoạn Bác tuổi đã cao (vì người đồng chí Tân to béo). Cuối cùng những ngày tạo hình thể nghiệm đã được kết thúc bằng những tấm ảnh do nhà nhiếp ảnh Đinh Đăng Định chụp (ở đây tôi cũng xin cảm ơn nghệ sĩ Đinh Đăng Định, đã không quản đường sá xa xôi, đêm hôm mưa rét, lặn lội cùng chúng tôi trong cuộc thể nghiệm này tại Hà Bắc).

Nhân vật Bác Hồ đến thăm trận địa pháo phòng không trong một hoạt cảnh do tôi cùng đồng chí Văn Tân xây dựng: *"Một kỷ niệm cao quý"*, đã có một giá trị nghệ thuật nhất định.

Qua việc thực hiện công trình nghiên cứu tạo hình nhân vật Bác Hồ trên sân khấu và màn ảnh này, kể từ ngày bắt đầu (những năm 70) tới nay đã gần 30 năm chúng tôi đã rút ra được một số kinh nghiệm phong phú và bổ ích, từ việc dựa trên cơ sở nhân chủng học và giải phẫu học để tìm hiểu những đặc điểm về khuôn mặt và hình thể của Bác, cho đến việc nghiên cứu phong cách, tư thế, tác phong sinh hoạt của Bác... một cách khoa học. Những kinh nghiệm này chính là những yếu tố cơ bản giúp chúng tôi có phương hướng để tiến hành công trình thể nghiệm tạo hình cho những nghệ sĩ, diễn viên sau này.

Phải nói rằng hầu hết các nghệ sĩ, diễn viên được vinh dự đóng vai Bác, đều do các đồng chí lãnh đạo nhà hát, các đoàn kịch lựa chọn và quyết định trên những cơ sở tiêu chuẩn nào đó... Đối với người tạo hình thì đây quả là một thách đố rất lớn, về riêng khuôn mặt đã không ai có được một số điểm thuận lợi nào. Còn về mặt hình thể thì người quá cao, người quá thấp, hoặc gầy, hoặc béo quá.

Một mặt, việc xây dựng hình tượng nghệ thuật sống động về Bác trên sân khấu cũng như màn ảnh, như các bạn đã biết, không thể chỉ tạo cho giống Bác là đã đạt, đã hoàn chỉnh. Chưa

nói đến chuyện "phải phối hợp chặt chẽ giữa ngoại hình và diễn xuất nội tâm", vì hầu hết các đồng chí được phân công đóng vai Bác, từ khi nghiên cứu kịch bản, cho tới các buổi công diễn chính thức, già dặn lắm chỉ trong vòng 3, 4 tháng, và với thời gian đó làm sao họ có đủ điều kiện để nghiên cứu về Bác, một nhân vật lịch sử, vĩ đại về tư tưởng, tinh thần, đạo đức, uyên bác về trí tuệ, phong cách ung dung, đĩnh đạc, tràn đầy niềm tự tin, lạc quan vào sự tất thắng của cách mạng. Maxim Stra Úc, nghệ sĩ của Liên Xô cũ, chỉ nhận đóng vai Lênin sau khi ông đã bỏ ra mười năm trời để nghiên cứu về Lênin...

Để nâng cao một phần hiệu quả hoá trang của mình, tôi thấy không ai khác ngoài nhà hoá trang, phải đi sâu vào nghiên cứu cả tư thế, phong cách, dáng dấp cũng như từng động tác sinh hoạt của Bác, theo những tư liệu mà mình đã nghiên cứu, qua những thước phim tư liệu, các cuốn sách viết về Bác làm cơ sở cho việc hướng dẫn, chỉ đạo và khắc phục cho người diễn viên thể hiện Bác được đúng và chính xác hơn về hình dáng cử chỉ, thái độ... của Bác.

Tôi tin là các đồng chí lãnh đạo cùng các nghệ sĩ diễn viên đã được tôi tạo hình thành vai Bác Hồ, cũng chấp nhận vai trò của tôi trong vấn đề này.

Cũng chính vì vậy khi nghiên cứu tạo hình vai Bác cho các đồng chí Tiến Thọ, Tiến Mộc, Tiến Hợi, Phùng Cứ, Trần Thạch, Trung Anh sau này, những kinh nghiệm trên đây đã giúp cho tôi khỏi những khó khăn mà tôi đã gặp.

Qua việc tiến hành *Công trình thể nghiệm tạo hình tượng Bác Hồ* trong những năm qua, chúng tôi đã có dịp nghiên cứu xây dựng hình tượng Bác qua nhiều giai đoạn lịch sử, tuổi tác khác nhau của Bác, góp phần cùng các đồng chí đạo diễn, nghệ sĩ diễn viên tạo những thành công, những tiếng vang cho các công trình, các vở diễn về Người. Đồng thời việc xây dựng *Hình tượng Bác Hồ* một mặt nào đó còn góp phần phát huy tài năng của các nghệ sĩ, diễn viên được phân công đóng vai Bác làm cho

hình tượng Bác Hồ trên sân khấu và màn ảnh ngày càng trở nên gần gũi thân thương đối với nhân dân.

Có người cho rằng việc xây dựng hình tượng nhân vật Bác Hồ chỉ là đòi hỏi và chỉ có giá trị với những người đương đại, được sống trong thời đại Bác Hồ, rồi giá trị nghệ thuật cũng như giá trị lịch sử của nó sẽ giảm dần.

Nhưng chúng tôi xin nêu lên đây ý kiến của nhà đạo diễn điện ảnh Liên Xô cũ Bônđasúc khi ông nói về việc xây dựng hình tượng Lênin như sau:

Chúng ta chớ coi thường việc xây dựng hình tượng Lênin cho lớp khán giả trẻ tuổi xem. Họ còn khó tính và nghiêm khắc hơn chúng ta nhiều (cuốn Le film Soviétique số 3/1983).

Ở đây chúng ta lại thấy rõ một điều là đối với hình tượng Bác Hồ thì sự phối hợp giữa nội dung và hình thức, giữa diễn xuất nội tâm và ngoại hình là một phạm trù rất quan trọng đôi khi sự thành công về ngoại hình đã đem lại một giá trị nghệ thuật có tính chất quyết định cho toàn bộ vở diễn, vì một điều rất dễ hiểu là toàn bộ hình ảnh và cuộc đời hoạt động của Bác từ lúc bắt đầu ra đi tìm đường cứu nước cho đến ngày Bác đã đi xa đã ăn sâu vào tâm trí của người dân Việt Nam. Từng chi tiết nhỏ nhất về hình ảnh Bác Hồ: vầng trán cao, người thanh thanh, mắt như sao, râu hơi dài... (lời của một bài ca của các cháu thiếu nhi) đã trở thành huyền thoại khó mà quên được.

Hêlen Tuốcne - một nữ sĩ Pháp đã nói trong cuốn sách Livrejiune (trang 105) về chân dung của Bác Hồ như sau: Người là sự kết hợp sự khôn ngoan của Đức Phật, lòng bác ái của Đức Chúa trời, triết lý của Các Mác, tinh thần cách mạng của Lênin và những đức độ của một vị cha già dân tộc. Tất cả những điều đó được bao bọc một dáng vẻ tự nhiên. Khi ta gặp Người, những suy nghĩ đầu tiên đến với ta là:

"Sự bình dị sáng ngời".

TÔI CẢM THẤY HẠNH PHÚC KHI ĐƯỢC ĐÓNG VAI BÁC HỒ TRÊN SÂN KHẤU *(Trích)*

SĨ HÙNG

Như nhiều người đã biết, lần đầu tiên hình tượng Bác Hồ xuất hiện trên sân khấu nước ta là trong vở kịch tư liệu *"Người công dân số 1"* của hai tác giả Hà Văn Cầu và Vũ Đình Phòng hợp soạn, anh Dương Ngọc Đức và tôi làm đạo diễn, hoạ sĩ hoá trang Nhữ Đình Nguyên tạo hình tượng Bác, phục vụ Đại hội lần thứ tư Đảng Cộng sản Việt Nam họp tháng 12 năm 1976. Đơn vị được giao trách nhiệm dàn dựng vở kịch nói trên là Nhà hát cải lương Trung ương. Tôi và anh Quang Văn được phân công thể hiện hình tượng Bác Hồ qua hai thời kỳ: năm 1911 Bác từ cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước, và năm 1941 Bác về Pắc Bó cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng trong nước. Kết thúc vở kịch là cảnh Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào chuẩn bị Tổng khởi nghĩa toàn quốc tháng 8 năm 1945.

Thể hiện hình tượng nhân vật Bác Hồ là một niềm vinh dự, niềm hạnh phúc lớn nhất trong đời hoạt động sân khấu của chúng tôi nhưng những khó khăn gặp phải tưởng như không sao khắc phục nổi.

Bác là người hoàn chỉnh và vĩ đại quá. Bác là biểu tượng những tinh hoa đẹp đẽ nhất của dân tộc, của đất nước. Hình ảnh Bác đã định hình hoà quyện vào từng người dân Việt Nam. Mọi người đều nhận thấy Bác vừa là vị lãnh tụ tối cao, sáng suốt, tế

nhị, giản dị, khiêm tốn nhất, và bất kỳ ai được gặp và làm việc với Bác thì cảm tưởng đầu tiên thấy ở Bác là người cha hiền từ, nhân ái, rộng lượng mà không biểu hiện là vị Chủ tịch nước, nên ai cũng mong được gần Bác.

Bản thân tôi thì quá nhỏ bé, hiểu biết về Bác, về cách mạng đã quá ít ỏi còn nông cạn nữa, làm thế nào có thể diễn tả được một cách chân thực, sâu sắc dù chỉ một phần nhỏ về con người đã đi vào lịch sử, đi vào huyền thoại như Bác? Các bạn Can Trường, Mạnh Linh đóng vai Lê-nin, có một thuận lợi khá cơ bản là đã được sang Liên Xô nghiên cứu, được xem và học tập các nghệ sĩ điện ảnh sân khấu thể hiện vai Lê-nin, nên đã có kinh nghiệm nhất định! Tôi được đóng vai Bác Hồ đầu tiên, chưa được xem ai đóng trước để học tập rút kinh nghiệm, thật là một thiệt thòi lớn, nên rất lúng túng. Chắc các bạn đã biết: Người sáng tác kịch bản hoặc đạo diễn hoặc là diễn viên, vấn đề vốn sống thực tế làm cốt lõi để hiểu biết về con người mình phải miêu tả vô cùng cần thiết và quan trọng đến mức nào? Đằng này, con người cụ thể để nghiên cứu thể nghiệm ứng dụng vào nhân vật quy định trong kịch bản thì đã về cõi vĩnh hằng... Chỉ còn cách duy nhất dựa vào vốn sống gián tiếp, tức là: tìm đọc tác phẩm của Bác để hiểu phần nào về Bác. Đọc những hồi ký và tìm tòi những người đã từng ở gần Bác. Vào bảo tàng và xem phim tài liệu, vào Lăng viếng Bác, nghe băng ghi những lời Bác nói, v.v..

Những vấn đề trên đây sẽ làm chỗ dựa làm bệ phóng cho mình phát huy tưởng tượng trong luyện tập, từ cách đi, đứng, nói năng và một số đặc điểm điển hình sinh hoạt của Bác. Phần diễn xuất ngoại hình sao cho giống Bác đã là khó, những khó nhất là phần diễn làm nổi bật cái thế giới nội tâm, là cái "Thần", cái "Nhân cách" thông qua những lời đối thoại sinh động, rung cảm được người nghe..., đó là mục tiêu chính của nghệ thuật diễn xuất. Cái khó khăn chủ yếu trong quá trình thể nghiệm là như vậy. Qua nhiều ngày đêm tu dưỡng tôi đã học được ở Bác cách

nói bộc lộ ở ngôn ngữ, hành động trong lúc tiếp xúc với quần chúng. Khi nói phải đầm ấm, khúc chiết và âm vang. Bước chân đi nhanh, thoải mái, ung dung, không tỏ ra gấp gáp vội vàng. Đặc biệt tiếng nói của Bác không thuần chất Nghệ Tĩnh nữa, tôi phải lựa chọn chữ nào, từ nào Bác còn giữ âm sắc Nghệ Tĩnh, và mỗi câu nói Bác ngắt câu như thế nào, v.v..

Khi hoá trang cũng phải thử 4 lần. Mỗi lần 5 tiếng. Cả vở, gồm hai hồi 11 cảnh. Tập dượt liên tục 28 ngày. Mỗi ngày ba buổi sáng chiều tối (tất cả 9 tiếng). Hoá trang biểu diễn chính thức: từ 15 giờ chiều đến 19 giờ 30 mới xong. Mỗi buổi diễn từ cảnh 1 đến cảnh cuối: 2 tiếng 45 phút (kể cả 15 phút giải lao). Như vậy tổng cộng thời gian dàn tập, và hoá trang thử: 240 tiếng để thu hoạch lấy 2 tiếng 30 phút thành tựu về nghệ thuật, quả là không đơn giản chút nào!

Vở kịch *"Người công dân số 1"* ra đời lúc ấy, đã được dư luận khá rộng rãi khẳng định là một sự kiện mới của sân khấu nước ta và thành công tốt đẹp. Đông đảo anh em đồng nghiệp phấn khởi, đồng tình. Nhiều tờ báo hàng ngày, hàng tuần luôn nhắc đến và cổ vũ thành công ấy, và cho là một việc làm bổ ích, đã khai thông cho những người sáng tác, đạo diễn, diễn viên và các đoàn sẽ mạnh dạn đi vào đề tài xây dựng hình tượng Bác Hồ và cách mạng nói chung. Riêng cá nhân tôi rất cố gắng, làm việc hết mình, khả năng có hạn nên cũng chỉ đạt được một thành quả nhỏ nhoi bước đầu, không đến nỗi phụ lòng nhân dân ta và bạn động nghiệp vốn đã nhiều năm ấp ủ niềm kính yêu Bác và nghệ thuật sân khấu.

Sau đó bảy năm, một loạt vở kịch có hình tượng Bác Hồ xuất hiện, cũng lần lượt thành công tiếp theo. Đó là các vở *"Bài ca Điện Biên", "Lịch sử và nhân chứng", "Đêm trắng"*, v.v..

Ba ngày 18-5, 30-5 và ngày 4-6-1992 do sáng kiến đặc biệt của Viện Sân khấu (có sự hợp tác rất đẹp của Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh) đã rổ chức hình tượng Bác Hồ nhân kỷ niệm 102 năm ngày sinh của Người. Thật là một cuộc hội tụ quý hiếm, một số

lớn các nghệ sĩ con cháu của Bác vô cùng vinh dự và vui sướng biểu diễn, sáng tạo, tái hiện hình tượng Bác để đóng góp một phần vào công trình của mình đền đáp công ơn trời biển của Đảng, của Bác Hồ đã tái sinh dân tộc và toàn thể giới văn nghệ sĩ cũng được tái sinh.

Sau 3 buổi biểu diễn nói trên, nhân kỷ niệm mấy ngày lễ lớn của cả nước là ngày 19-8 và ngày 2-9 năm 1992, sáng kiến đặc biệt của Viện Sân khấu lại tiếp tục được triển khai tại thành phố mang tên Bác. Với 19 buổi diễn liên tục, không nghỉ (có 3 ngày diễn 2 suất) tại mấy điểm: Nhà hát lớn Thành phố, trên Bảo Lộc (Lâm Đồng) kết quả rực rỡ thật không ngờ...

Đợt 1 diễn 3 buổi *"Hình tượng Bác Hồ"* tại Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh tháng 5 năm 1992 vừa qua. Sau khi xem đồng chí Đỗ Mười vẫn còn xúc động, đã nói: "Tôi thật sự vui mừng và đánh giá cao sự cố gắng của các đồng chí. Trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay mà chúng ta làm được như vậy là tốt lắm, là tỏ rõ lòng kính yêu, trân trọng đối với tư tưởng của Bác và niềm tin sâu sắc vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Bác đã chọn cho dân tộc ta"... Chủ tịch Võ Chí Công ôm hôn chúng tôi và các đồng chí đóng vai Bác Hồ, khoé mắt Chủ tịch còn rưng rưng, nói: "Tốt lắm, xúc động lắm. Đây là một công trình quý báu, cần được phổ biến rộng rãi cho nhân dân xem, để hiểu thêm về Bác Hồ của chúng ta...". Và Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ cùng đến xem với 24 chiến sĩ tử tù buổi diễn ngày 4-6 cũng nghẹn ngào nói: "Tôi muốn phát biểu ý kiến của một người chưa được gặp Bác Hồ. Đó là một thiệt thòi, một nỗi đau buồn trong cuộc đời tôi. Tuy vậy, tư tưởng sáng ngời của Bác luôn luôn thắp sáng trong tâm hồn tôi, soi đường cho tôi hoạt động cách mạng. Tôi luôn băn khoăn không biết các nghệ sĩ làm thế nào giống Bác? Nhưng hôm nay được nhìn thấy Bác trên sân khấu, cho dù đó là hình tượng do các nghệ sĩ tái tạo nhưng tôi vẫn cảm thấy rất thật, rất giống, dường như tôi đã được gặp Bác thật. Tôi đã xúc động đến ứa nước mắt nhiều lần khi nhìn thấy Bác qua các

thời gian khác nhau, tình huống và hoàn cảnh khác nhau. Tóm lại là tôi đã thoả mãn". Đồng chí Hà Minh Trí đại diện cho 24 chiến sĩ tử tù xúc động nói nhiều lời tương tự, đoạn cuối đồng chí kết luận: "Chúng tôi được vào lăng viếng Bác, được nhìn thấy Bác qua lồng kính, tưởng đã thoả mãn rồi, nhưng hôm nay tại Bảo tàng mang tên Bác lại được nhìn thấy Bác bằng xương, bằng thịt, bằng tiếng nói, bằng hành động, những việc làm vô cùng cao cả của Bác qua tài nghệ tái hiện của các nghệ sĩ, đó là niềm hạnh phúc lớn của chúng tôi. Qua sân khấu, chúng tôi lại được học thêm nhiều bài học sâu sắc và sống động về tư tưởng Hồ Chí Minh", v.v..

Còn đợt biểu diễn liên tục 19 tối tại thành phố Hồ Chí Minh cũng gặt hái được kết quả hết sức khả quan. Buổi biểu diễn đầu tiên ngày 25 tháng 8 năm 1992 có các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Võ Trần Chí, Trần Trọng Tân, Ca Lê Thuần và nhiều vị lãnh đạo các tỉnh phía Nam cũng có mặt. Đồng chí Võ Trần Chí thay mặt các đồng chí đến xem phát biểu: "Đây là một việc làm vô cùng có ý nghĩa, qua đó mỗi chúng ta càng kính yêu Bác, nhớ thương Bác, ra sức phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh - một hệ tư tưởng dẫn đường cho chúng ta đi, chẳng những trong giai đoạn cách mạng đã qua mà cả trong thời đại ngày nay", v.v.. Và trong lúc ngồi xem rất nhiều người đã xúc động nước mắt lăn trên gò má. Tiếp đến những buổi diễn sau, mỗi tối có các đối tượng khác nhau: công nhân xí nghiệp Ba Son; Liên hiệp Công đoàn Thành phố; Hội nông dân tập thể; Báo công an Thành phố; Lực lượng Công an và Quân đội; bà con nông dân Hóc Môn; Củ Chi; bà con người Việt gốc Hoa và các bạn Hoa kiều quận 5, các bạn đồng nghiệp Hội Sân khấu thành phố, v.v., tất cả đều nhiệt liệt hoan nghênh và đều có những cảm tưởng như ý kiến của đồng chí Võ Trần Chí.

Nhắc lại lời động viên, cổ vũ rất trân trọng của các đồng chí lãnh đạo Đảng, lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các chiến sĩ tử tù cũng như các đồng chí lãnh đạo và nhân dân thành

phố mang tên Bác là nhắc đến thái độ xã hội hiện nay với sân khấu. Chúng ta càng đổi mới nhiều mặt, đặc biệt là đổi mới về kinh tế, xã hội thì vấn đề tiếp thu và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là mục đích kề thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội làm cho dân giàu nước mạnh theo ý nguyện của Bác là mong ước lúc sinh thời cũng như bản di chúc nổi tiếng của Người.

Với 6 trích đoạn *"Người công dân số 1", "Giai điệu tháng 5", "Đêm trắng", "Không còn đường nào khác", "Lịch sử và nhân chứng", "Bác Hồ gặp anh hùng dũng sĩ miền Nam",* diễn tại Hà Nội và trong thành phố mang tên Bác, kết quả thật tuyệt vời. Chúng ta vô cùng phấn khởi và tin tưởng. Sân khấu của chúng ta về *"Hình tượng Bác Hồ"* vào thời điểm này rất hợp lòng dân. Những vở diễn sẽ là đòn bẩy cho công tác tư tưởng thấm sâu vào tâm hồn, tình cảm của quảng đại quần chúng kính yêu Bác nhiều hơn...

10-1992

TỪ KẺ "XƯỚNG CA VÔ LOÀI" ĐẾN NGƯỜI "KỸ SƯ TÂM HỒN" *(Trích)*

NGÔ THỊ LIỄU

... Hạnh phúc lớn lao nhất của đời tôi, cái áng hương trong tâm trí tôi mãi mãi không bao giờ phai lạt, là tôi đã được gặp Bác Hồ! Tên Bác đã rung động hàng triệu triệu con tim. Ngày tạm biệt miền Nam, lên đường tập kết, bà con, cô bác giao cho tôi một nhiệm vụ, đơn giản mà rất thiêng liêng: "Có gặp Bác Hồ thì thưa giùm với Bác rằng bà con trong này ngày đêm trông Bác về thăm!". Tuy gật đầu lia lịa sẵn sàng nhận lời, nhưng tôi vẫn thầm nhủ rằng không dễ gì có được vinh dự ấy.

Vậy mà tôi lại được gặp Bác! Năm 1954, Đoàn Tuồng khu Năm được vào Phủ Chủ tịch, diễn tuồng *Chị Ngộ*. Anh chị em trong đoàn ai cũng náo nức bồn chồn, nguyện đem hết sức mình diễn cho Trung ương, cho Bác xem. Đứng trên sân khấu, tôi lách nhẹ tấm màn nhung, nhìn ra qua kẽ hở: Bác Hồ! Đó, Bác ngồi đó! Bận quần áo nâu giản dị, ung dung thanh thản, hiền cách chi là hiền! Tôi tưởng như thuở nào mình đương đóng vai nường Xuân Hương mà gặp được Tiên ông ban phép thần để có sức mạnh xua tan quân giặc. Rồi chẳng hiểu sao, tôi thấy rào rào trong tim mạch và nước mắt trào ra lúc nào tôi đâu có biết.

Khi diễn lớp chị Ngộ bị giặc bắt buộc phải ôm đầu anh Tài quăng xuống cống, tôi nhìn thấy Bác chống tay lên cằm nghiêng đầu cúi xuống. Tôi lo lo. Đến khi buông màn kết thúc, Bác nắm tay chúng tôi động viên, cổ vũ, đồng chí Trường Chinh mới cho biết là xem lớp đó, Bác nói với các đồng chí ngồi bên rằng:

"Thấy giặc quăng đầu đồng chí mình như vậy, Bác đau nhói trong tim, chịu không nổi!". Lời Bác nói đã làm chúng tôi giật mình nhìn kỹ lại, khiến ai cũng ghê sợ lớp tuồng đó. Bác đã thức dậy trong chúng tôi, đã dạy chúng tôi một cảm xúc thẩm mỹ mới. Từ ấy không ai có thể diễn nổi lớp đó nữa, và cũng từ ấy lớp đó được cắt bỏ.

Qua năm 1959, chúng tôi lại được Bác gọi lên lần nữa. Lần này ông Tảo và tôi diễn lớp Trại Ba níu chồng là Địch Thanh. Theo lời đồng chí Lê Văn Hiến kể lại, thì Bác thích lớp tuồng này lắm.

Diễn xong, tôi được nắm tay Bác và được nghe lời Bác dạy. Tôi quên sao được cái nhìn trìu mến như cha nhìn con, tiếng nói đượm hơi ấm tình thương của Bác.

"Hay lắm! Nghệ thuật của cha ông để lại hay lắm. Phải giữ cho được, nhưng chớ gieo vừng ra ngô!".

Có lần Bác đến khu Văn công thăm chúng tôi bất ngờ đến mức chẳng ai kịp ra mở cửa đón Bác vào nhà. Bác phải ngồi ngay ở bậc thềm, chờ chúng tôi y như cha mẹ đến nhà chờ lũ con cháu. Chúng tôi đổ ra quây quần bên Bác, một chú lùn của đoàn xiếc cũng lỏm thỏm chạy đến thật nhanh để được kề sát bên Bác. Chẳng biết chú thích thú mê mẩn đến thế nào mà chú sờ hết tay chân đến đầu Bác, rồi còn kéo những sợi râu của Bác như đùa nghịch. Ấy thế mà Bác vẫn ấm giọng từ tốn nói đùa:

- Đừng kéo đứt râu Bác! Một sợi râu một xâu bánh!

Chúng tôi cười ồ lên một lượt, vui cái hồn nhiên, nhân hậu từ con người Bác toả ra.

Cũng có lần Bác đến mang theo cả kẹo, già trẻ xúm đông quá, ai cũng chìa tay ra chờ Bác chia kẹo cho mình. Bác nói... Già thì một, trẻ ăn hai, bé ăn ba bốn. Cứ vậy, Bác phân phát hết cả túi kẹo.

Hôm ấy, tôi được hai cái, và có cháu được đến cả năm.

Lại có năm, mồng hai Tết. Bác đến mà cả khu văn công vắng ngắt. Thơ thẩn dạo quanh chẳng gặp ai, nghe tiếng nhị réo

rắt từ trong một căn nhà lá dội ra, Bác lần bước tới. Vào nhà, Bác đã đứng sát bên cạnh anh Phát đang kéo nhị mà anh chẳng hay biết gì. Bác lên tiếng:

- Hay quá! Chà! Chà!

Anh Phát vẫn làm thinh, Bác liền tiếp:

- Nghệ sĩ say sưa quá hè!

Tưởng đâu bạn bè đến đùa nghịch, anh Phát xẵng giọng:

- Đi đi, chỉ được cái tổ phá quấy người ta!

Bác lại vỗ vai anh như muốn báo cho anh biết là Bác đến thăm. Không ngờ anh vẫn mải mê vào đàn, gạt bàn tay rồi kêu:

- Khổ quá, quấy mãi thế!

Bác liền quay người đứng trước mặt anh và cúi xuống hỏi:

- Chỉ có mình chú ở nhà thôi?

Anh liền ngửng nhìn lên, thình lình quăng cây nhị đi, rồi reo tướng như la làng:

- Bác! Trời ơi! Bác!

Nghe tiếng anh la, tôi mới lật đật chạy sang ôm chầm lấy Bác, nước mắt cứ trào ra. Thế đấy, Bác đã đến với chúng tôi và chúng tôi đến với Bác như thế đấy, không lần nào gặp Bác mà tôi nín được nước mắt.

Tôi khóc vì tình thương của Bác quá lớn; đó cũng là những giọt nước mắt tiễn đưa cái kiếp "xướng ca vô loài" thời nô lệ, để đón nhận cái vinh quang được làm người nghệ sĩ cách mạng, người "kỹ sư tâm hồn" mà Đảng đã giao cho.

Hà Nội, 31-12-1975
LÊ NGỌC CẦU *ghi*

Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp gỡ diễn viên Đoàn Cải lương Nam Bộ
sau vở diễn "Khuất Nguyên" (16/12/1961)
Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

CÂY ĐỜN CỦA BÁC *(Trích)*

VĂN HOÀNG *kể*

... Sáng hôm sau khi tôi tỉnh dậy, đầu óc còn chưa bình thường sau buổi biểu diễn đêm qua thì một tin mừng đột ngột đến với tôi. Tin vui như một luồng ánh sáng cực mạnh chiếu tới làm tôi bàng hoàng cả người: tôi được Bác gọi lên để Bác hỏi chuyện.

Cái nguyện vọng chung của anh em miền Nam chúng tôi vẫn là ra Bắc sẽ được gặp Bác Hồ, nhưng không ngờ tôi lại được gặp Bác sớm như vậy và đặc biệt, Bác lại gọi đích danh một mình tôi lên gặp, còn có hạnh phúc nào lớn hơn không?

Tôi nhớ lại những ngày đầu kháng chiến, phân đội vũ trang đầu tiên tôi xây dựng được, tôi đã lấy tên là phân đội Hồ Chí Minh.

Nghe nói có một hoạ sĩ thời gian ấy đã lấy máu mình vẽ chân dung Bác, chúng tôi cũng nguyện lấy máu mình để giữ gìn Độc lập Tự do mà Bác mang lại cho chúng tôi.

Các đồng chí cùng đơn vị cũng rất vui, rất mừng cho tôi được đi gặp Bác, các đồng chí xúm lại mặc cho tôi bộ quần áo mới, cắt tóc cho tôi, ngắm vuốt cho tôi từng tí. Hình như qua sự chăm sóc cho tôi, các đồng chí ấy cảm thấy mình cũng có phần được đi gặp Bác.

Gần tám giờ sáng, một chiếc com-măng-ca đến đón tôi đi. Chiếc xe rẽ vào Phủ Chủ tịch rất nhẹ nhàng rồi đỗ sát vào bực thềm lên xuống.

Đồng chí bảo vệ sau khi đưa tôi lên thềm, đi hết gian phòng lớn phía ngoài, chỉ cho tôi đi vào gian trong: "Đấy! Bác đấy! Đồng chí cứ vào đi!".

Tôi ngập ngừng, hồi hộp, chân bước cứ như chân của một đứa bé mới chập chững bước đi. Tôi vừa bước vào gian trong thì... Kìa! Đúng Bác kia rồi!

Bác đang sửa một chậu hoa đặt bên cửa sổ, xây lưng lại phía tôi. Tôi sung sướng quá! Tim đập rất mạnh, lòng những muốn chạy ngay đến ôm chầm lấy Bác cho thoả lòng mong nhớ Bác bấy lâu nay. Nhưng... mình làm như thế có đường đột quá, có thất lễ với Bác không? Ôi! Giá tôi được nhỏ lại như một em thiếu nhi thì dễ xử vô cùng, Bác sẵn sàng tha thứ cho những cử chỉ đường đột của em xuất phát từ lòng yêu quý Bác.

Tôi khựng lại ngắm Bác, không dám lên tiếng trước. Trông Bác ung dung thanh thản như một cụ già quen bầu bạn với cây cảnh làm vui chứ không phải là một vị chủ tịch nước hàng ngày bề bộn bao nhiêu công việc nữa...

Như cảm thấy có người đến, Bác quay lại nhìn thấy tôi, Bác cười hồn hậu:

- Kìa! Cháu đã đến đấy à?

Tôi chào Bác rồi lúng túng thưa:

- Báo cáo Bác, cháu được Bác gọi đến, cháu đã đến.

Bác biết tôi còn đang xúc động, Bác dắt tôi ngồi xuống chiếc ghế gần đó. Bác hỏi tôi về tình hình tập kết, về sức khoẻ ba má tôi. Lần đầu tôi gặp Bác mà sao tôi cảm thấy Bác gần gũi thân thiết lạ thường.

Bác vẫn mặc bộ ka-ki bạc màu như trong ảnh, tóc Bác phía dưới còn hoa râm nhưng phía trên thì đã hoàn toàn bạc trắng, da mặt Bác nâu hồng như da các cụ miệt biển.

Bác bảo:

- Hôm qua cháu phục vụ các đồng chí Liên Xô được hoan nghênh lắm nên hôm nay Bác gọi đến để hỏi chuyện.

Thấy tôi chưa được thật thoải mái, Bác nói thêm:

- Cháu về thăm Bác hôm nay như về thăm gia đình, cứ nói tự nhiên không phải bỡ ngỡ gì. Cháu về gặp Bác, cháu có mừng không?

Đến lúc Bác nắn nắn cánh tay còn lại của tôi như người cha lâu ngày mới gặp con muốn xem con ốm mập ra sao thì tự nhiên nước mắt tôi trào ra, không ghìm lại được nữa.

Bác ân cần và nhân hậu hơn cả một người cha:

- Cháu bị thương từ hồi nào? Cháu tập đờn một tay thế có gian khổ không?

Bác bảo tôi cứ kể chuyện thoải mái, Bác sẵn sàng nghe chuyện tôi cả buổi sáng nay.

Thú thực lúc được Bác cho gọi, tôi cứ tưởng mình chỉ được gặp Bác độ mươi phút là cùng và trong khoảng thời gian quý báu ấy tôi sẽ được nghe Bác dạy bảo là chủ yếu. Tôi có ngờ đâu thì giờ của một vị chủ tịch nước quý như vậy, Người lại để ra cả một buổi sáng để hỏi chuyện tôi, một diễn viên nhạc bình thường như bao nhiêu anh chị em diễn viên khác.

Trước sự quan tâm của Bác, trước cặp mắt khuyến khích của Bác, những e ngại đầu tiên của tôi chợt tiêu tan.

Ngay đối với ba tôi, một nghệ nhân nghèo ở chế độ cũ, do cuộc sống làm ăn cay cực, cũng rất hiếm có sự quan tâm thân ái như vậy đối với con cái. Cho nên ở Bác, tôi cảm thấy cả sự độ lượng của người cha cộng với tình yêu thương bao la của người mẹ.

Tôi không nhớ hết lúc đó tôi đã kể Bác nghe những gì, nhưng toàn bộ quá trình lớn lên của tôi, những điều cơ cực tôi phải chịu trong chế độ cũ chợt như có ánh sáng rọi vào, cùng sống lại một lượt như một bức tranh tương phản hoàn toàn với hiện thực trước mắt, tương phản hoàn toàn với cái vinh quang của người nghệ sĩ mà tôi được hưởng đêm qua cùng với cái vinh dự lớn lao được gặp Bác sáng hôm nay.

Ba tôi là một người đờn giỏi có tiếng ở Mỹ Tho hồi ấy, đờn giỏi mà vẫn nghèo, vẫn bị xã hội khinh rẻ vì cái nghề "xướng ca vô loài" của ông. Tài sản duy nhất ba tôi để lại cho tôi là lòng say mê âm nhạc từ thuở nhỏ.

Tôi còn nhớ khi tôi mới sáu, bảy tuổi, mỗi lần các bạn ba tôi tới hoà tập, tôi vẫn ngồi xếp bằng tròn ở giữa gõ song loan. Các cô bên hàng xóm sang nghe, vẫn khen:

- Thằng bé này khá, đập nhịp chắc đó!

Nhà nghèo tôi chỉ được học chữ Nho hơn một năm rồi học chữ Quốc ngữ, biết đọc biết viết. Mười ba tuổi tôi đã phải đi làm để đỡ gánh nặng cho gia đình.

Công việc đầu tiên của tôi để kiếm sống là làm công cho một xưởng nấu keo da trâu ở Rạch Miễu. Những miếng da thú ngâm hai ba ngày đêm thối nhức mũi, tôi phải đem ra tay bịt mũi, chân đạp vào cái đống lầy nhầy hôi thối đó cho trắng những miếng da để nấu keo. Tôi làm được một thời gian thì chân bị ăn hết da, xót không chịu được.

Những giờ nghỉ tôi vẫn ôn luyện các ngón đờn tôi học được ở ba tôi và dạy lại cho thằng Như, con ông chủ xưởng. Một hôm thằng Như nhìn đôi chân nhợt da như chân người chết của tôi, nó ái ngại ý rủ tôi đi Rạch Giá với nó, nó sẽ giới thiệu cho làm ở nhà máy xay của ông cậu nó.

Thế là tôi đi Rạch Giá, làm chân quét dọn ở nhà máy xay, không có lương, chỉ được nuôi cơm.

Điều duy nhất an ủi được tôi trong những ngày làm công xa gia đình là những gánh hát từ Sài Gòn, từ các tỉnh lân cận về diễn ở Rạch Giá.

Trong đó kênh rạch nhiều nên các gánh hát thường đi lưu động trên những chiếc ghe lớn. Không phải ghe chỉ chở đạo cụ, diễn viên mà còn phải vận chuyển đi cả hàng ngàn chiếc ghế xếp cho khán giả ngồi. Đến nơi nào, gánh hát thuê nhà lồng chợ ở nơi đó làm sân khấu, xếp ghế, quây rạp là có thể diễn ngay được. Hầu như không có buổi hát nào vắng được mặt tôi dù tôi không có một xu dính túi. Tôi sẵn sàng làm bất cứ việc gì chủ gánh sai như vác ghế, làm rạp để được vào xem tối diễn hôm đó.

Năm tôi mười lăm tuổi, ước mơ của tôi đã đạt được. Gánh Chấn Hưng vào Rạch Giá diễn, thiếu một chân đờn phụ. Sau khi thử nghề, tôi được nhận đờn cho gánh.

Với cái tuổi mười lăm của tôi, tay nghề chưa lấy gì làm xuất sắc mà được nhận vào một gánh hát như gánh Chấn Hưng, quả là một điều may mắn lớn. Nhưng sau ngày tôi đạt mơ ước không bao lâu thì tôi đã được nếm ngay cái thực tế phũ phàng của nghề nghiệp.

Lúc đó có mấy tay đờn khá ở Rạch Giá, cũng muốn vào làm cho gánh Chấn Hưng. Ông bầu của gánh đã gây chuyện, kiếm cớ đuổi tôi để nhận người giỏi hơn. Thế là tôi thất nghiệp quay về làm chỗ cũ không được nữa, tôi đành phải đi bộ về Sài Gòn với hai bàn tay trắng. Đến bữa phải đi xin ăn, đêm thì chúi vào đống rơm một nhà nào đó mà ngủ.

Và cũng từ đó tôi bước chân vào cuộc sống đầy bất trắc của những người nghệ sĩ trong chế độ cũ giữa thành phố Sài Gòn xa hoa, kiêu bạc.

Tôi cắp đờn theo anh Mười Còn, một người anh kết nghĩa của tôi, đi làm cho hầu khắp các gánh hát ở Sài Gòn, Chợ Lớn.

Công việc thì không có đều, nay làm mai nghỉ.

Tôi không được làm chuyên cho một gánh nào, chỉ đi "màn xế" nghĩa là ở đâu thiếu người đột xuất thì tôi mò tới, do đó đời sống lại càng bấp bênh.

Làm cho những gánh hát đi lưu động gặp mùa mưa thì chỉ ăn cháo. Đã thế cách đối xử của ông bầu, thầy tuồng với diễn viên còn tệ quá quan hệ của chủ với người làm công.

Một lần tôi đòi ông bầu gánh Văn Hoa số lương còn sót lại, ông đã chửi và đá tôi ngã xuống sông. Những chị em diễn viên hát chỗ nào không đúng, thầy tuồng dùng roi quất mạnh đến bật máu.

Anh em chúng tôi thời gian không có nhà, cứ diễn xong đêm về là rủ nhau ra chợ ngủ trên thớt thịt(*).

(*) Thớt thịt: Quầy bán thịt.

Dưới ánh đèn sân khấu chúng tôi đã nếm đủ mùi bất công, ở ngoài xã hội lại còn tệ hơn. Những tên lính Tây, lính lê dương say khướt chòng ghẹo đàn bà, con gái ngay giữa chỗ đông người, ăn quỵt tiền xe, lại còn đánh người kéo xe cho chúng. Có lần mấy thằng Tây xông vào rạp trèo cả lên sân khấu nhả nhớt với nữ diễn viên. Chúng tôi cùng một số khán giả ức không chịu được, đã xúm lại giần cho chúng một trận thấy ông bà, ông vải.

Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Chúng tôi như những cái lò xo bị nén lâu ngày đã bật cả dậy, say sưa lao vào cuộc chiến đấu. Khi Pháp gây hấn ở Sài Gòn, những người nghệ sĩ lớn trong chế độ cũ chúng tôi đã không ngần ngại xếp lại cây đờn để cầm lấy vũ khí.

Những người có sức khoẻ như tôi và anh Tiến thì trực tiếp cầm súng. Những người yếu sức như anh Buôn Thìn, bác Ba Bằng thì tham gia những đội tuyên truyền văn nghệ. Anh Tiến trước là một nghệ sĩ nhảy "cơ-la-két" ở Chợ Lớn, trong kháng chiến đã hy sinh ở mặt trận Đồng Tháp Mười. Tôi cũng bị thương, mất một cánh tay. Tôi không sao nhớ hết được những gương chiến đấu, những mất mát hy sinh của nhiều anh em nghệ sĩ khác trên chiến trường Nam Bộ.

Tôi bị mất cánh tay phải; đối với người khác, cánh tay đã là quý nhưng đối với một người sống chết với cây đờn như tôi thì cánh tay là cả cuộc đời...

Sau khi bị thương, tôi được chuyển về phụ trách một đoàn văn công. Các đồng chí chỉ huy cho rằng cho tôi về đấy, được sống giữa không khí văn nghệ sẽ là một nguồn an ủi cho tôi, nhưng thực ra tôi đã rất khổ tâm trong thời gian đầu.

Nghe tiếng đờn của anh em, lòng mình cũng như có tiếng đờn đáp lại, giống như những con chim sơn ca về mùa xuân, cả đàn hót, một con làm sao im tiếng được!

Nhưng tiếng đờn của lòng mình không sao vang lên thành tiếng. Không thoát ra được thì tiếng đờn ấy càng bứt rứt cồn cào trong ruột gan mình.

Anh em rất thông cảm, làm đủ cách cho tôi vui nhưng tôi không sao vui lên được.

Tôi đã thử lấy dây chun buộc chặt chiếc que có móc vào cánh tay cụt, tôi bấm nốt rồi lấy cánh tay phải điều khiển chiếc que móc vào đờn.

Tiếng đờn bật ra cộc lốc, nặng nề, sắc nhọn như xói vào lỗ tai người nghe, xói vào lòng người đờn.

Không thể được! Dù khổ công đến mấy, cánh tay cụt không thể nào linh hoạt, tinh tế được như ngón tay, cũng không thể nào trói voi bỏ rọ được! Phải tìm cách khác thôi.

Sau giờ công tác, tôi cứ ôm đờn nằm ngửa nhìn lên mái nhà, tay nhấn lên hàng phím cho đỡ nhớ.

Thế rồi một hôm, khi những ngón tay khác bấm, tôi lấy ngón út khẽ gợi lên khoảng dây đờn cạnh nốt bấm. Một âm thanh yếu ớt nhưng chính xác phát ra. Óc tôi chợt loé lên ý nghĩ: Tôi sẽ tập cho ngón út làm thay việc của cả năm ngón tay bên bàn đã mất. Và tôi bắt đầu lao vào một trận địa mới.

Sau gần hai mươi năm chơi đờn nay tôi lại phải tập lại từ đầu. Những nốt, những câu dễ nhất lại thành khó gấp bội so với lần đầu mới học. Lúc ấy tôi nghĩ: Mình hãy còn trẻ lắm, cho rằng tập mười năm nữa mới đánh được đờn thì cũng vẫn còn mang khả năng mình phục vụ được vài chục năm sau...

Trong những giờ gặp Bác, tôi xúc động vô cùng, không rõ tôi có kể được đầy đủ như thế không.

Tôi chỉ cảm thấy hình như từ trước đến nay, ngay cả với người thân nhất chưa bao giờ tôi bộc bạch được hết những tâm tư sâu kín, những nỗi cay cực của người nghệ sĩ trong chế độ cũ và bước đường trưởng thành cùng cách mạng của tôi.

Đôi mắt Bác chăm chú nghe đầy thông cảm. Đến những cảnh khổ tôi phải chịu, mắt Bác long lanh chớp chớp. Qua đôi mắt ấy, tôi biết Bác đã hiểu hết tình cảnh và tâm tư nguyện vọng

của nhân dân miền Nam trong những ngày gay go gian khổ dù rằng Bác chưa vào thăm được.

Bác nghe chuyện tôi cả buổi sáng hôm ấy, Bác giữ tôi lại ăn cơm với Bác.

- Bây giờ cháu tập đàn còn khó khăn gì không?

Tôi báo cáo với Bác là do tôi gẩy đờn ở trên cần đờn nên tiếng không vang được, tôi đang hy vọng đoàn sẽ sắm cho cái máy tăng âm. Bác gật đầu và bảo tôi chiều lại đến đờn cho Bác nghe, Bác muốn nghe riêng những bài tôi sẽ đờn tối nay. Tối nay là tối Bác thết tiệc Đoàn nghệ thuật quân đội Liên Xô.

Buổi chiều, theo lệnh Bác, tôi và anh Phan Nhung đờn cò, cùng em Thiện, một em bé miền Nam có giọng hát hay, đến chỗ Bác.

Chúng tôi đến thì đã thấy Bác để sẵn cho chúng tôi cây đàn ghi-ta có cắm điện và bộ phận tăng âm.

Chúng tôi hát và đờn để Bác nghe.

Sau đó, Bác bảo tôi đờn riêng với cây đờn mới có cắm điện.

Tiếng đờn rung lên vang khắp căn phòng. Tôi sung sướng được đờn riêng để Bác nghe. Chính Bác đã dạy bảo tôi, khuyên nhủ tôi những lúc tôi bi quan mệt mỏi, bây giờ Bác còn tạo cả phương tiện cho tôi để tôi có thể phục vụ được tốt hơn, có thể nói Bác đã chắp lại cho tôi cánh tay đã mất.

Tôi muốn nói lên lòng biết ơn vô hạn của tôi qua tiếng đờn, nói lên lòng biết ơn của những người nghệ sĩ trong chế độ cũ nhờ Bác, nhờ cách mạng đã được trả lại vị trí xứng đáng trong lòng mến yêu quý trọng của nhân dân, nói lên lòng biết ơn và trông ngóng Bác của mười bốn triệu đồng bào miền Nam quê hương tôi đang không ngừng đấu tranh dưới nanh vuốt giặc.

Tôi đờn xong, Bác lại hỏi tôi tỉ mỉ lúc đầu tập thế nào, từ cách tập rung, tập nhấn, luyến láy ra sao. Tôi thuật lại sơ qua quá trình luyện tập của tôi.

Tôi báo cáo với Bác tôi đã nghiên cứu ra sao cách vừa bật vừa gẩy cả bốn ngón tay phối hợp với nhau thay cho cách gẩy bằng ngón út lúc đầu. Kết quả cụ thể là tôi đã chạy được những câu nhanh, thậm chí có những câu đánh theo cách thông thường của tôi khi còn đủ hai tay thì lại không nhanh được bằng. Tiếng đờn tôi lúc đầu còn yếu ớt như tiếng gà con mới nở đến nay đã gọn, chắc, tròn đầy...

Nghe xong, Bác hỏi tôi:

- Vì sao mà cháu kiên trì tập luyện được như thế?

Tôi trả lời có lẽ là do lòng yêu nghề tha thiết, nhất là đối với nhân dân miền Nam, đờn hát cải lương là một món ăn tinh thần không thể nào thiếu được.

Tôi cũng báo cáo thật với Bác là trong những giờ luyện tập tôi luôn luôn nghĩ đến lời dạy của Bác:

"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền"

Bên cạnh đó lại được các bạn bè khuyến khích, ra biểu diễn được nhân dân yêu mến động viên.

Sau buổi phục vụ, Bác khen tôi có chí rồi Bác thưởng cho cây đờn và chiếc máy tăng âm mà tôi ao ước từ lâu. Tôi sung sướng cắp cây đờn Bác cho, anh Phan Nhung xách bộ máy tăng âm. Tuy không nói ra, nhưng tôi đã thầm hứa với Bác: suốt đời, tôi sẽ cố gắng để xứng đáng được sử dụng gìn giữ những vật quý Bác cho này.

Khi chúng tôi ra về để chuẩn bị cho buổi tiếp xúc tối nay, Bác dặn chúng tôi:

- Các cháu được các đồng chí Liên Xô rất yêu mến vì các cháu thay mặt cho quân đội ta, cho nhân dân ta. Người ta càng yêu các cháu bao nhiêu người ta lại càng yêu quân đội ta, nhân dân ta bấy nhiêu, cho nên các cháu phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ.

Dọc đường về, từng lời, từng ý Bác dặn cứ vang lên bên tai tôi, và đến lúc đó tôi mới thấm thía ý nghĩa của từng câu Bác dặn: "Các cháu được các đồng chí Liên Xô rất yêu mến vì các cháu thay mặt cho quân đội ta, cho nhân dân ta".

Tôi chợt giải đáp được cái ngỡ ngàng khó hiểu tối qua của tôi khi được các đồng chí Liên Xô hoan nghênh quá mức.

Các đồng chí Liên Xô đã nhìn thấy - qua trường hợp tôi - một dân tộc yêu nghệ thuật, yêu cái đẹp, nhưng khi cần thiết phải cầm vũ khí để bảo vệ nhân phẩm, bảo vệ lý tưởng của mình thì dân tộc ấy sẵn sàng hy sinh tất cả. Tiếng súng vừa tạm ngừng, dân tộc anh hùng ấy lại khắc phục những tổn thất của chiến tranh trở lại cuộc sống bình thường, lao động sản xuất, lao động nghệ thuật, lao động hoà bình để xây dựng một đất nước xã hội chủ nghĩa vui tươi giàu mạnh. Cái vinh quang của người nghệ sĩ chúng tôi nếu có được, một phần rất lớn là nhờ ở nhân dân ta rất anh hùng, quân đội ta rất anh hùng mà người nghệ sĩ là một tấm gương phản chiếu.

"Người ta càng yêu các cháu bao nhiêu người ta lại càng yêu quân đội ta, nhân dân ta bấy nhiêu, cho nên các cháu phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ".

Nếu như chúng tôi cố gắng để có được một chút thành công nào đó thì chính những thành công ấy đã góp phần - từng chút một - vào thành quả cách mạng chung của cả đất nước, của cả dân tộc.

Lời Bác giản dị mà sâu sắc biết bao!

Khỏi phải nói tối hôm đó khi được đánh cây đờn Bác cho, sau một ngày gần Bác được Bác quan tâm săn sóc dạy bảo, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ tốt như thế nào.

Tiếng đờn của tôi như được chắp thêm cánh, tôi đờn rất say sưa hào hứng với lòng tự hào về quân đội mình, nhân dân mình. Những bỡ ngỡ rụt rè lo lắng đến sự thành công, thất bại cá nhân đêm hôm qua không còn nữa.

Hình như tiếng đờn của tôi đã phần nào kể được cho các đồng chí bạn nghe về những gian khổ đau thương nhân dân ta đã vượt qua được với nghị lực phi thường, kể cho bạn nghe những trận công đồn, bóng những người xung kích vun vút lao qua ánh lửa, người trước ngã xuống, người sau xốc tới...

Tiếng đờn nói lên quyết tâm sắt thép của chúng tôi với sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa...

Có đồng chí đi dự cả hai buổi về bảo tôi:

"Chỉ thêm có bộ phận tăng âm mà tiếng đờn của cậu xuất sắc hơn hẳn đêm qua. Chính các đồng chí Liên Xô cũng ngạc nhiên về sự tiến bộ của cậu".

Tôi hiểu không phải tiếng đờn của tôi chỉ được tăng cường âm lượng mà chủ yếu nhờ Bác nó đã được tăng cường nội tâm, tăng cường ý thức và tình cảm của người biểu diễn.

Suốt mười bốn năm qua, cây đờn và bộ máy tăng âm Bác cho, cánh tay phải Bác chắp lại cho tôi, lúc nào cũng ở bên tôi qua hàng ngàn đêm biểu diễn.

Tôi nguyện sẽ đem cả cuộc đời làm nghệ thuật của tôi để thực hiện những ước mơ cao đẹp của Người đã dẫn dắt tôi đi từ một phần tư thế kỷ nay.

10-1969
VÂN LONG *ghi*

NGHỆ SĨ TIẾN HỢI - TÔI HOÁ THÂN VÀO NHÂN VẬT BÁC HỒ

MINH HẰNG

Quên sao được hình ảnh người cha già đã lãnh đạo hàng triệu triệu người thoát khỏi vòng xiềng xích, nô lệ. Vậy nên... *Cả một đời Bác chăm lo cho hạnh phúc nhân dân, cả một đời Bác hy sinh cho dân tộc Việt Nam...* Công ơn trời biển của Bác được đời đời khắc cốt ghi xương, ai ai cũng hằng tôn kính. Do đó từng câu nói, mỗi bước đi... đến cốt cách sống trên đời của Bác đều được người người lưu giữ trong trái tim và xây dựng hình tượng cao đẹp ấy qua từng thước phim, vở kịch, lời hát, vần thơ:

... Bác ơi tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông, mọi kiếp người...

Không khí ngày 30-4 chưa lắng xuống, thì cả nước lại hân hoan chào mừng sinh nhật lần thứ 115 của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Mỗi hình thức kỷ niệm đều mang ý nghĩa đặc biệt: tổ chức thi thơ, thi viết truyện ngắn... các chương trình biểu diễn ca nhạc để tưởng nhớ về Bác... Và lâu nay có một người vẫn tái hiện lại hình ảnh Bác giống từng cử chỉ, lời nói đến nao lòng trước mắt công chúng, đó là nghệ sĩ Tiến Hợi, người diễn viên của Đoàn Nghệ thuật Trường Sơn Quân khu Hai năm xưa khiến chúng ta không thể không nghĩ đến.

Tôi thấy anh có khuôn mặt, đôi mắt, miệng cười hao hao giống như Bác hồi còn trẻ. Và dường như ai cũng nói vậy. Anh trầm tĩnh, từ tốn khi cùng tôi nói chuyện. Quả là các nhà đạo

diễn đã thành công trong việc tìm ra nhân vật đắt giá như vậy để vào vai Bác Hồ.

Năm 1987 khi Đoàn Nghệ thuật Trường Sơn Quân khu Hai "tìm" được kịch bản *Đêm trắng* của tác giả Lưu Quang Hà, cũng là lúc phải tìm người đóng vai Bác Hồ. Hình tượng Bác là nhân vật chính, xuyên suốt từ đầu đến cuối vở. Với nội dung chống tham nhũng trong lực lượng vũ trang, tác giả muốn đi sâu vào tính cách mạnh mẽ của Bác trong thời kỳ hoạt động trên chiến khu Việt Bắc năm 1948-1949. Diễn viên thì đông, để ai vào vai bây giờ mới thật là khó. Ban đầu, lãnh đạo đoàn có ý định mời diễn viên ở ngoài vào tham gia nhưng ngần ngại vì sợ tốn kém, với lại chẳng biết thế nào nên quyết định chọn người trong đoàn là hơn cả. Chọn mãi, cuối cùng được hai gương mặt, nghệ sĩ Phùng Tiến Cứ là đội trưởng của đoàn và nghệ sĩ Tiến Hợi. Hai anh liền đến nhà nghệ sĩ Nhữ Đình Nguyên để thử hoá trang xem ai có thể lọt vào vòng trong. Khi việc hoá trang hoàn tất thì mỗi đường nét trên khuôn mặt nghệ sĩ Tiến Hợi đã đem lại may mắn cho anh. Rốt cuộc, anh là người được nhận vai diễn vinh dự ấy. Một vai diễn, tôi đoán rằng có không ít người ao ước.

Trải qua hai tháng khổ luyện, nghiên cứu, tìm hiểu quá trình hoạt động của Bác, lo lắng của anh mới vơi đi khi vở kịch được ra mắt công chúng. Đây là một vai diễn đầy trách nhiệm và khó khăn, không giống như bất kỳ vai diễn nào. Anh kể:

- Trước tiên, tôi đến Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh xem và đọc rất nhiều tài liệu của Bác, về Bác một cách kỹ lưỡng để hiểu cặn kẽ phong cách sống cũng như lề lối làm việc của Bác qua từng giai đoạn. Tôi đến gặp bác Vũ Kỳ, thư ký của Bác lúc đó để tìm hiểu tỉ mỉ hơn về sở thích và những sinh hoạt hàng ngày... cho đến tính tình của Bác, nhất là lúc tiếp xúc với mọi người. Đặc biệt, tôi được xem những bộ phim tư liệu về Bác trên chiến khu thời kỳ ấy. Ngoài ra, còn phải đến Đài Tiếng nói Việt Nam xin sao lục lại băng những bài nói chuyện với thanh niên, nói chuyện với các cụ già, những bài diễn văn Bác đọc trong các hội

nghị, bản *Tuyên ngôn độc lập* Bác đọc ngày Quốc khánh 2-9-1945 về nghe. Từng cử chỉ, điệu bộ hút thuốc, mỗi bước đi, mỗi lần giơ cánh tay, từng ánh mắt, lời nói, nụ cười của Bác, tôi đã rèn luyện, nghe và bắt chước giọng Bác không biết bao nhiêu lần. Ngày này sang ngày khác, tôi nghiên cứu dáng Bác ngồi, lúc Bác đọc sách, lúc tư duy khắc sâu cảm xúc của Bác vào cảm xúc của mình để tất cả tâm tư, tình cảm và mọi biểu hiện của Bác ngấm vào tâm trí tôi. Có nghĩa là "lấy" được cái hồn của nhân vật vào mình cho thực sự có chiều sâu nội tâm để mà diễn...

Trồng cây cũng đến ngày ăn quả. Vở *Đêm trắng* đã ra mắt khán giả Thủ đô sau bao ngày trăn trở, nỗ lực của anh em diễn viên trong đoàn. Anh còn cho tôi biết, *Đêm trắng* có đến hơn ba trăm đêm diễn, quần chúng đón nhận nồng nhiệt, đồng nghiệp cũng như lãnh đạo Trung ương đánh giá rất cao và được coi là điểm sáng trong làng sân khấu thời điểm lúc bấy giờ. Đây là lần đầu tiên nghệ sĩ Tiến Hợi đảm nhiệm vai Bác Hồ, anh đã khơi dậy cảm xúc của người xem dành cho nhân vật mỗi khi hình tượng Bác xuất hiện trên sân khấu bằng những giọt nước mắt, và những tràng pháo tay giòn giã.

Lần nhận vai ấy là sự khởi đầu cho một loạt thành công trong vai Bác Hồ sau này của nghệ sĩ Tiến Hợi. Năm 1988, sau khi bộ phận kịch của Đoàn Nghệ thuật Trường Sơn Quân khu Hai giải tán, anh được mời về Đoàn Kịch nói Hà Nội. Cùng lúc, anh vào vai Nguyễn Tất Thành, hồi đó Bác mới hai mươi tuổi, trong phim truyện nhựa màu *Hẹn gặp lại Sài Gòn* của đạo diễn Long Vân. Hai thế hệ, hai cuộc đời khác nhau và phải sống trong nhân vật ít hơn mình mười tuổi, đâu phải dễ. Một thử thách mới lại đến với nghệ sĩ Tiến Hợi. Anh nói:

- Huế là cảnh quay đầu tiên cho bộ phim nên tôi có điều kiện gặp các cụ già từng sống ở triều đại Nguyễn để tìm hiểu về cách sống, tình cảm, quan hệ, tình yêu, cách nhìn mộc mạc, giản dị của thanh niên thời ấy ra sao. Tôi phân biệt rạch ròi được sự khác biệt đó rồi cô đọng lại đưa vào tính cách nhân vật.

Không gò bó hay có lúc căng cứng như trên sân khấu, Nguyễn Tất Thành trong phim có đôi mắt trong sáng, trung thực, thẳng thắn đầy biểu cảm rất gần gũi đời thường đã tạo nên sức hút đối với khán giả. Năm 1990 phim được công chiếu khắp cả nước, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác. Giới điện ảnh và dư luận quần chúng đều đánh giá phim có nội dung sâu sắc, dàn diễn viên diễn xuất đồng đều cùng nhiều bối cảnh quay đẹp. Và lần thứ hai này, nghệ sĩ Tiến Hợi trong vai Bác Hồ đã có lối diễn dung dị, đằm thắm, bộc lộ khả năng xuất thần ánh lên từ trong cách thể hiện khó ai thay thế.

Tiếp đó là các vở *Vị thánh trong mơ* của Nhà hát kịch Hà Nội, *Xin lĩnh án tử hình* của Nhà hát ca múa Thăng Long được Huy chương Vàng Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc 1992. Cùng một loạt kịch truyền hình nói về từng thời kỳ hoạt động của Bác Hồ: *Một kỷ niệm khó quên, Người công dân số 1, Một sáng tháng năm, Lịch sử và nhân chứng*... Phim truyền hình *Một chặng đường lịch sử*... Cho đến năm 1997, nghệ sĩ Tiến Hợi lại tham gia làm phim *Hà Nội mùa đông năm 1946* của đạo diễn, nghệ sĩ nhân dân Đặng Nhật Minh. Nhân vật Bác Hồ trong phim lúc ấy năm mươi sáu tuổi, tóc điểm bạc và có râu. Vào thời điểm đó Bác viết lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Anh tâm sự:

- Để hoá thân vào nhân vật Bác lần này, tôi đã chấp nhận cạo trán để làm hói giả. Và nhờ tài ba của người hoá trang nên từ gò má, những nếp nhăn đầy trăn trở, cơ mặt đều tạo cho người xem cảm nhận thấy hình ảnh Bác khi nhiều tuổi, tất nhiên những động tác và cử chỉ của Bác lúc này phụ thuộc vào nghệ thuật diễn viên mà tôi đã phải nghiên cứu và tập luyện rất công phu. Hơn nữa, tôi còn phải thể hiện được tính quyết đoán, lịch lãm của Bác, có lúc rất đời thường không kém phần dí dỏm dẫu trong hoàn cảnh gian nguy.

Nghe một tí nhé - Anh mỉm cười rồi nói theo giọng Bác - Chú còn thuốc cho Bác một điếu... Chú chỉ vẽ phụ nữ là giỏi thôi, vẽ Bác là khó đấy. Bác hẹn chú vào dịp khác, chú hãy ra

ngoài vẽ chiến sĩ bảo vệ thủ đô, công nhân, nông dân. Họ đang làm việc và chiến đấu ở ngoài...

Sao mà giống đến thế. Mọi lần nếu có nghe thì cũng chỉ trên đài hay phim ảnh, chứ có bao giờ tôi được nghe ngay bên tai thế này. Cái âm giọng phát ra trầm, ấm, có lúc lên, lúc xuống thực sự hấp dẫn, thực sự cuốn hút.

Bỗng anh đổi giọng và nói:

- Năm 2000 đoàn làm phim của Pháp thực hiện bộ phim *Tuyết Đông Dương,* nhưng lại quay ở Philipin. Tôi được họ mời đóng vai Bác Hồ. Nhận vai này tôi phải khai thác nhiều ở tính kiên quyết, dứt khoát không nhượng bộ của Bác. Cho dù quân đội Pháp nghênh đón bằng súng đạn nhưng vẫn thản nhiên, vui vẻ và làm sao tạo ra phong cách đàng hoàng giống được như Bác. Mừng quá, tôi đã sống cùng nhân vật để hoàn thành tốt một vai diễn trong bối cảnh không quen thuộc như ở quê mình, không cùng với đồng nghiệp của mình.

Bởi trông anh có vẻ nghiêm nghị, tôi chợt hỏi:

- Tư tưởng và cách sống của Bác hình như đã thấm vào trong anh?

- Không hẳn thế. Trong vai diễn tôi được sống như Bác, từ đó tôi rút ra nhiều bài học quý báu để tạo cho mình một nhân cách sống, sao cho phù hợp với đời sống xã hội hiện nay. Tôi ít cười không có nghĩa là tôi cứng nhắc, nhưng nét mặt nghiêm túc và có điểm hao hao giống Bác đã giúp tôi có được hạnh phúc này.

- Có thể coi đây là một công trình nghiên cứu nghệ thuật của anh, thì giọng nói của Bác có phải là vấn đề khó khăn nhất đối với anh?

- Đúng vậy, đây là yếu tố quan trọng nhất không thể không nói đến. Tôi phải nói sao cho đạt được như chính giọng nói của Bác, như thế mới thực sự có được cái hồn của nhân vật. Ở tôi

không thể thiếu đi yếu tố vô cùng quan trọng này, cho dù làm được điều đó không hề đơn giản chút nào.

- Hầu hết vai Bác Hồ các đạo diễn đều dành cho anh. Còn các vai khác thì sao, liệu có phải đây là điểm hạn chế của anh trong nghề nghiệp?

- Được cái này, sẽ mất cái khác chứ còn biết làm sao. Tôi rất tự hào khi được chọn vào vai cao quý như thế, cũng chính điều đó dẫn đến sự hạn chế trong nghiệp diễn của tôi. Quả là các đạo diễn rất ái ngại khi mời tôi làm các vai khác, nếu là những vai chính diện, đẹp tôi mới nhận. Có điều, tôi phải biết thoát ra để tạo phong cách diễn khác cho mình.

- Có lẽ lâu rồi anh không nhận được vai về Bác thì phải, và anh có mong mỏi điều đó?

- Có chứ. Nói không quá, đây là vai đã in vào trong tôi như hình với bóng. Nhiều năm gắn với nhân vật Bác, từ bao giờ tôi đã dành cho Bác một tình cảm thiêng liêng hơn, cao quý hơn bởi trong tâm tưởng tôi luôn nghĩ về Bác. Không có gì thay đổi trong năm nay tôi sẽ nhận được vai như tôi mong muốn.

Thời gian qua một số đạo diễn muốn tìm ra một khuôn mặt mới để vào vai Bác Hồ, và đã có cuộc thử nghiệm trong phim *Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông* do nghệ sĩ Trần Lực đóng. Các nhà chuyên môn trong lĩnh vực này cho rằng, tuy cái thần của nghệ sĩ Tiến Hợi chưa đạt tới đỉnh về sự linh lợi, thông tuệ của nhân vật nhưng ngấm vai hơn bất kỳ diễn viên nào, và cho đến nay vẫn không có ai đảm nhiệm vai Bác Hồ đạt được như anh.

"LỜI BÁC DẶN TRƯỚC LÚC ĐI XA"

(Phỏng vấn nhạc sĩ TRẦN HOÀN)

Phóng viên: Thưa nhạc sĩ Trần Hoàn, nhân dịp kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Bác Hồ, Văn nghệ Trẻ rất muốn được nghe anh ôn lại những kỷ niệm về việc sáng tác bài hát "Lời Bác dặn trước lúc đi xa".

Trần Hoàn: Tôi sẵn sàng - vì mỗi lần nhớ lại việc sáng tác bài hát này tôi vẫn thấy xúc động.

Phóng viên: Thưa anh, tôi được biết đã có không dưới 500 bài hát viết về Bác và chắc anh cũng đã nghe nhiều. Có những bài hát rất hoành tráng, bề thế, vậy mà anh lại chọn ở góc độ "Lời Bác dặn trước lúc đi xa". Chắc hẳn sẽ có rất nhiều điều thú vị phải không ạ?

Trần Hoàn: Đúng là rất thú vị - Rồi tôi sẽ nói rõ điều này với các bạn... còn bây giờ...

Tôi không bao giờ quên được ngày Bác đi xa - lúc Bác mất tôi đang ở trong chiến trường miền Nam. Sững sờ và bàng hoàng khi nghe tin Bác mất. Cả miền Nam sững sờ... Lúc ấy nghe anh Lê Duẩn đọc điếu văn thật xiết bao cảm động. Khóc rất nhiều. Chúng tôi ở trong ấy đều tổ chức trọng thể lễ truy điệu Bác.

Chúng ta không loại trừ khả năng huyền thoại hoá, thần thánh hoá về Bác, nhưng có một sự thật hiển hiên đó là: Bác chính là niềm tin trong lòng mọi người. Từ những ngày kháng chiến chống Pháp, khi còn ở chiến khu, tôi đã thấm nhuần tư tưởng đó. Trải qua những ngày kháng chiến gian khổ, cả những ngày cuộc kháng chiến không cân sức, nhưng bao giờ Bác cũng

là người củng cố lòng tin. Bác bảo đi là đi, Bác bảo thắng là thắng, trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi. Mỗi người chúng ta khi nói chuyện về Bác bao giờ cũng thấy có một niềm tin. Tôi đọc bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"* của nhà thơ Minh Huệ, rất thương Bác và cũng rất tự hào về Bác. Nhà thơ Xuân Diệu đã có lần nói: "Đi đâu người ta cũng vẽ về Bác, và rất dễ nhận ra Bác, vầng trán cao, ánh mắt sáng ngời, chòm râu... vì sao vậy, vì Bác Hồ tượng trưng cho sông núi, hình ảnh của Bác Hồ đã ăn sâu vào hình ảnh của non sông đất nước". Đúng là như thế, Bác là hình ảnh của non sông đất nước.

Khi Bác mất, là một người nghệ sĩ tôi cũng có nguyện vọng sáng tác một bài hát về Bác. Đó là một nhu cầu tình cảm thôi thúc rất lớn. Trong những ngày Bác mất, có rất nhiều bài hát hay. Tôi rất thích bài *"Người là niềm tin tất thắng"* và *"Trông cây lại nhớ đến Người"*.

Tôi không có nhiều dịp được gặp Bác. Bác lớn quá, vĩ đại quá. Không thể viết hết được sự lớn lao vĩ đại của Bác đâu. Ca khúc không thể hiện nổi về Bác. Có lẽ trên thế giới không có người lãnh tụ nào lại nhiều bài hát ca ngợi như thế. Có nhiều khía cạnh rất khác nhau về Bác mà các nhạc sĩ đã khai thác, đã thể hiện... Bác là một nhà văn hoá, một người cha, một người đồng chí... Từ hình ảnh đôi dép cao su của Bác... đến việc Bác muốn tìm những cây xanh trồng trong vườn Bác không bao giờ rụng lá để cho những người lao động đỡ phải vất vả vì phải quét lá rụng... có biết bao nhiêu điều phải viết về Bác, tôi đã lắng nghe, đã ngẫm ngợi, từ những cái nhỏ nhất đến những cái lớn lao nhất. Rồi tôi cũng đã viết nhưng tôi không thành công...

Mãi đến năm 1989, sắp đến dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác càng thôi thúc tôi viết về Bác.

Cuối năm 1989 tôi phải vào Bệnh viện Việt - Xô để chữa bệnh. Nằm cạnh tôi là anh Vũ Kỳ. Anh Vũ Kỳ cũng biết tôi và chúng tôi đã nói chuyện với nhau rất nhiều về Bác. Tôi nói với anh Vũ Kỳ: Anh có thể gợi ý một cái gì đó để tôi viết về Bác

được không? Tôi bí quá. Anh Vũ Kỳ nói: Bác rất thích hò Huế. Tôi nói: "Bác thích ví dặm chứ, vì Bác là người Nghệ cơ mà". Anh Vũ Kỳ: "Không, ví dặm Bác cũng thích, nhưng Bác rất thích hò Huế...". Và anh kể: "Năm 1964, lúc ấy Bác ốm nặng, cuộc chiến tranh đang ác liệt. Trung ương phải chuyển Bác đến một nơi xa Hà Nội để giữ an toàn cho Bác và để chăm sóc Bác. Lúc ấy Bác đã ốm rất nặng... Bỗng có một hôm Bác trầm tư nhớ tới một cái gì đấy trong kỷ niệm... Bác gọi anh Vũ Kỳ và bảo: Ở đây có ai biết hát hò Huế không, chú cho tôi nghe được không? Anh Vũ Kỳ vâng dạ cho qua chuyện, nghĩ rằng Bác sẽ quên đi, vì thực ra lúc đó không thể mời ai đến hát cho Bác nghe được, đài phát thanh và các cơ quan đều đi sơ tán xa, mà địa điểm nơi Bác ở lại phải bí mật. Nhưng rồi cuối cùng anh Vũ Kỳ vẫn phải đến báo cáo với Bác là không có ai biết hò Huế. Bác lại bảo: Vậy có ai biết hát ví dặm không? Anh Vũ Kỳ cũng vâng dạ cho Bác vui lòng... nhưng rồi lại phải trở lại báo cáo: Không có ai ạ. Bác lại bảo: Vậy có ai biết hát dân ca không - Anh Vũ Kỳ bí quá phải đến gặp các cháu bộ đội phục vụ của Quân y viện 108 và có một cháu gái biết hát quan họ. Anh Vũ Kỳ không nhớ nổi lúc ấy cháu gái hát những bài gì. Có lẽ trong đó có bài "Người ơi người ở đừng về". Cháu gái đã hát rất cảm động. Nghe hát xong Bác nói: "Cháu hát rất hay nhưng cháu mới chỉ biết hát quan họ. Cháu phải biết hát cả những làn điệu dân ca khác nữa...".

Tôi ra viện trước, anh Kỳ còn nằm lại. Tôi cứ băn khoăn: tại sao Bác là người Nghệ mà lại thích nghe câu hò Huế?... Tôi lại trở vào với anh Vũ Kỳ một đêm và để hỏi lại câu chuyện này. Tại sao Bác lại thích nghe câu hò Huế, Bác phải thích ví dặm chứ, vì đó là những câu hát của mẹ Bác ở làng Chù xứ Nghệ cơ mà... Anh Vũ Kỳ lại khẳng định: Đúng đấy, Bác rất thích nghe câu hò Huế, mà điều đó cũng dễ giải thích thôi. Huế chính là nơi người mẹ thân yêu của Bác đã mất. Lúc ấy, ông cụ thân sinh ra Bác lại đang có mặt ở Thanh Hoá vì một chuyến đi công cán. Mà Bác thì mới có 8 tuổi. Năm 1957 Bác về quê, về thăm Quảng Bình. Theo chu trình Bác vào đến Vĩnh Linh. Đứng bên này

Bác Hồ với Đoàn văn công TW sau khi đoàn dự liên hoan
Thiếu niên Sinh viên thế giới ở Vácsava - Ba Lan (8/1955)
Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

Vĩnh Linh, nhìn sang bờ bên kia với tất cả những nỗi thắc thỏm sâu sắc trong lòng. Bác rất buồn. Bác tâm sự: Những nơi ấy - Bác chỉ về phía bờ bên kia vĩ tuyến - trước khi đi tìm đường cứu nước mình đều đã có đi đến tới thăm cả, bây giờ về làm Chủ tịch nước nỗi day dứt nhất là chưa được trở lại miền Nam thăm lại những nơi mà cha mẹ đã từng sống...

Bác day dứt lắm, đúng như anh Tố Hữu đã viết rất hay: *"Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà/ Miền Nam mong Bác nỗi mong cha"*. Tôi thực sự xúc động về câu chuyện anh Vũ Kỳ kể và chỉ trong một đêm bài hát đã được viết xong trong một nỗi xúc cảm tràn đầy... Bài hát được ra đời đúng như lời kể của anh Vũ Kỳ, hoàn toàn không sai chút nào.

Phóng viên: Có lẽ do tính chất của câu chuyện được kể lại bởi anh Vũ Kỳ, cho nên anh đã chọn hình thức thể hiện của bài hát: như một câu chuyện kể giàu chất dân ca.

Trần Hoàn: Đúng là như vậy. Tôi không muốn làm một cái gì ầm ĩ, to tát quá. Vì anh em đã sáng tác những bài hát hay lắm rồi: rất mênh mông rất hoành tráng. Tôi chỉ muốn thủ thỉ tâm tình. Làm những cái khác tôi không làm được. Mặt khác tôi lại rất muốn khai thác những khía cạnh giàu chất dân ca may ra bài hát mới có sức sống. Tôi vận dụng thể loại balát truyền tụng lại một câu chuyện đã xảy ra một cách chân thật. Lời bài hát không có gì đặc biệt, rất mộc mạc, chân thật nhẹ nhàng. Lần đầu tiên bài hát này được trình diễn tại Cung văn hoá hữu nghị Việt-Xô. Tôi hát đôi với Thanh Hoa và tôi đệm đàn. Bài hát được thể hiện trước anh em cựu học sinh quốc học Huế. Bữa đó có các anh Võ Nguyên Giáp và anh Tố Hữu. Các anh đều rất khen bài này.

Sau này tôi nói với chị Thuý Quỳnh: nếu chị có dựng bài của tôi chị đừng có sử dụng sân khấu hiện đại quá, đừng có dùng nhiều ánh sáng xanh đỏ làm gì. Thật đơn giản mà cảm động. Chỉ cần hình ảnh một cụ già chống gậy đi ra cùng ca sĩ và cụ già nói với ca sĩ: con hãy hát đi, con hãy kể chuyện Bác Hồ cho nhân dân nghe đi...

Phóng viên: Và có thể nói với bài hát "Lời Bác dặn trước lúc đi xa", anh đã hoặc là gián tiếp, hoặc là trực tiếp nhắc nhở mọi người nhớ đến Bác, nhớ đến những lời di chúc của Bác. Bởi vì nội dung của bài hát thực sự cũng là một lời di chúc. Bác muốn nhắn nhủ lại mọi người hãy gìn giữ những khúc dân ca như là một di sản tinh thần vĩnh hằng của dân tộc. Mới đây Nghị quyết V của Trung ương "Gìn giữ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc", cũng là sự phát triển tư tưởng ấy của Bác.

Trần Hoàn: Đúng vậy. Năm nay chúng ta kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Bác. Tất cả những di sản mà Bác để lại là di chúc của Bác. Có những Di chúc không nằm trong di chúc. Nội dung bài hát "Lời Bác dặn trước lúc đi xa" cũng là một Di chúc không nằm trong di chúc.

Nhưng phải khẳng định rằng những điều mà Bác viết trong Di chúc là những điều cực kỳ quan trọng. Nhưng còn biết bao điều mà Bác không viết trong Di chúc, những điều mà khi còn sống, Bác đã căn dặn mọi người, mọi ngành, mọi nghề. Ví dụ "Vì sự nghiệp mười năm trồng cây. Vì sự nghiệp trăm năm trồng người", "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước"... Và còn rất nhiều di chúc khác trong những lời Bác đã dặn. Bác đã nhập vào sông núi. Tư tưởng Hồ Chí Minh có một sức mạnh vô địch.

Phóng viên: Xin cảm ơn anh về cuộc trao đổi cảm động và bổ ích.

ĐỖ BẠCH MAI *thực hiện*

KỶ NIỆM KHÓ QUÊN VỀ MỘT BÀI CA NHỎ

PHẠM TUYÊN

Nhân kỷ niệm 35 năm ngày giải phóng Thừa Thiên - Huế (26/3/2010) tôi có dịp cùng một số bạn bè âm nhạc ở Thành phố Hồ Chí Minh lại về thăm Cố đô xưa. Đây cũng là dịp kỷ niệm 50 năm kết nghĩa Hà Nội - Huế - Sài Gòn theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Trong đêm giao lưu ca nhạc tại rạp Hưng Đạo bên bờ sông Hương, ban tổ chức vui mừng đón một đoàn nghệ sĩ Nhật Bản đến cùng tham gia. Bà nhạc sĩ trưởng đoàn xin để đoàn được hát 2 bài. Đó là bài hát *Hoa Anh Đào*, dân ca Nhật Bản, và bài *Như có Bác trong ngày đại thắng*. Buổi liên hoan trở nên sôi động và hào hứng khi bà trưởng đoàn cầm cây ghi-ta ra lĩnh xướng. Khán phòng đã vang lên bài hát *Như có Bác* trình bày bằng tiếng Nhật, và khi đến điệp khúc *Việt Nam - Hồ Chí Minh* thì tất cả mọi người đều vỗ tay cùng hát (Vì điệp khúc này không cần phải dịch lời!). Tôi đã xúc động bước lên sân khấu hát cùng đoàn nghệ sĩ Nhật Bản. Bài ca như một thông điệp ngắn gọn về tình cảm của bạn bè thế giới đối với nước ta. Mọi người còn được biết là từ năm 1979 bài này đã được Hội Âm nhạc Lao động Nhật Bản dịch và phổ biến ở 49 tỉnh và thành phố bên Nhật. Khi một nghệ sĩ trong đoàn ca múa của ta sang Nhật hồi đó có hỏi ý kiến của các bạn Nhật về bài ca nhỏ này thì được các bạn Nhật trả lời đại ý: Chúng tôi không chỉ ca ngợi chiến thắng 30/4 của các bạn Việt Nam mà chính là để ca ngợi một mô hình đáng khâm phục là *một nước Việt Nam dưới thời đại Hồ Chí Minh*, và chúng tôi vẫn thường hát bài này mỗi khi tập họp quần chúng.

Cách đây mấy năm vào mùa hè năm 2006, nhạc sĩ Takimoto của Nhật đã sang Việt Nam với dự định sẽ sáng tác một tác phẩm lớn về Việt Nam. Sau một thời gian tìm hiểu, ông ngỏ ý muốn xin tác giả bài *Như có Bác trong ngày đại thắng* cho phép lấy bài này làm chủ đề chính cho tác phẩm âm nhạc của ông vì ông cho biết là những ngày ở Việt Nam đi đâu ông cũng nghe mọi người từ trẻ tới già đều hào hứng hát bài ca nhỏ này. Và chỉ trong một thời gian ngắn ông đã hoàn thành tác phẩm dài hơn 20 phút với sự tham gia một vài đoạn có lời ca do hai ca sĩ Trọng Tấn và Khánh Linh phối hợp trình bày.

Buổi biểu diễn đã được truyền hình trực tiếp ở Hà Nội và Quảng Ninh cho thấy sự hưởng ứng nồng nhiệt của hàng ngàn khán giả khiến cho người xem qua màn ảnh nhỏ ngạc nhiên và thích thú.

Sự ra đời của bài ca nhỏ này thật hồn nhiên và đơn giản. Hồi đó tôi làm công tác âm nhạc ở Đài Tiếng nói Việt Nam. Sau những chiến thắng dồn dập của quân dân ta ở Huế (26/3) ở Đà Nẵng (29/3), lãnh đạo Đài động viên các nhạc sĩ cố gắng viết những tác phẩm thật hoành tráng xứng tầm với chiến thắng lớn sắp tới của dân tộc ta. Tôi cũng như một số nhạc sĩ tự đặt trách nhiệm cho mình phải có được một tác phẩm trong dịp trọng đại này. Một tổ khúc hợp xướng bốn chương đã được phác thảo theo nhận thức lý trí của mình lúc đó. (Tôi còn nhớ: Chương I: Truyền thống quê hương Việt Nam; Chương II: Miền Bắc lũy thép; Chương III: Miền Nam thành đồng; Chương IV: Ngày toàn thắng), thế nhưng đầu óc tôi cũng như mọi người lúc đó là chỉ chăm chăm theo dõi qua đài những bước chân thần tốc của quân đội ta đang diễn biến từng ngày từng giờ nên không lúc nào tĩnh tâm ngồi vào đàn để viết nhạc. Anh em thường đùa với nhau là: Sáng tác dù có nhanh đến đâu cũng không theo kịp bước chân của Quân giải phóng. Cao điểm của sự rung cảm và hồi hộp là lúc quân ta tấn công và giải phóng Xuân Lộc, Long Khánh. Hình như ngày toàn thắng sắp đến gần trong khi bản thảo âm nhạc của mình còn chưa có nốt nhạc nào thể hiện cho được. Làm việc ở

một cơ quan truyền thông có sức phổ biến sâu rộng và kịp thời như Đài Tiếng nói Việt Nam, ý thức nhạc sĩ - nhà báo của tôi như được nhắc nhở bởi một lời căn dặn của Hồ Chủ tịch với giới báo chí là: *Viết để làm gì, viết cho ai và viết như thế nào.* Tin một phi công của ta lái máy bay Mỹ ném bom sân bay Tân Sơn Nhất phát trong bản tin 21 giờ 30 ngày 28/4/1975 của Đài TNVN như một giọt nước tràn ly khiến cho tôi và mọi người bật lên tiếng reo vui "Sắp đến ngày toàn thắng rồi!". Đêm hôm ấy, tôi không còn nghĩ gì đến bản hợp xướng bốn chương mà mình đã phác thảo trước đây, chỉ nghĩ rằng nếu ngày mai mà miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất hoàn toàn thì có lẽ nhà nhà, người người dân Việt Nam sẽ đổ ra đường để reo mừng hân hoan. Và một khúc nhạc reo vui đầy ân tình đã vang lên trong tôi. Đây là xúc cảm của chính mình và có thể cũng là tình cảm của tất cả mọi người Việt Nam trong giờ phút này.

Trong tôi vang lên điệp khúc *Việt Nam - Hồ Chí Minh* một cách sảng khoái khi tôi nhớ tới lời chúc Tết của Bác Hồ năm cuối đời của Người:

Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào
Tiến lên chiến sĩ, đồng bào
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn!

Cái mốc *"Ba mươi năm đấu tranh giành toàn vẹn non sông/ Ba mươi năm dân chủ cộng hoà kháng chiến đã thành công"* cũng chính là ba mươi năm trăn trở, khát vọng của bản thân tôi khi cuộc đời mình đã trải qua hai cuộc chiến tranh khốc liệt, có lúc tưởng như không thể sống sót để được thấy ngày thắng lợi hoàn toàn.

Sau 2 tiếng đồng hồ viết xong bản nhạc ngắn với 32 ô nhịp, tôi thở phào nhẹ nhõm như đã trả được một món nợ tinh thần mà mình ấp ủ mãi bao lâu. Và bài ca đã hoàn chỉnh, không sửa một chữ một nốt nhạc nào. Chỉ cách một ngày hôm sau, vào trưa 30/4/1975 khi quân ta kéo cờ trên dinh Độc Lập lúc 11 giờ 30, tin

vui đã đến thật nhanh chóng với tất cả mọi người trong cả nước. Ông Tổng biên tập Trần Lâm, người cách đây một tháng đã nhắc nhở anh em sáng tác chúng tôi cần nhanh chóng có được những bài ca về ngày đại thắng, lúc ấy gọi điện thoại cho tôi xem đã có được bao nhiêu bài gửi tới Đài, và riêng tôi đã có bài nào chưa. Gặp ông tôi nói tôi chỉ có một bài hát ngắn này thôi. Khi hát cho ông nghe ở chân cầu thang nhà 58 phố Quán Sứ, ông vỗ tay reo mừng: "Trúng rồi, Trúng rồi!" và báo ngay cho Đoàn ca nhạc của Đài lên ngay phòng thu M ở Quán Sứ để tập và thu thanh gấp vì 17 giờ hôm 30/4, Đài sẽ công bố tin Đại thắng ra toàn thế giới.

Tôi đã dự nhiều buổi thu thanh các sáng tác của mình nhưng chưa có buổi thu nào để lại cho tôi những xúc cảm đặc biệt như chiều hôm đó. Cũng chưa có buổi thu nào mà cả người hát, người đàn đều xúc động đến rưng rưng nước mắt. Cảm giác của tôi rất lạ: nghe sáng tác của mình mà như đã từng nghe nó lúc nào rồi. Tôi không còn nghĩ nó chỉ là sáng tác của mình, mà lại nghĩ nếu mình không viết chắc sẽ có một người nào đó cũng sẽ ghi cái xúc cảm này giống như giai điệu và lời ca mà mình đang nghe mọi người hát trong phòng thu.

Và thế là lúc 16 giờ hôm đó, khi các vị ở Ban Tuyên giáo đến nghe bài hát trước khi phát trên làn sóng, mọi người đến bắt tay tôi chúc mừng, còn tôi lặng người đi mà không nói câu gì.

Như mọi người đều biết, đúng 5 giờ chiều ngày 30/4, khi các loa truyền thanh trong toàn thành phố vang lên bài ca này sau khi đưa tin Đại thắng, rồi phát đi phát lại cho tới nửa đêm thì hai vợ chồng tôi đứng trên gác khu tập thể Khương Thượng mà lòng bồn chồn xúc động khó tả.

Sức lan toả của bài ca mới làm mọi người ngạc nhiên, bởi ngay sáng hôm sau (1/5) trên đường phố Hà Nội, quanh bờ hồ Hoàn Kiếm, nhân dân đổ ra đường ăn mừng chiến thắng và trên các xe mui trần của Đoàn quân nhạc, của Nhạc viện thành phố đã thấy biểu diễn bài ca này. Phải đến ngày 2/5/1975 báo *Nhân dân* mới đăng bài này, vậy mà hôm 1/5 mọi người đã thuộc và biểu diễn, thì ra các bạn đó đã nghe đài phát đi phát lại nhiều lần, nhớ và ghi lại để biểu diễn.

Sau đó chỉ cách mấy hôm, nghe qua đài Giải phóng tôi đã thấy bài ca được vang lên ở Sài Gòn và một số tỉnh ở miền Nam.

Hơn 1/3 thế kỷ đã trôi qua, giai điệu và lời ca của bài ca nhỏ không chỉ được hàng chục triệu người Việt Nam hát say sưa lúc kỷ niệm Đại thắng 30/4 mà đã vang lên trong mọi sinh hoạt cộng đồng của nhân dân cả nước. Ở Cao Bằng người ta không biết tác giả bài hát là ai mà chỉ coi đây là một *bài ca giã bạn*, hát lên những lúc họp đông người và lúc vui vẻ chia tay. Trong các cuộc đá bóng toàn quốc người ta cũng hát vang lên mỗi khi có bàn thắng đẹp. Sau 10 năm bài hát đã được đời sống trong nước chấp nhận và phổ biến rộng rãi, Hội đồng Nhà nước đã quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động cho tác giả bài ca với bằng khen do Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh ký ngày 30/4/1985.

Nhà thơ Huy Cận chúc mừng tác giả vì bài ca này đã thay cho bài *Kết đoàn* (nhạc Trung Quốc) mà Bác Hồ vẫn thường bắt nhịp cho mọi người hát mỗi khi kết thúc mít tinh, và nhân dân đã chấp nhận bài hát mới này một cách vui vẻ không cần bất cứ một quy định nào. Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong một bài viết trên báo *Nhân dân* đã lấy nhan đề là *"Như có Bác trong ngày đại thắng"*. Và nguyên Phó Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong bài viết "Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình lịch sử" (đăng ở báo *Thanh niên* số ra ngày 11/9/2007) với lòng thành kính nhớ tới Bác Hồ đã nhắc nhở những người có trách nhiệm xây dựng Nhà Quốc hội là "Những sinh hoạt mang tính lễ nghi diễn ra trong hội trường này sẽ như một bài hát *Như có Bác Hồ trong ngày đại thắng"*.

Trong quá trình hội nhập của nước ta với bạn bè trên thế giới, bài ca nhỏ này như một thông điệp về một nước Việt Nam dưới thời đại Hồ Chí Minh, đã trở thành câu hát quen thuộc của các đoàn đại biểu nước ta khi đến với các nước bạn.

Không ít chuyện vui về bài ca này đã được các báo chí, truyền thanh, truyền hình đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng suốt 35 năm qua. Nhưng có lẽ điều thú vị là vào đầu năm 1980, tại một hội chợ tổ chức ở công viên 29/3 ở Đà Nẵng,

người ta đã xúm quanh một con chim nhồng (một loài vẹt) khi nghe con chim nhỏ hót bài *Như có Bác trong ngày đại thắng*. Nhiều người hỏi mua nhưng chủ nhân của nó không bán mà chỉ khoe thôi. Ông nói: "Tiếng hát của con chim nhỏ này là niềm vui của cả nhà chúng tôi đấy". Chim hót được bài này cũng chính là vì được nghe nhiều người hát.

Trong cuộc đời sáng tác của mình với hàng trăm tác phẩm tôi càng hiểu thêm sức mạnh của âm nhạc khi nó đi vào lòng đông đảo quần chúng. Bài học lớn nhất đối với tôi cũng chính là khi nhịp đập trái tim mình hoà cùng nhịp đập trái tim của mọi người thì nó sẽ có được một sự cộng hưởng vượt ngoài ước mong của người viết. Càng chân thật càng có sức thuyết phục. Tuy nhiên để đến với mọi người bằng một thông điệp có ấn tượng thì không phải là điều dễ đạt được. Các nhạc sĩ cổ điển trên thế giới như Beethoven, Traikôpski đã đều tâm sự như vậy. Nhạc sĩ Shostakovich nhắn gửi: "Hình tượng nghệ thuật phải có sức lôi cuốn, *được xử lý với một sự giản dị tối đa, tiết kiệm trong một ngôn ngữ có thể hiểu được đối với công chúng rộng lớn*".

Tôi tâm đắc với một câu nói nổi tiếng của Lâm Ngữ Đường (do nhà văn Nguyễn Hiến Lê lược dịch) đại ý: "Thật là ngược đời: sự giản dị lại chính là biểu hiện của sự suy tưởng sâu sắc, đó là điều kiện khó đạt nhất trong khoa học và văn chương. Tư tưởng phải sáng sủa rồi mới có thể giản dị được, mà tư tưởng cho sáng sủa là một việc cực khó".

Tôi không chắc mình sẽ viết được một bài nào như bài đã viết. Nó là giây phút thăng hoa hiếm có trong cuộc đời sau 30 năm trăn trở và lại được xuất hiện trong bối cảnh "thiên thời, địa lợi, nhân hoà" như khoảnh khắc cuối tháng 4 năm 1975. Tôi phải cảm ơn bạn bè và đồng nghiệp, cảm ơn môi trường phát thanh đã tạo điều kiện chắp cánh cho bài ca nhỏ này bay rộng bay xa, vượt qua thử thách của thời gian để còn đọng lại trong tình cảm và kỷ niệm của nhiều người suốt 35 năm qua. Và đó cũng là một kỷ niệm không bao giờ quên được trong cuộc đời sáng tác của mình.

4-2010

ĐƯỜNG CHÍN - KHE SANH TRONG KỶ NIỆM RIÊNG TÔI

HUY THỤC

Tháng 12-1964 sau khi tôi kết thúc đợt sáng tác nhạc cho vũ kịch *"Ngọn lửa Nghệ Tĩnh"* đề tài về Đảng, viết chung với hai nhạc sĩ Lương Ngọc Trác, Nguyễn Thành khá dài ngày thì cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ ngày càng ác liệt.

Tôi xếp lại những dự định viết những đề tài quy mô lớn và quyết định ra mặt trận viết phục vụ ngay cuộc chiến đấu nóng bỏng đang diễn ra.

Vào đến Hà Tĩnh, vượt qua sông Gianh tới Đồng Hới Quảng Bình bị một trận bom phủ đầu khá ác liệt. Nhà dân cháy, tiếng tre nứa, tiếng nức nở khóc than của các ông bố bà mẹ, của trẻ em..., lòng tôi xao xác về hầm nằm không sao ngủ được. Tôi tìm thấy đống báo ở hầm chỉ huy có tờ tạp chí *Văn nghệ Quân đội* không có bìa chỉ còn có một nửa trong đó có bài thơ *"Kèn xuất trận"* của Tô Đức Chiêu. Nằm trong hầm tối tôi đọc đi đọc lại bài thơ, và ngay trong hầm chỉ huy ở Quảng Bình ca khúc ngắn *"Kèn xuất trận"* được hoàn thành.

Ôi miền Nam yêu thương
Vang tiếng kèn xuất trận
Máu sôi lòng uất hận
Thôi thúc ta lên đường.

Viết xong tôi hát ngay trong hầm chỉ huy cho cán bộ chiến sĩ nghe. Sau đó được hai nghệ sĩ Linh Nhâm và Huy Cường thu thanh phát trên làn sóng được nhiều thính giả yêu cầu phát lại.

Bài hát lập tức được phổ biến sâu rộng ở mặt trận bởi những cung quãng rút từ chất liệu dân ca hò hụi tha thiết, hùng tráng và thôi thúc...

... Đến mặt trận đường Chín - Khe Sanh nhạc sĩ Lê Lan đi cùng tôi với cây đàn guitar và chiếc máy ảnh nhỏ Liên Xô, vừa đi vừa sáng tác, vừa đi vừa chụp ảnh quên cả ốm đau, bom đạn... Ở đồi không tên, một tiểu đội ta tiêu diệt một tiểu đoàn Mỹ. Tôi gặp cán bộ mặt trận, đi thâm nhập thực tế bằng cách nhìn trên bản đồ và cảm xúc thực tế tôi đã phát hiện ra dòng suối La La chảy xuôi về sông Cam Lộ...

Cảm xúc ồ ạt đến, tôi viết rất nhanh, sau hai ngày đã viết xong bài *"Ơi dòng suối La La"*:

Ơi dòng suối La La
Nước trong xanh hiền hoà
Chảy quanh đồi không tên
Nay đồi đã mang tên
Tiểu đội Bùi Ngọc Đủ
Mười dũng sĩ diệt Mỹ...

Và:

Trăm con suối quê ta
Nước trong xanh hiền hoà
Lúc gió nổi phong ba
Mỗi dòng suối quê ta
Mỗi núi rừng đều là
Một chiến công diệt Mỹ...

Thật không ngờ bài hát tôi viết ra tại mặt trận ngày 1-7-1967 và phối ngay cho dàn nhạc nhỏ để đội văn công xung kích biểu diễn phục vụ liên tục, và các cán bộ chiến sĩ đường 9 nghe thích, đi đâu họ cũng đều hát vang *"Ơi dòng suối La La..."*.

Sang đầu tháng 9-1967 mặt trận đã bắt đầu bước vào mùa mưa bão lụt. Địch càng bắn phá ác liệt hơn. Tôi đi sâu xuống Trung đoàn 2 Gio An thâm nhập. Càng đi càng viết được, lại thấy kết quả, nên người khoẻ ra ít bị ốm, với cái tuổi 32, 33 đi

sáng tác rất hăng. Gặp dân tộc Vân Kiều buổi chiều, rất vui cho tôi là phát hiện ra chiếc đàn Talư làm bằng gốc ống tre, mặt đàn phạt đi 1/5 ống và mắc ba đây đồng âm, đồng bào gẩy đàn và hát lên bài dân ca của dân tộc mình.

Sau trận đánh Gio An của Trung đoàn 2 tôi mượn tâm trạng mừng vui của người Vân Kiều đi tải đạn tiếp lương ra mặt trận để nói về tình yêu lạc quan của tuổi trẻ đi đánh giặc, và ca ngợi chiến thắng này.

Thực ra chất dân ca Vân Kiều khi hát lên có âm (ư à ù) nghe rất âm u buồn tủi và âm đàn Talư đồng âm. Tôi mượn chất liệu đó tổ chức thành một nét nhạc vui, và phát triển sôi nổi. Đang chuẩn bị viết thì bom đánh rất quyết liệt xuống núi rừng. Cả đội chúng tôi đang sống ở Đại đội 1 công binh vừa bị nước lụt vừa bị bom đạn của Mỹ đe doạ. Đại đội 1 hy sinh gần hết. Chúng tôi vừa đón nhạc sĩ Lê Lan ở bệnh viện đã khoẻ, trở lại đội hình đi sáng tác và biểu diễn, thì lại bị một trận bom dữ dội nữa.

Tôi buồn đi khi thấy đồng đội chiến sĩ nơi mình thâm nhập đã hy sinh gần hết. Tìm hoa rừng đi viếng xong, về buồn quá không chịu nổi tôi cầm bút sáng tác *"Tiếng đàn Ta lư"*.

Ở điệu si thứ 9 với nhịp đầu tôi muốn phá cái nỗi đau thương đang bao trùm lên Đại đội 1 nơi tôi thâm nhập. Cứ thế ôm nỗi đau trong lòng ấy bắt buộc tôi phải viết ra một bài hát lạc quan mãnh liệt để xoá đi nỗi đau đang bao trùm chính mình. Viết rất nhanh. Ngày 6-9-1967 *"Tiếng đàn Ta lư"* được hoàn thành ngay tại Đại đội 1 công binh khi họ vừa mở đường xong. Tôi dậy cho ca sĩ Vân Anh hát thuộc ngay, không ngờ bài hát ra đời trong bom đạn ấy lại thánh thót nhịp nhàng và chất dân ca Vân Kiều từ buồn trở thành tươi vui trong sáng, người Vân Kiều nghe Vân Anh hát cứ nhẩy theo tiết tấu và "hú" theo, phá tan những nỗi đau. Kẻ thù muốn vùi dập sự sống ở đây thì chính trong cái ác liệt ấy niềm lạc quan vẫn nẩy mầm xanh tươi giữa đường Chín - Khe Sanh. Cuối xuân 1968 bài *Tiếng đàn Ta lư* được biểu diễn báo cáo với Bác Hồ do Nghệ sĩ Nhân dân Tường Vi hát rất thành

công. Tôi được Bác Hồ tặng Huân chương Chiến công hạng Hai cho tác phẩm này vào tháng 6-1969.

Chuyến đi thu hút tôi viết khoẻ hơn, nhanh hơn, nhạy hơn. Ngày 21-7-1967 tôi lại cùng Đại đội 1 đánh cao điểm 1009 Đông Trị. Cả đại đội hành quân từ trưa để tới Đông Trị vào giữa đêm. Tôi xúc động đã viết hành khúc ngắn gọn thể một đoạn. Sau 30 phút làm xong tôi và Nguyễn Lương cô diễn viên múa nhưng có giọng hát tốt hát cùng tôi. Bài hát được cả đại đội hưởng ứng.

Cứ thế theo nguồn cảm hứng tôi viết tiếp *"Trung đoàn Dũng sĩ Gio An"*, rồi ca cảnh Khe Sanh với 11 đoạn hát. Tiếp đến một loạt tác phẩm khác tôi viết: *"Những sân ga những chuyến tàu", "Đoàn nghĩa binh cách mạng", "Em là chiến sĩ nuôi quân", "Lại mà xem tiểu đội em đánh Mỹ", "Xe vào trận tuyến"*, v.v..

Chuẩn bị đón xuân 1969, khi nhận được điện vào mặt trận phổ biến thơ chúc Tết của Bác Hồ, tôi đã phổ nhạc ngay trong đêm 18-12-1968 bài *"Tiến lên chiến sĩ đồng bào"*. Bài thơ viết thể lục bát là loại phổ thơ khó nhất đối với nhạc sĩ. Tôi viết dựa vào dân ca quê Bác và tiết tấu đảo phách của chèo như ngày hội đón xuân 1969:

Năm qua thắng lợi vẻ vang
Năm nay tiền tuyến chắc còn thắng to
Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào
Tiến lên! Chiến sĩ đồng bào
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn.

Đây là một trong những ca khúc phổ thơ của Bác Hồ tôi viết đầu xuân 1969 thành công được quần chúng yêu mến. Không ngờ đây là bài thơ chúc Tết cuối đời của Bác mà tôi phổ nhạc.

Đến với dân tộc Pakô tôi gặp chị Hồ Thị Hồng người dân tộc Pakô quê ở Thanh Hoá. Gặp chị ở mặt trận chị chỉ nói câu "Bao giờ đất nước Độc lập như Bác Hồ nói, miền nhớ về thăm dân bản em nhé", ấn tượng ấy tôi đã gửi vào bài *"Cô gái Pakô đi tải đạn"*. Lời ca có câu:

Mùa xuân đến rồi bản làng ơi!
Thư Bác còn dậy vang non sông
Kèn tiến công vang dội khắp hai miền
Bác Hồ gọi ấy là mùa xuân đến.

Và câu kết:

Ngày chiến thắng anh về
Cùng bản làng em hát
Người con gái Pakô...

Viết xong bài này vào ngày 19-5-1969. Sau này Nghệ sĩ Ưu tú Ngọc Minh đã mời tôi viết thành nhạc múa. Bài hát và múa được phổ biến rộng rãi trong sinh viên và các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp biểu diễn.

Trong suốt năm 1969 tôi đi viết khá nhiều nhưng bệnh dạ dày hành tôi khá trầm trọng. Viết đến chảy máu dạ dày lần thứ 4 mà vẫn không biết sợ.

Được tin Bác, tôi đã căng thẳng ôm nỗi đau thương với cả nước, không biết viết ra sao để ca ngợi Bác Hồ kính yêu. Bởi bao nhiêu bài hay về Bác các nhạc sĩ viết trước tôi đã trấn ngự các góc độ cả rồi. Mình viết gì đây?

Bác mất ít ngày đã nghe bài hát *"Người là niềm tin tất thắng"* của nhạc sĩ Chu Minh, *"Trông cây lại nhớ tới người"*, phát triển dân ca Nghệ - Tĩnh của nhạc sĩ Đỗ Nhuận v.v., tôi cuống lên không biết viết cái gì. Tôi đã viết bài *"Đời đời ơn Bác Hồ"*, viết xong thấy không hay. Tôi quyết định đi xuống đơn vị ra mặt trận để chiêm cảm sự đau thương của toàn quân khi mất Bác ra sao. Họ vẫn gạt nước mắt vác súng ra đi tiến bước theo con đường nhất định xông lên giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam, giành lấy những mùa xuân hạnh phúc cho non sông đất nước ấm no. Bác Hồ của chúng ta không mất. Tôi nẩy ra ý định viết *"Bác đang cùng chúng cháu hành quân"* với nhịp hành khúc vang trong tâm hồn tôi khi cùng hành quân với những bước chân chiến sĩ cán bộ tiến ra phía trước, biến đau thương thành sức mạnh:

Đêm nay trên đường hành quân ra mặt trận
Trùng trùng đoàn quân tiến bước theo con đường của Bác

Và:

Miền Nam ta ơi!
Hãy phất cao cờ đỏ thắm tươi
Ta xông lên giải phóng thành đô
Phá hết bốt đồn, quét sạch bóng quân xâm lược
Vì độc lập tự do
Quyết giành ấm no
Giành lấy những mùa xuân
Bác kính yêu đang cùng chúng cháu hành quân.

Bài hát viết xong ngày 14-10-1969 thì tôi bị chảy máu dạ dày lần thứ năm, bị ngất phải cấp cứu trong Bệnh viện 354 và sau đó dạ dày chảy máu tiếp, hồng cầu còn có một triệu, có khả năng nếu mổ sẽ chết. Quân y viện 108 đã cứu sống tôi bằng truyền máu tốc độ nhanh bị choáng ngất. May cho tôi tác phẩm đã hoàn thành, và tôi cũng được cứu sống, dạ dày bị cắt còn 1/3.

Những bài hát của tôi đã ra đời từ trong đạn lửa đau thương và niềm tự hào của người lính nơi tuyến đầu. Đấy là những bài hát viết ra bằng giá máu của sự hy sinh mà cả dân tộc đã từng nếm trải. Tôi sẽ không bao giờ có được những bài hát ấy, nếu không có những năm tháng đi cùng chiến sĩ ngoài mặt trận.

BÁC HỒ VỚI THIẾU NHI - CHỦ ĐỀ TÔI CÓ CẢM XÚC MÃNH LIỆT

PHONG NHÃ

Năm 1944, là một cán bộ phụ trách thiếu nhi bí mật hoạt động ở làng tôi, thôn Ngọc Động, xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, tôi đã sáng tác đầu tay bài *Nhanh bước nhanh nhi đồng*. Có thể nói đó là một tuyên ngôn của trẻ em đi theo cách mạng do tôi phụ trách thay mặt các em diễn đạt. Lúc đó chưa có định hướng rõ ràng trở thành nhạc sĩ. Anh phụ trách đi theo cách mạng, thì cũng dìu dắt các em đi theo cách mạng, làm bài ấy để cổ vũ, hướng dẫn các em một cách hồn nhiên như vậy.

Đã sáng tác được một bài đầu tiên, thế tất phải sáng tác bài thứ 2, bài thứ 3, nhất là bài đầu tiên ấy được các em hoan nghênh. Bài thứ 2 là *Kim Đồng* và bài thứ 3 là *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng* (sau nói rộng hơn là thiếu niên, nhi đồng). *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng* đã đánh dấu bước ngoặt trong đời tôi. Nhớ lại một thời sôi nổi, là Bí thư đầu tiên Hội nhi đồng cứu quốc Thủ đô trong Cách mạng tháng Tám. Các em đòi hát, lúc đó phần nhiều bài hát của người lớn. Anh phụ trách biết chút ít âm nhạc. Thế là cứ mạnh dạn làm bài hát cho các em hát. Bài hát được các em đón hát. Phấn khởi quá, lại làm tiếp. Lại được các em hát. Rồi được gọi là "nhạc sĩ" lúc nào không biết. Các đề tài, chủ đề âm nhạc lúc này, do tình hình thời sự và cảm hứng, đột xuất tự nẩy ra chưa có ai quy định cho mình phải sáng tác bài này bài nọ. Lúc này chưa có tổ chức Hội nhạc sĩ. *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng* là một đề

tài loé sáng cùng với việc lần đầu tiên được thấy lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh. Đến lúc đó chưa nghe nói ai là Hồ Chí Minh? Cấp trên còn giữ bí mật chưa phổ biến.

Thì đây, ngày 2-9-1945, tác giả đã được thấy Hồ Chí Minh lần đầu tiên trong cuộc đời, lúc Người đọc *Tuyên ngôn độc lập* ở Quảng trường Ba Đình.

Các em thiếu nhi Đội Trần Hưng Đạo (có lúc gọi là Đội Nguyễn Thái Học, lấy tên phố làm tên Đội), được xếp ưu tiên hàng đầu trên vỉa hè Bộ Ngoại giao bây giờ, trông lên lễ đài Ba Đình. Do đó các em cùng các anh chị phụ trách đã được thấy tận mắt, cự ly rất gần, xe Bác Hồ đi đến và đi về qua chỗ các em trong khoảnh khắc. Tuyệt vời quá, tôi đã thấy Bác Hồ nhoài người ra vẫy các cháu nhiệt tình vô cùng bằng cả hai tay. Và tôi đã thấy hình ảnh Bác Hồ rõ nét với vầng trán cao, gò má cao, tai to, mắt sáng... Liên tưởng tới một bức ảnh chân dung Nguyễn Ái Quốc mà mình đã được xem, thấy đúng đây rồi: Bác Hồ là Nguyễn Ái Quốc! Tự nhiên nước mắt chảy quanh với niềm tin vô bờ: Có lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, cách mạng nhất định thắng lợi. Đó là một phát hiện của bản thân mà tự mình chưa nói ra với các em vì vẫn còn phải tôn trọng nguyên tắc giữ bí mật. Giả dụ thấy Bác Hồ ngồi lặng im không được xê dịch nhiều như quy định của Đội Bảo vệ thì chưa biết thế nào. Đằng này lại thấy Bác nhoài cả người ra cửa xe, vẫy các cháu bằng cả hai tay. Thân yêu quá, không bút nào tả xiết. Bác truyền cảm ngay đến đàn cháu và đàn cháu reo lên, nhảy lên vẫy Bác, cũng truyền cảm tới Bác. Giây phút này, mãi mãi trở thành một "cái đọng lịch sử" trong trái tim tôi. Cho nên tôi nảy ra ý tứ mãnh liệt làm bài hát Bác Hồ với thiếu nhi và thiếu nhi với Bác Hồ, tha thiết và chân chất hồn nhiên, dí dỏm, khác bài người lớn. Thế là trong buổi sinh hoạt Đội, anh phụ trách đố các em: "Ai yêu Bác Hồ nhất?". Nhi đồng bảo: "Nhi đồng yêu Bác Hồ nhất!". Anh phụ trách trong thâm tâm đồng ý với các em, song cứ trêu các em không phải như vậy: "Phụ lão, phụ nữ, thanh niên mới yêu Bác Hồ nhất!". Các em không chịu cứ reo lên: "*Nhi đồng yêu Bác Hồ nhất!*" át cả tiếng anh phụ trách. Cuối cùng anh phụ trách đồng ý với các em rằng:

"Không ai yêu Bác Hồ hơn các em nhi đồng!". Cả chủ đề và giai điệu đã tìm thấy cùng một lúc, diễn đạt theo cách nói dân gian: *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng.* Câu thơ mở đầu ấy đan xen mô phỏng đến 4 lần như các em muốn nhắc lại, nhấn mạnh ý kiến các em vui thích.

Tiếp đến mô tả Bác theo con mắt của nhiều em đã tả về Bác: *Bác chúng em dáng cao cao người thanh thanh, Bác chúng em mắt như sao, râu hơi dài...* như các bạn đã biết.

Hai câu cuối mô tả nhấn mạnh ý ban đầu, kết ở âm khu cao: *Hồ Chí Minh kính yêu, chúng em kính yêu Bác Hồ Chí Minh trọn đời.*

Hồ Chí Minh kính yêu chúng em ước sao Bác Hồ Chí Minh sống muôn năm.

Nhớ kỹ lại, bài hát ra đời vào cuối năm 1945 liền được các em yêu thích. Đến 1946, khi trình bày tập thể trong ngày sinh của Bác Hồ, lần đầu tiên được tổ chức ở Hà Nội, thì nó đã trở thành phổ biến.

Nhạc sĩ Trương Xuân Mẫn kể, hồi thiếu nhi, bà con và trẻ em Quảng Nam Đà Nẵng được nghe em Lê Thị Ái, con gái bác Lê Văn Hiến vào hát bài hát mới: *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng,* thấy mới lạ, đòi được học ngay. Đồng chí cố nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đã ghi trong bài giới thiệu cuốn hồi ký của cố nhạc sĩ Đinh Ngọc Liên là khi ở Sài Gòn hoạt động xong ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới ở Bộ Thanh niên đã được nghe các em Hà Nội hát bài *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh...* mà anh cũng cho là mới lạ, rất đáng yêu.

Tôi nhớ lại một kỷ niệm hồi kháng chiến chống Pháp, anh Y Kia, chiến sĩ du kích dân tộc Ê Đê ra Trung ương Đoàn chuẩn bị tham gia đoàn đại biểu thanh niên Việt Nam đi dự Đại hội Liên hoan thanh niên thế giới họp ở Béclin, mọi người hỏi anh thiếu nhi Tây Nguyên thường hát bài gì? Anh trả lời rất "Tây Nguyên" bằng hát lên bài *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh...,* lời tiếng Ê Đê, do ai đó hay chính anh, đã dịch?

Bây giờ *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh...* đã được ghi lại trong các cuốn phim "Bác Hồ của chúng em", "Hồ Chí Minh chân dung một con người", và các phim truyền hình khác, đó là phần thưởng lớn nhất cho tác giả.

Bài hát về thiếu nhi với Bác Hồ làm ít lâu sau đó, mùa thu năm 1946, khi Bác Hồ đang đi dự hội nghị Fông-ten-nơ-blô bên Pháp, là bài *Bác chúng em sắp về a! a! a!.*

Khi Bác Hồ lần ấy sang Pháp, là nước Bác đã từng sinh sống hoạt động khá lâu, không mấy ai là không lo lắng. Nước Việt Nam vừa mới tuyên bố độc lập, chưa được sự công nhận quốc tế nhiều. Dù lần này Bác sang Pháp với cương vị là Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhưng biết đâu bọn thực dân xảo quyệt chẳng gây khó dễ cho Bác; thậm chí còn lo có những bọn "diều hâu" muốn bắt bớ hoặc ám hại Bác nữa. Bố mẹ các em lo sợ cho Bác thì các em cũng lo sợ cho Bác không kém. Càng yêu Bác, càng lo cho Bác. Đã có một bài hát của một tác giả khuyết danh nói lên tâm trạng này:

Vắng Bác Hồ yêu dấu lòng bâng khuâng
cháu sầu nhớ nhung.
Bác có nhớ cháu không từ lúc con chim bằng cất cánh...

Thế rồi trên một chuyến xe điện đường "Mơ - Bưởi", đưa các em đi trại lên Hồ Khẩu và Võng Thị trên Bưởi, tôi đã nẩy ra ý kiến làm một bài hát bầy tỏ nỗi vui mừng của các em khi đi đón Bác về, để làm dịu bớt phần nào nỗi lo toan chung.

Câu đầu tiên bật ra cùng với nhạc và lời: *Bác chúng em sắp về a! a! a!:*

Bác chúng em sắp tới a! a! a!
Vui thích thay a! a! a! Bác em sắp về a! a! a!
Chúng em vui mừng, mừng, mừng, mừng,
mừng quá đi thôi!

Sắp về là chưa về. Khi Bác đã về rồi thì hát đổi là *"đã về"* do các em tự đổi khi hát đúng vào thời điểm thích hợp.

Từ 4 câu đầu gọi ra các câu sau, như nói mà là hát:

Nguyện vì Tổ quốc Bác em ra đi
Còn vì đàn cháu Bác em ra đi
Bác đi xa với lòng em mong nhớ
Hôm nay Bác về chúng em rất mừng.

Khi tàu điện đến ga chót "Bưởi" thì bài hát cũng vừa làm xong. Hầu như chẳng sửa chữa gì.

Trên tàu, một số bà con xúm xít nghe các em hát. Có người còn hát theo và thuộc luôn.

Bài hát đã nói lên được phần nào tâm trạng và niềm hy vọng của các em và cả các vị phụ huynh lúc đó nên chỉ mấy ngày sau cả Hà Nội đã hát.

Sau Tết Trung thu Bính Tuất 1946 ít lâu, khi Bác Hồ đáp tầu biển về đến Hải Phòng thì thiếu nhi Hải Phòng đã thuộc bài này. Nhạc sĩ Trần Viết Bính kể lại: Hôm ấy anh cũng là một thiếu nhi đi đón Bác và may mắn được đứng gần Bác. Anh đã thấy Bác Hồ khóc, nước mắt chảy giàn giụa không cầm được, Bác đã khóc nức nở...

Bài thứ 3 là bài *Bác sống đời đời* làm năm 1969 sau khi Bác Hồ mất. Lúc này tôi đang nghỉ an dưỡng tại bãi biển Hải Thịnh, Nam Hà. Bỗng đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam sau nhạc hiệu, có giọng phát thanh viên buồn rầu, chậm rãi, báo tin sửng sốt, đau đớn: Bác Hồ đã mất!

Thế là tôi và các bạn đi nghỉ cùng đợt, bàn nhau cùng nhau tự tìm phương tiện, bỏ dở cuộc nghỉ, ra về Hà Nội để còn kịp chứng kiến tang lễ của Bác.

Khi ô tô đi đến huyện Hải Hậu, đã thấy bà con lương giáo và các em thiếu nhi đeo băng tang đúng quy định của Ban Tang lễ Quốc gia: nửa đen, nửa đỏ theo chiều ngang. Ngoài trời mưa gió, cây nghiêng ngả.

Về đến Hà Nội thấy cảnh trước cửa nhà mình, bên sân Khai Trí Tiến Đức (nay là Trung tâm phương pháp câu lạc bộ), ngày

thường đông vui trẻ em đến thế, nay bỗng vắng lặng.

Hôm sau, chúng tôi được theo cơ quan đoàn thể đi lên viếng Bác ở Hội trường Ba Đình.

Sau đó, để nhen cho mình thêm những xúc cảm đặc biệt, tôi đã trở lại, đi theo đám đông nhân dân bên ngoài đang lặng lẽ đi bên kia đường nhìn vào Hội trường, mặc niệm từ xa, thương nhớ Bác Hồ khôn xiết. Khi đó, Ban tổ chức đã dựng lên một chân dung Bác phóng đại rất cao, to, để nhân dân chiêm ngưỡng. Tôi cứ đi như thế với bà con, đi qua rồi vòng lại nhiều lần. Khi Hà Nội lên đèn, chân dung Bác cũng có đèn pha chiếu vào, toả sáng.

Sáng 3-9-1969 là ngày thiêng liêng, ngày đỉnh điểm nhất diễn ra tang lễ của Bác. Tôi ra đường Thanh Niên, đứng trong hàng ngũ nhân dân lo lắng nghe buổi truyền thanh trực tiếp trên loa công cộng. Được nghe bài điếu văn nghẹn ngào của đồng chí Lê Duẩn, xen lẫn cả tiếng khóc của thiếu nhi và nhân dân vọng vào.

Khi tang lễ kết thúc, các em đứng hàng đầu ở quảng trường Ba Đình, cứ đứng khóc Bác mãi, không về. Thủ tướng Phạm Văn Đồng dỗ các em, cho phép các em được vào vĩnh biệt một lần nữa Bác Hồ muôn vàn yêu dấu. Tiếng khóc nức nở của các em, kèm theo tiếng gọi "Bác Hồ ơi!" đã đọng vào tâm khảm tôi.

Tôi tự đặt cho mình phải làm xong bài *Thương nhớ Bác Hồ* tức là bài *Bác sống đời đời* ngay trong đêm 9-9-1969, khi tâm hồn đang xúc động, đến sáng đã viết xong:

Bác còn sống mãi với quê hương đất nước
Bác còn sống mãi với đàn cháu yêu thương.
Bác Hồ ơi!

Chỗ *Bác sống đời đời* tôi đã ngắt, kéo dài 2, 3 rồi mới buông xuống hai chữ đời đời. Theo tôi nghĩ đó là một chữ nhấn, càng làm cho câu hát thêm tiếc thương, da diết. Nếu hát liền một mạch, hiệu quả sẽ khác.

Quả nhiên khi trình bầy trên đài, các em cảm động sụt sịt, không hát được rõ lời phải thu lại lần khác.

Nhạc sĩ Cửu Thọ lần ấy vào tận quê hương Bác, đã dạy các em hát rất đạt, không cần dàn nhạc đầy đặn hay đệm công phu gì. Cái chính là tâm hồn của bài hát, cộng với tiếng của các em hát thật sự xúc động, hoà nhập với bài hát và tâm hồn tác giả.

Lần tôi ra đảo Ngọc Vừng ở vịnh Bái Tử Long, một hòn đảo anh hùng mà Bác Hồ cũng đã từng tới thăm, đồng chí Bí thư đảo đã kể lại: Khi nghe bài này được phát trên đài, cả gia đình đồng chí đang ăn cơm, đã ngừng ăn, lặng người lắng nghe tiếng các em quê Bác hát.

Ba bài hát về Bác Hồ với thiếu nhi, thiếu nhi với Bác Hồ tôi đã nói trên là ba bài tôi tâm đắc, nói lên được niềm kính yêu, sự suy tôn của các cháu đối với Bác Hồ vĩ đại, nỗi vui mừng bốc cao khi đón Bác trở về, sau một cuộc đi xa đầy thử thách, sự buồn rầu da diết khi vĩnh biệt Bác.

Ba bài hát đó có thể nói như một liên khúc dâng lên từ buổi ban đầu, mừng vui bên Bác, đến lúc vĩnh biệt Người đi xa.

Bài mở đầu *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng*, đúng là ca khúc tiêu biểu cho bản thân tôi - Phong Nhã.

TÔI VIẾT BÀI HÁT "LÀNG CHĂM ƠN BÁC"

A MƯ NHÂN

Còn nhớ, cách đây mười bốn năm về trước tôi đã cùng đoàn Nghệ thuật không chuyên tỉnh Thuận Hải đi tham gia hội diễn "Tiếng hát từ làng Sen" tổ chức tại Nghệ Tĩnh vào năm 1985, nhân kỷ niệm chín mươi lăm năm ngày sinh của Bác. Đây là niềm vui và vinh dự được đến với quê Bác lần đầu tiên với tư cách là một diễn viên, hơn thế nữa, đoàn có phân công cho tôi phải viết một bài ca ngợi Bác do chính bản thân tôi biểu diễn. Nhận thức được điều này, trước đó một tháng tôi đã bắt đầu sáng tác dựa trên cơ sở chất liệu dân ca Chăm. Trong các làn điệu dân ca Chăm, tôi thấy có điệu thức trưởng "chay Kathũn" tức là điệu anh hùng ca, là phù hợp, bởi lẽ phát triển từ chất liệu "anh hùng ca" để ca ngợi một vị anh hùng dân tộc là điều rất hợp lý và hài hoà. Tôi quyết định viết theo thể loại ba đoạn: A, B, C, bằng giọng la trưởng và lấy tên bài hát là "Làng Chăm ơn Bác", mở đầu bằng nhịp Moderato tự sự nói lên tâm tư và tình cảm của người Chăm đối với Bác. Sau một câu dạo đầu của đàn "Kanhi" sâu lắng, tôi mở đầu bằng câu: *Từ làng Chăm xa xôi nay con về thăm quê Bác, nghe trong lòng bao thương nhớ ôi mang nặng tình Bác trong tim...* Tiếp theo, đoạn B là tiết nhịp mạnh dựa theo tiết tấu của trống ginăng, paranưng rộn ràng thôi thúc bằng nhịp độ nhanh vừa: *"Nhớ lời Bác gìn giữ quê hương nòi giống... hoà bài ca chiến thắng Nam Bắc yêu thương thiết tha"*. Bỗng đoạn C đột ngột lắng xuống bằng âm khu trầm của giọng la trưởng (tức

nốt la trầm) vẫn với nhịp độ trên nhưng nhịp điệu bài hát càng dồn dập hơn: *"Độc lập tự do lời Bác gọi thống nhất đất nước cùng dựng xây quê hương..."*. Và bài hát được kết bằng hai câu cuối: *"Hồ Chí Minh trong trái tim Việt Nam - Hồ Chí Minh trong trái tim người Chăm"*.

Xuyên suốt nội dung bài hát là một cảm xúc mãnh liệt, sự khao khát nồng nàn khi được đến với quê Bác và tôi càng vui sướng hơn khi một lúc nhận được hai vinh dự: một huy chương vàng của Bộ VHTT cho diễn viên và một bằng khen của UBND tỉnh Nghệ Tĩnh cho sáng tác. Thời gian đã đi qua rồi, nhưng ký ức mùa Hội diễn vẫn còn sống mãi trong tôi. Thế mới cảm nhận được rằng cái giá trị đích thực của nghệ thuật là vậy, và từ đó ngưỡng cửa âm nhạc đã rộng mở cho tôi lao vào con đường sáng tác chuyên nghiệp, nhất là từ khi tôi được kết nạp là hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam vào năm 1990.

NHỮNG KỶ NIỆM VÔ GIÁ

LINH NHÂM *kể*

Vào những năm 1960, tôi vinh dự được nhiều lần vào biểu diễn phục vụ Bác Hồ và các cán bộ, nhân viên trong cơ quan Phủ Chủ tịch. Thời kỳ ấy cứ tối thứ bẩy và chủ nhật, cơ quan thường tổ chức chiếu phim, Bác yêu cầu tôi hát cho anh chị em trong cơ quan cùng nghe. Được Bác chỉ đích danh, tôi sung sướng quá, đứng dậy hát liền mấy bài dân ca quan họ Bắc Ninh. Khi hát xong, Bác khen: "Giọng cháu tốt, cháu nên học ngâm thơ để có nhiều tiết mục phục vụ bộ đội". Tôi trở về báo cáo việc này với nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn, các đồng chí lãnh đạo đơn vị hết lòng đồng tình và cổ vũ, tôi thêm vững tin bước vào lĩnh vực mới. Cứ mỗi lần xuống phục vụ bộ đội, tôi kiên nhẫn tìm những bài thơ của anh em trên báo tường về nghiên cứu, nghiền ngẫm rồi phục vụ tại chỗ cho bộ đội nghe. Bước đầu được bộ đội hưởng ứng nhiệt tình, tôi càng cảm kích, phấn hứng thêm một bậc nữa là chọn những bài thơ của những tác giả chuyên nghiệp như bài thơ *"Lá thư Bến Tre"* của Nhà thơ Tố Hữu. Chọn một bài thơ đúng thời điểm cuộc đấu tranh thống nhất đất nước của đồng bào miền Nam đang trên đà thắng lợi, cộng với sự loé sáng trong cung cách biểu diễn có tìm tòi nên tôi được khán giả cổ vũ mạnh mẽ. Tôi hồ hởi đem kết quả này về báo cáo với Bác: "Đây là lần đầu tiên sân khấu Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị đưa vào một thể loại mới, đó là ngâm thơ. Nhờ ơn chỉ dẫn của Bác, cháu đã được bộ đội hoan nghênh và được đơn vị đánh giá là tốt. Cháu xin cảm ơn Bác". Tôi cảm ơn Bác đồng thời ngâm cho Bác nghe *"Lá*

thư Bến Tre", Bác khen "Thế là cháu biết ngâm thơ rồi đấy. Nhưng hơi thở của cháu còn ngắn lắm". Bác liền đứng dậy làm thị phạm cho tôi, tôi ngơ ngác không thể ngờ được là Bác đã thấu hiểu phương pháp cơ bản của người diễn viên hát: Bác đứng thẳng người, đưa hai tay lên hoành cách mô, lấy hơi thật sâu vào, xong rồi ngừng lại một tí và thở ra thật chậm, Bác làm thị phạm y như một giáo viên dạy hát. Lúc đó tôi thoáng nghĩ: Bác đã từng đạp guồng xế nước và tát nước gầu đôi làm thị phạm cho nông dân thì việc này Bác cũng tìm hiểu cặn kẽ để động viên thúc đẩy ngành nghệ thuật của chúng tôi. Được Bác chỉ đạo tận tình, chu đáo như thế cho nên khi về đơn vị, tôi ngày đêm miệt mài tìm tòi cách ngâm thơ sao cho hiệu quả nhất để khỏi phụ lòng dạy dỗ của Bác. Tôi nghĩ: ở miền Bắc lúc này có hai giọng ngâm thơ khác nhau mà khá hấp dẫn, một là giọng ngâm thơ của Trần Thị Tuyết theo truyền thống chèo cổ, hai là giọng ngâm của Châu Loan theo giọng hò Huế. Tôi nghiên cứu đặc điểm của hai chị để rút ra cho mình một giọng điệu thứ ba - giọng thơ Linh Nhâm, với bài *"Chúng con chiến đấu cho người sống mãi Việt Nam ơi!"* của Nam Hà và bài *"Quê hương"* của Giang Nam là con đường đưa tôi tới hạnh phúc của người nghệ sĩ mặc áo lính, được đồng bào và chiến sĩ của cả nước đón nhận ở sân khấu Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị và trên làn sóng của Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam trong hai thập kỷ sáu mươi và bẩy mươi của thế kỷ hai mươi.

Thỉnh thoảng những buổi sáng chủ nhật, tôi được đến đọc sách báo phục vụ Bác và được ăn cơm với Bác. Tôi nhớ mãi bữa cơm đầu tiên, khi bước vào phòng ăn, thấy một cái bàn xa hút, Bác ngồi ở tận cuối bàn cùng với một mâm cơm đã bày sẵn: có thịt kho, thịt luộc, canh, cà và đặc biệt là có món tràng lợn. Khi ngồi ăn, Bác cứ gắp cho tôi liên tục. Khi no rồi, tôi để bát cơm xuống, Bác nhìn qua thấy tôi ăn chưa sạch bát, Bác bảo: "Bé phải ăn cho hết không được bỏ thừa dù chỉ là một hạt cơm. Bé có biết không, có được những hạt cơm này là người dân phải trải

hai sương một nắng, mình ăn không được bỏ phí!". Trong cuộc đời còn non nớt của tôi, tôi không thể tưởng tượng được Bác dành thời gian chăm lo cho một diễn viên bình thường như tôi chu đáo đến thế, ân cần đến thế. Bữa cơm này thật vinh dự đối với tôi mà cũng không thể nào quên bữa cơm đậm tình cha con mà Bác đã dành cho tôi.

Năm 1967, giặc Mỹ leo thang bằng không quân đánh ra miền Bắc thật là dữ dội, đặc biệt là Khu Bốn. Được lệnh của Tổng cục Chính trị, đoàn chúng tôi chuẩn bị đi vào phục vụ tuyến lửa Khu Bốn. Trước ngày lên đường, tôi vào biểu diễn báo cáo với Bác. Khi biểu diễn xong, Bác nói với chú Vũ Kỳ chuẩn bị cho tôi một lọ thuốc chống muỗi và Bác cho tôi một cái áo len cộc tay để chống lạnh.

Lúc cầm cái áo len từ tay Bác trao, tôi bùi ngùi ứa nước mắt vì một vị Chủ tịch nước đối với một nghệ sĩ như tôi. Bác đã chăm lo theo đúng nghĩa đen là:

- Lo cho tôi có sự nghiệp
- Lo cho tôi có bữa ăn
- Lo cho tôi có áo mặc
- Lo cho tôi có sức khoẻ để làm việc.

Đó là những kỷ niệm vô giá đối với một nghệ sĩ như tôi. Bác đối với tôi thật vô cùng vĩ đại và ấm cúng.

KHẮC TUẾ *biên soạn*

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm ảnh nghệ thuật toàn quốc lần IV tại Tràng Tiền (12/9/1962) - *Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM*

VƯỢT CẢ ƯỚC MƠ

NAY HƠVIN *kể*

Những ngày giáp Tết năm 1956 Đoàn văn công Tây Nguyên chúng tôi bàn nhau chuyện tổ chức Tết. Anh thì nêu vấn đề làm nhiều món ăn dân tộc để có thêm mùi vị quê hương. Chị thì bàn nên tranh thủ đi xem các nơi thắng cảnh để hiểu thêm phong cảnh đất nước. Có đồng chí đề nghị nên đi thăm các bạn đồng hương ở xa Hà Nội. Lại có đồng chí gợi ý nên tổ chức nhiều trò chơi dân tộc. Thật là có nhiều ý kiến, chỉ e không đủ thì giờ để thực hiện.

Đang lúc chúng tôi lúng túng và liên tưởng đến những cái Tết trước đây ở Tây Nguyên, được ăn các món dân tộc, họp mặt với gia đình và bè bạn, hoặc đi nổ súng vào đầu giặc Pháp để thay pháo đầu xuân, thì được tin Bác cho chúng tôi quà Tết. Bác cho một thứ mà chúng tôi đang ao ước, đó là một con nai. Bác còn viết thư cho chúng tôi, đại ý tôi còn nhớ được là: "Thấy các cháu ra ngoài này lâu không được ăn thịt thú rừng, nên Bác gửi cho các cháu con nai để ăn Tết".

Nghe xong thư Bác, lòng chúng tôi vô cùng xúc động. Nhớ lại lúc bảy tám tuổi, mỗi khi bố mẹ có những thứ ngon lành gì hoặc đi ăn bắn được các thú rừng về thường để dành thịt cho con hay nhường cho con trước. Bây giờ Bác đối với chúng tôi cũng thế nữa và còn hơn thế nữa. Bác bận trăm công nghìn việc, vậy mà Bác vẫn luôn luôn nghĩ đến chúng tôi, biết rõ cả những ước mong về sinh hoạt, và khi nhân dân biếu Bác con nai để ăn Tết,

Bác lại gửi ngay cho chúng tôi. Đến bữa ăn, khi gắp miếng thịt nai, tôi vừa xúc động, vừa cảm thấy hương vị của nó ngon ngọt vô cùng.

Hồi tưởng lại lúc chưa ra tập kết, tôi cũng như nhiều anh chị em khác, chỉ có một ước mong duy nhất là được gặp Bác một lần, thì dù trong công tác có hy sinh đi nữa cũng không hề chùn bước.

Ước mong của chúng tôi lúc đó mới có thế, chứ đâu dám nghĩ đến chuyện được ăn quà Tết của Bác hay được hưởng nhiều sự săn sóc, dạy bảo trực tiếp của Bác.

Thật vậy, khi chúng tôi vừa mới đặt chân lên miền Bắc được một hôm, đang nhiều bỡ ngỡ với phong cảnh Sầm Sơn, thì Đảng, Chính phủ, nhân dân miền Bắc đã chăm lo cho chúng tôi mọi thứ tỏ rõ lòng thương yêu chúng tôi vô hạn. Riêng Bác, Bác lại cho ngay chúng tôi một món quà đặc biệt: mỗi người một chiếc áo dạ rất đẹp. Qua lời đồng chí cán bộ mậu dịch đến đo may cho chúng tôi, thì đây là một tặng phẩm đặc biệt của Bác cho Đoàn văn công Tây Nguyên. Đã mười năm nay, tôi giữ chiếc áo ấy còn như mới may để sau đây, khi trở về quê hương, tôi sẽ đem nó ra nói chuyện với mọi người.

Được Bác cho áo rồi, tôi lại nghĩ đến chuyện gặp Bác. Lúc này tôi tin tưởng là nhất định sẽ được gặp, nhưng chưa mường tượng nổi là sẽ gặp Bác trong khung cảnh nào. Ước mong này đã thành sự thật và đến nhanh hơn cả dự đoán của tôi. Sau khi trú quân ở Sầm Sơn mấy hôm thì chúng tôi được lệnh chuyển về Hà Nội và được gặp Bác ngay.

Tôi còn nhớ rất rõ buổi tối hôm đó ở Phủ Chủ tịch. Trong lúc chúng tôi đang mải mê hoá trang thì thấy mấy tiếng "Bác! Bác" vang lên trong phòng và thấy một số chị em vội vã chạy ùa ra cửa. Tôi còn đang ngơ ngác chưa biết việc gì thì thấy một chị đứng bên bảo tôi: "Bác đến, Bác đến!". Tôi hiểu ra là Bác đến

thăm chúng tôi. Mơ ước của tôi đã thành sự thật. Vì sự việc đến bất ngờ quá nên tôi phân vân không biết nên chạy đến gần Bác hay đứng tại chỗ để nhìn Bác. Tôi cũng quên cả việc chào Bác mà cứ đứng nhìn xem Bác có khoẻ không, có giống như ảnh chụp không? Trong lúc tôi đang đứng ngây ra thì nghe tiếng Bác gọi:

- Các cháu Tây Nguyên đến bắt tay Bác.

Nghe tiếng Bác gọi, tôi bồi hồi quá, vội vàng đến gần để được bắt tay. Bắt tay chúng tôi xong, Bác thong thả đi ra ngoài. Lúc này, tôi càng xúc động, chảy cả nước mắt mà vẫn nhìn theo Bác. Tôi cảm thấy vẫn chưa được nhìn rõ Bác vì thời gian được nhìn Bác ít quá, mặc dầu tôi đã được đứng gần Bác và bắt tay Bác.

Một việc nữa làm tôi xúc động hơn và cũng chưa bao giờ nghĩ tới là sau khi chúng tôi biểu diễn xong một tiết mục, Bác thấy chúng tôi mặc áo cộc tay, liền thân mật bảo ngay:

- Các cháu mặc ngay áo bông vào không thì bị sưng phổi đấy!

Khi chúng tôi mới trình diễn được một nửa chương trình thì Bác lại bảo chúng tôi nghỉ. Bác nói:

- Diễn như vậy là đủ rồi, các cháu mới ra tập kết chưa quen chịu lạnh, nếu làm việc nữa sẽ bị ốm đấy.

Bác lại cho chúng tôi ăn kẹo bánh và dặn chúng tôi:

- Cháu nào ăn không hết thì lấy đem về nhà.

Lúc đó, tôi và nhiều anh chị em khác trong đoàn rụt rè không ăn cứ chăm chú nhìn Bác. Thấy vậy, Bác bảo chúng tôi:

- Các cháu cứ ăn tự nhiên, ăn không hết thì đem về nhà cho các bạn, và nhớ phần cho cả các đồng chí lái xe nữa.

Thấy Bác nhắc nhở và nhìn thấy các bạn ở miền Bắc ăn uống tự nhiên, chúng tôi cũng mạnh bạo ăn và lấy đem về để vừa ăn vừa cho các bạn. Riêng tôi có cháu nhỏ thì lấy về cho cháu và bảo đấy là quà của ông ngoại (tôi bảo các cháu gọi Bác Hồ là ông ngoại). Các cháu được ăn nhiều lần như vậy nên mỗi khi tôi

đi biểu diễn lại hỏi: "Hôm nay má có đến ông ngoại không?". Thấy tôi trả lời có đến thì các cháu vui hẳn lên, có đứa lại giục tôi đi nhanh hơn nữa. Cũng có lần đi biểu diễn nơi khác, tôi bảo hôm nay tôi không đến ông ngoại thì các cháu tỏ vẻ không vui. Thấy thế nên các lần đi biểu diễn nơi khác, tôi thường nói dối các cháu là tôi đến ông ngoại, lúc về bao giờ tôi cũng nhớ mua cho các cháu ít bánh kẹo và nói là quà của ông ngoại gửi cho. Kể ra tôi nói dối như vậy là có khuyết điểm với Bác, nhưng vì tôi thấy các cháu mến ông ngoại lắm, cũng như nghĩ thêm, nếu không có chế độ của ta, có Đảng và Bác thì làm gì các cháu nhỏ người Tây Nguyên (tập kết ra Bắc) lại được săn sóc chu đáo thế.

Lần thứ hai tôi được gặp Bác là trong dịp chúng tôi biểu diễn để chào mừng một vị khách ngoại quốc đến thăm nước ta. Buổi biểu diễn này có nhiều đoàn văn công tham dự. Khi đoàn chúng tôi lên biểu diễn, tôi thấy Bác rất chăm chú theo dõi, thỉnh thoảng lại nói chuyện với vị khách ngoại quốc ngồi bên cạnh và chỉ tay lên phía chúng tôi. Tôi đoán là Bác đang giới thiệu nghệ thuật của các dân tộc Tây Nguyên với vị khách đó.

Sau khi biểu diễn, Bác cho chúng tôi chụp ảnh chung để kỷ niệm. Anh chị em cứ sán đến để được đứng cạnh Bác. Chụp ảnh xong, Bác hỏi tôi:

- Sao độ này cháu Vin gầy thế, cháu Kim Nhớ đi đâu sao hôm nay không có mặt? - Và chẳng đợi tôi kịp trả lời, Bác ân cần khuyên: Cháu cần ăn nhiều vào cho có sức khoẻ mới được.

Tôi thưa với Bác là Kim Nhớ đi học. Bác hỏi:

- Học gì?

Tôi thưa tiếp:

- Thưa Bác, học văn hoá.

Thấy vậy, Bác liền bảo chúng tôi:

- Các cháu cần phải cố gắng học tập, để sau này về Tây Nguyên hướng dẫn lại nhân dân.

Câu chuyện trên đây làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều. Bác tài nhớ quá. Mới gặp chúng tôi lần thứ hai mà Bác đã thuộc tên từng người, biết rõ cả ai vắng mặt và hiểu rõ cả sức khoẻ của chúng tôi nữa. Chính do lòng thương yêu cán bộ mà Bác quan tâm đến chúng tôi như thế này đấy.

Như được lòng thương và sự dạy dỗ của Bác, tôi đã có một sự tiến bộ đáng kể về trình độ văn hoá, tư tưởng và chuyên môn.

Lúc ra tập kết, tôi mới thoát nạn mù chữ và chưa nói sõi tiếng phổ thông. Nay tôi đã có trình độ văn hoá lớp tám và nói thạo tiếng phổ thông.

Về phương diện chuyên môn thì mặc dầu tôi đã công tác trong đoàn văn công được bảy, tám năm, nhưng lúc ra tập kết, tôi vẫn gần như mù nhạc, chỉ mới đọc được các nốt nhạc, chứ chưa hiểu được nhạc lý và chưa biết xướng âm. Bây giờ tôi đã tốt nghiệp trung cấp về âm nhạc và đang tiếp tục học thêm. Tôi đã thấy yêu nghề và thích hát những bài hát tiếng dân tộc. Trước kia, tôi rất ghét nghề văn công, cho rằng công tác này không có tiền đồ. Chính vì có ý nghĩ đó nên hồi ở trong Nam, hễ có ai hỏi tôi: "Tối nay diễn gì đấy" là tôi khó chịu, cho là người ta khinh thường, muốn biết tối nay mình diễn "trò" gì. Gặp trường hợp có người hỏi thế là tôi trả lời miễn cưỡng: "Chưa rõ lắm" hoặc làm thinh không nói gì. Cũng không phải chỉ mình tôi coi thường nghệ thuật sân khấu mà cả chồng tôi cũng như rứa. Cho nên lúc mới ra tập kết, tôi vẫn chưa yên tâm, luôn luôn xin đổi công tác. Không những thế, tôi lại không thích hát những bài tiếng dân tộc, vì cho là trình độ văn nghệ của dân tộc mình còn thấp kém. Tôi chỉ thích hát những bài tiếng phổ thông, mặc dầu khi hát lên, có nhiều đoạn hay toàn bài tôi không hiểu ý nghĩa hoặc chỉ hiểu lơ mơ. Bây giờ thì khác hẳn trước, tôi đã yên tâm với nghề nghiệp. Tôi đã hiểu biết được những cái hay cái đẹp của nền nghệ thuật dân tộc tôi. Bây giờ khi hát các bài tiếng dân tộc, tôi

tự thấy mình diễn hay hơn các bài hát phổ thông, vì tôi hiểu được ý nghĩa và tình cảm của các bài đó.

Sở dĩ tư tưởng tôi biến chuyển tốt như thế là nhờ sự dạy dỗ của Đảng, của Bác. Tôi thấy Bác rất chăm chú theo dõi các tiết mục văn nghệ của các dân tộc thiểu số, trong đó có các dân tộc Tây Nguyên chúng tôi. Có lần Bác gửi cho chúng tôi một bó lông công để dùng trang trí mũ măng theo phong cách dân tộc. Nhận được bó lông công đó, chúng tôi cảm thấy không những Bác am hiểu phong tục, nghệ thuật của các dân tộc Tây Nguyên mà còn tỏ ra rất trân trọng nữa. Bó lông công đó cũng nói lên một phần Bác khuyến khích chúng tôi trau dồi thêm nghệ thuật dân tộc. Chúng tôi luôn nhớ lời Bác đã căn dặn: "Cần phải cố gắng học tập để sau này về Tây Nguyên hướng dẫn lại nhân dân".

THANH GIANG *ghi*

Chủ tịch Hồ Chí Minh và các diễn viên Đoàn văn công các dân tộc thiểu số về dự ĐH Văn công toàn quốc (Phủ Chủ tịch, 12/1955)
Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

NHỮNG CA KHÚC VIẾT VỀ BÁC HỒ VỚI TÂY NGUYÊN

LINH NGA NIÊK ĐĂM

Kể từ ngày rời bến cảng Nhà Rồng, lên tàu ra đi tìm con đường cứu nước, Bác chưa một lần được trở lại miền Nam. Chưa được thắp nhang trên mộ người Cha già đã nén mọi tình cảm riêng tư để động viên con dứt áo ra đi. Bác cũng chưa một lần được đến với Tây Nguyên. Nhân dân Tây Nguyên biết đến Bác Hồ chỉ qua những câu chuyện kể của cán bộ, qua những huyền thoại về Bác lưu truyền khắp đất nước. Nhưng tình cảm của Bác Hồ đối với Tây Nguyên thì bà con các dân tộc ít người trên dãy núi Trường Sơn đều biết đến qua hai lần Bác gửi thư cho Đại hội các dân tộc thiểu số ở Plei Ku năm 1946 và lá thư gửi qua cụ nhân sĩ già Y Bih Alêo. Nhân dân Tây Nguyên cũng luôn hiểu rằng "Miền Nam luôn ở trong trái tim" vĩ đại và chứa chan tình cảm của Bác Hồ. Chính vậy mà hình ảnh Bác như ngôi sao Bắc Đẩu, không chỉ soi sáng con đường theo Đảng đấu tranh giành độc lập tự do cho dân tộc, mà còn như ngọn đèn trong đêm dài tăm tối để đến với ấm no hạnh phúc hôm nay. Ngoài những bài ca dao, dân ca mà quý vị và các bạn đã biết, tình cảm của nhân dân Tây Nguyên đối với Bác Hồ còn là chủ đề, là cảm xúc cho nhiều nhạc sĩ, từ trên chất liệu dân ca, sáng tác nên những ca khúc sống mãi theo thời gian.

Đầu tiên phải nhắc tới bài hát *"Đêm thao thức"* của nhạc sĩ người dân tộc Jrai Kpă Pui. Ông là người Tây Nguyên đầu tiên sáng tác âm nhạc, và ca khúc đầu tay của ông ra đời năm 1955 là

tình cảm của người Tây Nguyên đối với Bác Hồ. Bằng chất liệu dân ca Hrê hơi chậm và tha thiết, những lời mộc mạc của tấm lòng người Tây Nguyên đã được nhạc sĩ bày tỏ *"Ôi sao sáng mến yêu, hãy nhắn lòng biết ơn, lòng mong nhớ tới Bok Hồ"*. Tác giả khẳng định: *"Tây Nguyên đã đứng lên bước theo Bok Hồ giữ gìn quê hương"*. Và trong những ngày đất nước còn tạm bị chia cắt làm hai miền, người Tây Nguyên vẫn vững tin vì có *"Mắt Cha sáng long lanh thương yêu nhìn thấu lòng muôn người"*, để rồi một ngày kia *"Được ấm no muôn đời"*. Sử dụng điệu thức thứ mềm mại, man mác, rất phù hợp với nội dung, bài hát không kết ở chủ âm mà kết ở bậc 5, như lòng ước mong của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên một ngày được đón Bác về thăm luôn luôn còn mãi.

Điều đáng chú ý là bài hát *"Đêm thao thức"* là một trong số những bài đầu tiên sáng tác trên chất liệu dân ca Tây Nguyên, xuất hiện ở miền Bắc. Giai điệu lạ và đẹp, hơi buồn nhanh chóng được mọi người yêu thích. Thậm chí về sau này, ca sĩ Tường Vi đặt lời mới cho bài hát, lấy tên là *"Gửi tới Bác Hồ"*, cũng được đón nhận rất nồng nhiệt. Lời bài hát cũng là tình cảm hướng về Bác của Tây Nguyên *"thương nhớ biết bao, từ mái tóc pha sương, từ trái tim trong sáng của Người"*. Và mong đợi ngày *"Sướng vui mừng đón Cha về"*. Nghệ sĩ nhân dân Tường Vi và nghệ sĩ ưu tú người dân tộc Hrê Kim Nhớ đã thành công rất nhiều năm khi biểu diễn hai tác phẩm này trên các sân khấu nghệ thuật ở trong và ngoài nước. Rất nhiều những ca khúc ra đời muộn hơn nhưng cũng nhanh chóng nổi tiếng vào thời điểm kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Một trong số đó là bài *"Cánh chim báo tin vui"* của nhạc sĩ Đàm Thanh. Bài hát thay lời nhờ những cánh chim báo tin vui Tây Nguyên chiến thắng và mang cả *"lòng người dân Tây Nguyên thiết tha mong Người về thăm"* tới Bác Hồ. Sử dụng điệu thức trưởng khoẻ khoắn, tiết tấu nhanh vui, rộn ràng, trên giai điệu dân ca Jrai với những quãng nửa cung rất đặc trưng, bài hát có mặt trong rất nhiều chương trình biểu diễn của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, được nhạc sĩ

Thanh Tùng lựa chọn chuyển biên sang cho nhạc không lời hoà tấu đầu tiên theo hình thức nhạc nhẹ. Đặc biệt được bạn yêu nhạc vô cùng tán thưởng.

Ít người biết rằng một số dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên không có họ. Sau ngày đất nước độc lập, bà con đã xin Bác Hồ cho được mang họ của Người, như các tộc người Vân Kiều, Pa Cô (hay như người Pa Hy xin được mang họ Phạm của thủ tướng Phạm Văn Đồng). Và họ vô cùng tự hào với điều ấy. Nhạc sĩ Huy Thục đã ghi lại hình ảnh của những cô gái Pa Cô "Con cháu Bác Hồ" khi nghe *"Bác Hồ gọi ấy là mùa xuân đến"*, đã cùng rủ nhau *"Dù mưa bom cũng không ngại chi, đi đánh Mỹ để giữ núi rừng"*, với quyết tâm *"Giặc chưa hết chưa về dù rừng thương núi nhớ"*. Bài hát viết trên điệu thức trưởng, điểm xuyết những nốt hoa mỹ nhỏ đặc trưng, dù không thấy bóng dáng đường nét, nhưng chất dân nhạc miền núi Trường Sơn vẫn bộc lộ rất rõ nét.

Mùa xuân năm 1968, lời chúc Tết *"Tiến lên toàn thắng ắt về ta"* của Bác Hồ vang vọng khắp núi sông. Nhạc sĩ Doãn Nho đã có ngay một sáng tác từ cảm xúc với vần thơ chiến thắng của Bác, trong tác phẩm *"Tây Nguyên mừng đón thơ Bác"*. Bài hát được trình bày dưới hình thức hợp xướng, thể hiện khí thế hào hùng của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, hoà chung trong sức mạnh của toàn dân, chiến đấu cho ngày toàn thắng của quê hương. Trên giai điệu nguyên gốc của một bài dân ca Hrê, ở thể hai đoạn đơn, bài hát mở đầu tha thiết *"Rừng Tây Nguyên lắng nghe mừng đón lá thư Bác Hồ"*. Để rồi hào sảng vang lên lời thơ của Bác *"Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua/ Thắng trận tin vui khắp nước nhà/ Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ/ Tiến lên toàn thắng ắt về ta"*, với tiết tấu nhanh, sôi động, mạnh mẽ. Tác giả Doãn Nho đã kết hợp được giai điệu dân ca Tây Nguyên với lời thơ chúc Tết hào hùng của Bác Hồ kính yêu, hài hoà giữa điệu thức thứ và điệu thức trưởng, tạo nên thành công cho ca khúc.

Sau ngày Bác Hồ đi xa, nhiều nhạc sĩ vẫn tiếp tục viết về tình cảm của nhân dân ta với Bác. Nhạc sĩ Lê Lôi cho ra đời ca

khúc *"Bác Hồ sống mãi với Tây Nguyên"*, phổ thơ của Kpă Y lăng, do ca sĩ người dân tộc Bana Măng Thị Hội trình bày lần đầu tiên trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, đã nhanh chóng có được vị trí trong đời sống âm nhạc Việt Nam. Bài hát là lời nhân dân các dân tộc Tây Nguyên nhắn gửi rằng *"ai thương, ai quý Bác Hồ bằng người Tây Nguyên"* và *"Bác Hồ sống mãi bên từng mái nhà, từng nương rẫy, trong điệu sáo tiếng đàn tr'ưng"*, Người mãi mãi cùng đi với chúng ta trên con đường đến tương lai. Vào thời điểm ấy, đây là một trong những bài hát viết về Bác Hồ với Tây Nguyên được coi là rất thành công.

Chiến thắng Buôn Ma Thuột mùa xuân 1975, Kpă Púi là một trong những nhạc sĩ đầu tiên có tác phẩm gửi từ chiến trường Tây Nguyên nóng bỏng ra Đài Tiếng nói Việt Nam. Bài hát *"Tây Nguyên giải phóng"* viết ở điệu trưởng, phảng phất đường nét dân ca Bana, tiết tấu nhanh vui rộn rã, nhắc đến "Công ơn của Bác Hồ khắc ghi đời đời" trong tâm hồn người dân Tây Nguyên khi sông núi đất trời đã về ta". Cũng Kpă Púi, là người nhạc sĩ đầu tiên ở Tây Nguyên, trong chuyến tham quan Liên Xô cũ, đã có sự liên tưởng giữa hai vị lãnh tụ Lênin - Bác Hồ, qua bài hát *"Đôi mắt Lênin"*, với tình cảm *"Lòng bè bạn tự hào biết mấy"* vì *"Lênin - Bác Hồ là ngôi sao sáng"*. Bài hát được trình diễn ngay ở Đại sứ quán Việt Nam tại Liên xô, tác giả rất tự hào với phần đệm pianô của Nghệ sĩ Nhân dân Đặng Thái Sơn.

Đất nước thống nhất, dù Bác đã đi xa, nhưng công ơn của Bác, hình ảnh Bác vẫn còn mãi trong lòng dân Tây Nguyên. Mạnh Trí, một tác giả âm nhạc ở Đăk lăk trưởng thành từ sau giải phóng đã viết bài *"Ơn Bác Hồ với người Tây Nguyên"*. Bài hát viết trên chất liệu dân ca Êđê, tiết tấu dồn dập như nhịp điệu chiêng Knă, được trình diễn lần đầu tiên tại liên hoan thanh niên ở thành phố Hồ Chí Minh, sau đó còn được trình diễn ở nhiều nơi, như một lời tuyên ngôn của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên *"Ơn Bác Hồ kính yêu ngàn năm làng buôn ghi nhớ mãi"*.

Một tác giả khác người dân tộc Êđê ở Đăk Lăk, nhạc sĩ Y Sơn Niê, trong những sáng tác rất được phổ biến của anh ở các buôn làng, luôn gắn liền với tình cảm biết ơn Đảng, ơn Bác Hồ sâu sắc. Như bài *"Ơ chim Ktiă"* có câu *"Dân Tây Nguyên nhớ tới Bác. Ơn Đảng Bác có cuộc đời này"*. Hoặc trong bài *"Hoa suối"* dựa trên ý một bài dân ca Êđê *"Hoa Bác Hồ đua nở"* thời chống Mỹ *"Em là hoa của suối. Anh là núi của ngàn. Hoa cha mẹ để lại. Hoa Bác Hồ cho ta"*. Tác giả bài viết này là người dân tộc Êđê, cũng có một sáng tác mang tựa đề *"Bác Hồ, người là sao Bắc Đẩu"*. Trên đường nét dân ca Êđê, bài hát phỏng theo lời một bài ca dao thời kháng chiến chống Pháp của Tây Nguyên, ví *"Bác Hồ là vì sao sáng, lấp lánh rực trời đêm. Bác là mặt trời lên, xua đêm dài tăm tối"*, như nhân dân các dân tộc Tây Nguyên khẳng định *"Bác là người chỉ lối, Bác Hồ vạch đường đi"*, cho Tây Nguyên thoát khỏi cuộc đời tăm tối.

Cũng đề tài "Nhớ ơn Bác Hồ, ơn Đảng", đề cập đến sự đổi thay của Tây Nguyên trong niềm biết ơn sâu sắc đối với Bác Hồ, với Đảng, tác giả Đức Bình ở Đak Lak có bài hát *"Dâng Người lời ca Tây Nguyên hôm nay"*. Tác giả Văn Thìn Kon Tum, một nhạc sĩ gắn bó với Tây Nguyên từ những năm kháng chiến chống Pháp, đã bày tỏ tình cảm *"người Kinh, Bana, Jrai, Jẻ Triêng... muôn người cùng nhau xây dựng cuộc đời mới. Ơn Bác Đảng kính yêu nguyện đi theo Đảng trọn đời..."*. Bài hát này dựa trên làn điệu dân ca Jrai, còn sáng tác của nữ nghệ sĩ ưu tú H'Benh thì dựa trên dân ca Bana, đều giản dị, ngắn gọn, dễ thuộc.

Trong việc nhân dân các dân tộc Tây Nguyên cùng với cả nước đóng góp gỗ quý của rừng già để xây dựng Lăng Bác, tác giả Văn Chừng ở Gia Lai đã viết bài hát *"Bác Hồ trong lòng dân Tây Nguyên"*. Đây là bài duy nhất viết về Bác Hồ với Tây Nguyên nhưng không sử dụng chất liệu dân ca Tây Nguyên, mà dùng dân ca Nghệ Tĩnh để chuyển tải tấm lòng người Tây Nguyên khi *"Cho con góp 79 bậc thang"* làm căn nhà cho Bác yên nghỉ. Tuy nhiên, cho dù sử dụng chất liệu dân gian vùng

miền nào, thì cũng chỉ là cách làm, phương thức sáng tạo và đặc biệt là từ sự chân thành trong cảm xúc của mỗi nhạc sĩ. Còn thành công đến đâu, lại ở phía người nghe, mà trong nghệ thuật đã xác định "là người sáng tạo thứ ba, sau tác giả và ca sĩ". Tuy nhiên, phải thành thật mà nói rằng, kể từ cuối thế kỷ XX đến nay, những ca khúc hay viết về Bác Hồ ít xuất hiện; sống được trong lòng công chúng lại càng không nhiều. Có thể do các tác giả không tìm được cho mình những "tứ" mới về ca từ, cảm xúc nồng nàn cũng phôi pha theo thời gian. Các tác giả trẻ thì không có mấy những xúc cảm thật sự về Bác, vì thiếu ảnh hưởng trực tiếp. Ngay cả trong cuộc vận động sáng tác về đề tài Bác Hồ của Đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh và Ban Tổ chức Trung ương, cũng khó thấy ca khúc nào sẽ có chỗ đứng lâu dài trong công chúng, như những năm trước đây, nhất là từ chất liệu dân ca Tây Nguyên.

Rất có thể đâu đó trong kho tàng âm nhạc đương đại của Việt Nam, còn nhiều ca khúc dùng chất liệu âm nhạc dân gian của Tây Nguyên nói về đề tài ơn Bác Hồ, mà người viết bài này chưa biết đến. Hy vọng với lòng kính yêu Bác, và những tâm hồn yêu nhạc, chúng ta sẽ có thêm những thông tin quý giá, để hoàn chỉnh thêm phần lưu trữ của mình.

CON VẪN HÁT ĐỂ BÁC NGHE

LƯỜNG THỊ DOAN *kể*

Năm 1953, Bộ đội Cụ Hồ tiến vào giải phóng Tây Bắc. Ấy là tôi nghe mẹ, nghe ông bác, ông chú, nghe người cả bản gọi "Bộ đội Cụ Hồ". Sao gọi Bộ đội Cụ Hồ, tôi nghĩ không ra. Bộ đội mặc áo xanh như lá cây, mũ gài lá cây, đeo súng ùn ùn đi qua bản. Bộ đội đi vào Mường Thanh. Tôi nói với mẹ: "Lớn lên con cũng làm Bộ đội Cụ Hồ!". Mẹ vuốt đầu tôi, mẹ vuốt váy áo tôi. Cả áo cả váy đều bạc phếch, trơ sợi ngang sợi dọc, mất hết cả tơ bông. Mẹ khóc! Mẹ khóc vì vui, mẹ khóc vì tủi? Hơn nửa đời người sống khổ sở mẹ chưa dám tin con gái mẹ rồi được sống khác mẹ.

Rồi bộ đội đóng ngay trong bản tôi. Các chú bộ đội dạy chúng tôi hát, dạy chúng tôi múa. Các chú kể chuyện Bác Hồ. Bác Hồ ở xa, ở mãi tận Thủ đô. Bác Hồ thương các cháu người dân tộc Thái, người dân tộc Mèo, người các dân tộc miền núi. Nhìn ảnh Bác, tôi ước ao được gặp Bác một lần. Không dám nghĩ được đến gần Bác, mà chỉ đứng xa thôi, nhìn thấy Bác cũng sung sướng rồi!

Thế mà mơ ước trẻ thơ hơn mười năm trước lại thành sự thật... Tôi đã được gặp Bác. Tôi còn được biểu diễn trình Bác. Hôm ấy là ngày mười hai, tháng tám, năm một nghìn chín trăm bảy mươi bảy. Trời nắng bừng bừng. Một ngày hạnh phúc lớn nhất trong đời diễn viên của tôi. Tin vui là Bác Hồ gọi chúng tôi, cho phép chúng tôi vào thăm Bác. Tin vui như cơn gió mát giữa ngày hè! Bác thương nhất những đứa cháu ở xa. Ngồi trên ô-tô người tôi rộn ràng, phơi phới. Tôi không nhớ được phố nào mình

qua. Phố nào cũng đẹp ra, người nào tôi nhìn thấy cũng hớn hở. Chúng tôi đã chuẩn bị để trình với Bác một số tiết mục mà đoàn đã sáng tác, phục vụ trên các chiến trường.

Chúng tôi đang sửa soạn trang phục, đạo cụ thì Bác đến. Mọi người reo lên, ùa đến, tíu tít xúm quanh Bác. Tôi muốn sà đến mà chân thì ríu lại. Tôi đứng lặng nhìn Bác, tay vẫn cầm đoạn gỗ làm dở chiếc hòm đạn. Tôi nhìn chòm râu Bác, mái tóc Bác. Râu tóc Bác bạc phơ phơ. Bác Hồ! Mắt tôi nhoè đi.

Đồng chí đoàn trưởng gọi tôi. Bác hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Thưa Bác tên cháu là Doan, Lường Thị Doan ạ!

- Cháu người dân tộc Thái phải không?

- Thưa Bác vâng ạ!

Trả lời Bác mà nghe như tiếng ai nói hộ mình. Bác chăm lo cho chúng tôi từng li từng tí. Trong đoàn còn ba đồng chí cấp dưỡng vì không có nhiệm vụ nên ở nhà. Bác cho đi gọi. Mười phút sau chiếc xe con bóng loáng đón ba đồng chí cấp dưỡng đã về, đỗ trước cổng Chủ tịch phủ. Biết trong đoàn có đồng chí Vi Thị Khưa, người dân tộc Puộc - một dân tộc ít người nhất trong khu tự trị - chưa biết chữ, Bác dặn đồng chí đoàn trưởng phải chú ý cho đồng chí Khưa học văn hoá. Từ ngày được gặp Bác, đã hơn hai năm nay đồng chí Khưa vẫn đang theo học trường nghệ thuật quân đội.

Bác xem những hòm đạn chúng tôi làm bằng vải bọc ngoài khung gỗ mỏng. Bác khen như vậy là tốt. Đoàn chúng tôi thường xuyên hành quân theo bộ đội trên các chiến trường miền núi nên mọi đồ đạc biểu diễn đều đeo trên vai. Chúng tôi phải làm bằng dây thép, gỗ mỏng tháo lắp được. Nghe Bác khen, ai nấy đều sung sướng!

Bác ngồi xem chúng tôi biểu diễn hơn một tiếng đồng hồ. Tiết mục nào Bác cũng vỗ tay. Hết một tiết mục Bác lại tặng cho người thì chiếc kẹo, người thì cái hoa. Bọn con gái chúng tôi ai cũng thích xin Bác hoa.

Đến lượt tôi ra hát. Tôi phải cố gắng lắm mà vẫn hồi hộp. Chưa bao giờ tôi dám nghĩ mình sẽ được hát để Bác nghe. Tôi hát tiếng dân tộc Thái. Bài hát là tấm lòng của người dân tộc Thái, người dân tộc Mèo, người các dân tộc miền núi chúng tôi đối với Bác. Bài hát kể: "Công ơn của Đảng, của Cụ Hồ như mặt trời chiếu sáng. Người các dân tộc anh em bốn phương chung một mặt trời...". Bài hát kể chuyện "... Ánh sáng mặt trời làm hạt lúa nảy mầm, làm đài bông nở trắng. Từ ngày có Đảng, có Cụ Hồ chúng tôi mới có cơm ăn no, có áo mặc ấm". Bài hát kể đến chuyện đời cũ ngày xưa. Tiếng khèn đệm chìm sâu vào đĩ vãng. Tôi thấy mình như được thay mặt bản quê thưa trình với Bác cuộc đời của quê hương mình. Bản quê tôi xưa chỉ lắm hố củ mài. Con trai sợ chẳng dám về ở rể. Giặc Tây, giặc Nhật, giặc Quốc dân đảng tràn đến, kéo đi. Làng bản không còn tiếng con gà gáy...

Bác đang ngồi nghe tôi thưa chuyện. Thưa Bác! Đời xưa mẹ con cháu như cánh bèo trôi dạt, rẻ rúng. Bộ đội đã cứu mẹ con cháu thoát khỏi làng tập trung của giặc Pháp. Mẹ cháu không dám tin thật con gái mình rồi được sung sướng như ngày nay.

Bác vẫn ngồi nghe tôi thưa chuyện. Bác hiểu hết! Bác thương nhất những đứa cháu ở xa. Bác gọi tôi lại gần. Bác hỏi:

- Cháu thích kẹo hay thích hoa?

Tôi bỗng nghẹn ngào. Một đời tôi chỉ dám ước ao được gặp Bác. Được hát để Bác nghe đã là một hạnh phúc quá lớn. Nay lại được Bác cho quà. Nhìn mái tóc Bác, chòm râu Bác hiền hậu, tôi bỗng bạo dạn:

- Thưa Bác, cháu xin Bác cả kẹo cả hoa ạ!

Bác cười. Mọi người chung quanh cười. Tôi cũng cười sung sướng. Hết buổi biểu diễn Bác hỏi chúng tôi:

- Các cháu có thích chụp ảnh với Bác không?

Chúng tôi reo lên:

- Thưa Bác có ạ!

Bác ngồi xếp bằng giữa sàn. Chúng tôi xúm xít xung quanh. Bác gọi tôi, gọi đồng chí Khưa cho ngồi cạnh. Bác gọi các đồng chí người Mường, người Tày... ngồi gần. Bác tươi cười bảo: "Ưu tiên các cháu người dân tộc ít người". Chúng tôi vui vẻ cười theo.

*

* *

Trên các trận địa cao pháo, trên các chiến hào phòng ngự giữa đồn giặc vừa bị san bằng, trong các cánh rừng bộ đội trú quân..., tôi đã hát bao nhiêu lần phục vụ bộ đội?

Tôi không nhớ. Nhưng ở đâu, mỗi khi hát tôi cũng thấy Bác nhìn tôi hiền từ. Tôi vẫn thấy Bác cười, Bác vỗ tay sau khi nghe tôi hát. Bác lại cho tôi kẹo và hoa.

9-1969
XUÂN LỘC *ghi*

BÁC VẪN NGHE ĐIỆU HÒ VÍ DẶM

LỆ VINH

Năm ấy, giữa lúc cả quê hương đón Bác về thăm, chúng tôi nhận được chỉ thị của Tỉnh uỷ: "Văn công chuẩn bị biểu diễn phục vụ Bác Hồ. Bác muốn nghe dân ca Nghệ Tĩnh". Mừng quá! Nhưng cũng lo quýnh lên... Tại cuộc họp đoàn tôi xin hát câu dân ca Nghệ Tĩnh.

Tôi nhẩm lại điệu chèo "đò dọc", nhịp xa quay với nhịp làn hát rồi hát thử cho cả đoàn nghe. Các anh lớn tuổi bảo hát đúng và nghe cũng được. Trong lúc đó, Ty Văn hoá cũng phái người đi tìm người hát dân gian. Một chị ở Nam Đàn được mời về...

Chị ấy hát hay lắm, đúng là "giọng gốc", ai cũng mừng vì chắc chắn là Bác rất ưa nghe "giọng gốc". Nhưng, khi đã biết được mời lên tỉnh làm gì rồi thì chị không dám nhận. Tất nhiên, ai lại không muốn được hưởng cái vinh dự được phục vụ Bác, được nhìn Bác cho lâu. Nhưng chị lại sợ mình không tự chủ nổi khi ra sân khấu, cuối cùng chị nhận làm thầy kiểm tra giọng hát cho tôi. Chị khen lấy, khen để: "Được! Giọng chị nghe hay đó chớ. Chị hát đi, tui nỏ dám hát mô!". Tôi rủ H. một diễn viên trong đoàn, cùng tập hát đối đáp. Đêm ấy chúng tôi diễn tại hội trường Công an vũ trang tỉnh. Có tiếng còi ô tô ngoài cổng chính. "Bác đến!", một đồng chí nào đó kêu lên, lạc cả giọng.

Chúng tôi nhìn chăm chăm vào cửa chính hội trường, đứng nín thở sau cánh gà, chờ ngóng Bác... Thật là bất ngờ! Bác đã hiện ra ngay bên cạnh chúng tôi. Chúng tôi đứng sững trước mặt

Bác. Rất thoải mái, Bác giơ tay âu yếm. Chúng tôi ùa đến quanh Bác. Bao nhiêu lo lắng, hồi hộp đều lắng xuống. Bác hỏi thăm sức khoẻ chúng tôi và dặn hoá trang cho đẹp, diễn cho tốt để làm vui lòng người xem. Tôi mừng quá. Bác vẫn hồng hào, giọng nói vẫn vang, dáng người vẫn nhanh nhẹn trong bộ lụa nâu với chiếc áo ka-ki bốn túi khoác ngoài đã nhạt màu.

Chưa mở màn mà đã được Bác động viên rồi! Tấm lòng yêu thương chăm chút ấy của Bác, chúng tôi suốt đời không quên.

Trước tiết mục biểu diễn, đùng một cái, H. không dám ra sân khấu nữa. H. run run nói: "Chị ra đi... em cảm xúc quá không chủ động được". Đạo diễn cũng chỉ còn biết ngây ra mà nhìn hai chúng tôi. Không ai trách H., bởi vì sân khấu đang bao trùm một không khí thiêng liêng, trong lúc H. còn non tay nghề quá. Tôi thốt lên: "Được, tôi xin ra hát một mình!". Phía ngoài, lời giới thiệu đang vang lên khắp hội trường. Người xem im phăng phắc chờ đợi. Tôi hiện ra trước sân khấu lúc nào cũng không biết nữa.

Tôi nhận ra Bác ngồi xem rất chăm chú, nét mặt hình như hơi đăm chiêu.

Khốn cho tôi là phải đóng cả hai vai trai và gái, rất khó giao lưu tình cảm. Mỗi lần liếc mắt xuống hàng ghế đầu, tôi lại thấy đôi mắt Bác sáng lên như đang nói: "Cháu gắng lên, gắng lên!". Và trời ơi! Bác cười, rõ ràng là Bác cười rất hiền, rất đẹp khi tôi diễn cảnh cô gái đưa tay âu yếm, mạnh dạn níu tay người yêu... Hội trường cũng cười ran. Tôi hơi chột dạ. Chết! Không biết mình có sơ hở, vụng về gì trong diễn xuất không. Nhưng nụ cười của Bác đã kịp khích lệ tôi.

Tiết mục kết thúc, Bác rời ghế, bước lên sân khấu để đón các cháu ùa ra với Bác. Bác giơ cao một chiếc lẵng mây và Bác cười: "Các cháu diễn tốt, Bác thưởng kẹo. Có thích ăn kẹo không?".

Vừa nói, Bác vừa lấy trong lẵng ra một cái kẹo giấy bóng đỏ trông rất vui mắt, giơ cao lên... Bác nhìn khắp lượt rồi dành vinh dự ấy cho người vừa hát đối đáp phường vải.

Sau một năm, đoàn đang tập vở *Cô gái sông Lam* thì được Bác cho vào phục vụ tại Phủ Chủ tịch. Đoàn được vinh dự hai lần biểu diễn để Bác xem. Diễn xong, cả đoàn bàng hoàng rơi nước mắt khi một đồng chí phục vụ Bác nói một câu vui rất chân tình: "Các cô, các cậu là sướng nhất! Từ trước tới nay, nhiều đoàn vào đây biểu diễn, nhưng tuổi đã cao, không khi nào Bác ngồi xem quá một giờ. Thế mà hôm nay, Bác ngồi đến tận cuối vở kịch, dài gần ba giờ đồng hồ!".

Lần gặp này, Bác rất vui với các cháu văn công quê nhà. Lần đầu tiên vào Phủ Chủ tịch, đoàn đang bỡ ngỡ, lo lắng thì đột nhiên Bác vào phòng hoá trang. Bác hỏi quê quán từng người, Bác gật đầu nhại tiếng: "Nghi Lộc à? Con "méo" phải không?". Đến anh Ngoạn, Trưởng đoàn, quê Thừa Thiên, Bác lại giả lắc đầu: "Rứa là không phải Nghệ An nhà choa!". Cả đoàn cười rộ. Đoàn diễn phấn khởi, hào hứng chưa từng thấy. Và diễn rất tự nhiên, mặc dù Bác ngồi xem cách diễn viên chỉ hai bước chân vì không có sân khấu riêng.

Tôi còn được nghe một câu chuyện cảm động khác. Khi nghe Bộ Văn hoá đề nghị hai đoàn ca múa Nghệ An và Hà Tĩnh vào chào Bác, Bác đã đồng ý, nhưng lại được tin các cháu diễn viên còn bận chuẩn bị đi phục vụ nhân dân tại Văn Miếu, Bác liền gạt đi ngay: "Thôi, để dân xem trước, Bác xem sau. Bác phục vụ dân chứ không phải dân phục vụ Bác!".

Năm 1967, Tỉnh uỷ thu dây ghi âm một chương trình dân ca Nghệ Tĩnh để đưa ra Hà Nội dâng Bác, gọi là chút quà nhỏ của quê hương những ngày đánh Mỹ. Khi nghe phát lại, chúng tôi lo quá. Vì ai cũng nhận thấy rất rõ giọng hát của mình còn non.

Phải luyện sao cho giọng hát đầy sức sống, giàu tình cảm hơn nữa để có dịp Bác về thăm quê lần thứ ba, toàn đoàn sẽ dâng lên Bác một chương trình dân ca đặc sắc. Nhưng không ngờ, ngày ấy không bao giờ đến nữa. Bao thương tiếc đau buồn, bao

kính yêu thiêng liêng, bao nỗi biết ơn sâu xa, chúng tôi dồn hết cả vào câu đàn, tiếng hát. Lúc ấy, Song Thao, diễn viên trẻ nhất hát bài *Trông cây lại nhớ đến Người*. Song Thao hát bằng tất cả những kỷ niệm ấm áp đối với Bác từ đêm diễn mùa đông năm 1961 tại quê hương. Tiếng hát *Trông cây lại nhớ đến người* của Song Thao được công chúng hoan nghênh ngay khi được phát qua làn sóng điện. Cả khán giả nước ngoài cũng lưu luyến tiếng hát Song Thao với bài hát ấy. Chị đã tâm sự với các bạn:

"Không khí nhân dân các nước bạn thương tiếc, kính yêu Bác đã giúp chúng tôi biểu diễn giàu xúc động. Mỗi lần đến tiết mục nói về Bác, các nghệ sĩ lấy đèn chiếu đưa hình Bác nổi bật lên nền phông sân khấu. Chao ôi, nhìn người xem đứng rào cả dậy, rồi liếc mắt thấy Bác trên cao y như thật, vừa hát mà vừa nuốt nước mắt. Hôm biểu diễn ở Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh, tôi vừa cất giọng thì từ phía người xem tiếng khóc rưng rức đã cất lên. Tôi cố ghìm mình nhưng cổ cứ nghẹn lại, cuối cùng, không hát nổi, đành gác tiết mục *"Trông cây..."* lại, sau đó một hồi mới hát tiếp được. Nhưng kỷ niệm sâu sắc nhất là hôm đoàn làm lễ kỷ niệm ngày 19-5-1970 tại thành phố Trường Sa. Ở đây, tại vườn hoa Đông Hồ, nổi lên 10 cây hoa đẹp. Loại hoa gì, tôi không nhớ tên nữa. Điều không ngờ đó là giống hoa của Bác Hồ. Bác đã gửi tặng nhân dân thành phố Trường Sa một nhánh cây, nay họ nhân lên, đã thành 10 cây nhỏ mọc trong 10 chiếc chậu sứ xinh xinh. Trông cây, chúng tôi khóc oà. Các bạn Trung Quốc cùng đi cũng khóc theo. Đi ra nước ngoài, càng thấy thêm tầm vĩ đại của Bác. Tôi hát bài *Trông cây lại nhớ đến Người* với một niềm xúc động thật ấm áp. Phảng phất quanh mình không khí làng Sen thân thiết...".

Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc tại vườn hoa Phủ Chủ tịch
để các hoạ sĩ Liên Xô, Việt Nam vẽ và tạc tượng
(cùng làm việc có hoạ sĩ Trần Văn Cẩn, Diệp Minh Châu) 29/7/1969
Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

NHỚ BÁC HỒ

TRẦN HỒNG

Cái rét cắt da của các tháng giáp Tết ở miền Bắc, đối với chúng tôi, những người miền Nam tập kết trong các năm đầu ở Hà Nội thật khủng khiếp. Trên người mặc đủ quần áo ấm, áo len, áo bông, người thì ngồi trùm mền bó gối trông thật buồn cười, được hôm trời loé tí nắng thì tranh thủ tắm giặt và ra hong nắng, nhưng cái lạnh buốt trong xương không làm sao bớt được. Ăn cơm tối xong, có người đã vào giường quấn mền nằm cho đỡ rét. Bọn trẻ chúng tôi, nhóm thì chơi tú lơ khơ, nhóm tập múa, người tập đàn trong phòng kín cho quên cái lạnh, quên nỗi nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ quê hương miền Nam. Còn mấy ngày nữa, một cái Tết nữa sắp đến rồi. Ôi! Quê hương, nhớ thương da diết làm sao! Ngoài trời, gió cứ thổi vù vù, lọt vào các nhà lá mới làm tạm cho các đoàn văn công ở khu Cầu Giấy thật đơn sơ, không đủ kín để che cái gió lạnh thổi vào. Tối hôm đó, chúng tôi đang mải chơi tú lơ khơ, bên ngoài có tiếng chân bước, tiếng nói gần lại, cánh cửa phòng mở ra, một số người vào phòng cũng không ai để ý tới. Một giọng nói ấm áp hỏi: - Các cháu chơi tú lơ khơ à! Có lạnh không? Không có tiếng đáp lại. Cô Hoàng Vân (diễn viên múa) không ngoảnh lại mà dùng cùi chỏ thúc thúc vào bụng người đứng sau lưng vừa hỏi mình: "Đừng, đừng! Để tui cho nó con "ách nhép" nó ôm như múa quạt luôn!". Có tiếng ai đó kêu lên: Ô! Bác Hồ, Bác Hồ! Lúc này cả đám chơi bài mới ngẩng lên. Cô Hoàng Vân ngó lại, Bác Hồ đã cúi xuống, đôi mắt sáng hiền từ, với chòm râu bạc lưa thưa, thân thiết, cô kêu lên: Ơ... Bác! Bác Hồ! Cháu... cháu... Cô vứt bài vội đứng lên vui mừng,

rồi khóc, cười chảy nước mắt. Chỉ mấy phút sau cả Khu Văn công nghe Bác đến, vội vàng chạy tới, ai cũng muốn được thấy, được gần Bác. Các cụ già như Tống Phước Phổ, Nguyễn Lai, Đội Tảo, Mười Chương, Ngô Thị Liễu, cụ Cả Tam, ông Tạ Duy Hiển, Ba Danh, Tám Du, Bảy Bạch, Năm Bá, Thanh Hương, Võ Sĩ Thừa, Tám Củi, Huỳnh Nga và các chị Hà Nhân, Ngọc Dậu, Tân Nhân, Khánh Vân, Tú Lệ, Ca Lê Hồng, Lệ Thi, Thanh Cảnh, Võ Đăng Khai, Thái Sơn, Nguyễn Kiểm... và từ già tới trẻ ở trong Khu Văn công đều chạy tới đứng quanh Bác rất đông. Bác ra hiệu cho mọi người im lặng rồi hỏi: "Các cụ, các bác, các cô ở Khu Năm, Nam Bộ và các cháu có lạnh không?". Chúng tôi đồng thanh: "Thưa Bác lạnh lắm ạ". Bác dặn: "Phải giữ gìn, diễn viên bị lạnh cổ dễ ho, không hát được". Bác lại tiếp: "Tết nầy có nhiều thịt nhiều bánh không?". Có nhiều tiếng đáp: "Thưa Bác có ạ!". Bác hỏi: "Thịt gì?". Có tiếng ai đó: "Thưa Bác có thịt lợn ạ!". Bác nói: "Thịt lợn hay thịt heo?". Có tiếng nhiều người: "Thưa Bác thịt heo ạ!". Bác cười và hỏi: "Có bánh tét, bánh ú không?". Mọi người cùng cười vui vẻ và thầm nghĩ: Bác Hồ đi tìm đường cứu nước từ khi còn trẻ, vậy mà Bác vẫn nhớ những đặc sản, cái ngon hợp khẩu vị, phong tục ẩm thực của quê hương rất sâu sắc...(*)

... Ở đây một lúc, Bác đi sang phòng khác. Anh Văn Thuỷ (violon) vội vàng vọt ra cửa sổ và nhảy vào phòng nhạc đón Bác. Bác cười chỉ tay: "Cậu này nhanh thật, mới ở phòng kia đã chạy sang phòng này?". Có tiếng cười rộ lên. Bác hỏi anh Thuỷ: "Cháu ở phòng này à? Trong phòng có mấy người?". Bác hỏi bất ngờ, làm anh Thuỷ bí, miệng ú ớ. Bác bảo: "Có tám giường, ăn ở với nhau cả năm mà bây giờ chưa biết!". Chúng tôi nhìn nhau như người có lỗi và rất thấm thía, chỉ một việc nhỏ mà mình

(*) *Các Tết tiếp sau, Ban Thống Nhất đã mời những người gói bánh tét, bánh ú, bánh ít, làm bánh thuẩn, bánh nổ, bánh in, bánh xèo... tổ chức hô bài chòi hát bội tại Câu lạc bộ Thống Nhất gần hồ Hoàn Kiếm cho tất cả các cháu học sinh ở các trường miền Nam, cán bộ tập kết về đây vui chơi các ngày Tết rất đậm đà như chính ở quê hương mình. Đây cũng là điểm hẹn hò gặp gỡ, tìm đồng hương của cán bộ, bộ đội, học sinh miền Nam tập kết...*

không để ý. Bây giờ tôi nhớ lại. Phòng Nhạc ở tập thể có anh Thuỷ và tôi, được phân công nằm ở hai cửa lớn có trách nhiệm, còi đi ngủ xem anh em về đủ thì đóng cửa tắt đèn. Giường bên anh Thuỷ là Bích Ngọc (violon) tới Đức Nhuận (contrebasse) rồi Hà Sâm (accordéon) tiếp bên giường tôi là Hoàng Chương (viola) và Trương Đình Quang ở góc phòng có cửa sổ. Đã hơn bốn chục năm rồi, mỗi khi nhớ Bác là tôi nhớ những anh em trong đội nhạc, nay thì kẻ còn, người đã mất. Nhớ Văn Thuỷ vào chiến trường chống Mỹ đã hy sinh, các anh Đức Nhuận, Quý Bảy, Nguỵ Dzoách, Hoàng Lê, Bích Ngọc đã qua đời và nay mỗi người mỗi nhiệm vụ, người còn công tác, người về hưu ở Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Phan Thiết, Sài Gòn đều có cả...

Bác ở phòng nhạc rồi sang các phòng khác, Bác đi qua đám rau muống vòng qua ao cá đến khu nhà tắm, nhà vệ sinh, nhà bếp, nhà ăn, nơi nào Bác cũng xem, hỏi han tỉ mỉ, thấy các nơi này còn mất trật tự, chưa gọn gàng và vệ sinh chưa tốt. Bác bảo: "Ở đây có Công đoàn, có Chi bộ và Đoàn thanh niên, các cô, chú và các cháu là những nòng cốt trong mọi công việc. Nhớ lần sau Bác đến thăm, từ ngoài đường và xung quanh nhà ở phải trồng cây có bóng mát, trồng chuối, rau... nuôi heo, gà để cải thiện bữa ăn. Các cháu có làm được không?". Chúng tôi đồng thanh: "Thưa Bác làm được ạ!". Bác cười: "Thế là tốt". Từ khu nhà ăn, Bác đi lên dãy nhà ở của diễn viên Dân ca, đến gần Phòng Hành chánh, Bác đi đến đâu, cả đoàn người chúng tôi lon ton chạy theo, có người chạy vòng lên phía trước để đón Bác. Bác ngồi ở thềm hè, hai chân để trên sân cỏ, đôi dép cao su mòn cả gót, chúng tôi kẻ ngồi người đứng ở bãi sân, cả trên thềm hè quây quần bên Bác. Để mọi người im lặng, Bác nói: "Hôm nay Bác đi lên Trường Đảng về, Bác ghé vào thăm các bác, các cô chú và các cháu ở Văn công, Tết này chuẩn bị ăn Tết ra sao?". Rồi Bác quay ra sau, đồng chí bảo vệ đưa cho Bác mấy gói to. Bác nói: "Bác vừa đi thăm các nước bầu bạn về, có quà Tết đây. Các cháu có thích không?". Cả đám đông reo lên: "Thưa Bác! Có ạ! Có ạ!". Bác lấy trong bọc giấy chia cho những người ở gần Bác, mỗi người

hai chiếc kẹo, rồi đưa cho chị Bích Hường và Bích Trâm đem chia cho mọi người. Người nào cũng vui vẻ và xúc động nhận hai chiếc kẹo của Bác. Khi Bích Hường và Bích Trâm chia cho mọi người và các trẻ em xong, Bác hỏi: "Chia có đủ không? Phần kẹo của các cháu đâu?". Hai chị ấp úng xoa xoa đôi bàn tay: "Thưa Bác!...". Bác nói: "Lao động mà không có phần à?". Mọi người im lặng. Bác cười và xoè tay ra, đưa cho Bích Hường và Bích Trâm mỗi người hai chiếc kẹo. Bác rất tâm lý vì người chia phần không ai giữ lại phần cho mình, nên Bác đã "bí mật" giữ phần lại cho hai chị. Bích Hường và Bích Trâm cảm động giơ hai tay run run nhận kẹo mà mắt đỏ hoe, chúng tôi càng thương Bác quá... Cụ Cả Tam bước ra xin được hát một bài chèo cổ, tuy già nhưng giọng hát của cụ rất trong trẻo, được Bác chăm chú nghe và khen ngợi. Bác thưởng hai viên kẹo, mọi người vỗ tay vui vẻ. Chị Lệ Thi bước ra, cháu xin được ngâm một bài thơ. Chị chắp tay cung kính chào Bác rồi cất tiếng ngâm với giọng ngọt ngào, tha thiết có lúc như nghẹn ngào đau đớn qua từng ý, từng lời rất xúc động của bài thơ:

"Một canh, hai canh lại ba canh
Trằn trọc, băn khoăn giấc chẳng thành
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh"(*)

Mọi người đều nín lặng lắng nghe. Tiếng ngâm của chị Lệ Thi vừa dứt, tiếng vỗ tay khen ngợi. Nãy giờ Bác ngồi nghe chăm chú, đôi mắt Bác long lanh, nhìn xa xăm, Bác hỏi: "Tại sao ngâm thơ mà cháu khóc?". Chị Lệ Thi vừa lau nước mắt: Thưa Bác! Cháu đọc thơ của Bác, cháu thấy Bác đi làm cách mạng phải bị tù đày, gian khổ, cháu thương Bác quá!". Bác bảo: "Cháu hiểu như vậy là phải. Làm cách mạng thì phải chịu tù đầy, gian khổ, chết chóc, hy sinh thì ngày nay mới được tự do sung sướng!". Ngừng một giây giọng Bác lắng dịu: "Nhưng còn nửa nước chưa được tự do, Bắc - Nam chưa thống nhất, đồng bào miền

(*) *Bài "Không ngủ được" trong "Nhật ký trong tù" của Bác.*

Nam còn chết chóc, gian khổ biết bao nhiêu!...". Chúng tôi nghe Bác, cả nước đều hướng về miền Nam ruột thịt, ai cũng muốn về miền Nam chiến đấu để giải phóng cho quê hương... Bác gọi chị Lệ Thi lại, Bác cười nói: "Có hai cái kẹo, thưởng cho diễn viên một chiếc, còn một chiếc là nhuận bút của tác giả. Nhưng tác giả thưởng luôn cho diễn viên ngâm thơ rất hay". Chị Lệ Thi đưa hai tay nhận kẹo và nói trong nước mắt: "Cháu cảm ơn Bác!". Chúng tôi rất xúc động, Bác dạy cho chúng ta phải nhớ đến những người sáng tạo ra tác phẩm. Đó là tiền nhuận bút của tác giả mà lâu nay ít người nghĩ đến. Bác ngồi đó, vầng trán cao lồng lộng, đôi mắt hiền từ, như người cha, người ông thân thiết với tình thương yêu của Bác giữa bầy con cháu cùng vui sum họp. Bác ngồi đó, với bộ kaki giản dị, ai cũng kính yêu Bác. Bác tươi cười hỏi: "Các cháu có nhớ nhà không?". "Thưa Bác có ạ!". "Các cháu có ngoan không?". "Thưa Bác có ạ!". Bác lại hỏi: "Có vâng lời Bác không?". Chúng tôi đồng thanh: "Thưa Bác có ạ!". Bác cười: "Thế là tốt!". Nói rồi Bác đứng lên, đôi mắt rất hiền từ, trìu mến: "Các cháu vâng lời Bác thì hãy ở yên tại chỗ, không ai được chạy theo, để Bác lên ô tô nhé!". Chúng tôi buột miệng: "Thưa Bác vâng ạ!". Bác giơ tay chào rồi ung dung bước ra ô tô. Chúng tôi đứng cả lên, chồm người nhìn theo Bác nước mắt chảy dài. Cửa ô tô bật mở, Bác đứng nhìn chúng tôi vẫy tay lưu luyến rồi mới vào khuất trong ô tô. Lúc này chúng tôi mới ùn ùn chạy theo ô tô vừa khóc, vừa kêu: "Bác... Bác Hồ ơi!"...

Đoàn ô tô ra khỏi Khu Văn công, xuôi đường xuống Cầu Giấy về Hà Nội. Chúng tôi chậm rãi quay về, đã 10 giờ đêm, trời rất lạnh, gió cứ thổi vù vù, rít qua khe cửa. Về tới nhà, trong tay chúng tôi mỗi người còn cầm hai cái kẹo Bác cho trước cái Tết xa quê năm ấy... Cứ đến ngày 19 tháng 5, ngày Cách mạng tháng Tám, ngày Quốc khánh 2 tháng 9, nhất là sắp đến Tết tôi lại nhớ cái Tết năm ấy Bác đến thăm Khu Văn công, thăm những người làm nghệ thuật xa nhà. Mỗi khi nhớ Bác là tôi còn nhớ như in những kỷ niệm được gặp Bác. Suốt đời tôi không bao giờ quên!

NHỮNG NGÀY ĐƯỢC TRỰC TIẾP PHỤC VỤ BÁC HỒ

TRẦN NGÀ *kể*

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị được biểu diễn phục vụ Hội nghị chuẩn bị ký hiệp định Giơ-ne-vơ. Lần đầu tiên chúng tôi được nhìn thấy Bác ngồi cùng đồng chí Xuphanuvông và Sơn Ngọc Minh. Chúng tôi xúm nhau đứng ở cánh gà ngắm nhìn Bác cho đã. Cứ mải mê nhìn Bác mà quên mất cả đến lượt ra biểu diễn, sau đêm đó về, chúng tôi bị phê bình nghiêm khắc! Tuy nhiên lần đầu tiên được gặp Bác là niềm vui quá lớn nên các đồng chí lãnh đạo đoàn cũng cho qua.

Ít lâu sau, Đoàn nghệ thuật Tân Cương sang thăm và biểu diễn ở nước ta. Tôi được Bác cho đi cùng ra ga Hàng Cỏ để tặng hoa tiễn bạn ra về. Bác bảo: "Đây là đoàn nghệ thuật của dân tộc ít người nên phải quan tâm".

Nhớ một lần, đoàn chúng tôi vào Phủ Chủ tịch để biểu diễn phục vụ Đoàn đại biểu Đảng - Chính phủ Tiệp Khắc, trước lúc biểu diễn, Bác vào tận hậu trường, ân cần thăm hỏi anh chị em trong đoàn rồi Bác hỏi: "Hôm nay các cháu có "tủ" gì mới?". Chúng tôi xôn xao tranh nhau trả lời Bác: "Chúng cháu có bài hát tiếng Tiệp, chúng cháu hát bằng tiếng Tiệp và tiếng Việt ạ". Bác cười vui nói: "Các cháu hát thế nào đừng để khi hát tiếng Tiệp thì các bạn lại tưởng là các cháu hát tiếng Việt và khi hát tiếng Việt thì Bác lại tưởng là các cháu hát tiếng Tiệp đấy nhé!". Chúng tôi cười vang thích thú vì câu nói vui của Bác, nhưng thực ra là Bác cũng phê bình nhẹ nhàng là chúng tôi hát không tròn vành rõ chữ.

Một lần tôi được đọc báo phục vụ Bác. Bác quay lại bảo tôi: "Cháu ra ngoài hiên lấy cho Bác mấy tờ báo vẽ". Trong đầu tôi vẫn chưa hiểu ý Bác là muốn lấy báo gì? Tôi lật giở tập sách báo để trên chiếc bàn mây đặt ở góc hiên mà không phát hiện ra loại báo nào. Loay hoay mãi, cuối cùng tôi đành liều mang mấy quyển hoạ báo Trung Quốc vào thì may quá đó đúng là ý của Bác (Bác gọi báo vẽ tức là hoạ báo). Cũng một lần, tôi đang đọc báo cho Bác nghe bỗng dưng Bác ngắt lời hỏi tôi: "Bé có biết chữ *Bị vong lục* nghĩa là gì không?". Tôi ngơ ngác tỏ ra không biết gì thì Bác giải thích ngay: "*Bị vong lục* là nhắc lại để mà nhớ".

Mùa đông năm 1963, Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị đi thăm và biểu diễn tại Trung Quốc.

Khi đó trời lạnh, tuyết rơi nhiều. Chạnh lòng nhớ đến Bác, tôi và Linh Nhâm, hai chị em rủ nhau mua một chiếc khăn quàng về biểu Bác, khi chọn màu chúng tôi đã chọn hai màu đỏ và đen là hai màu sang trọng và lịch sự, rất đẹp. Khi về nước, chúng tôi được vào chào Bác và thưa với Bác: chúng cháu vừa đi biểu diễn ở Trung Quốc về, chúng cháu có chút quà mang về kính biếu Bác. Chúng tôi giở gói quà ra gồm một chiếc khăn quàng và mấy quả táo, Bác vui vẻ cầm chiếc khăn quàng ướm thử vào cổ rồi Bác nheo mắt hóm hỉnh nhìn chúng tôi cười và bảo: "Thôi, chiếc khăn quàng này để phần các bé. Nếu Bác quàng chiếc khăn quàng carô đen đỏ này vào thì người ta sẽ bảo Bác là cao bồi mất. Còn mấy quả táo các bé mang xuống biếu chú Cẩn và chú Cần là hai chú phục vụ Bác hàng ngày".

Thường những ngày chủ nhật Bác cho tôi được vào ăn cơm cùng Bác. Có hôm có cả bác Tôn, cũng có hôm có Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Bữa ăn của Bác thường đạm bạc chỉ có cá kho và dưa chua, cà muối, đặc biệt là có bát canh chất lượng. Những bữa có tôi thì Bác cho thêm món nem rán. Bác gắp nem rán vào bát cho tôi và bảo: "Ngày xưa Bác cũng thích ăn nem rán lắm nhưng chẳng có mà ăn, bây giờ có thì lại không ăn được".

Buổi chiều ngày 27-3-1964, Bác đi họp Hội nghị chính trị đặc biệt trở về, các chú bảo tôi mang sữa lên mời Bác. Bác bảo tôi lấy thêm cho Bác một cái cốc nữa rồi Bác sẻ ra làm hai cốc, Bác đưa cho tôi một cốc, tôi thưa với Bác: Bác vừa đi làm việc về mệt, Bác cần được bồi dưỡng còn cháu trẻ và khoẻ, nếu cháu uống thì phạm vào tiêu chuẩn của Bác. Bác cười vui và bảo: "Thôi, đồng cam cộng khổ với Bác một tý". Thấy Bác vui vẻ ân cần như thế nên tôi cố uống để vui lòng Bác.

Một lần vào thăm Bác, khi ra về, Bác cho tôi một tập đĩa hát vở ca kịch La Traviata (Trà hoa nữ) của Đảng cộng sản Ý biếu Bác. Bác hỏi tôi: "Nhà bé có máy hát không?". Tôi thưa với Bác: "Dạ thưa Bác có ạ". Bác lại hỏi tiếp: "Thế bé có biết cái "tích" này nói gì không?". Tôi nói nội dung của vở nhạc kịch ấy mà tôi đã được đọc để Bác "kiểm tra". Bác lại hỏi: "Thế bé có thuộc bài hát nào trong vở ca kịch đó không?". "Vâng cháu xin hát một đoạn để Bác nghe", và tôi hát đoạn người cha khuyên con rời bỏ chốn đô hội để trở về với gia đình nơi miền quê Paroven êm đềm.

Tháng 8 năm 1965, tôi chuyển sang Điện ảnh Quân đội để làm biên tập âm nhạc. Hôm đến thăm Bác, Bác biết tôi đã chuyển sang công tác điện ảnh, Bác đưa tôi đến giá sách nhỏ của Bác lấy ra một quyển sách nói về điện ảnh "Bầu trời và mặt đất" của Jôris-Ivens đưa cho tôi và hỏi: "Bé có biết tiếng Pháp không?". "Thưa Bác cháu chỉ hiểu bập bõm thôi ạ". "Bác cho mang về dịch ra để các bạn cùng xem". Joris-Ivens là người "khổng lồ" của thế giới điện ảnh, ông là đạo diễn phim tài liệu mẫu mực người Hà Lan.

Joris-Ivens được Bác Hồ quan tâm từ những ngày đầu tiên khi ông mới chập chững bước vào nghề điện ảnh: tháng 6 năm 1922, Bác đã viết trên tờ Nhân đạo tại Pháp, ca ngợi và bênh vực bộ phim *"Tư bản và Tôn giáo"* của ông.

Vậy mà mãi tới năm 1968, 46 năm sau, Joris-Ivens sang Việt Nam mới được gặp lại Bác Hồ - người đã từng ca ngợi và bảo vệ mình. Quyển sách đó có lời đề tặng của Joris-Ivens: Kính biếu Bác. Khi làm lễ khánh thành Bảo tàng Hồ Chí Minh, tôi đã mang báu vật đó tặng lại Viện để các đồng chí đưa vào chương mục tình cảm nhân dân thế giới đối với Người!

Từ khi Bác mất, tôi và nghệ sĩ Linh Nhâm được đồng chí Vũ Kỳ triệu tập vào ban "Những người trực tiếp phục vụ Bác Hồ". Hằng năm cứ đến ngày 19 tháng 5 chúng tôi họp mặt để tưởng nhớ đến những ngày được trực tiếp phục vụ Bác.

KHẮC TUẾ *biên soạn*

AI BÁO CÁO VỚI BÁC ĐÂY?

KHẮC TUẾ

Cuối năm 1960, Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị được Nhà nước cho khoác áo dân sự và cử đi thăm nước Công hoà Indonesia. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bác Hồ, đoàn được mang danh hiệu là: Đoàn văn hoá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Do danh hiệu lớn như thế, nên đoàn được nhiều cán bộ cấp cao phụ trách như: Ông Hoàng Minh Giám, Tổng thư ký Đảng xã hội - Bộ trưởng Bộ văn hoá làm Trưởng đoàn, ông Lưu Hữu Phước - nhạc sĩ - Vụ trưởng Vụ Nghệ thuật làm Phó đoàn, ông Trần Văn Phác - Cục phó Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam làm Tổng thư ký, Trưởng đoàn ca múa quân đội - nhạc sĩ Lương Ngọc Trác làm chỉ đạo nghệ thuật.

Trong quá trình chuẩn bị chương trình biểu diễn, Bác gợi ý: nên có một tiết mục dành riêng tặng Tổng thống Xu-các-nô. Tuy là gợi ý nhưng thực ra đây là một ý tưởng lớn! Nó thể hiện mối quan hệ ngoại giao giữa một nước xã hội chủ nghĩa với một nước tư bản chủ nghĩa, mà cụ thể là mối quan hệ giữa hai vị đứng đầu của hai quốc gia.

Thấm nhuần ý tưởng lớn này của Bác, Ban lãnh đạo đoàn đã giao cho nhà biên đạo múa Trọng Lanh đạo diễn một tiết mục theo gợi ý của Bác.

Trọng Lanh đã khôn khéo chọn điệu múa dân gian miền Trung *"Sắc Bùa"* để biên đạo lại, với tám cô gái và một ông già. Ông già đi trước, tám cô gái đi sau, đi gõ cửa chúc mừng các gia đình năm mới. Điệu múa đầy chất dân gian: dịu dàng, sôi nổi và diệu nghệ giữa ông già và các cháu gái trẻ trung, xinh đẹp.

Khi sang biểu diễn đêm đầu tiên tại cung Bô Go, dành riêng cho Tổng thống Xu-các-nô và gia đình Tổng thống, điệu múa *"Sắc Bùa"* được giới thiệu là món quà đặc biệt của Bác Hồ thân tặng Bung Các-nô (anh cả Các-nô). Tổng thống rất xúc động về nghĩa cử của Bác Hồ. Khi điệu múa kết thúc. Bung Các-nô đã lên sân khấu ôm lấy ông già "Sắc Bùa" và nói bằng tiếng Việt: "Cám ơn Bác Hồ".

Hôm sau, các báo hàng ngày của Jacarta đăng bình luận về chương trình biểu diễn quá đặc sắc của Đoàn văn hoá Việt Nam, trong đó nêu bật điệu múa *"Sắc Bùa"* - một tác phẩm vũ đạo không thể bình luận, vì đó là món quà Bác Hồ dành riêng cho Bung Các-nô! - Món quà tình nghĩa anh em giữa hai vị lãnh tụ Việt Nam và Indonesia.

Để cảm ơn đêm diễn đặc biệt của đoàn dành riêng cho Tổng thống, Tổng thống đã tổ chức đêm múa rối "Roay ăng cu lít", loại hình nghệ thuật riêng của Indonesia để chiêu đãi đoàn tại Phủ Tổng thống.

Trong quá trình thăm và biểu diễn tại Indonesia, Tổng thống Xu-các-nô coi cháu của Bác Hồ là anh em của mình nên Tổng thống đã trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức: nơi diễn, ăn, ở, đi lại phải thật chu đáo. Khi đi diễn ở đảo du lịch Bali phải được đi máy bay, chứ không đi tàu thuỷ để tránh say sóng. Khi ăn ở khách sạn thì phải được ăn ngon, ăn đủ. Cấm nhân viên khách sạn ăn bớt, ăn chặn! Thế là, chúng tôi đã thực sự trở thành những người anh em của Bung Các-nô. Cũng nhờ đó mà cuộc lưu diễn của Đoàn văn hoá Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thành công mỹ mãn trên đất nước có ba ngàn hòn đảo - nước Cộng hoà Indonesia.

Rời Indonesia trở về nước, đúng vào mùa xuân năm 1961 Nhà thơ Tố Hữu đến thăm và chúc mừng chuyến đi thắng lợi của đoàn, ông đọc thơ "Xuân 61" cho đoàn nghe, ông cũng "dự báo" Bác sẽ có buổi gặp đoàn sau chuyến đi này, nhưng chưa có lịch cụ thể. Thế là chúng tôi hy vọng, chúng tôi đợi chờ, chúng tôi thắc thỏm...

Một tuần sau, vào một buổi tối, đoàn được Tổng thư ký Văn Phác báo tin: "Sáng mai Bác sẽ gặp đoàn. Rút kinh nghiệm lần gặp Bác ở Bình Nhưỡng, có nhiều ý kiến hỏi, làm phiền lòng Bác. Lần này, chúng ta chỉ có nhiệm vụ báo cáo với bác thôi. Tôi cử một nam là đồng chí Khắc Tuế, đội trưởng múa, lại là người sắm vai ông già trong điệu múa *"Sắc Bùa"*. Còn nữ thì là đồng chí Thanh Trúc, cũng là đại diện cho các diễn viên miền Nam luôn".

Sau khi được ông Văn Phác giao nhiệm vụ, tôi và Thanh Trúc bàn với nhau xem ai nói gì kẻo lại trùng nhau. Tôi chủ động gợi ý cho Thanh Trúc báo cáo với Bác chuyên đề phụ nữ như: đoàn có hai nữ chiến sĩ Điện Biên là diễn viên múa, một đơn ca người dân tộc Ba Na, một nữ đơn ca nữa là người Nam Bộ, v.v.. Cả hai chúng tôi được quy định mỗi người nói trong phạm vi năm phút.

Sáng hôm sau, cả đoàn khấp khởi bước vào phòng gương Phủ Chủ tịch, chúng tôi thấy các vị lãnh đạo đoàn: Hoàng Minh Giám, Lưu Hữu Phước, Văn Phác, đã ngồi sẵn để chờ Bác và đoàn. Lúc này không khí quá trang nghiêm, mọi người ngồi không nhúc nhích, riêng tôi và Thanh Trúc đang ngồi bên nhau nhẩm nhẩm lời nói thì Bác xuất hiện. Toàn đoàn đứng dậy vỗ tay. Bác ra lệnh cho mọi người ngồi xuống, rồi Bác nói ngay: "Nào, bây giờ ai báo cáo với Bác đây?". Tôi đứng dậy, từ tốn: "Thưa Bác! Đoàn chúng cháu vừa rồi đi theo vết chân của Bác trên đất nước Indonesia, được thừa hưởng danh thơm của Bác, nên nhân dân và Tổng thống nước bạn, chăm lo cho đoàn rất chu đáo". Tôi đang kể về sự chu đáo của Tổng thống thì Bác hóm hỉnh thêm vào: "Thế có gặp được thím nào của Tổng thống không?". Tôi thưa không và nói tiếp một vài chi tiết nữa, nhưng thấy Bác nhìn thẳng vào tôi, thế là tôi bắt đầu ấp úng... Bác liền bảo: "Thôi, như thế là được rồi. Đấy, có hoa, có chuối cháu ưng thứ nào thì lấy". Tôi nghĩ chả mấy khi được Bác cho quà, nên tôi lấy cả hai thứ. Bác nhìn hiền từ rồi Bác lại hỏ: "Còn cháu nào nữa?". Thanh Trúc đứng lên, nhỏ nhẹ và rành mạch, thưa với Bác về

những thành tích của các chị em. Thấy Trúc hơi lúng túng Bác liền động viên: "Cứ bình tĩnh! Coi như Bác là khán giả đang xem cháu biểu diễn, không việc gì mà sợ". Thế là Thanh Trúc cũng dần trở lại bình tĩnh, nhưng nói vội cho xong. Bác bảo: "Cháu gái thì được lấy kẹo và hoa, tuỳ ý chọn". Trúc cũng lại lấy luôn cả hoa lẫn kẹo. Bác lại hô: "Nào, còn cháu nào phát biểu nữa nào?". Diễn viên độc tấu nói - Văn Thăng giơ tay: "Cháu xin độc tấu để Bác nghe bài *"Vì nông trường ngày mai"*, bài này đã được khán giả khen ạ". Mọi người ồn ào, can Văn Thắng không nên diễn tấu bài ấy vì dài quá. Khi mọi người xì xào nói qua nói lại thì Bác bảo: "Các cháu cứ để cháu ấy diễn thì có phải bây giờ xong rồi không? Thôi, cháu cứ diễn đi!". Thế là Văn Thắng được thể hiện rất bốc. Được Bác chăm chú theo dõi nên anh diễn càng bốc hơn.

Trong bài độc tấu có đoạn nói về quan hệ giữa một chiến sĩ Điện Biên với người bác ruột ở quê. Khi người chiến sĩ đang băn khoăn giữa việc giải ngũ với việc làm nông trường, người chiến sĩ hỏi bác: "Vậy việc này bác nghĩ giúp cháu xem nào?", ông bác lưỡng lự trả lời: "Việc này là tuỳ ở cháu, còn bây giờ bác già rồi sinh ra lẩm cẩm". Bác Hồ chen ngang: "Chưa chắc!". Bác nói xong hai từ ấy rồi hai má đỏ bừng lên. Cả đoàn vỗ tay hoan hô, vì sự phản ứng nhạy cảm của Bác. Đúng lúc ấy, Tổng thư ký Văn Phác đứng lên thay mặt Trưởng đoàn Hoàng Minh Giám và toàn đoàn cảm ơn Bác. Bác lại nhắc: "Có kẹo, có chuối đấy, các cháu ăn không hết thì lấy phần cho người ở nhà". Nói đoạn, Bác hô hát bài *Kết đoàn* rồi Bác vẫy tay bước ra khỏi phòng khách.

TRONG TÙ TÔI VẼ BÁC

TAM BẠCH

Bốn mươi năm qua, với khoảng thời gian của nửa đời người, có những sự việc dễ quên và cũng có những sự việc không thể nào quên được. Đó là những việc làm mang ấn tượng sâu sắc trong cuộc đời làm hoạ sĩ phục vụ cách mạng của tôi.

Hiệp định Genève (1954), kẻ thù không thực hiện. Đế quốc Mỹ dựng một chế độ tay sai (Ngô Đình Diệm và gia đình hắn). Chúng dìm miền Nam vào máu lửa, u tối... Với luật 10/59 chúng lê máy chém khắp nơi, gom dân, lập ấp chiến lược, công an, mật vụ, cảnh sát như rươi. Chúng lùng sục từng ngõ ngách từ đô thị đến nông thôn. Chúng mở các chiến dịch như "Trương Tấn Bửu - Thoại Ngọc Hầu"... tìm diệt các tổ chức cách mạng ở miền Nam.

Trước bối cảnh đen tối ấy, là một sinh viên Trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định được tổ chức cách mạng ý thức, giác ngộ, tôi tham gia ngay vào tổ chức học sinh sinh viên cứu quốc (đến năm 1960 đổi tên là Hội học sinh sinh viên giải phóng miền Nam) của khu Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định. Căm thù giặc, hoạt động trong tổ chức, xao lãng việc học hành. Cọ, màu lúc ấy đối với tôi là thứ yếu...

Ngô Đình Diệm tổ chức bầu cử tổng thống lần hai (1960-1961). Tổ chức chúng tôi chỉ đạo một đợt chống bầu cử của hắn, cái gọi là "trưng cầu dân ý". Tổ chức chúng tôi bị nội gián. Tôi và một số đồng chí khác bị bắt. Nhà tù của chế độ Ngô Đình Diệm thì ai cũng biết. Chúng vận dụng đủ mọi cực hình tra tấn

dã man, trút căm giận để trả thù cộng sản, vừa tích cực khai thác, đánh phá tổ chức cách mạng. Thật là một cuộc chiến đấu không cân sức giữa địch và ta trong các nhà tù chính trị thời ấy.

Trong tù, hết khám này đến khám khác mà tôi đã sống, tôi được nghe các đồng chí lão thành luôn nhắc và kể về Bác; về ý chí, về lòng yêu nước, về tác phong đạo đức, về quan điểm giai cấp thương yêu nhân dân, v.v.. Tôi còn được nghe hoạ sĩ Diệp Minh Châu yêu thương Bác và đã cắt máu mình để vẽ bức tranh *"Bác Hồ với thiếu nhi"*. Mọi chuyện kể về Bác đã tạo ý thức trong tôi. Bác sao quá vĩ đại mà mình không thể hình dung nổi, tôi lục lọi trí nhớ: lúc lên tám tuổi, có một lần cha tôi cho tôi xem tờ giấy bạc Bác Hồ...

Trại giam Phú Lợi thời ấy, kẻ địch trừng trị những người tù cộng sản mà chúng cho là cứng đầu, bằng cách đào nhiều hố huyệt sâu, đẩy tù xuống đó, phía trên giăng kẽm gai, không che lợp, mặc cho người tù chịu mưa, chịu nắng, đói... (hình thức giống như chuồng cọp ở Côn Đảo). Năm 1962, địch bắt bớ bừa bãi, các khám đều đầy nhóc người, chúng dồn tù chính trị về khám Chí Hoà chật cứng. Từ Khám mới (Nha tổng cảnh sát công an Sài Gòn) chúng điều chúng tôi về Chí Hoà, phân tán tù vào các phòng giam và nhốt tôi vào lầu 2 của phòng 2G1 khu FG.

Phòng 2G1 chúng tôi có một cụ già mà chúng tôi thường gọi là bác Độ (tôi không nhớ họ). Sống chung với bác một thời gian tôi được nghe các đồng chí lãnh đạo nhận xét: "Ông già có nhiều nét giống Bác Hồ quá" - chỉ tiếc là ông già hơi lùn, mắt không đều nhau, bên lớn, bên nhỏ, vành tai không giống Bác, nhưng râu tóc thì y chang... Tôi bắt đầu để ý đến bác Độ. Tôi xin bác ngồi mẫu để tôi vẽ chân dung, bác vui vẻ nhận lời và tôi vẽ bằng viết chì, một bức rồi hai, ba bức... Trên gương mặt bác Độ, tôi liên tưởng đến Bác Hồ của chúng ta. Tôi vẽ tai rộng ra, tôi chỉnh sửa đôi mắt lờ đờ, mỏi mệt thành đôi mắt sáng... Vẽ rồi sửa, rồi tham khảo các đồng chí lão thành và sau cùng các đồng chí cho ý kiến là giống Bác.

Nhân kỷ niệm ngày 19/5, các đồng chí lão thành đề nghị mang bức chân dung ra để làm lễ mừng sinh nhật Bác. Sự chỉ đạo thật nghiêm túc, độ hai giờ khuya cả phòng đều ăn mặc đồng phục, bà ba đen, chân dung bác Độ mang hình ảnh Bác Hồ được đặt lên, với tiếng hô nho nhỏ vừa nghe:

- Nghiêm! Hướng về miền Bắc, chúc thọ Bác...

Không khí trầm mặc im lặng.

Năm 1963 chế độ gia đình trị của Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Để xoa dịu phong trào, Nguyễn Khánh cho thả một số tù chính trị do Diệm bắt nhốt trước đây. Tôi được chúng thả trong số tù chính trị ấy. Vài giờ sau, trên chuyến xe đò tôi đến vùng giải phóng.

Trong các cương vị là cán bộ công đoàn, Trưởng phòng Hội hoạ, tôi vẽ nhiều chân dung Bác Hồ phục vụ cho cách mạng, đáng chú ý là vẽ chân dung Bác cho lễ truy điệu Bác được tổ chức đồng loạt tại các tỉnh. Đời làm hoạ sĩ trong chiến tranh, tôi vẽ nhiều về Bác. Nhưng lần vẽ Bác trong tù là một lần ấn tượng với những kỷ niệm khó quên cho đến chết. Tôi có một niềm vui là đã đóng góp một phần năng lực của mình với tình cảm kính yêu Bác tha thiết sâu đậm để dâng lên Bác kính yêu.

MỘT NHÂN CÁCH LỚN

(Phỏng vấn hoạ sĩ NGÔ TÔN ĐỆ*)*

Trước khi gặp gỡ hoạ sĩ Ngô Tôn Đệ, tôi không nghĩ rằng được gặp một hoạ sĩ già vui tính đến vậy. Dưới cái tuổi 84 là một tâm hồn tươi trẻ, một cái đầu minh mẫn và một kho tư liệu quý giá về lịch sử chiến tranh cách mạng hào hùng của dân tộc.

Hai bác cháu, một già, một trẻ đã có một buổi trò chuyện hết sức thú vị và tôi đã có những hình dung rõ nét về Hồ Chủ tịch ở khía cạnh một con người bình dị - bên trong một nhân cách lớn.

Hoàng Anh: Tôi nghe nói, hoạ sĩ là người đã tiếp xúc rất nhiều lần với Bác Hồ trong một thời gian ngắn. Việc đó xảy ra vào thời gian nào?

Hoạ sĩ Ngô Tôn Đệ: Điều đó rất đúng nhưng việc đã lâu quá nên tôi không còn nhớ rõ là vào năm nào, nhưng tất cả những chi tiết trong những lần gặp gỡ với Hồ Chủ tịch thì tôi vẫn nhớ rất kỹ.

Hoàng Anh: Hoạ sĩ có thể kể chi tiết cho bạn đọc được biết?

Hoạ sĩ Ngô Tôn Đệ: Tất nhiên rồi. Chuyện hay lắm, liên quan đến rất nhiều việc đấy. Chính xác là năm nào thì tôi không nhớ rõ nhưng triển lãm mà tôi được gặp Bác diễn ra vào khoảng thời gian họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 9 khoá II. Lúc đó ông Hà Huy Giáp đang là Bí thư Đảng Đoàn bố trí cho trường (hồi đó đang là Trường Cao đẳng Mỹ thuật công nghiệp) bày một triển lãm tại Trường Albert Sarraut (hồi đó đã là

Phủ Chủ tịch). 5 hoạ sĩ được trực tiếp làm việc tại đó là hoạ sĩ Nguyễn Khang - Hiệu trưởng, hoạ sĩ Lê Quốc Lộc - Hiệu phó, tôi - Trưởng phòng đào tạo, hoạ sĩ Lê Huy Lộc, hoạ sĩ Nguyễn Minh Trí. Tác phẩm trưng bày rất nhiều, bao gồm cả tranh lụa, sơn dầu, sơn mài, gốm, sành, dệt thổ cẩm... của cả giảng viên và sinh viên của trường.

Chiều hôm trước ngày khai mạc có một chiếc xe tải rất to đến trường chở toàn bộ các tác phẩm. Tới cổng Phủ Chủ tịch thì một đồng chí công an lên lái xe thay cho tài xế. Và ngay đêm hôm đó, 5 người chúng tôi phải trưng bày và sắp xếp cho toàn bộ triển lãm... đến khoảng 1 giờ đêm thì mới tạm xong công việc. Khi chúng tôi làm xong thì thư ký riêng của Bác là ông Vũ Kỳ có bê xuống một khay bánh kẹo, 2 chai rượu và cả 2 bao thuốc lá bao đỏ tới. Ông Kỳ nói rất vui: "Mọi người hãy rửa mặt mũi chân tay rồi nhận quà của Bác gửi". Bánh được bóc ra, thuốc lá đã được hút nhưng chúng tôi không ai dám mở rượu ra uống cả. Thấy vậy ông Kỳ nói: "Cứ uống rượu đi, Bác bảo là văn nghệ sĩ phải có rượu nó mới vui".

Chúng tôi thích quá, không ngờ Bác lại tâm lý đến thế.

Nhưng sau đó chúng tôi còn bất ngờ hơn khi biết Bác đã điều xe riêng của Bác để đưa chúng tôi về; vì khi đi vào Phủ Chủ tịch chúng tôi đi theo xe tải. Nhưng chúng tôi không ai dám ngồi xe cả...

1 giờ 30 sáng chúng tôi mới có mặt ở nhà và không ai dám hé răng kể cả với vợ là đi đâu về (vì tính chất tuyệt mật) dù vợ cằn nhằn và giận dỗi...

Hoàng Anh: Thưa hoạ sĩ, vẫn chưa tới lúc được gặp Bác Hồ!

Hoạ sĩ Ngô Tôn Đệ: Gặp ngay sáng ngày hôm sau thôi. Đúng lịch, 5 giờ 5 phút sáng thì 5 anh em chúng tôi đã có mặt đầy đủ. Nhìn qua một lượt phòng trưng bày chúng tôi nhìn nhau hài lòng. Tất cả đều ổn.

Đúng 5 giờ 30 thì Bác Hồ xuống. Đi theo Bác là 4 hoặc 5 anh công an gì đó. Bác ăn mặc giản dị lắm; bộ bà ba màu nâu, áo thì phanh cổ rất rộng. Nhìn thấy chúng tôi, Bác chủ động chào trước: "Chào các chú, Bác tập thể dục xong rồi Bác vào nhé".

Sau khi tập thể dục ở vườn khoảng 20 phút, Bác quay lại phòng triển lãm và bảo với mấy chú bảo vệ: "Các chú về nghỉ đi, không phải bảo vệ Bác nữa".

Bác nói với chúng tôi là Bác rất bận nhưng Bác sẽ bố trí thời gian xem kỹ triển lãm. Tôi và hoạ sĩ Lê Quốc Lộc dẫn Bác đi vòng quanh phòng triển lãm. Bác bảo: "Nhiều tranh đẹp đấy".

Sau đó, bánh kẹo lại được mấy anh bảo vệ bày ra và còn có cả một phích nước màu đỏ để pha trà.

Uống trà với chúng tôi xong là Bác về nhà sàn và chuẩn bị đi họp.

Khoảng 9h, chắc là vào giờ giải lao, Bác lại xuống chơi với chúng tôi. Lúc này Bác mặc bộ quần áo Tôn Trung Sơn, và nói "Chào các chú" trước khi chúng tôi kịp chào Bác.

Vui quá, mọi người ngồi xung quanh chăm chú nhìn Bác. Lần này, Bác tự tay pha trà và lấy thuốc lá trong túi ra mời tất cả. Bác châm thuốc lá cho tôi. Vừa uống nước Bác vừa giảng giải; tách uống nước phải thật sạch, pha trà phải đúng cách thì uống mới ngon.

Hoàng Anh: Bác mới xem qua triển lãm, nhưng Bác nhận xét kỹ về từng tác phẩm?

Hoạ sĩ Ngô Tôn Đệ: Phải sang đến ngày họp thứ 3. Hôm đó, Bác Hồ cho thảo luận tổ rồi nói với chúng tôi: "Hôm nay Bác sẽ xem kỹ triển lãm, các chú sẽ là thày tôi".

Chúng tôi và Bác cùng đi xem từng tác phẩm một rất chậm rãi. Bác nhận xét một bức tranh sơn mài, đại ý là các chú vẽ vẫn chưa hợp lý lắm. Ví dụ như núi xanh, trời đỏ, có đám mây vàng mà vẽ đất lại đúng là màu đất là chưa đúng với tinh thần của tác

phẩm. Đã cường điệu là phải cường điệu hết, cứ như thế Bác cùng chúng tôi xem hết toàn bộ tác phẩm gồm cả sơn mài, lụa, gốm, thổ cẩm. Và hầu như tác phẩm nào Bác cũng có những nhận xét rất chuẩn như vậy.

Triển lãm còn tiếp diễn 3 ngày nữa, tất cả những ngày còn lại đều là những kỷ niệm tuyệt vời của chúng tôi với Bác. Một nhân cách lớn và vĩ đại đến như vậy lại rất đỗi giản dị trong đời thường. Một chi tiết thú vị nữa là trong khi chuyện trò với chúng tôi Bác có hỏi về tình hình cơ sở vật chất của trường. Sau khi nghe chúng tôi báo cáo thực trạng nhà tranh vách nứa của trường, Bác đã rất xúc động và cho mời đồng chí Bộ trưởng Tài chính lên gặp chúng tôi. Một thời gian sau, có cán bộ ở Bộ Tài chính đến và việc thảo luận xây dựng một trường mới được bắt đầu.

Hoàng Anh: Còn chi tiết nào thú vị hơn nữa không, thưa hoạ sĩ?

Hoạ sĩ Ngô Tôn Đệ: Nhiều lắm, chi tiết thú vị thì nhiều lắm. Nhưng tôi nhớ nhất là Bác điều khiển giờ của một cuộc họp quan trọng nhường ấy lại bằng một cái chuông nhỏ. Mỗi khi xuống chơi với chúng tôi, Bác đều đem theo cái chuông đó bên cạnh tập tài liệu của Hội nghị. Khi đến giờ họp, Bác lại vừa đi, vừa rung cái chuông ấy lên. Tất cả các đại biểu đều rất nhanh chóng xuất hiện từ khắp sân. Lúc ấy, tôi có cảm giác như Bác rung chuông gọi đàn con về chứ không phải để đi họp những vấn đề quan trọng. Và mỗi khi nghe thấy tiếng chuông reo giòn giã là chúng tôi lại biết đã đến giờ giải lao và sắp được gặp Bác...

HOÀNG ANH *thực hiện*

NÉT BÚT CHU MINH TRÊN BÌNH SỨ CỦA BÁC HỒ

TRẦN HỮU CHẤT

Ngày 26-7-1962, Bác Hồ về thăm Nhà máy sứ Hải Dương. Lãnh đạo nhà máy mời Bác đi tham quan các công đoạn sản xuất sứ, và nơi Bác dừng chân lâu nhất lại là phân xưởng 4, phân xưởng vẽ hoa. Phân xưởng này do anh Chỉ và chị Vượng làm quản đốc và phó quản đốc, là phân xưởng cuối cùng của nhà máy gồm các bộ phận vẽ hoa, dán lụa, nung trên men và kiểm nghiệm bao gói. Phân xưởng tập trung lắm chị em, múa hát, văn nghệ, thể thao đều do lớp chị em ấy làm chủ lực. Lúc này phân xưởng có một chuyên gia Trung Quốc là ông Lâm Gia Hồ. Ông đang có lớp truyền nghề vẽ hoa không xương, loại quy trình vẽ nhanh cho sản xuất đại trà.

Nhà máy sứ có cử nhà điêu khắc Hoàng Minh Kao, anh Hoàng Đạo Khánh và tôi sang Học viện sứ gốm Giang Tây học các kỹ thuật vẽ trên men, anh Lê Minh Tiên (bây giờ là Lê Hồng Hải) và anh Vũ Bá Chi học vẽ dưới men ở Lễ Lăng. Đoàn còn có bộ phận học tại Đường Sơn và Hồ Nam... Năm 1962 nhà máy đã bắt đầu ổn định để đi vào sản xuất lớn.

Vì được thông báo trước nên anh chị em công nhân viên - những người làm ca đêm cũng có mặt để được gặp Bác, người cha thân yêu của cách mạng Việt Nam. Ngày này là ngày sung sướng nhất, vinh dự nhất của nhà máy - ngày Bác Hồ về thăm.

Bộ phận Bác đi lướt qua là bộ phận xoa hoa. Hôm ấy làm những con mèo sứ bé nhỏ xinh xinh theo phương pháp làm của Trung Quốc. Ở Trung Quốc người ta sản xuất loại mèo đơn hoặc mèo đôi. Hình các chú mèo ngộ nghĩnh được tráng men. Riêng

phần thân, sau khi tráng men rắc một lớp cát sứ, sau khi nung ở nhiệt độ 1.370^{0}C thì đưa về bộ phận này để vẽ mắt xoa màu trên lưng. Bác gọi ngay là tổ mèo chuột. Mẫu này anh Hoàng Minh Kao nặn lại theo sản phẩm của Trung Quốc. Chỉ có mèo không có chuột và tôi cũng tưởng như vậy. Tôi ở phân xưởng cũng không mấy quan tâm. Khi Bác nói "tổ mèo chuột" tôi ngớ ra. Nhìn kỹ vào sản phẩm thì thấy hình chuột rõ ràng. Bác nói được rất nhanh "mèo chuột" là từ ý nghĩa xưa nay hình ảnh con mèo đi liền với bóng dáng con chuột. Tranh dân gian Đông Hồ chẳng từng diễn tả "đám cưới chuột" dâng lễ vật cho ông mèo đó sao.

Ban Giám đốc nhân dịp này muốn được Bác viết cho ít dòng lưu niệm lên sản phẩm sứ để kỷ niệm. Ông Trần Mịch - Giám đốc nhà máy sứ gợi ý với ông Khai một cán bộ cao cấp đi cùng Bác. Được Bác vui vẻ nhận lời, ông Mịch giao cho tôi chuẩn bị sản phẩm và bút mực.

Sản phẩm đang làm là loại lọ hoa trung. Cái đang bày trên giá là những mộc sứ chưa nung. Bác sẽ viết hoặc vẽ lên đó bằng men Chu Minh - một loại ô-xít cô-ban điều chế với chất mồi chảy tạo ra màu men xanh, ở Bát Tràng gọi là men chàm. Ở Trung Quốc công nhân học vẽ gọi là men Chu Minh hay men Chu Minh Liệu. Loại men này khi vẽ xong phải tráng qua một lớp men màu mới chín và bóng.

Loại men này rất rít bút. Men đặc quá bút sẽ không xuống mực, men lỏng quá mực sẽ tràn ra thành bút. Tôi chọn bút của công nhân đang nhuyễn nhất trao cho Bác viết. Những nét đầu Bác viết không xuống mực. Anh Trần Mịch động viên tôi. Tôi lấy thêm "gly-xê-rin" vào nghiên và quấy đều. Bác viết được chữ đầu tiên là chữ F, chữ thứ hai lại tắc. Tôi lại lấy bút dặm thêm màu cho nhuyễn. Người công nhân bê lọ sứ cho Bác vẽ là cô Thái, một nữ công nhân xinh nhất và cũng giỏi tay nghề nhất, ghé vai cho Bác tì tay. Dòng chữ Bác viết là: Phải cố gắng tiến bộ. Chiếc bình hoa vẫn còn mộc đó được đưa ngay lên Phòng kỹ thuật. Có ý kiến là lọ hoa phải được vẽ thêm hoa văn, đồ án, loại hoa văn tiêu biểu nhất của Việt Nam, đồ án phải được thiết kế chỉn chu nhất, mượt mà nhất, đẹp nhất để giữ sản phẩm lại muôn

đời cho con cháu mai sau. Nhưng ai sẽ vẽ tiếp sản phẩm này? Ai cũng tỏ ra ngại ngùng. Trước khi nhà máy sứ bắt đầu vào sản xuất lớn, anh em hoạ sĩ đã được nhà máy cho về các đình chùa, viện bảo tàng ghi chép rất nhiều hoạ tiết trang trí. Dưới tay lại còn tư liệu của Bác. Ai muốn vẽ theo dạng thức nào cũng được, song cái đáng sợ nhất là sản phẩm mộc đất rất dễ vỡ.

Làm vỡ sản phẩm có bút tích của Bác là một điều tai hại. Vì vậy anh em bàn lại nên đưa đi tráng men và để nung như bình thường. Sau này sẽ vẽ đồ án cẩn thận và chép lại (một dạng phục chế) thì yên tâm hơn.

Hình ảnh Bác Hồ về thăm nhà máy một lần nữa được tôi tái tạo trên tấm tranh sơn khắc khổ lớn treo ở Phòng truyền thống. Hình ảnh Bác Hồ tì tay vào vai cô Thái vẫn giữ nguyên như trong ảnh chụp. Còn phần tôi nâng nghiên mực cho Bác vẽ được thay bằng hình ông giám đốc. Nền tranh là hình ảnh dây chuyền sản xuất từ phân xưởng nguyên liệu, thành hình, lò nung, vẽ hoa. Bộ phận nào cũng muốn có mình ở trong tranh.

Anh chị em phân xưởng 5 là phân xưởng cơ khí trách sao tôi không vẽ tôi. Anh chị em kiểm nghiệm cũng trách như thế. Nhân thể họ phê phán tôi là không trung thực. Chính tôi là người nâng nghiên bút cho Bác vẽ sao lại vẽ ông giám đốc?

Ảnh chụp còn sờ sờ ra đấy. Tôi nói khi vào tranh hay khi ra sân khấu sự thật đều phải biến báo đi chút ít. Hình ảnh công nhân đã có cô Thái, hình ảnh lãnh đạo đã có ông Mịch, thế là được rồi.

Sau khi viết xong Bác về bộ phận rửa hoa và nói chuyện với anh chi em công nhân nhà máy.

Ngày đó 26-7-1962 đã trở thành ngày đáng nhớ nhất trong đời người thợ sứ. Nhiều công nhân cán bộ đã làm nhiều thơ, nhiều ca dao về ngày Bác thăm Nhà máy sứ Hải Dương. Trong phút giây được gần Bác, được nâng nghiên mực cho Bác viết là một điều hạnh phúc nhất đời. Tôi luôn khắc sâu tâm niệm: Phải cố gắng tiến bộ.

SÁNG TÁC VỀ BÁC HỒ - LÃNH TỤ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN TỴ

Nhà nước nào cũng thường có những tác phẩm hội hoạ - điêu khắc minh hoạ lịch sử hình thành đất nước mình kể từ thời cổ Ai Cập đến những kiểu nhà nước phong kiến và tư sản về sau. Những công trình tạo hình đó còn để lại nhiều giá trị văn minh tô điểm cho lịch sử loài người thêm tươi đẹp. Những tác phẩm tạo hình đó dính liền với lịch sử dân tộc, lịch sử nghệ thuật kể từ chân dung các vua Khephren, Mi-kê-ri-nốtx (Mykérinos) đến chân dung các vua chúa sau này. Lãnh tụ các phong trào cách mạng và nhà nước vô sản cũng đã được biểu dương nhiều ở các nước xã hội chủ nghĩa trên nhiều công trình tạo hình. Tuy mới chỉ trong vòng 60 năm kể từ Cách mạng tháng Mười Nga nhưng tranh và tượng lãnh tụ đã khá phong phú và hấp dẫn ở các bảo tàng, ở quảng trường, ở vườn hoa, từ tranh giá vẽ đến tượng đài hoành tráng: tượng Mác, Ăng ghen, tượng Lênin, tượng tròn cả người, nửa người cũng như chạm nổi ở Liên Xô, ở Cộng hoà dân chủ Đức và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác.

Xưa kia nhà nước phong kiến Việt Nam ít chú ý đến chân dung nhân vật lịch sử, trừ một số vua nhà Trần có sai thợ vẽ các danh tướng để ghi chiến công của họ sau ba lần đánh thắng quân Nguyên. Tiếc rằng sau này một số anh hùng dân tộc chỉ còn được nhắc lại trên tranh dân gian hay tranh thờ với những nét vẽ chung chung, khó phân biệt được đặc trưng từng người. Những tranh tượng này thường được hư cấu theo các nhân vật thần phật hay truyền thuyết dân gian qua các triều đại nên không còn giữ

nguyên được tính hiện thực của nhân vật. Hình tượng đó thường khác xa với hình tượng thành văn trong sách sử như chân dung Nguyễn Trãi, chân dung Quang Trung. Về lãnh tụ cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà cách mạng vô sản nổi tiếng thế giới, Bác Hồ của chúng ta, cũng chưa được miêu tả thành công trình tạo hình hoàn chỉnh, xứng đáng với vai trò lịch sử của Người. Ở trong nước cũng như ngoài nước, nhất là đối với các dân tộc thuộc địa bị áp bức, công trình tạo hình về Người thật cần thiết, xứng đáng và đang là món nợ về sáng tác nghệ thuật đối với những nghệ sĩ sống trong thời đại của Người. Về tinh thần và nội dung công trình tạo hình về Bác Hồ, các nghệ sĩ chắc đã dày công nghiên cứu về đời hoạt động của Bác nhưng thường lại loay hoay về phong cách diễn tả, về những hình thức biểu hiện nghệ thuật được sử dụng. Tất nhiên, ai đã sáng tác về Bác đều thấy đây là một đề tài khó, một hình tượng dù hoàn chỉnh đến đâu cũng khó được mọi người chấp nhận. Vì Bác là lãnh tụ thân kính của toàn dân, nên mỗi người đều có thể chấp nhận ở Người một nét đặc trưng riêng phù hợp với cảm nghĩ riêng của mình, những nét "giống" riêng của mình. Hình tượng hiện thực về Người rất sống động, linh hoạt và đa dạng trong phong cách sống và làm việc. Nhiều danh hoạ Việt Nam đã vẽ Bác: Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung, Trần Văn Cẩn vẽ Bác bằng màu dầu và sau đó khắc gỗ. Bức sơn dầu của Tô Ngọc Vân (1946) đẹp hơn cả, đẹp về "giống" cũng như về tính cách lịch sử nhân vật là phong cách nghệ thuật. Tính cách giống Bác của tranh chân dung của Tô Ngọc Vân là giống hình thể nhân vật, giống cả về thời gian và không gian lịch sử nhất định. Lúc đó, 1946 cách mạng mới thành công, việc nước bề bộn, thù trong giặc ngoài đe doạ, Bác làm việc ở Bắc Bộ phủ trước ngày đi dự Hội nghị Fontainebleau vào mùa hè. Dạng vẻ chân dung còn khắc khổ nét mặt suy tư, với bộ ria mép còn dày và đen, với bộ áo ka-ki vàng nhạt và đôi giày Nùng màu xanh chàm mang về từ miền núi Pắc Bó. Hoà sắc tranh phù hợp với tính cách hiện thực của nhân vật, mang tính lịch sử về phong thái lãnh tụ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước bàn làm việc vào thời điểm bấy giờ.

Bức chân dung sơn dầu của Trần Văn Cẩn (1961) chỉ nhìn Bác ở một khoảnh khắc nhất định, cùng với hoà sắc tươi mát xanh hồng, miêu tả Bác ở tình cảm về một người đàn ông trìu mến và đẹp lão trong gia đình. Bức tranh biểu hiện ấn tượng một cảm xúc đẹp của hoạ sĩ về Bác hơn là một chân dung về một lãnh tụ.

Đối với nhiều tác phẩm hội hoạ khác, ai cũng nói vẽ Bác chưa giống, chưa giống còn có ý là chưa ưng lắm. Trái lại, hình tượng Bác trên hai tranh cổ động *Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân* của Nguyễn Thụ và Huy Oánh, *Hồ Chủ tịch* của Lê Huy Trấp được chấp nhận nhiều hơn và coi là đạt, tuy mọi người đánh giá là cũng chưa giống. Cái mà mọi người yêu cầu về chân dung Bác Hồ là hình tượng điển hình về một lãnh tụ được nhân dân kính yêu, mang đầy đủ đạo đức và tính cách con người Bác. Để được nhiều người chấp nhận hình tượng đó, có lẽ mỗi hoạ sĩ, mỗi nhà điêu khắc phải sử dụng đầy đủ phương pháp diễn tả chung nhất, khoa học nhất của nghệ thuật tạo hình: tính hiện thực khách quan của nhân vật tạo hình mà mỗi người đều có thể nhận ra dễ dàng. Thuận mắt ta cả nhà cùng thuận. Tất nhiên mỗi nghệ sĩ không quên xúc cảm và kiến thức của mình về nhân vật lịch sử để đặt nhân vật đó vào khung cảnh thời gian và không gian nhất định. Những tác phẩm tạo hình về Mác, về Lênin ở Liên Xô, ở Cộng hoà dân chủ Đức đều có tính cách như vậy, tranh và tượng về Bác Hồ cũng cần có những yêu cầu như vậy. Tất nhiên cái khác biệt trên mỗi nhân vật lịch sử đều rõ nét như tác phẩm về Mác biểu hiện được đặc trưng tư duy của nhân vật và trên tác phẩm về Lênin là con người cổ vũ và hành động cách mạng. Các nghệ sĩ tạo hình Việt Nam cũng cần tìm một đặc trưng điển hình cho nhân vật Bác Hồ, hoặc ở thời kỳ hoạt động bí mật ở nước ngoài hoặc khi làm Chủ tịch Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Nghệ thuật điêu khắc tượng tròn về Bác Hồ càng cần đến những đặc trưng điển hình đó để khi mới nhìn thấp thoáng thấy dáng, người ta đã nhận ra ngay nhân vật. Nguyễn Thị Kim, Trần

Văn Lắm đều có nặn tượng Bác theo mẫu mực nhưng mới diễn tả ở mức độ truyền thần. Sau đó, Lê Công Thành, Nguyễn Phước Sanh đều có tượng về Bác Hồ. Phong cách lãnh tụ được ý thức rõ hơn và được nâng cao như *Bác Hồ với thiếu nhi* (bán thân thạch cao - 1982) và *Bác Hồ*, tượng đặt ở đảo Cô Tô (1974). Đến *Nguyễn Ái Quốc ở Pari* (Triển lãm 10 năm điêu khắc 1973 - 1983), Lê Công Thành sáng tạo một tượng đẹp nhưng không có tính cách một lãnh tụ cách mạng hoạt động bí mật trong những điều kiện gian khổ như tư liệu lịch sử đã chứng minh. Một thanh niên ung dung với phục trang nuột nà như thế có thể chỉ là một Nguyễn Ái Quốc hoá trang thành một thanh niên phong lưu ngồi chơi ở vườn hoa Paris! Kể cả nét mặt và dáng ngồi.

Loại tượng nhỏ về Bác Hồ cưỡi ngựa của Hứa Tử Hoài (gỗ - 1976), Nguyễn Văn Quây (đất nung), Nguyễn Đại Lượng (đất nung - 1980) để lại nhiều cảm tình cho người xem. Những khối hình ở tỉ lệ nhỏ đó dễ được chấp nhận nhưng lại ở dạng trang trí cho phòng, tượng đồ vật nhỏ (bibelot) không thể phóng to làm công trình hoành tráng về một lãnh tụ cách mạng được. Tượng đài ở ngoài trời đòi hỏi hình khối không gian tương xứng với kiến trúc và môi trường chung quanh tạo thành một quần thể kiến trúc hài hoà trong đó phần vườn tược đô thị cũng đóng vai trò quan trọng. Nhà điêu khắc lúc này phải có mắt nhìn bao quát sự phối hình giữa điêu khắc và môi trường không gian như một chuyên gia âm nhạc nghe về phối âm, phối khí vậy. Về tính cách nghệ thuật này điêu khắc dân gian ngày nay chưa thể đề cập và hoàn thành được. Phải biết kết hợp khoa học hiện đại về kết cấu công trình đô thị với điêu khắc và trang trí hoành tráng. Đáng tiếc thay, nhiều công trình tượng đài kỷ niệm về chiến thắng, về Bác Hồ, về các anh hùng và chiến sĩ ưu tú đã được dựng lên ở nhiều nơi bất chấp cả quy hoạch và quy luật sáng tạo nghệ thuật hiện đại miễn là đạt được một yêu cầu về nội dung hình tượng nào đó mà thường là ở trình độ thấp kém. Và khi một công trình kỷ niệm khánh thành xong thì mấy ai lại phá bỏ đi được.

Về hội hoạ, cũng đã có nhiều tác phẩm vẽ về hoạt động của Bác Hồ: Bác với quân đội có *Những lời dạy bảo* (Mai Văn Hiến, màu dầu - 1958), với công nhân có *Bác Hồ thăm công nhân mỏ Đèo Nai* (Nguyễn Hoàng - sơn dầu), với nông dân có *Bác Hồ với nông dân* (Nguyễn Văn Thiện, sơn dầu), với thợ thủ công (Nguyễn Phú Hậu), ở Pắc Bó (Trần Văn Cẩn, Trọng Kiệm), ở Việt Bắc (Dương Bích Liên). Các tác giả trên cũng chưa định hình được một phong cách lãnh tụ về Bác Hồ. Một số ghi chép nhỏ theo ký hoạ như bản khắc gỗ của Phan Kế An (1970), Trần Đình Thọ (1946) ghi được những nét chân dung đúng về Bác vào những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội và Việt Bắc. Những ký hoạ chì của Dương Bích Liên vẽ Bác ở Việt Bắc cũng như chân dung của hoạ sĩ Erich Giô-han-sơn (Cộng hoà dân chủ Đức) vẽ Nguyễn Ái Quốc - 1924, N.I Crôp-tren-cô (Liên Xô) - 1924, cho đến sau 1954, các nhà điêu khắc và hoạ sĩ các nước xã hội chủ nghĩa như A.Phác-kat (A.Farkas), J. Hinos (Hung-ga-ri), H.Dra-ke (Cộng hoà dân chủ Đức), Ghi-vi, V.N Da-tri-nha-ép (Liên Xô) đều có vẽ và nặn tượng về Bác. Nhìn chung những nét vẽ và nặn về Bác mới ở dạng tư liệu nhiều hơn là những công trình có tính bố cục khái quát được tinh thần phong phú và đa dạng về con người lãnh tụ phát triển từ Nguyễn Ái Quốc đến Hồ Chí Minh sau này.

Các nghệ sĩ tạo hình Việt Nam còn tiếp tục sáng tạo để nâng cao hơn nữa chất lượng tác phẩm của mình sau một thời gian liên tục làm việc hết lòng về hình tượng Bác. Sự cô đọng và lắng sâu của thời gian sẽ định hình được hình tượng về lãnh tụ đúng với ý muốn của chính tác giả đồng thời đúng với ý muốn của toàn dân, giống với cái "giống" sống động về Bác Hồ của mọi người. Đó là ý thức làm chủ tập thể đẹp đẽ đối với sáng tác về một nhân vật lịch sử tiêu biểu cho cả dân tộc Việt Nam truyền thống và hiện đại: Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta.

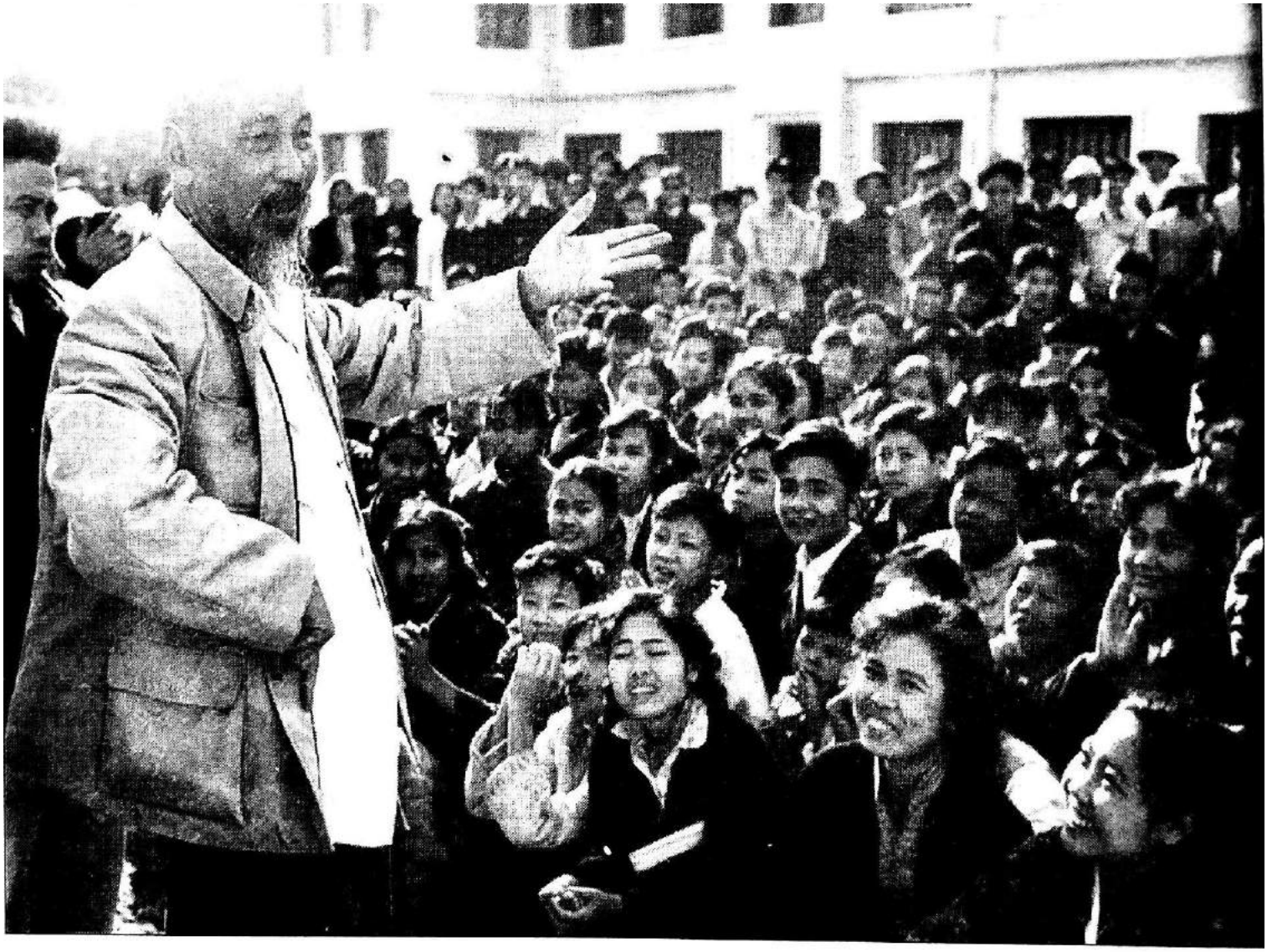

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với học sinh Trường Múa TW tại Khu văn công Mai Dịch - *Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM*

MỘT QUÊ HƯƠNG VÀ MỘT TẤM LÒNG

HÀ THANH

Chúng ta vẫn biết rằng vào những ngày đầu đầy sóng gió của chính quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mùa hè năm 1946, mặc dầu rất bận rộn trước khi lên đường sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau, Hồ Chủ tịch vẫn tranh thủ vừa làm việc, vừa ngồi làm mẫu cho các hoạ sĩ Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung vẽ và Nguyễn Thị Kim nặn tượng. Những tác phẩm của các hoạ sĩ này từ trước đến nay vẫn được nhắc tới như những tác phẩm mỹ thuật đầu tiên và thành công về Hồ Chủ tịch và luôn được trân trọng lưu giữ ở những vị trí xứng đáng.

Vào những ngày đầu tháng 6 này, người ta mới biết rằng còn có một tác phẩm khác cũng rất thành công về Bác, cũng được sáng tác từ mùa hè năm 1946 ấy, mà mãi suốt 52 năm qua, chịu nhiều lưu lạc, nay mới có mặt tại Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Hà Nội. Đó là tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh do hoạ sĩ, nhà điêu khắc Vũ Cao Đàm - một hoạ sĩ tài danh của Việt Nam, sống ở Pháp từ năm 1931, nay đã 90 tuổi, gửi tặng Bảo tàng. Tháng 6-1946 tại Paris, trong không khí hân hoan của kiều bào Pháp đón mừng Hồ Chủ tịch, hoạ sĩ Vũ Cao Đàm đã đề đạt với Bác nguyện vọng được tạc tượng Người và đã được Bác vui vẻ nhận lời. Bức tượng Bác cao 45,7 cm với chất liệu ban đầu là thạch cao, được nhà điêu khắc Vũ Cao Đàm dồn cả tài năng và tâm lực để hoàn thành. Một bức tượng đẹp thể hiện tuyệt vời chân dung Bác, vừa rắn rỏi, vừa giản dị và anh minh. Bác đã thưởng cho công lao của nhà nghệ sĩ một tấm huy hiệu mang hình và chữ ký của mình. Bác cũng đề

tặng vào tấm ảnh do hoạ sĩ Vũ Cao Đàm chụp dòng chữ thân thiết: "Tặng vợ chồng chú Đàm và các cháu". Tấm huy hiệu lịch sử ấy được nhà điêu khắc Vũ Cao Đàm gửi tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh năm 1986. Còn bức tượng thì chịu nhiều lưu lạc hơn, suốt cuộc trường kỳ kháng chiến chống Pháp từ năm 1946 đến năm 1954, bức tượng phải cất giấu nhiều nơi, một nông dân Pháp, đảng viên Đảng Cộng sản đã giữ bức tượng nhiều năm. Đến khi tìm lại được, nhà điêu khắc Vũ Cao Đàm đã bỏ nhiều công để tìm một nghệ nhân lỗi lạc, có tầm cỡ để đúc hình mẫu của Bác thành tượng đồng, giữ hình ảnh của Bác vĩnh viễn trước khi chuyển bức tượng về nước. Sau nhiều năm tìm kiếm công phu, chính người con gái của hoạ sĩ Nguyễn Cao Đàm là chị Yannick Vũ Jakaber, cũng là hoạ sĩ, đã đưa bức tượng thạch cao về Tây Ban Nha, tại một điểm đúc đồng nổi tiếng để hoàn thành bức tượng năm 1996.

Đã một lần, năm 1968, chị Yannick cùng chồng định đưa bức tượng về nước nhưng chưa làm được. Lần này, gia đình hoạ sĩ Vũ Cao Đàm định gửi tặng tượng Bác vào đúng ngày sinh 108 của Người, nhưng do chậm trễ tàu xe, ngày 3-6, Bảo tàng mới có thể làm lễ đón nhận tượng. Nguyện vọng của người hoạ sĩ trí thức già 90 tuổi, đã được con gái và gia đình người cháu rể của mình là giáo sư Bửu Triều thực hiện. Bức tượng này cũng phải được coi là một trong những tác phẩm đầu tiên về Hồ Chủ tịch và là một trong những tác phẩm thành công nhất, do một hoạ sĩ rất nổi tiếng ở cả Việt Nam và Pháp thực hiện.

Hoạ sĩ Vũ Cao Đàm sinh năm 1908, ông là sinh viên khoá II Trường Cao Đẳng Mỹ thuật Đông Dương và là một trong những người đầu tiên theo học ngành điêu khắc ở nước ta. Ông tốt nghiệp xuất sắc năm 1931, nhận học bổng sang Pháp học tiếp và ở lại. Bức tượng đồng *"Cô gái cài lược"* của Vũ Cao Đàm sáng tác 1929 vẫn luôn luôn được coi là mẫu mực về thể loại tượng chân dung để giảng dạy trong Trường Đại học Mỹ thuật nước ta. Vũ Cao Đàm sang Pháp, nổi tiếng bên Pháp, nhưng với sự trở về của bức tượng Hồ Chí Minh, chúng ta thấy rằng suốt hơn nửa thế kỷ qua, ông, gia đình ông, luôn mang trong mình một quê hương và một tấm

MƠ THÀNH HIỆN THỰC

CẦN THƯ CÔNG

Thật là tình cờ, thật may mắn, và cũng thật vô cùng hạnh phúc đến với tôi, là đã được gặp Bác Hồ trong dịp vãng cảnh chùa Tây Phương năm 1961. Chuyện kể lại như sau:

Vào buổi sáng 19 tháng 5 năm 1961, ngày sinh nhật Bác, Bác Hồ đi dự thăm chùa Tây Phương. Bác bận bộ quần áo màu nâu bằng lụa Hà Đông. Cùng đi với Bác còn có hai đồng chí bảo vệ mặc áo đại cán.

Năm ấy, tôi được Trường Mỹ thuật cho đi làm công việc đổ lại khuôn một số tượng La Hán và tượng Tuyết Sơn để đem về bảo tàng nhà trường làm tài liệu nghiên cứu và học tập vốn cổ dân tộc. Vì có điều kiện như vậy nên đã có cơ may được gặp Bác khi Bác tới tham quan chùa.

Vào quãng 9 giờ sáng ngày hôm ấy, khi tôi đang làm việc, thấy có hai cán bộ đến báo cho tôi biết: Bác Hồ đến thăm chùa. Tôi hồi hộp, ngỡ ngàng lòng tràn đầy niềm vui sướng. Tôi xin phép đồng chí cán bộ cho tôi được đi thay lại quần áo, ăn mặc chỉnh tề để đón Bác. Đồng chí trả lời tôi ngay: anh mặc như thế này cũng được, không sao cả. Tôi hiểu ý và chấp hành ngay lời nói của cán bộ đi bảo vệ Bác (lúc bấy giờ hàng ngày làm việc tôi thường mặc quần đùi, mình trần, đeo chiếc tạp dề tránh bụi bẩn).

Tôi dẫn Bác đi xem chùa và các pho tượng thờ ở bên trong. Tới bảng giới thiệu về lịch sử ngôi chùa, Bác dừng lại ít phút xem từ đầu đến cuối. Bác ngắm và chiêm ngưỡng từng pho tượng, quan sát kỹ và Bác còn dùng tay sờ vào nét sơn một số

tượng. Khi Bác xem xong, Bác quay lại nói với tôi:

- Tượng ở đây có lẽ xây dựng vào thời Lê. Không phải thời Cao Biền. Các cháu xem lại như thế nào?

Bác xem xong, ra ngồi nghỉ ngoài sân chùa bên cây mít, cành lá xum xuê mát dịu. Trên quả đồi, xung quanh là vườn cây toả đầy bóng mát. Trời cao xanh lồng lộng. Bác ngồi nghỉ, trông Bác đẹp như tiên ông trong chuyện cổ tích.

Bác hỏi chuyện những người đứng xung quanh Bác. Hỏi đến tôi, Bác nói:

- Cháu công tác ở đâu?

- Thưa Bác, cháu ở Trường Mỹ thuật.

Bác hỏi tiếp:

- Cháu có biết chú Diệp Minh Châu và cô Nguyễn Thị Kim không?

- Thưa Bác, đó là những người thầy dạy cháu học.

- Thế khi nào về Hà Nội cho Bác gửi lời thăm các cô chú ấy.

Có lẽ vì Bác thấy tôi làm công tác mỹ thuật, Bác kể cho tôi nghe một mẩu chuyện. Bác nói:

- Ngày xưa, Bác hoạt động ở bên Xiêm (giữ nguyên từ Bác kể). Ở Thủ đô Xiêm có xây một bức tượng vua Xiêm. Bác thấy đầu tượng là vua Xiêm - còn y phục lại giống Hoàng đế Na-pô-lê-ông.

Bác kể đến đó rồi Bác quay sang hỏi thăm sư thầy giữ chùa...

Câu chuyện Bác Hồ kể về bức tượng vua Xiêm ở trên thật giản dị, tinh tế và đầy hàm súc. Đã qua bao nhiêu năm rồi, nay tôi vẫn giữ nguyên vẹn, coi đó là cẩm nang dìu dắt, soi đường để hoạt động nghệ thuật.

Còn lại một mẩu chuyện nữa đến giờ tôi vẫn cảm thấy rất lạ. Không rõ nó ở dạng tâm linh hay cái gì đó... mà khoa học chưa lý giải được. Xin được kể thêm để kết thúc:

Trước ngày Bác tới thăm chùa, đêm tôi nằm mơ thấy chùa nến đèn thắp sáng trưng, như chuẩn bị ngày lễ hội. Nhưng lại không thấy một ai. Tôi đi đến phía quả chuông định cầm chiếc vồ để thỉnh lễ thì bừng tỉnh giấc. Giấc mơ ấy tỉnh dậy tôi cũng quên ngay. Bỗng nhiên, ngay hôm sau thấy Bác tới thăm chùa. Tôi liên hệ tới giấc mơ hôm vừa rồi và thầm nghĩ bụng: Thần, Phật ở đây có lẽ rất linh thiêng đã báo mộng cho biết sắp đón một vị thánh nhân đến thăm chùa.

Bác Hồ muôn vàn kính yêu của chúng ta không những là một vĩ nhân của dân tộc, Bác còn là thánh nhân trong tâm linh người Việt.

BÁC HỒ VÀ SỰ NGHIỆP MỸ THUẬT

CHU QUANG TRỨ

Bác Hồ, ngay từ ngày đầu hoạt động cách mạng đã dùng ngòi bút viết và vẽ làm vũ khí đấu tranh. Người còn coi nghệ thuật là một mặt trận.

Trước đó, các nhà văn nghệ nước ta còn đang lúng túng trong cuộc tranh luận "nghệ thuật vị nghệ thuật" hay "nghệ thuật vị nhân sinh". Thư Bác đã kịp thời xác định phương hướng cho văn nghệ sĩ quyết định sự nghiệp cho giới mỹ thuật. Từ đó, với trách nhiệm người chiến sĩ, các hoạ sĩ và nhà điêu khắc đã chiến đấu cho dân tộc với lý tưởng rõ ràng.

Bác nói điều trên trước hết là từ kinh nghiệm hoạt động cách mạng của mình. Trong Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba, Bác kể: "Trong hội chợ ở Mácxây, ngoài những tranh vẽ lũ công khanh Việt Nam đang lúc nhúc quỳ trước vua bù nhìn cùng chó ngao toàn quyền, khâm sứ, ngoài những công nhân trần trụi kéo xe thuê, còn chiếu phim có những bà già ăn trầu răng đen, những công nhân gầy gò, rách rưới, những người đóng khố đang leo dừa - chúng gọi đó là "hình ảnh An Nam". Rõ ràng là dân tộc bị áp bức thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải làm cách mạng". Bác viết văn và vẽ biếm hoạ đả kích chế độ thuộc địa. Trên báo *Le Paria* (Người cùng khổ), chúng ta tìm được nhiều tranh của Bác tố cáo bọn thực dân Pháp đánh đập tàn nhẫn nhân dân các thuộc địa, như đã nêu ra nghịch cảnh người phu xe Việt Nam còm cõi gò lưng kéo chiếc xe chở tên thực dân to béo; đề cao khí tiết những người yêu nước như cụ Phan Bội Châu trước sự dụ dỗ của Toàn quyền

Pháp và quan lại Nam triều. Những tranh ấy đã chỉ rõ kẻ thù mà nhân dân thuộc địa cần đánh đổ. Những tranh này được vẽ bằng sự thôi thúc của tinh thần yêu nước, đã có tác dụng giác ngộ các dân tộc thuộc địa, mà trước hết là nhân dân Việt Nam, nét vẽ ít, thoáng đãng mà thật sắc. Về sau, trong thời kỳ bị Quốc dân Đảng Trung Quốc giam cầm, Bác viết tập thơ *Ngục trung nhật ký*, cũng tự vẽ bìa với hình hai nắm tay bị xích giơ lên cao bất khuất. Rồi khi ra tù, về Cao Bằng chỉ đạo cách mạng tại chỗ, ở trong hang Pắc Bó, Bác tạc tượng Các Mác để kiên định con đường đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Khi hoạt động ở Pháp cũng như năm 1924 sang Liên Xô, Bác thường đến xem các triển lãm mỹ thuật, và theo hoạ sĩ Thuỵ Điển Êrích Giôhanxơn - bạn thân của Bác, thì hồi ấy "Người nói một cách tinh tế về những tác phẩm mà Người đã xem và trước hết về những nghệ sĩ, đã mạnh dạn phơi trần sự thật xã hội, kêu gọi đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập và dân chủ". Bác đã định hướng rõ ràng cho nghệ sĩ là phải lãnh sứ mạng chiến sĩ xung kích. Cho đến bức thư Bác gửi các hoạ sĩ năm 1951, Bác viết rất bình dị, chân tình "nhân tiện, tôi nói vài ý kiến của tôi đối với nghệ thuật để anh chị em tham khảo". Chỉ "nhân tiện" và để "tham khảo" như một lời tâm sự thân mật. Bác nói: "Chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công nông binh". Chỉ những kẻ tách mình ra khỏi nhân dân, chống lại kháng chiến và Tổ quốc mới không là đối tượng phục vụ của nghệ thuật cách mạng. Trong khái niệm "công - nông - binh" thì "binh" không phải giai cấp, được cấu thành chủ yếu từ công và nông. Vì vậy, lúc này Bác dặn những cán bộ văn hoá: "Các chú viết và vẽ thì phải chú ý đến công nông, phải viết về công nông, vẽ về công nông". Sau này, khi nửa nước đã giải phóng và đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Bác không cần nói cụ thể hai giai cấp công - nông nữa, mà thường dặn: "Làm văn nghệ phải chú ý đến đối tượng phục vụ là nhân dân; viết nói phải dễ hiểu". Tất cả các thành phần cấu thành nhân dân đều được chú ý.

Đối với công tác địch vận, Bác cũng chú ý khai thác sức mạnh của tranh biếm hoạ, chỉ rõ cho hoạ sĩ hướng vẽ và quan tâm đến nhân dân. Đầu năm1948, trong thư chúc Tết báo *Bạn chiến đấu* (tờ báo tiếng Đức, nhằm vận động lính lê dương phản chiến), Bác viết: "Tờ báo này phải dành cho những người lính lê dương, những chàng trai vui tính, dễ cáu kỉnh, dễ cảm xúc, chứ không phải những người làm chính trị sâu sắc. Bởi vậy cần có những bức tranh, những bức vẽ khôi hài, những gì làm cho vui cười, những tin tức có liên quan đến đời sống nhân dân (...). Nói tóm lại, cần làm cho họ cảm động, thoải mái, làm cho họ cười và khóc, để lôi cuốn họ về phía chúng ta".

Chính vì đối tượng của nghệ thuật là nhân dân, nên nghệ thuật phải sát trình độ hiểu biết của nhân dân. Trong những năm đầu cách mạng, hầu hết nhân dân còn mù chữ, chưa quen với những khái niệm trừu tượng mới, nên khi nghe Ủy ban vận động đời sống mới định ra ba nguyên tắc "dân tộc - dân chủ - khoa học", Bác tỏ ra ngạc nhiên và nói: "Dân quê đã mấy người hiểu rõ thế nào là dân chủ, khoa học". Sau này, khi xem phim *Bình minh trên rẻo cao*, Bác nói: "Nhiều chỗ Bác không hiểu, Bác không hiểu thì chắc đồng bào cũng không hiểu". Rõ ràng Bác luôn đặt quyền lợi của nhân dân lên hàng đầu. Dân có hiểu thì tác phẩm nghệ thuật mới phát huy được giá trị. Đề cao nhân dân, Bác lại coi trọng nghệ sĩ. Không chỉ đầu cách mạng và trong kháng chiến, ngay cả sau ngày miền Bắc được giải phóng, số hoạ sĩ và nhà điêu khắc còn rất ít. Với số nghệ sĩ hiếm hoi ấy, việc chỉ đường đi đúng để họ hoạt động là rất cần. Trong bức thư gửi các hoạ sĩ năm 1951, Bác viết: "Chiến sĩ nghệ thuật cần có *lập trường* vững, *tư tưởng* đúng, nói tóm lại là phải đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết". Trong một dịp khác, Bác dặn hoạ sĩ Diệp Minh Châu: "Phải nhớ học tập chính trị và rèn luyện tư tưởng cho tốt. Có tư tưởng chính trị tốt thì vẽ mới chóng tiến bộ được". Và do đó, đối với những hoạ sĩ tài năng được cả giới quý mến, nhưng không đi theo kháng chiến, khi Diệp Minh Châu hỏi, Bác đăm chiêu trả lời: "Ờ, Bác cũng tiếc... dù có tài năng, nhưng đã là

nghệ sĩ phải chọn đường đi cho đúng. Không thì phí cả cuộc đời mình". Những hoạ sĩ đã vẽ, nặn Bác và tặng tác phẩm cho Bác, Bác luôn nhớ và có dịp là gửi lời cảm ơn. Để đội ngũ ngày càng đông, Bác căn dặn các hoạ sĩ đàn anh: "Các chú là lớp người đi trước, nên dìu dắt anh chị em lớp trẻ, có kinh nghiệm gì thì phải tận tình bày vẽ cho anh chị em. Nhưng cũng phải thận trọng, chú ý đừng để mất khiếu sáng tạo của họ".

Không những vạch hướng, Bác còn chỉ đường cụ thể từng bước đi cho hoạ sĩ. Ngay từ những năm 1920, đàm đạo về nghệ thuật với hoạ sĩ Êrích Giôhanxơn, Bác đã nhấn mạnh rằng: "Mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật". Trong kháng chiến, Bác dặn văn nghệ sĩ: "Làm tốt công tác văn nghệ nếu không tìm hiểu sâu vốn của dân tộc thì không làm được đâu". Cho đến Đại hội Văn nghệ lần thứ hai (1957), Bác đến và hỏi ngay: "Việc khai thác vốn cổ dân tộc, các chú đã làm đến đâu rồi", và nói tiếp: "Nên làm nhanh. Có trước mới có sau. Có cũ mới có mới. Nhưng chúng ta không nên nệ cổ. Bây giờ là thời đại cách mạng, phải nhanh, phải cải cách".

Giới mỹ thuật muốn vẽ và nặn chân dung Bác, Bác hạn chế hết mức, Người nói: "Các chú hãy nặn tượng tập thể bộ đội, dân quân, thanh niên, thiếu nhi anh hùng, không có nhân dân thì không có Bác". Nhưng khi cần có tác phẩm về Bác để tuyên truyền cho nhân dân trong nước và trên thế giới biết về cách mạng Việt Nam thì Bác sẵn sàng. Nghệ sĩ nhiếp ảnh Đinh Đăng Định xin phép chụp ảnh Bác. Bác bảo: "Các chú chụp ảnh mình để làm gì?" - khi biết các nghệ sĩ cần có ảnh Bác cho nhân dân được xem, thì Bác đồng ý. Một dịp khác, Bác còn giúp các nghệ sĩ chụp ảnh: "Ta phải tạo điều kiện cho các chú ấy làm công tác tuyên truyền. Công việc ấy cần thiết lắm".

Vẽ và nặn chân dung Bác là một công tác cách mạng, nên trong một số trường hợp Bác đã dành không ít thời giờ ngồi mẫu cho các nghệ sĩ làm việc. Tháng 5-1946, theo yêu cầu của Hội Văn hoá cứu quốc, cần có tác phẩm tạo hình về Bác để trưng bày

trong triển lãm mỹ thuật toàn quốc lần đầu, mặc dù Bác đang chuẩn bị lên đường sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, Người vẫn dành ra ba tuần, mỗi ngày hai tiếng từ 6 giờ đến 8 giờ ngồi mẫu cho các hoạ sĩ Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung và nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim sáng tác. Bác ngồi ung dung, rất tinh ý và tạo điều kiện tốt nhất cho nghệ sĩ làm việc. Cho đến khi đi Pháp, Bác còn thân mật nói: "Chúc các anh chị ở lại làm được việc cho phòng triển lãm. Khi về nước, tôi sẽ đến xem". Cuối năm 1958, theo nguyện vọng của sứ quán Cộng hoà dân chủ Đức muốn có pho tượng hoặc bức hoạ cỡ lớn vẽ Hồ Chủ tịch mà tác giả phải là người Đức, Bác đồng ý để nhà điêu khắc Đức Henrich Đrăcke đến nặn tượng Bác. Để kết hợp, Bác cho một số anh chị em Việt Nam cùng đến làm. Thế là hàng ngày Bác dành một giờ rưỡi đầu buổi sáng ngồi mẫu cho nhà điêu khắc Henrich Đrăcke và các bạn đồng nghiệp Việt Nam Trần Văn Lắm, Diệp Minh Châu và Trần Văn Cẩn nặn và vẽ Bác. Ở tuổi ngót 70, Bác ngồi thanh thản, ung dung trên bục cao, không hề tỏ ra mệt mỏi để mọi người tiện quan sát. Bác còn tươi cười dặn các nghệ sĩ Việt Nam: "Các chú phải cố gắng nhé, thi đua với đồng chí Đrăcke mà làm, không thì xấu hổ đấy". Sau chừng mười ngày, công việc xong. Nhà điêu khắc Đrăcke đã tâm sự: "Sau bao nhiêu năm trời, tôi vẫn nhớ rõ đôi mắt sáng ngời, chòm râu bạc trắng như cước, vầng trán cao và cả những nếp nhăn, những chấm mồi trên da mặt Bác..., tất cả đều toát lên vẻ hiền từ, độ lượng, bao dung của một vị cha già rất thân yêu". Cũng có đôi dịp nữa, một số hoạ sĩ nước ngoài có nguyện vọng sáng tác về Bác, được Bác ân cần ngồi mẫu cho vẽ, và tiện thể Bác cũng cho phép một số nghệ sĩ Việt Nam "ăn theo". Đặc biệt từ tấm lòng dành cho đồng bào miền Nam, Bác rất ưu ái các nghệ sĩ của đất thành đồng. Trong kháng chiến, hoạ sĩ Diệp Minh Châu có dịp ra Việt Bắc, thưa: "Thưa Bác, từ miền Nam ra đây, cháu rất mong được gặp Bác, được vẽ Bác thật nhiều để sau này cháu mang về Nam cho đồng bào được thấy chân dung Bác". Vì đồng bào miền Nam, Bác cho hoạ sĩ ở bên cạnh gần nửa năm, và hoạ sĩ đã vẽ được nhiều cảnh có Bác.

Trong khi ngồi mẫu, Bác sẵn sàng chiều theo yêu cầu nghề nghiệp của các nghệ sĩ: chuyển bàn làm việc ra cạnh cửa sổ để có thêm ánh sáng, hoặc kê bàn trên bục cao để mọi người cùng thấy rõ, vừa đọc sách báo vừa hỏi chuyện thân mật, đôi khi cho quà và nói chuyện vui để gây hứng thú cho các nghệ sĩ. Mọi người vẽ và nặn chân dung Bác đều vô cùng sung sướng, chỉ sợ không đủ sức diễn tả tinh thần Bác. Bác còn chỉ cảnh đẹp và khuyến khích hoạ sĩ vẽ. Bác từng hỏi hoạ sĩ Diệp Minh Châu: "Chú đã vẽ được gì chưa?", và động viên: "Chú cố vẽ đi nhé!". Những khi nghỉ việc, Bác còn đến xem hoạ sĩ vẽ và góp ý thân tình. Hoạ sĩ Diệp Minh Châu đã từng được Bác chỉ cho những cảnh đẹp. Bác kéo hoạ sĩ ngồi cạnh, chỉ qua khung cửa sổ để thấy mảnh trăng liềm vừa nhô khỏi núi, toả sắc xanh huyền ảo xuống những dãy rừng xa: "Của chú đấy!".

Quý yêu nghệ sĩ, Bác nâng niu những tác phẩm của họ. Mọi lần có triển lãm mỹ thuật, dù bận mấy Bác cũng cố đi xem và cho những lời nhận xét chí tình. Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Hội Văn hoá cứu quốc đã tích cực chuẩn bị một cuộc triển lãm văn hoá, và ngày 7-10-1945 Bác đã đến dự khai mạc. Sau khi xem những tranh bày ở đây, Bác nhận xét chân tình là có sự chuyển mình của hoạ sĩ, nhưng còn nhiều trăn trở, phải dứt khoát hơn nữa. Lời Bác kiên quyết mà thiết tha khiến ai nghe cũng thấm thía: "Những bức tranh này tỏ ra các nghệ sĩ của ta lâu nay đã cố gắng tìm một đường đi. Nhưng tiếc một điều là không muốn đi dưới đất mà cứ muốn vút lên trời: chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sinh hoạt rất ít". Bác nhắc lời của văn hào Lỗ Tấn về việc người trần mơ vào cõi tiên, thấy mãi cái đẹp không thay đổi mà phát chán, lúc đó mới quý cõi trần sinh động có sự ham mê của con người. Ở đấy, Bác cũng khẳng định: "Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải là quan trọng ngang nhau: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá". Rõ ràng văn hoá ngang hàng với chính trị, thế nhưng một thời gian dài chúng ta lại cứ nghĩ văn hoá là theo sau và phục vụ chính trị. Trở lại đúng lời Bác, ta mới thấy Bác đánh giá cao văn hoá biết chừng nào...

NHỮNG NGÀY ĐƯỢC SỐNG BÊN BÁC

VŨ NĂNG AN

Trong đời tôi, đã có thời gian tôi vinh dự được làm việc bên Bác. Và đây là những ngày được phục vụ Bác khi Bác đi thăm mười nước cộng hoà Xô - viết tại Liên Xô vào mùa hè năm 1959. Dạo ấy, trên hai mươi ba số báo *Nhân dân* đã đăng bài báo với nhan đề *Cuộc nghỉ hè hai vạn ba nghìn cây số* gồm những ký sự được ghi lại nhân dịp Bác đi thăm Liên Xô và Trung Quốc. Tôi được phục vụ trong lúc Bác ở Liên Xô, nên chỉ kể lại phần này.

Thật là một cuộc nghỉ hè cũng vào loại "xưa nay hiếm". Có thể nói: ba mươi ngày "nghỉ" của Bác trên đất nước Xô - viết là ba mươi ngày... không nghỉ. Hầu như suốt một tháng, Bác làm việc liên tục. Có ngày vừa đi bằng máy bay, vừa bằng ô tô, vừa bằng tàu bể. Bác đi thăm các xí nghiệp, cơ quan, công trường, nông trường, nơi trưng bày mỹ thuật, khoa học, cung văn hoá, danh lam thắng cảnh... Hầu hết các buổi tối đều có chương trình xem phim hoặc sân khấu. Bác tham dự nhiều cuộc gặp mặt, khi thì ở Viện hàn lâm khoa học, Viện nghiên cứu kỹ thuật, khi thì tại nhà nghỉ của những người lao động và có những lần ở ngay đầu bờ ruộng ngô hoặc trong một vườn ươm, hoặc bên lề một rừng cây thực nghiệm. Tại vùng Cri-mê, có những cây do Bác trồng hồi ấy, chắc nay đã lớn. Bác đến đây vào mùa hè năm 1959 thì đầu xuân 1960, Bác mở hội "Tết trồng cây" đầu tiên ở ta.

Bác gặp lại những người xưa cảnh cũ, mà mấy chục năm trước, Bác đã từng quen.

Ở Liên Xô người ta quen thức khuya, dậy muộn. Bác thì cứ năm giờ sáng là dậy, sáu giờ bắt đầu chương trình làm việc mỗi

ngày. Biết như vậy, các đồng chí Liên Xô (cùng đi với Bác Hồ) cũng đôn đốc nhau dậy sớm. Giờ nghỉ buổi trưa Bác xem báo, nghe đài và đọc phần nhật ký mà anh em chúng tôi đã ghi hôm trước. Cuối buổi tối, Bác bảo ban anh em điểm lại công việc trong ngày và sắp xếp công việc cho ngày hôm sau. Chương trình đã đặt ra, dù gặp khó khăn, Bác vẫn kiên quyết thực hiện tốt.

Hành lý của Bác gồm có: một bộ quần áo ka ki (không kể bộ mặc ở người), hai bộ quần áo vải mỏng, hai bộ quần áo lót, vài cái khăn tay, vài quyển sách và đôi dép cao su đã cũ.

Bác luôn đúng giờ và liên tục hoạt động, nhưng Bác vẫn ung dung, thanh thản. Khi tiếp xúc với các bạn nước ngoài, Bác bình dị và vui. Tại những buổi chiêu đãi long trọng, có Bác dự, bầu không khí trở nên thân mật, vui vẻ. Trong bữa cơm hàng ngày, các đồng chí Liên Xô rất chú ý để sao cho hợp với tính tiết kiệm và tính giản dị của Bác. Tuy đi nghỉ, Bác vẫn nhắc nhủ chúng tôi theo dõi tin tức trong nước và trên thế giới. Mỗi lần chúng tôi báo cáo xong, Bác tóm tắt mười ngày qua trên thế giới có những việc gì quan trọng. Hôm ấy, ngày 20-7, sau khi thăm thành phố Gô-ri, quê hương của đồng chí Xtalin, chiều về nhà nghỉ là buổi điểm tin. Bác nhắc lại cho chúng tôi nhớ một đoạn lịch sử của nước ta từ chiến thắng Điện Biên Phủ. Bác dạy: nhân ngày 20-7, phải nhớ nhiệm vụ của chúng ta là đấu tranh chống bọn Mỹ cướp nước và bọn tay sai bán nước, giải phóng miền Nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà. Bác căn dặn: phải luôn luôn nghĩ đến đồng bào miền Nam ruột thịt.

Ở Liên Xô, từ các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đến quần chúng nhân dân đối với Bác đều hết sức thân mật, yêu thương, kính trọng, nhất là thanh niên và nhi đồng, hễ thấy Bác là vui vẻ reo lên, rồi kéo nhau đứng quanh Bác. Tiếng hoan hô "Việt Nam muôn năm! Bác Hồ muôn năm" vang lên không ngớt. Tuy đi nghỉ hè, nhưng việc Bác đến thăm các nơi cũng có nhiều tác dụng. Bác đến đâu, thì báo chí nơi đó đều có những bài nói

về tình hình nước ta và đều có quay phim. Nhiều hình ảnh được quay vào phim trong dịp ấy đã được dựng vào phim *Người là Hồ Chí Minh,* bộ phim mà các đồng chí điện ảnh Liên Xô đã hoàn thành để tưởng nhớ Bác, và đã chiếu ở ta.

Để làm đúng ý muốn của Bác, là đón tiếp rất đơn giản, lại để thoả mãn yêu cầu của cán bộ và nhân dân, là được gặp Bác, các đồng chí địa phương đã có một biện pháp rất hay: hôm Bác đến thì tổ chức một bữa cơm gia đình, chỉ mười lăm, hai mươi đồng chí lãnh đạo đến dự. Trước hôm Bác đi, thì tổ chức một buổi biểu diễn văn nghệ, có khoảng một nghìn nhân dân và cán bộ đến xem.

Có đồng chí Liên Xô cùng đi, đã nói thân mật với anh Vũ Kỳ, thư ký của Bác, rằng: "Sau một tháng "nghỉ hè" như thế này, Bác cần nghỉ thực sự ba tháng".

*

* *

Trong dịp đi thăm Liên Xô lần này, Bác đã đến xí nghiệp điện ảnh Mốt-xphim tại Mát-xcơ-va. Sau khi xem những hoạt động tại một vài trường quay và một số phân xưởng kỹ thuật sản xuất Bác đã dừng chân ở phòng trưng bày truyền thống. Theo đề nghị của các đồng chí Liên Xô, Bác đã ký tên vào sổ vàng dưới dòng cảm tưởng ngắn gọn bằng tiếng Nga *"Rất lý thú"*. Mấy hàng chữ ấy và chữ ký Hồ Chí Minh đã thành một niềm phấn khởi đặc biệt truyền nhanh đi khắp xưởng phim hôm ấy.

Trong khi thăm "Hội trưng bày những thành tựu Xô - viết trong 6 tháng đầu năm thứ nhất (1959) của kế hoạch 7 năm", Bác chăm chú nghe các chuyên gia điện ảnh Liên Xô trình bày tỉ mỉ một số vấn đề kỹ thuật. Đứng trước màn bạc xoay tròn xung quanh phòng "Xia-cô-ra-ma", Bác nói: "Mình có cảm tưởng như cũng trực tiếp tham gia hoạt động với người trên màn ảnh".

Khi Bác đến thăm gia đình của đồng chí Xu-xlốp và đồng chí Brê-giơ-nhi-ép (lúc ấy đều là bí thư Trung ương Đảng Cộng

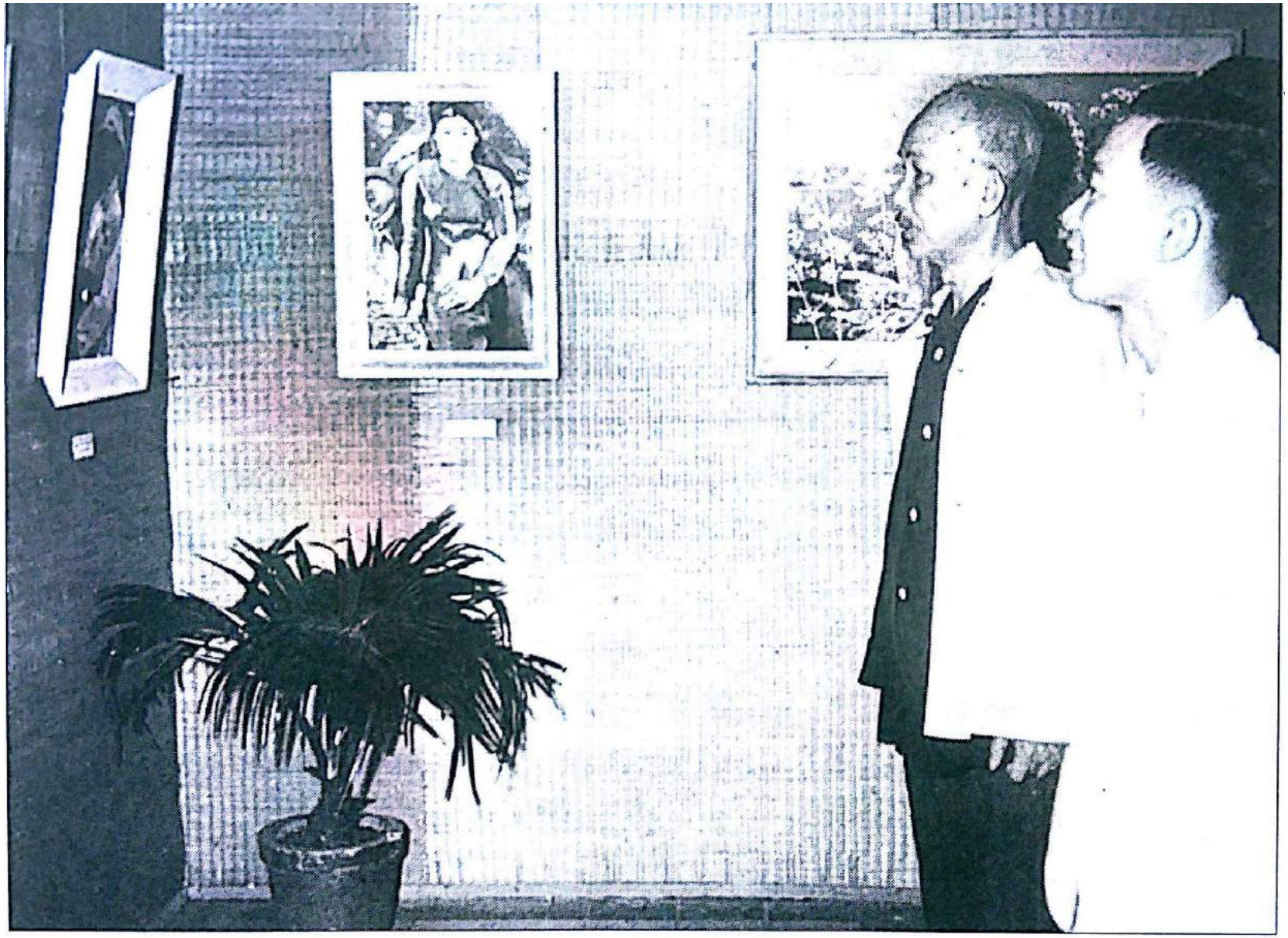

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm mỹ thuật toàn quốc lần IV (24/10/1962) - *Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM*

sản Liên Xô) đang nghỉ hè tại Y-an-ta, người con trai của đồng chí Xu-xlốp chụp ảnh kỷ niệm cuộc gặp gỡ thân mật này bằng một máy ảnh mang nhãn hiệu "Hoả tốc". Chụp xong có ảnh xem ngay. Bác chỉ vào cái máy ảnh cũ, tôi đang dùng, và Bác nói vui:"Máy ảnh của chú An chưa "hoả tốc", thì chú đưa ảnh sau vậy. Nhưng phải có ảnh tốt đấy và đừng quên gửi đủ ảnh cho mọi người trong ảnh nhé". Nghe Bác nói, mọi người đều cười vui vẻ.

Bác đã xem nhiều bộ phim tài liệu giới thiệu đất nước và con người Xô - viết. Tại Tuyếc-mê-ni, do thời tiết xấu, không tiện đi thăm tận nơi những công trình dẫn nước và trồng trọt trên sa mạc Ca-ra-cum, Bác đã yêu cầu xem phim tài liệu khoa học ghi công cuộc kiến thiết vĩ đại này.

Đến mỗi nước, Bác đều xem phim thời sự. Một hôm phim thời sự có đưa tin nhanh về Phó Tổng thống Mỹ - lúc ấy là Níchxơn đến Mát-xcơ-va khai hội trưng bày của Mỹ. Sau buổi xem phim này, Bác lấy một tờ nhật báo Liên Xô Bác mới xem hồi trưa, và bảo chúng tôi đọc mấy dòng tin trên trang báo, như sau: "Ních-xơn cùng mấy phóng viên Mỹ đi thăm chợ, nói chuyện với Va-xi-li là một công nhân Liên Xô. Rồi Ních-xơn móc túi lấy ra một tờ giấy bạc một trăm rúp đưa cho anh Va-xi-li, trong lúc đó các phóng viên Mỹ chuẩn bị sẵn sàng để chụp một bức ảnh có thể ghi chú là: "Ních-xơn cho tiền, Va-xi-li lấy tiền". Nhưng Va-xi-li nói: "Tôi không cần tiền của ông, tôi làm việc và lương tôi đủ cho tôi tiêu dùng".

Đọc xong tin này, chúng tôi thưa với Bác: "Phó Tổng thống Mỹ Ních-xơn và bọn phóng viên Mỹ bị bẽ mặt quá". Bác điềm đạm nói rằng: "Bẽ mặt và ngốc thật. Nhưng bọn Ních-xơn thì dù đánh chết, nết không chừa!". Quả vậy, bây giờ thì không chỉ là chuyện "bẽ mặt và ngốc nữa". Tổng thống Mỹ Ních-xơn là tên "kẻ cướp hung bạo đối với các dân tộc" và "tên độc tài phát xít đối với nhân dân Mỹ".

Một hôm, trên tàu bể "Đô đốc Na-khi-mốp" vượt biển Đen chạy tới Xô-xy, Bác đã tiếp đồng chí trưởng tàu là một anh hùng

lao động, trước đây đã làm trưởng tàu "Tu-áp-sê". Có một lần, tàu này đi gần vịnh Đài Loan bị bọn Tưởng Giới Thạch đánh cướp và nhân viên trên tàu bị bắt làm tù binh. Bọn Mỹ - Tưởng dùng mọi cách uy hiếp dụ dỗ, buộc họ đầu hàng. Song những người trên tàu đã kiên quyết đấu tranh, cuối cùng Mỹ - Tưởng phải thả họ. Thế là tình cờ Bác cháu chúng tôi đã gặp một nhân vật của câu chuyện đã được Xưởng phim Lê-nin-grát dựng thành bộ phim truyện *Biến cố phi thường*. Được biết Bác đã xem bộ phim này, đồng chí trưởng tàu càng thêm hào hứng kể lại chuyện cũ...

Những ngày được sống bên Bác là những ngày hạnh phúc nhất, những ngày mãi mãi còn giữ ấn tượng mạnh nhất về tư tưởng và tình cảm trong cuộc đời công tác của tôi.

NGUYỄN HỒNG NGHI VÀ NHỮNG TẤM ẢNH ĐẦU TIÊN ĐƯỢC CHỤP BÁC HỒ

DƯƠNG TUẤN HOA

Sau khi Khu 12 sáp nhập với Liên khu I, gọi chung là Liên khu I (bao gồm các tỉnh khu Việt Bắc), các loại hình nghệ thuật như mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu, nhiếp ảnh... đều được huy động vào công tác tuyên truyền, phục vụ kháng chiến. Ông Nguyễn Hồng Nghi lúc đó đang hoạt động trên lĩnh vực bình dân học vụ cũng được điều về làm Trưởng ban Nhiếp ảnh thuộc Sở Thông tin - Tuyên truyền khu. Công tác mới này rất hợp với sở trường nghiệp vụ của ông.

Công việc đầu tiên của Ban Nhiếp ảnh là phải có cơ sở vật chất, nơi phóng ảnh và tìm thêm một vài anh em nữa cùng làm.

Từ Hà Nội lên Việt Bắc, Nguyễn Hồng Nghi có mang theo một số phim chụp về bình dân học vụ, nhưng để có thể làm một tập ảnh, ông chụp thêm các hình ảnh mới ở Việt Bắc để bổ sung cho đề tài này. Nói là tập ảnh nhưng chỉ vẻn vẹn có trên 20 tấm khổ 6 x 6 (in bằng khung nhỏ với ngọn đèn dầu hoả) dán trên tập giấy giang dùng cho học trò. Đó là chuyện của một ngày đầu năm 1948. Tuy về hình thức, tập ảnh thật giản dị, mộc mạc, nhưng ông Nghi đã hoàn thành với tất cả lòng trân trọng của một người cán bộ kháng chiến. Ông vui sướng gửi biếu Bác Hồ tập ảnh này, kèm theo một bức thư đề nghị xin phép chụp ảnh Người. Ý định là như vậy, nhưng ông cảm thấy cứ hồi hộp và đắn đo mãi. Sau cùng ông mạnh dạn nhờ ông Lê Đức Thọ chuyển giúp lên Người.

Ít lâu sau, ông Nghi nhận được một tấm ảnh chân dung Bác Hồ có chữ đề tặng anh chị em giáo viên bình dân học vụ do Bác viết. Người còn gửi cho ông Nghi tấm danh thiếp. Toàn văn tấm danh thiếp đó như sau:

Gửi ông Nguyễn Hồng Nghi (Liên khu I). Cảm ơn chú đã gửi biếu tôi một tập ảnh, rất tốt. Tiếc vì tôi bận việc, chưa có thể gặp chú. Vậy tôi gởi một bức ảnh tặng chung cả anh chị em giáo viên bình dân học vụ. Nếu có thể, thì chú in thành nhiều bản, rồi gởi cho các nam nữ giáo viên.

Hồ Chí Minh.
Chào thân ái và quyết thắng
8/48

Tấm danh thiếp đó hiện vẫn được gia đình ông Nghi lưu giữ cẩn thận. Có điều, vì lâu ngày, các góc của tấm danh thiếp không còn nguyên vẹn. Tôi có nhờ anh Nguyễn Vinh Quang, con trai ông, cũng là một nghệ sĩ nhiếp ảnh, chụp lại để trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

Một thời gian sau, ông Hồng Nghi được cử đến chụp ảnh tại một hội nghị cán bộ Trung ương. Ông được đến sớm để chuẩn bị. Ông quan sát những căn nhà khá khang trang, tuy chỉ được cất lên bằng tre nứa. Nhìn sang phía đầu rừng nứa, ông Nghi thấy một ông cụ mặc quần áo nâu đang đứng nói chuyện với một số đồng bào địa phương. Ông bước lại gần, mới nhận ra là Bác Hồ. Bác hơi gầy, đôi mắt sáng, cử chỉ thật nhanh lẹ. Ông Nghi cứ đứng ngây người ra nhìn Bác, một hồi lâu mới trấn tĩnh lại và nghĩ đến công việc của mình là cần ghi lại tấm ảnh của vị Cha già với nhân dân địa phương. Đó chính là tấm ảnh đầu tiên ông chụp Bác Hồ.

Ngay sáng hôm sau, ông Nghi tìm gặp ông Lê Đức Thọ để nhờ thưa với Bác cho ông được chụp ảnh chân dung Người. Hồi đó, ông quan niệm chụp chân dung là phải bố trí. Ông Thọ trả lời: "Tôi đã báo cáo với Bác rồi. Tuỳ anh chụp, nhưng đừng làm Bác mệt".

Ông Nguyễn Hồng Nghi luôn quanh quẩn ở gần hội trường. Có một lần, ông thấy Bác ra suối gần đó, ngồi trên bè nứa rửa mặt. Ông đánh bạo lội chếch đến phía Bác ngồi, ngắm khuôn hình sẵn sàng, chờ Bác ngẩng lên thì bấm máy. Tuy vậy, trong bụng ông vẫn sợ Bác phê bình: Bác ra suối rửa mặt mà chú cũng chụp! Song, ông không thấy Bác nói gì cả nên mới yên tâm.

Quãng 9, 10 giờ sáng, ông Nghi qua căn nhà nhỏ lối hội trường, thấy Bác Hồ đang ngồi đánh máy. Mấy phía cửa đều được chống lên bằng liếp để ánh sáng lọt vào. Lối cửa ra vào cũng mở sẵn, ai đi qua cũng nhìn thấy. Sáng nay, ở ngoài suối, lúc loay hoay ngắm chụp ảnh, Bác có biết, nên lần này ông Nghi đã bạo hơn. Vừa bước vào cửa, ông liền thưa:

- Thưa Bác, xin phép Bác cho cháu chụp bức ảnh Bác đang làm việc.

Bác vẫn đánh máy, trả lời:

- Ừ, việc Bác Bác làm, việc chú chú làm!

Ông hiểu rằng, Bác Hồ cho ông được tự do chụp, muốn chụp bao nhiêu cũng được. Nhưng ông chỉ chụp hai kiểu. Đứng tần ngần một lúc ông cảm ơn Bác Hồ rồi trở ra. Lúc đó ông thấy tiếc vô cùng vì phim mang từ Hà Nội ra quá ít.

Sáng hôm sau nữa, ông thấy Bác thăm mấy căn nhà làm gần hội trường. Bác vẫn mặc quần áo nâu, vẻ thư thái. Đi theo sau có ông Trần Duy Hưng và một vài người nữa. Chờ dịp, ông Nghi liền nhờ ông Hưng thưa với Bác cho phép ông chụp bức chân dung Bác.

Ông Nghi rất sung sướng, vì được Bác đồng ý ngay. Ông có cảm tưởng là Bác còn nhớ lời đề nghị của ông trước đây mà ông chưa được thực hiện. Ông vội vàng kéo cái ghế tựa duy nhất trong ngôi nhà, đặt ghế mời Bác ngồi. Cự li của ống kính gần nhất có 1m50, ông đặt máy lên chân rồi quyết định tốc độ 1/10 giây và mở ống kính hết cỡ.

Ông sợ làm phiền Bác lâu nên vừa lấy khuôn hình vừa đưa một chiếc máy khác nhờ người bạn ghi lại tấm hình cảnh ông

chụp ảnh Bác khi đó. Chiều hôm ấy, ông chuẩn bị để buổi tối tráng phim đã không phụ ông. Chỉ khi đó ông mới yên tâm ngủ ngon lành cho tới sáng... Tấm ảnh ông chụp Bác vẫn được lưu giữ đến ngày nay, trở thành kỷ niệm vô giá đối với ông.

Có được những tấm ảnh chụp Bác Hồ kính yêu, ông Nghi quyết định làm một cuộc triển lãm về Người và hoạt động bình dân học vụ. Đó là cuộc triển lãm đầu tiên ở Việt Bắc năm 1950 với ngót 100 ảnh. Riêng loạt phim về Bác được ông phóng ra ảnh cỡ 18 x 24. Hồi đầu kháng chiến chống Pháp, đó là cỡ ảnh to nhất. Tấm ảnh Bác Hồ đang đọc sách ở Việt Bắc là một trong những tác phẩm gây ấn tượng mạnh mẽ, đã nhiều lần công bố trên sách báo và năm 1990 được Hội Nhiếp ảnh thành phố Hồ Chí Minh trao Giải Nhất cuộc thi ảnh chụp Bác Hồ nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người. Nhưng có một điều cứ làm ông ân hận mãi - cũng chỉ vì do lúc đó nhận thức còn ấu trĩ mà thôi, ông đã tự tay huỷ bỏ âm bản ảnh Bác Hồ mặc quần đùi ngồi trên bè nứa rửa mặt. Ông nghĩ: nếu bày bức ảnh đó ra là vô lễ đối với Bác. Bây giờ nhớ lại, ông cứ tiếc mãi vì đã bỏ mất một hình ảnh độc đáo, nói lên đức tính bình dị của Bác kính yêu.

NHỚ LẠI NGÀY BÁC ĐẾN THĂM TRIỂN LÃM ẢNH NGHỆ THUẬT LẦN THỨ IV

NGUYỄN ĐỨC VÂN

Triển lãm ảnh nghệ thuật lần thứ IV do Ban liên lạc nghệ thuật nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức tại Hà Nội nhân dịp Quốc khánh năm 1962. Nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách nước ngoài đã đến xem triển lãm. Không ai bảo ai nhưng chúng tôi đều thầm mong và hy vọng sẽ được Bác đến thăm, ngày vinh dự đó đã đến. Chúng tôi nhớ rõ hôm đó là thứ tư 12-9-1962.

Bác bước vào phòng triển lãm. Anh em chúng tôi bàng hoàng cảm động vỗ tay chào mừng. Bác lần lượt đi xem từng bức ảnh. Xem đến đâu Bác có ý kiến nhận xét đến đấy. Bác dừng lại hỏi thêm ý kiến mọi người. Anh em chúng tôi rất hồi hộp khi Bác tới xem những tấm ảnh của mình và mong được Bác nhận xét. Đặc biệt là đến khu vực dành riêng cho những tấm ảnh từ miền Nam gửi ra, Bác dừng lại rất lâu, xem kỹ từng bức một, hỏi han cặn kẽ về tác giả, về nội dung các bức ảnh.

Khi xem bức *Kết quả khai hoang*, Bác khen nội dung tốt nhưng bố trí nhiều quá, mất tự nhiên, kém sinh động, làm cho người xem có thể ngờ vực về các sự việc ghi trong ảnh.

Xem bức *Nữ dân quân*, người trong ảnh trông rất đẹp, Bác hỏi vui: "Đây là dân quân thật hay *đóng* giả?".

Bức *Tuổi thanh xuân* miêu tả một cô gái thành thị đội nón, mặc áo sơ mi trắng, cổ lá sen có rua hoa, ảnh chụp nửa người,

đặc tả bộ mặt xinh xắn và tươi. Bác góp ý là cô gái này tuy đẹp nhưng không có vẻ Việt Nam.

Xem bức ảnh tháp Phổ Minh, chụp qua vòng cửa nhà để bia, ống kính góc độ hơi hẹp nên không lấy được toàn bộ hình tháp, Bác nói: "Tháp gì mà cụt cả đầu lẫn chân thế kia?".

Đến bức ảnh *Phong cảnh Sa Pa* trên có đề mấy câu thơ chữ Hán. Bác hỏi:

- Đây là ảnh hay tranh?

Chúng tôi trả lời:

- Thưa Bác, đây là ảnh ạ.

- Là ảnh - Bác nói tiếp - sao lại bắt chước tranh?

Sau khi xem ảnh xong, Bác ngồi vào chỗ dành cho đồng bào xem triển lãm ghi cảm tưởng. Trên bàn đã để sẵn quyển sổ vàng. Anh Đinh Đăng Định đề nghị Bác ghi mấy chữ vào đó.

Bác từ chối và giơ tay vẫy chúng tôi lại gần. Đồng chí thay mặt Ban tổ chức trình bày với Bác về tình hình chuẩn bị và nội dung của cuộc triển lãm. Bác hỏi về cách làm việc của ban chọn ảnh, về cảm tưởng của quần chúng khi xem triển lãm, và sự tiến bộ của anh chị em nhiếp ảnh. Bác cũng không quên hỏi trong triển lãm này có bao nhiêu phụ nữ tham gia? Bác động viên anh em chúng tôi nên cố gắng; về tiền bạc cũng như về người cần tiết kiệm vì nhân dân ta còn nghèo.

Trong triển lãm này, Ban tổ chức có in quyển danh mục triển lãm, các tem kỷ niệm tặng cho những ảnh được trưng bày và một số phiếu ghi cảm tưởng. Bìa quyển danh mục có in một ống kính máy ảnh (chụp thực), màu đen, đặt trên một nền trắng có vẽ các vòng tròn màu xanh, đỏ, vàng chằng chịt. Còn tem kỷ niệm triển lãm có vẽ một mắt kính trông như lòng đen của con mắt, nửa trắng, nửa đen, với các đường vòng tròn trông rất "hiện đại"...

Khi xem bìa quyển danh mục, Bác phê bình là "vẽ lằng nhằng như bùi nhùi", còn tem kỷ niệm triển lãm, Bác kêu: "Con mắt gì mà dữ tợn thế?". Trông thấy tập phiếu ghi cảm tưởng ở

gần đó, Bác nói luôn: "Chữ phiếu dùng không đúng, người ta dùng chữ *phiếu* cho *phiếu* mua thực phẩm, *phiếu* đường, *phiếu* thịt...". Các nhận xét của Bác làm anh em chúng tôi suy nghĩ và là bài học sâu sắc đối với chúng tôi.

Bác hỏi luôn trong triển lãm này có bức ảnh nào thuộc loại lập thể (*cubisme*) hay vị lai (*futurisme*) không? Chúng tôi đáp: "Thưa bác không có ạ". Bác nói tiếp: "Các tranh ảnh thuộc trường phái kể trên rất khó hiểu và ngay đến các nhà chuyên môn có khi cũng không hiểu nổi".

Tiếp theo đó, Bác nói chuyện cho chúng tôi nghe về cuộc đời làm thợ ảnh của Bác hồi ở Pháp, bị bọn chủ hiệu ăn bớt, bóc lột, về sự giúp đỡ của cụ Phan Chu Trinh dạy Bác học nghề. Bác còn nói đến vấn đề rửa phim và ảnh, dạy cho chúng tôi cách rửa ảnh sao cho đẹp, sao cho phù hợp với từng đối tượng, từng lứa tuổi.

Chợt Bác thấy tôi và một đồng chí nữa đang ghi chép các lời Bác nói, Bác hỏi: "Các chú làm gì đấy? Đây là Bác nói chuyện chứ không phải huấn thị, các chú không được ghi!". Chúng tôi vội lùi lại phía sau, nhưng không dám bỏ qua một lời nào của Bác.

Đề cập đến vấn đề nội bộ, Bác hỏi: "Có phải các chú không ai chịu ai?".

Bị hỏi một cách bất ngờ, chúng tôi chưa biết trả lời thế nào thì Bác nói tiếp: "Các chú phải đoàn kết thương yêu lẫn nhau, lo lắng cho nhau, đừng kèn cựa nhau về địa vị".

Trước khi ra về chắc Bác hiểu nguyện vọng của anh em chúng tôi, nên đã vui lòng ghi vào quyển sổ vàng của Ban liên lạc những lời sau đây:

Các cô, các chú phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa.

Chào thân ái.

BÁC HỒ
12-9-1962

BÁC HỒ GIAO CHO TÔI LÀM BỨC TRƯỚNG

HUỲNH VĂN THUẬN

Giữa năm 1959, Bác Hồ cử anh Chước tới nhà 120 Vĩnh Hồ, Ngã Tư Sở, nay là 237 phố Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội đón tôi lên gặp Người. Tôi vừa bước vào phòng khách đợi thì đã nghe tiếng guốc vọng ngoài hiên nhà và Người đã xuất hiện giữa khung cửa phòng khách đi vào. Tôi vẫn đứng cuối mép bàn phía trong cúi chào Người. Bác gọi tôi là chú Mỹ thuật và nói: Bác giao chú làm bức trướng thêu to bằng chiếc chiếu đôi, nội dung là "Tình hữu nghị Việt - Trung vạn cổ trường thanh", bằng hai thứ chữ Nho và Quốc ngữ, gồm các dòng sau: *Chúc mừng quốc khánh lần thứ 10 nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; Tình nghĩa Việt - Hoa muôn đời tươi đẹp*; Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kính tặng. Bác kẻ viết toàn bộ chữ Nho. Tôi thiết kế bố cục, kẻ viết chữ Quốc ngữ và trang trí hoa văn (hoa sen dây) cùng màu sắc cho thêu - màu chủ đạo là vàng đỏ (nền đỏ chữ vàng). Bốn góc hoa văn đều có biểu tượng búa liềm thể hiện ý Bác là bốn phương vô sản.

Bác cho phép tôi chủ động thời gian thể hiện ý đồ nội dung trên. Bức trướng là biểu tượng văn hoá, vẻ đẹp truyền thống, cao quý trang nghiêm nên tôi suy nghĩ, toàn bộ bố cục thiết kế theo phong cách đứng đắn, chân phương giản dị mà đẹp, hài hoà với chữ Nho kiểu triện, thì chữ Quốc ngữ viết hoa phải có chân cũng như viết thường ngả đầu sang phải đều, gồm nét đậm, thanh và

màu phải là vàng son lộng lẫy. 9 giờ sáng hôm sau, tôi lên trình với Bác phác thảo bằng kích thước thật (1, 6 x 2, 0m) và trang trí thiết kế hai đầu trục gỗ (sơn then) treo trướng. Bác xem và góp ý kiến. Ở dòng chữ quốc ngữ *"Chúc mừng quốc khánh lần thứ 10 nước Cộng hoà Nhân dân Trung Quốc..."* - còn bút tích của Bác gạch chữ "quốc" thay vào chữ "Hoa" (nhân dân Trung Hoa). Dòng chữ Nho kiểu triện *"Tình hữu nghị Việt - Trung vạn cổ trường thanh"* do Bác thiết kế nét ngang bằng sổ thẳng bằng thước kẻ học trò đặt trong bố cục chung, so với chữ Quốc ngữ *"Tình nghĩa Việt - Hoa"*... hơi mảnh nét. Đón ý, tôi thưa với Bác để thêm mỗi bên nét 1 ly và Bác đồng ý. Bác còn thêm: để cho nổi cần viền ngoài cùng màu sẫm bốn chung quanh bức trướng.

Một lần nữa Bác cho phép tôi chủ động thời gian. 15 giờ cùng ngày tôi đã lên trình với Bác phác thảo đã sửa chữa. Bác tỏ ý hài lòng và hỏi: "Chú có biết chữ Nho không?". "Dạ thưa Bác cháu không thạo" - Tôi trả lời Người. Và Bác giao: "Thôi chú trông coi thêu".

Anh Chước chủ động tìm hiệu thêu ở phố Huế và hiệu tiện gỗ, rồi báo cho tôi biết địa chỉ để theo dõi. Tôi đến gặp và góp ý kiến với thợ thêu chọn vải lụa và chỉ tơ cho đúng với màu của phác thảo được thông qua. Yêu cầu họ thêu đúng nét chữ Nho Bác viết, nhất là những xơ bút. Rồi tôi đi gặp thợ tiện và yêu cầu họ khi tiện gỗ cần tiện đúng trang trí kích thước hai đầu trục suốt bằng gỗ mít thật khô, không nứt (sơn then) để đựng bức trướng.

Tôi có vinh dự lớn được Bác Hồ trực tiếp giao việc, cũng nhờ đó tôi học tập ở Người nhiều điều, đó là ngay từ đầu phải biết tạo không khí gần gũi trước khi vào việc, thật sự tin cán bộ, dành chủ động trong chuyên môn cũng như sắp xếp theo thời gian và nhất là những ý kiến đóng góp xác đáng về nghệ thuật.

Suốt đời tôi không thể nào quên những ngày ấy giữa năm 1959.

HÌNH TƯỢNG BÁC HỒ TRÊN TEM VIỆT NAM

THỌ TỪ

Với lòng tôn kính và tôn vinh Vị Cha già của dân tộc, ngay từ sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được khai sinh, Ngành Bưu chính nước ta đã trân trọng đưa chân dung Bác Hồ lên bộ tem đầu tiên của quốc gia vừa giành được tự do - độc lập, phát hành đúng vào ngày Quốc khánh 2-9-1945. Đó là bộ tem Chủ tịch Hồ Chí Minh gồm 5 mẫu tem mang mã số (MS) từ 01 đến 05 cùng có khuôn khổ (KK) 25x35, mang các màu: xanh lá cây, vàng đất, đỏ tươi, xanh lam và tím Huế. Hoạ sĩ Nguyễn Sáng là người được nhận vinh dự thiết kế trình bày bộ tem có chân dung Bác Hồ đầu tiên, và cũng là bộ tem đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tự thiết kế và in ấn.

Nhưng, bộ tem trên chưa phải là bộ tem mừng sinh nhật của Bác Hồ. Để nói lên niềm tri ân của nhân dân đối với vị lãnh tụ cao cả, và ước mong Bác được trường thọ để sống mãi cùng với dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh cứu nước và giữ nước; những bộ tem đặc biệt của Bưu chính Việt Nam được phát hành nhân dịp 19-5 (ngày sinh của Bác) trong các năm sau đó như những lời chúc thọ thành tâm nhất.

Bộ tem kỷ niệm lần thứ 59 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát hành vào năm 1949, gồm 2 mẫu tem mang MS 06 (màu nâu nhạt) và 07 (màu đỏ tươi), KK 28x43, cũng do hoạ sĩ Nguyễn Sáng vẽ, được in typo một màu trên giấy dó

lụa loại tốt tại Nhà tin Trung ương Việt Bắc, có tờ mỏng, tờ dầy, màu hơi tối và xốp, chính là bộ tem mừng sinh nhật Bác Hồ đầu tiên. Các mẫu tem trong bộ tem (được in chữ Bưu chính đầu tiên) này, về sau được in đè giá mới (50 đồng), và giá thóc (0kg100 thóc).

Hai năm sau, vào năm 1961, bộ tem Kỷ niệm lần thứ 61 ngày sinh Hồ Chủ tịch được phát hành, gồm 3 mẫu MS từ 8-10, KK 40x26, do hoạ sĩ Bùi Trang Chước vẽ. Các mẫu tem: 8 màu xanh, giá mặt (GM) 100 đồng; 9 màu nâu, GM 100 đồng; 10 màu đỏ, GM 200 đồng, đều mang hình ảnh chân dung Bác Hồ bên cạnh bản đồ Tổ quốc, và một ngôi sao lớn đang rực sáng. Bộ tem này được in hai chữ Bưu điện thay cho Bưu chính. Vào năm 1954, bộ tem này trở thành bộ tem in đè vì thiếu cước đầu tiên do Bưu điện Việt Nam phát hành. Do vào năm 1951, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập và phát hành tiền Ngân hàng thay thế dần tiền do Bộ Tài chính phát hành từ 1-12-1945, cứ 1 đồng Ngân hàng = 10 đồng tiền Bộ Tài chính, nên Bưu điện đã in đè giá tiền mới thay cho giá tiền cũ trên 3 mẫu tem này. Riêng dấu in đè trên tem thiếu cước là 2 chữ "TT" nằm trong khung hình thoi, được in thủ công, và thường có màu đỏ, hoặc tím, nâu, đen.

Mãi đến 6 năm sau, đúng vào ngày 19-5-1957, bộ tem Kỷ niệm 67 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch được phát hành, gồm 4 mẫu tem cùng KK 28x37 tuần tự như sau: MS 74 màu xanh biển, GM 100 đồng; MS 75 màu nâu non, GM 300 đồng; MS 76 màu xanh cẩm thạch, GM 20 đồng; và MS 77 màu vàng chanh, GM 60 đồng. Hai mẫu tem MS 76 - 77 được phát hành muộn hơn vào ngày 13-12 cùng năm. Bộ tem đưa ảnh chân dung Bác Hồ thật rõ đẹp, do hoạ sĩ Ngô Tôn Đệ thiết kế theo ảnh chụp của nhiếp ảnh gia Đinh Đăng Định, được in ốp-sét một màu tại Nhà in Ngân hàng Quốc gia Việt Nam. Chúng ta có thể nhìn thấy vầng trán cao cao cùng đôi mắt, và nét mặt ẩn chứa đầy niềm trăn trở suy tư của Bác trước vận mệnh của đất nước và cuộc sống của nhân dân.

Vào ngày 19-5-1960, Bưu chính Việt Nam phát hành bộ tem Kỷ niệm 70 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch, và đây là bộ tem mừng sinh nhật của Bác có nhiều khác biệt - rất đặc biệt so với các bộ tem những năm trước, do hoạ sĩ Nguyễn Thế Vinh thực hiện. Bộ tem gồm 3 mẫu mang MS từ 171-173. Hai mẫu tem 171 (màu nền vàng, xanh, hồng, đen, GM 12 xu) trong bộ, mang tên *Thiếu nhi chúc thọ Bác,* có KK 29x43, đưa hình ảnh Bác đang tươi cười, tay ôm các cháu thiếu nhi đang dâng lên những đoá hoa sen hồng thơm ngát. Đặc biệt, bộ tem này còn có thêm 2 blốc tem không đục răng mang MS 70B1 - blốc 2 và 70B2 - blốc 3. Trên blốc 2 đưa lại hình ảnh Bác giống như trên các mẫu tem 171 - 172, GM 10 xu, KK 59x85, nhưng nền tem lại được thay màu vàng, phía dưới có chữ ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Blốc 3 đưa lại hình ảnh Thiếu nhi chúc thọ Bác từ mẫu tem 173, GM 10 xu, KK 58x78, nổi lên trên một nền vàng kem nhạt.

Mừng thọ Bác vào năm 1965, ngày 19-5, bộ tem Kỷ niệm 75 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát hành gồm 2 mẫu tem: MS 404 (giá mặt 6 xu, nền xanh ngọc) và 405 (giá mặt 12 xu, nền vàng) cùng KK 29x39, do hoạ sĩ Trịnh Quốc Thụ vẽ.

Năm năm sau, lại thêm một lần phát hành đặc biệt: bộ tem Kỷ niệm 80 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch được phát hành vào ngày 19-5-1970 gồm 3 mẫu tem cùng KK 32x44 mang MS từ 665-667, đồng thời phát hành kèm thêm 2 blốc đặc biệt mang MS 239B1 - blốc 10, và 239B2 - blốc 11, đều do hoạ sĩ Trịnh Quốc Thụ thiết kế. Đây là bộ tem phát hành khi Bác đi xa qua bên kia bầu trời đã 8 tháng (Bác Hồ mất vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 2-9-1969 thọ 79 tuổi trong niềm tiếc thương đau buồn khôn nguôi của nhân dân Việt Nam). Mẫu tem 665 GM 12 xu, đưa chân dung vị lãnh tụ cách mạng Nguyễn Ái Quốc, mẫu 666 GM 12 xu, là hình ảnh Bác đang đọc *Tuyên ngôn độc lập* trước Quảng trường Ba Đình vào ngày 2-9-1945; và mẫu 667 GM 2

đồng đưa lại ảnh chân dung Bác ở tuổi "thất thập cổ lai hy". Cả 2 blốc tem đặc biệt đều không đục răng, cùng KK 133x93, GM 30 xu, thiết kế lại 3 mẫu tem trong bộ nổi lên trên một nền màu hồng nhạt (blốc 10) và vàng sáng (blốc 11) có điểm hoa văn chìm là những dòng bút tích của nhà văn hoá lớn - nhà lãnh tụ Hồ Chí Minh và phía dưới đều có chữ ký của Bác Hồ.

Chỉ một năm sau đó, bộ tem Kỷ niệm 87 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch được phát hành đúng vào ngày sinh nhật Bác, gồm 4 mẫu tem hình vuông (40x40) có mẫu số từ 701-704, khác nhau giá mặt và màu sắc, nhưng hình ảnh thì cùng mang Huy hiệu Hồ Chí Minh với hình Bác nhìn nghiêng, và phía dưới có đề bốn chữ "Người tốt việc tốt". Phát hành kèm theo bộ tem này là blốc 12 không răng, KK 90x130 GM 12 xu, hình ảnh huy hiệu Hồ Chí Minh đỏ - vàng nổi bật trên màu nền kem nhạt. Bộ tem do hoạ sĩ Bùi Trang Chước thiết kế.

Vào năm kế tiếp 1972, cũng vào ngày 19-5 bộ tem Kỷ niệm 82 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch gồm 2 mẫu tem có cùng KK 40x33, cùng GM 12 xu, mang mẫu số 748 và 749 được phát hành như nén nhang thơm thành kính thắp lên để tưởng nhớ đến công ơn trời biển của Người. Lần phát hành này Ngành Bưu chính đã có tư duy thay đổi về nội dung giao cho hoạ sĩ Trịnh Quốc Thụ thiết kế thực hiện bộ tem theo hướng trở về cội nguồn của một danh nhân. Mẫu 478 đưa hình ảnh làng Sen - Kim Liên ở Nghệ An, nơi Bác được sinh ra và lớn lên. Mẫu 749 là hình ảnh ngôi nhà sàn bình dị của Hồ Chủ tịch ở Thủ đô Hà Nội nơi Bác sống và làm việc lúc sinh thời.

Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, đất nước vừa được thống nhất, vào ngày 19-5-1975, bộ tem Kỷ niệm 85 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch gồm 2 mẫu tem cùng KK 28x42, mang mẫu số 868 (giá mặt 12 xu) và 869 (giá mặt 60 xu), được phát hành rộng rãi khắp ba miền của Tổ quốc. Trên tem là hình ảnh Bác Hồ tươi cười trong bộ ka-ki vàng chanh, đưa tay vẫy chào

đồng bào cả nước, gợi cho chúng ta nghĩ đến lời bài hát *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng* cùng nhịp điệu hân hoan và đầy xúc động. Bộ tem một lần nữa cũng do hoạ sĩ Trịnh Quốc Thụ thiết kế.

Ngày 19-5-1978, bộ tem Kỷ niệm 88 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch được phát hành, gồm 2 mẫu tem: mẫu số 1081 (GM 10 xu, KK 29x40, do hai hoạ sĩ Trần Lượng và Đặng Quý Quyền thiết kế) đưa hình ảnh Bác bắt nhịp bài ca *Kết đoàn*, mẫu số 1032 (GM 12 xu, KK 44x28, do hoạ sĩ Đỗ Việt Tuấn thiết kế) đưa hình ảnh Lăng Bác - nơi Bác yên nghỉ ngàn thu.

Hai năm sau, ngày 19-5-1980, bộ tem Kỷ niệm 90 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch gồm 2 mẫu tem cùng KK 29x41, mang mẫu số 1163 (GM 12 xu) và 1164 (GM 40 xu) được phát hành tiếp nối. Mẫu tem 1163 đưa chân dung nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn Ái Quốc vào năm 1925. Mẫu 1164 đưa chân dung Hồ Chủ tịch vào những năm Bác sống cuối đời. Bộ tem do hoạ sĩ Trịnh Quốc Thụ thiết kế, trình bày.

Đến 5 năm sau, vào ngày 19-5-1985, Bưu chính Việt Nam tiếp tục phát hành tem mừng sinh nhật Bác bằng bộ tem Kỷ niệm 95 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch, gồm mẫu tem mẫu số từ 1621-1663 (KK 50x40) và 1624 (KK 40x50), kèm thêm một blốc 38 KK 76x100, đều do hoạ sĩ Nguyễn Hiệp vẽ. Mẫu 1621 có GM 1 đồng, đưa hình ảnh Bác Hồ quan sát trận địa, mẫu 1622 - GM 2 đồng, hình ảnh Bác Hồ đọc sách; mẫu 1623 - GM 4 đồng là chân dung Hồ Chủ tịch; mẫu 1624 - GM 5 đồng là hình ảnh Bác làm việc ở vườn Phủ Chủ tịch. Đặc biệt nhất là blốc 38-GM 10 đồng, chân dung Bác được hiện lên trên một nền xanh lá cây tươi sáng, từ phía sau Người có một cành sen vươn lên, nở một đoá hoa "hồng liên mãn khai" mạnh mẽ, gợi cho chúng ta nhớ ngay đến câu ca dao: *"Tháp Mười đẹp nhất bông sen/ Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ"* mà ai ai cũng biết.

Kỷ niệm tròn 100 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch (19-5-1890/1990) là bộ tem mang ý nghĩa trọng đại. Vì chính trong năm này, Tổ chức Văn hoá của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã quyết định công nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là danh nhân văn hoá thế giới. Bưu chính nước ta phát hành bộ tem đặc biệt này sớm hơn ngày sinh của Bác 8 ngày (11-5), và đây là bộ tem do hoạ sĩ Trần Thế Vinh thiết kế thực hiện, được giải cao nhất trong cuộc thi vẽ tem do Tổng cục Bưu điện Việt Nam tổ chức. Bộ tem gồm đến 6 mẫu mang mẫu số từ 2169-2174 (cùng KK 31x46), kèm theo một blốc mẫu số 591B-blốc 78 (KK87x94), in ốp sét nhiều màu tại Xí nghiệp in tem Bưu điện. Mẫu 2160-GM 100 đồng mang tên *Đường cách mạng - nhà yêu nước - nhà thơ*. Mẫu 2170 - GM 300 đồng mang tên *Hồ Chí Minh - người dẫn dắt mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam*. Mẫu 2171-GM 500 đồng mang tên *Miền Nam đang ở trong trái tim tôi*. Mẫu 2172 - GM 1000 đồng mang tên *Đoàn kết là sức mạnh*. Mẫu 2173 - GM 2000 đồng mang tên *Vì lợi ích 100 năm trồng người*. Mẫu 2174 - GM 3000 đồng mang tên *Việt Nam - Hồ Chí Minh, lãnh tụ, nhà thơ*. Và blốc 78-GM 3500 đồng mang tên *Chủ tịch Hồ Chí Minh với các mốc lịch sử* được trình bày đầy đủ và rất đẹp, có chữ ký của Bác Hồ và logo biểu tượng của UNESCO.

Ngày 19-5-2000, Bưu chính Việt Nam chỉ phát hành một mẫu tem Kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vì trước đó có 5 hình ảnh Bác đã xuất hiện đặc biệt trong các bộ tem Việt Nam với thế kỷ XX (phát hành ngày 1-1), và bộ Kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (phát hành ngày 2-2). Mẫu tem kỷ niệm sinh nhật Bác lần này mang mẫu số 828-GM 400 đồng, KK 32x43, do hoạ sĩ Hoàng Thuý Liệu vẽ, đưa hình ảnh chân dung Hồ Chủ tịch và làng Kim Liên quê quán của Người.

Trong năm 2001, tuy không phát hành bộ tem kỷ niệm ngày sinh của Bác, nhưng đúng vào ngày19-5 đã có mẫu tem

mang mẫu số 863-GM 400 đồng - KK 43x32 được phát hành, mang tên Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941) điều này đã nhắc cho mọi người biết thêm một thông tin bổ sung cho kiến thức về lịch sử: ngày thành lập Mặt trận Việt Minh trùng với ngày sinh Bác Hồ.

Hình ảnh thân thương gần gũi và kính yêu của Bác Hồ xuất hiện rất nhiều trên tem Bưu chính nước ta, và cả trên tem nước ngoài, đó cũng chính là một kho tàng văn hoá quý báu mà chúng ta cần phải biết trân trọng và giữ gìn truyền lưu cho muôn đời sau, để đúng với nguyện vọng của hàng chục triệu người Việt Nam: "Hồ Chủ tịch vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!".

CHÚ THÍCH VỀ TÁC GIẢ*

1.NGUYỄN ĐÌNH THI (1924-2003)

Tên khai sinh là Nguyễn Đình Thi. Quê quán: Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Văn hoá cứu quốc, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam (từ 1948). Từ năm 1955 về công tác tại Hội Văn nghệ Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Văn nghệ (1956-1958). Từ 1958: Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam các khoá I, II và III; Chủ tịch Uỷ ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). Tác phẩm chính: *Xung kích* (tiểu thuyết, 1951); *Người chiến sĩ* (thơ, 1956-1958); *Mấy vấn đề văn học* (tiểu luận, 1956-1958); *Bài thơ Hắc Hải* (thơ, 1959-1961); *Con nai đen* (kịch, 1961); *Vỡ bờ* (tiểu thuyết, 1962-1970); *Mặt trận trên cao* (tiểu thuyết, 1967)... *Diệt phát xít, Người Hà Nội* (ca khúc)...

2.TỐ HỮU (1920-2002)

Tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành. Quê quán: Thừa Thiên - Huế. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng văn học ASEAN (1996). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). Tác phẩm chính: *Từ ấy* (thơ, 1946); *Việt Bắc* (thơ, 1954); *Gió lộng* (thơ, 1961); *Ra trận* (thơ, 1972); *Máu và hoa* (thơ, 1977); *Một tiếng đờn* (thơ, 1992); *Xây dựng một nền văn hoá nghệ thuật lớn xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta* (tiểu luận, 1973); *Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật* (tiểu luận, 1981)...

3. ĐẶNG THAI MAI (1902-1984)

Tên khai sinh là Đặng Thai Mai. Quê quán: Nghệ An. Giáo sư văn học, Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Ông là một trong những người sáng lập Hội truyền bá chữ Quốc ngữ. Từ sau Cách mạng tháng Tám lần lượt đảm nhiệm trọng trách: Đại biểu Quốc hội các khoá I, II, III, IV, V; Uỷ viên Ban dự thảo Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Bộ trưởng Bộ Giáo dục (1945-1949); Giáo sư Trường Đại học Văn khoa Liên khu IV (1948-1951); Giám đốc Trường Dự bị Đại học và Sư phạm cao cấp Liên khu IV (1952). Sau hoà bình (1954) vừa đảm nhiệm các chức vụ trong ngành giáo dục: Chủ nhiệm khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956-1957), Hiệu trưởng kiêm Chủ nhiệm khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1956-1959); vừa tham gia Đoàn chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam (1957-1984). Từ 1959, làm Viện trưởng Viện Văn học và Chủ nhiệm Tạp chí *Nghiên cứu văn học* của Viện (cho đến 1977). Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT (năm 1996). Tác phẩm chính: *Văn học khái luận* (nghiên cứu, 1944); *Lỗ Tấn* (nghiên cứu, 1944); *Tạp văn trong văn học Trung Quốc ngày nay* (nghiên cứu, 1945); *Triết học phổ thông* (nghiên cứu, 1949); *Chủ nghĩa nhân văn dưới thời kỳ văn hoá phục hưng* (nghiên cứu, 1949); *Giảng văn Chinh phụ ngâm* (chú giải, bình giảng, 1950, 1992); *Lược sử văn học hiện đại Trung Quốc* (biên khảo, tập I, 1958); *Văn thơ Phan Bội Châu* (nghiên cứu, 1958); *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX* (nghiên cứu, 1961);

* Để tiện tra cứu, chúng tôi xếp thứ tự các tác giả theo mục lục. Một số người chưa có điều kiện tìm đủ thông tin cần thiết, chúng tôi sẽ bổ sung vào các lần tái bản sau (BT).

Trên đường học tập và nghiên cứu (nghiên cứu, phê bình, 3 tập, 1959, 1969, 1970); *Đặng Thai Mai tác phẩm* (2 tập, 1978 - 1984); *Hồi ký* (1985). Dịch, giới thiệu: *Thế giới hiện đại* (dịch chung, 1946); *Lịch sử triết học phương Tây* (tập I, 1949, tập II, 1957); *Lôi Vũ* (của Tào Ngu, 1945, 1958); *Ả Sim* (1957); *Nhật xuất* (của Tào Ngu, 1958)...

4. HUỲNH VĂN TIỂNG (1920-2009)

Sinh tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1947 đến năm 1949: Uỷ viên Trung ương Đảng Dân chủ Việt Nam, Phó chủ tịch Uỷ ban kháng chiến Nam bộ. Từ năm 1955 đến năm 1975: Phó Tổng Biên tập Đài Tiếng nói Việt Nam, Giám đốc Vô tuyến truyền hình Trung ương, Uỷ viên Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Từ năm 1976 đến năm 1989: Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Phát thanh và Truyền hình Việt Nam kiêm Giám đốc Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Uỷ ban Đoàn kết và hữu nghị các dân tộc thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương.

5. HOÀI THANH (1909-1982)

Tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên. Quê quán: Nghệ An. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957). Nguyên Chủ tịch Hội Văn hoá Cứu quốc ở Huế (1945). Từ 1958-1968 là Tổng thư ký Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam. Từng là Viện phó Viện Văn học và Chủ nhiệm Báo *Văn nghệ* (1969-1975). Đã tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn (khoá I, II). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000. Tác phẩm chính: *Văn chương và hành động* (lý luận, 1936); *Thi nhân Việt Nam* (1941); *Quyền sống của con người trong truyện Kiều* (tiểu luận, 1950); *Nói chuyện thơ kháng chiến* (phê bình, 1951); *Nam bộ mến yêu* (bút ký, 1955); *Chuyện miền Nam* (bút ký, 1956); *Phê bình tiểu luận* (tập I-1960, tập II-1965, tập III - 1971); *Tuyển tập Hoài Thanh* (hai tập, 1982-1983); *Toàn tập Hoài Thanh* (5 tập, 1999).

6. THIẾU SƠN (1908-1978)

Tên khai sinh là Lê Sỹ Quý. Quê quán: Hải Dương. Năm 1927, sau khi tốt nghiệp Thành chung, ông vào làm công chức ở Sở Bưu điện Gia Định. Thiếu Sơn bắt đầu cộng tác với các tờ báo và tạp chí có tiếng thời bấy giờ như *Nam Phong tạp chí, Phụ nữ tân văn, Đuốc nhà Nam, Tiểu thuyết thứ bảy, Đại Việt tạp chí, Nam Kỳ tuần báo*... Không chỉ với tư cách là nhà văn, nhà phê bình văn học mà còn là nhà bình luận thời sự chính trị, văn hoá, tư tưởng, Thiếu Sơn hăng hái tham gia các hoạt động chính trị xã hội, từng tham gia Đảng xã hội Pháp. Bên cạnh những tập tiểu luận phê bình gây chấn động thời bấy giờ như: *Phê bình và cảo luận* (1933), *Đời sống tinh thần* (1933), *Câu chuyện văn học* (1933), *Giữa hai cuộc cách mạng* (1947)..., ông còn là tác giả của nhiều truyện ngắn in trên các báo, tạp chí và tiểu thuyết *Người bạn gái* (1942)... Từng tham gia Ban Biên tập Báo *Cứu Quốc* và đây cũng là thời gian ông viết và xuất bản nhiều tác phẩm văn học, trong đó có hồi ký cách mạng *Những người làm nên lịch sử* nổi tiếng.

7. PHẠM HUY THÔNG (1916-1988)

Tên khai sinh là Phạm Huy Thông. Quê quán: Hải Dương. Giáo sư, Viện sĩ, Tiến sĩ Luật, Thạc sĩ Sử học. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam 1957. Nguyên Phó Chủ nhiệm Uỷ ban KHXH Việt Nam, Viện trưởng Viện Khảo cổ học, Quyền Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đại biểu Quốc hội khoá II, III, Chủ tịch Hội Du lịch Hà Nội. Giải thưởng Hồ Chí

Minh về Khoa học xã hội năm 2000. Tác phẩm chính: *Yêu đương* (thơ, 1934); *Anh Nga* (thơ, 1935); *Tiếng địch sông Ô* (thơ, 1935); *Tần Ngọc* (thơ, 1937).

8.HOÀNG VĂN BỔN (1930-2006)

Tên khai sinh là Hoàng Văn Bản. Quê quán: Đồng Nai. Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai. Giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007... Tác phẩm chính: *Vỡ đất* (tiểu thuyết, 1952); *Tướng Lâm Kỳ Đạt* (truyện thiếu nhi, 1962); *Tuổi thơ ngọt ngào* (tiểu thuyết, 1994); *Khắc nghiệt* (tiểu thuyết 4 tập, 1990); *Nhớ người xưa* (tiểu thuyết, 2004)...

9. PHẠM HỔ (1926-2007)

Tên khai sinh là Phạm Hổ. Quê quán: Bình Định. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Trong kháng chiến chống Pháp, là Uỷ viên Ban Chấp hành Hội hoạ Liên khu 5. Năm 1950, ra Việt Bắc dự học Văn nghệ Trung ương. Tập kết ra Bắc, tiếp tục hoạt động văn học nghệ thuật. Từng giữ chức Phó tổng biên tập thứ nhất báo *Văn nghệ*, Phó trưởng ban Đối ngoại Hội Nhà văn, Chủ tịch Hội đồng văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. Tác phẩm chính: *Những ngày xưa thân ái* (thơ, 1957); *Ra khơi* (thơ, 1960); *Đi xa* (thơ, 1970); *Những ô cửa, những ngả đường* (thơ, 1976); *Vườn xoan* (truyện ngắn, 1964); *Tình thương* (tiểu thuyết, 1974); *Chú bò tìm bạn* (thơ, 1970); *Ngựa thần từ đâu tới* (tập truyện, 1986); *Chuyện hoa qua chuyện quả* (6 tập từ 1974-1994); *Cất nhà giữa hồ* (tập truyện cổ tích, 1995); *Nàng tiên nhỏ thành ốc* (bộ ba vở kịch in năm 1980); *Tuyển tập Phạm Hổ* (1999)...

10. NGUYỄN MINH CHÂU (1930-1989)

Tên khai sinh là Nguyễn Minh Châu. Quê quán: Nghệ An. Vào Hội Nhà văn năm 1972. Từ năm 1962, công tác tại Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (2000). Tác phẩm chính: *Cửa sông* (tiểu thuyết, 1978); *Dấu chân người lính* (tiểu thuyết, 1972); *Miền cháy* (tiểu thuyết, 1977); *Lửa từ những ngôi nhà* (tiểu thuyết, 1977); *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (truyện ngắn, 1983); *Bến quê* (truyện ngắn, 1985); *Những người đi từ trong rừng ra* (tiểu thuyết, 1982); *Mảnh đất tình yêu* (tiểu thuyết, 1987); *Cỏ lau* (truyện vừa, 1989)...

11. VŨ NGỌC PHAN (1902-1987)

Tên khai sinh là Vũ Ngọc Phan. Quê quán: Bắc Ninh. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Từ năm 1929 đến nửa đầu những năm 1940 Vũ Ngọc Phan cộng tác với nhiều tờ báo, tạp chí, là chủ bút tờ Tuần báo Hà Nội tân văn và chủ trương lập Nhà xuất bản Hà Nội. Trong những năm trước và sau khi giành chính quyền (1945), ông đảm nhiệm các chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban văn hoá Bắc Bộ, Uỷ viên thường trực Uỷ ban vận động Hội nghị văn hoá toàn quốc, Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến Khu Đống Đa, Uỷ viên thường trực Đoàn văn hoá kháng chiến Liên khu IV. Từ cuối năm 1953 ông được mời ra Việt Bắc tham gia công tác nghiên cứu trong Ban nghiên cứu Văn, Sử, Địa Trung ương, tiền thân của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam sau này. Ông được bầu làm Tổng thư ký, phụ trách cơ quan Hội Văn nghệ dân gian tại Đại hội Văn nghệ dân gian lần thứ nhất năm 1966. Ông nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 năm 1996 cho những cụm công trình về văn nghệ dân gian. Tác phẩm chính: *Trên đường nghệ thuật* (1940); *Nhà văn hiện đại*, 4 tập, từ 1942 đến 1945; *Qua những trang văn* (1976); *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* (1956); *Những năm tháng ấy* (hồi ký, 1987); *Châu đảo* (dịch, 1932); *Aivanhô*

(dịch, 1932-1933); *Sơ khảo lịch sử văn học Việt Nam* (2 quyển, viết chung, 1957-1960); *Truyện cổ tích Việt Nam* (in chung, sưu tầm, tuyển chọn, 1955).

12. NGUYỄN HUY TƯỞNG (1912-1960)

Tên khai sinh là Nguyễn Huy Tưởng. Quê quán: Bắc Ninh (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội). Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Từng tham gia Ban biên tập báo *Tiên phong* của Văn hoá cứu quốc, từng giữ các trọng trách: Phó Thư ký Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam (1946), Uỷ viên thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam, Tổng Thư ký Ban Trung ương Vận động *Đời sống mới*, Thư ký toà soạn tạp chí *Văn nghệ*, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá I, Giám đốc Nhà xuất bản Kim Đồng... Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). Tác phẩm chính: *Đêm hội Long Trì* (tiểu thuyết, 1942, được chuyển thể điện ảnh, chèo, cải lương 1990); *Vũ Như Tô* (kịch, 1943); *An Tư* (tiểu thuyết, 1944); *Bắc Sơn* (kịch, 1946), *Những người ở lại* (kịch, 1948); *Ký sự Cao Lạng* (ký sự, 1951); *Truyện Anh Lục* (tiểu thuyết, 1955); Luỹ hoa (truyện phim, 1960); *Sống mãi với Thủ Đô* (tiểu thuyết, 1961); *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (truyện thiếu nhi)...

13. HỮU MAI (1926-2007)

Tên khai sinh là Trần Hữu Mai. Quê quán: Nam Định. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Năm 1946 tham gia tự vệ thành tại Hà Nội. Năm 1947 vào bộ đội, phụ trách Báo *Quân tiên phong* của Đại đoàn 308. Năm 1956, chuyển về Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* Tổng cục Chính trị. Trong hai cuộc kháng chiến, chuyên làm biên tập, phóng viên, sáng tác về đề tài chiến tranh. Năm 1978, làm Trưởng phòng *Văn nghệ Quân đội*. Năm 1983 chuyển sang Hội Nhà văn với quân hàm Đại tá. Là Uỷ viên thường trực Ban Chấp hành Hội Nhà văn khoá III, khoá IV. Thành viên của Hiệp hội Quốc tế Nhà văn viết truyện trinh thám (*Association Internationale des Ecrivains Policier*), thành lập tại Mêhicô năm 1989. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. Tác phẩm chính: *Cao điểm cuối cùng* (tiểu thuyết, 1960); *Vùng trời* (tiểu thuyết, 3 tập, 1975, 1976, 1980); *Đất nước* (1984); *Ông cố vấn* (3 tập, 1985, 1987, 1990); *Đêm yên tĩnh* (tiểu thuyết, 2002); *Người lữ hành lặng lẽ* (tiểu thuyết, 2003). Là người thể hiện những tập hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra, Những năm tháng không thể nào quên, Chiến đấu trong vòng vây, Đường tới Điện Biên Phủ, Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử*...

14. KIM NHẬT

Tên khai sinh là Kim Nhật. Sinh năm 1945. Quê quán: Bình Định. Dân tộc: Ba Na. Nguyên diễn viên Đoàn văn công Tây nguyên. Vào Hội Nhà văn năm 1999. Giải thưởng của Hội đồng văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 1999 (tập truyện *Ly hụn*). Giải thưởng Uỷ ban toàn quốc Liên hiệp các hội VHNT Việt Nam tập truyện *Hồn ma nỳi* (2003). Tác phẩm chính: *Mụ Xoại* (tập truyện ngắn, 1994); *Ly hụn* (tập truyện ngắn, 1998); *Động rừng* (tập truyện ngắn, 1999); *Truyện cổ Ba Na* (2000); *Y Sanh và Y Rả* (tập truyện ngắn cho thiếu nhi, 2002); *Chúa sơn lâm mắc bẫy* (tập truyện ngắn thiếu nhi, 2003); *Hồn ma nỳi* (tập truyện ngắn, 2003)...

15. NGUYỄN TRÍ HUÂN

Tên khai sinh là Nguyễn Trí Huân. Sinh ngày 20 tháng 9 năm 1947. Quê quán: Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Vào Hội Nhà văn năm 1977. 1971 vào chiến trường miền Nam, phóng viên, biên tập viên Tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng* Trung Trung Bộ. 1979-1982 học viên Trường viết văn Nguyễn Du khoá I. Từ

1982 đến nay công tác ở Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* và Hội Nhà văn Việt Nam. Hiện là Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập Báo *Văn Nghệ*, nguyên Tổng biên tập Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007. Tác phẩm chính: *Mặt cát* (tập truyện ngắn, 1977); *Năm 75 họ đã sống như thế* (tiểu thuyết, 1979); *Dòng sông của Xô nét* (tiểu thuyết, 1980); *Chim én bay* (tiểu thuyết, 1988); *Dấu thời gian* (ký, 2004)...

16. LỮ HUY NGUYÊN (1939-1998)

Tên khai sinh là Nguyễn Huy Lư. Quê quán: Bắc Ninh. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1978). Năm 1965 tốt nghiệp Đại học Tổng hợp, về công tác tại Nxb. Văn học, biên tập và sáng tác. Năm 1986 làm Giám đốc Nxb Văn hoá. Từ 1989 đến khi qua đời là Giám đốc Nxb. Văn học. Tác phẩm chính: *Cô Tư tóc vàng* (1971); *Trâu lá đa* (1975); *Năm tháng đi qua* (1976); *Chiều sâu thành phố* (1978); *Đôi mắt em nhìn* (1987); *Đêm Digan* (1991); *Bắt đền đôi mắt* (1991); *Paris* (1991); *Mùa thu nước Nhật* (1992); *Nghệ sĩ với tình yêu* (1995); *Một lần thăm Đức* (1995); *Nhật ký đường trong* (1970); *Núi thức* (1978); *Trên núi cao* (in chung, 1979); *Truyện dân gian châu Á* (dịch tập 3, 4, 1983, 1984, 1985, 1993); *Ngọn lửa* (kịch bản phim truyền hình, 1985); *Năm Ngựa nói chuyện ngựa* (1990); *Chuyện lạ giữa rừng* (1990); *Từ tâm huyết cứu nước đến sáng tạo nghệ thuật* (1990); *Năm Mùi nói chuyện dê* (1991); *Tuyển tập Lữ Huy Nguyên* (1999); *Ấn tượng văn chương* (phê bình - tiểu luận, 2000).

17. NGUYỄN LỘC

Giáo sư ngữ văn, từng giảng dạy tại Khoa Văn Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Hà Nội. Biên soạn giáo trình *Văn học trung đại Việt Nam thế kỷ 19*. Hiện sống ở Tp. HCM.

18. NGUYỄN THỊ CẨM THẠNH

Tên khai sinh là Nguyễn Thị Cẩm Thạnh. Sinh năm 1927. Quê quán: Quảng Bình. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Từng công tác biên tập tại Nxb. Kim Đồng và Báo *Văn học*. Nguyên Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khoá II), Uỷ viên Ban phụ trách tuần báo *Văn nghệ* trong nhiều năm. Giải thưởng của Hội Văn nghệ Liên khu Việt Bắc 1949 (truyện ngắn *Bên ni bên tê*). Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn báo *Văn học* 1962 (truyện ngắn *Những đứa em*). Tác phẩm chính: *Giữ đê giữ làng* (ký, 1957); *Quanh cây bàng đầu xóm* (truyện dài, 1958); *Những người bạn gái* (truyện ngắn, 1964); *Làng Cát* (truyện ngắn, 1968); *Đêm trăng rừng chè* (truyện ngắn, 1974); *Sao biển* (truyện thiếu nhi, 1978, 1995); *Chớp nguồn* (truyện ngắn, 1983); *San hô đỏ* (tiểu thuyết, 1988); *Âm vang biển sóng* (tiểu thuyết, 1998, nối bản 1999); *Cầu vồng tuổi thơ* (trích 5 chương cho thiếu nhi, 2003); *Tuyển tập văn* (2004).

19. ĐÀO VŨ (1927-2005)

Tên khai sinh là Đào Văn Đạt. Quê quán: Hưng Yên. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Đã qua công tác từ biên tập viên đến Quyền Tổng biên tập Báo *Văn nghệ*. Uỷ viên BCH Hội Nhà văn khoá III, Uỷ viên BCH Hội Nhà báo khoá IV. Liên Xô cũ và Trung Quốc đưa tên Đào Vũ vào *Từ điển văn học nước ngoài*. Giải thưởng hợp tác với Thuỵ Điển cho thiếu nhi, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật 2001. Tác phẩm chính: *Cái sân gạch* (1959); *Vụ lúa chiêm* (1961); *Con đường mòn ấy* (1972); *Y Leng* (1982); *Lưu lạc* (1973); *Hoa Lửa* (1973); *Dải lụa* (1973); *Bí thư cấp huyện* (1983); *Một mùa mưa* (1986); *Con than ngơ ngác* (1988); *Tuyển tập Đào Vũ* (2 tập, 2004) ...

20. LƯU TRÙNG DƯƠNG

Tên khai sinh là Lưu Quang Luỹ. Sinh năm 1930. Quê quán: Đà Nẵng. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Từng là biên tập viên Tạp

chí *Văn nghệ Quân đội*, Uỷ viên thường vụ Hội Văn nghệ Giải phóng miền Nam Trung Bộ, Phó Chủ tịch thường trực, Bí thư Đảng đoàn Hội Văn nghệ Quảng Nam-Đà Nẵng, Tổng thư ký Hội Văn nghệ Tp. Đà Nẵng. Giải thưởng Uỷ ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam năm 2001, tập thơ *Bài ca người Đà Nẵng*. Tác phẩm chính: Thơ: *Tập thơ của người lính* (1949); *Những người đáng yêu nhất* (1960); *Tình nguyện* (1963); *Nỗi nhớ màu xanh* (1975); *Trên đỉnh núi Thành ta hát* (1983); *Bài thơ tình về chim hải âu* (1988); *Thơ tặng anh bộ đội Cụ Hồ* (1990, 1994, 2003); *Bài ca người Đà Nẵng* (2000); *Tuyển tập thơ Lưu Trùng Dương* (thơ- trường ca- truyện thơ- kịch thơ ngắn 2001); *Lưu Trùng Dương - Thơ với tuổi thơ* (2003). Tiểu thuyết: *Họ đi tìm thiên đường* (1988); *Con đường sắt vô hình* (2001); *Chết rồi lại sống* (2003); *Bà chánh án mồ côi* (truyện vừa, 2003); *Huyện thoại ở Đak Xing* (2003); *Sống vì lý tưởng* (ký sự, 2004); *Lưu Trùng Dương* (truyện và ký, 2006)...

21. NGUYỄN GIA NÙNG

Tên khai sinh là Nguyễn Gia Nùng. Sinh năm 1937. Quê quán: Hưng Yên. Vào Hội Nhà văn năm 1974. Từng công tác tại Chi nhánh Nxb. Lao động, Giám đốc Chi nhánh Nxb Chính trị Quốc gia tại Nha Trang. Giải nhì cuộc thi Bút ký-phóng sự báo *Văn nghệ* (1961). Tác phẩm chính: *Chuyện một tổ máy xúc* (truyện ký, 1962); *Sao băng* (tiểu thuyết, 1968); *Người dệt ước mơ* (tiểu thuyết, 1976); *Lời thề của nước* (truyện thiếu nhi, 1977); *Cô gái xứ trầm hương* (kịch thơ, 1986); *Thành phố mùa thu* (truyện ngắn, 1997); *Từ nguồn ra biển* (thơ, 1998); *Những phút trầm tư* (thơ 2001); *Bụi quý cho mình* (thơ, 2003); *Trang sách, trang đời* (chân dung, tiểu luận, 2002); *Từ quê hương xứ trầm biển yến* (tập ký, 2005); *Cánh ong bay* (101 bài thơ tình chọn lọc, 2005); *Đời văn nghiệp bút* (chân dung, tiểu luận, 2005); *Thức với mùa thu* (thơ, 2006)...

22. NGUYỄN ĐĂNG BẢY

Sinh ngày 01-01-1923, quê Từ Sơn, Bắc Ninh, hiện đang nghỉ hưu tại Hà Nội. Hoạt động trong phong trào thanh niên phản đế từ năm 16 tuổi. Sau khi tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền tại tỉnh Bắc Kạn, ông làm việc ở Ty Thông tin Tuyên truyền tỉnh, rồi chuyển lên Nha, công tác trong tổ phóng viên nhiếp ảnh tuyên truyền kháng chiến. Năm 1949, ông được cơ quan giao cho chiếc máy quay phim chiến lợi phẩm để quay tư liệu kháng chiến và Bác Hồ. Với chiếc máy đó, ông đã quay các phóng sự: *Bác Hồ thăm nông thôn Đại Từ, Bác Hồ thăm Đại hội Phụ nữ ở Đại Từ, Sinh nhật "Lục tuần Đại khánh" của Bác Hồ;* quay tư liệu về các chiến dịch Tây Bắc, Nghĩa Lộ, Trung du, Điện Biên Phủ..., về Đại hội Đảng lần II, về tháng hữu nghị Việt - Trung - Xô, v.v.. Sau khi tiếp quản Thủ đô, ông làm phim tài liệu *Đường sắt Hà Nội - Mục Nam quan*, rồi quay các phim *Phong cảnh Hà Nội* (1956), *Núi rừng Việt Bắc* (1957). Tiếp đó, ông quay những hình ảnh Bác Hồ đi thăm các cơ sở cách mạng, các nước anh em bạn bè. *Cô gái công trường* (1960) là phim truyện đầu tay của Nguyễn Đăng Bảy. Một năm sau, với phim *Con chim vành khuyên* (1961), ông đã được nhận giải Quay phim xuất sắc tại LHPVN lần II, 1973. Lần thứ hai, ông đoạt giải Quay phim xuất sắc là tại LHPVN lần III, 1975 cho phim *Đến hẹn lại lên*.

23. BÙI ĐÌNH HẠC

Sinh ngày 04-06-1934 tại Tam Nông, Phú Thọ, hiện sống ở Hà Nội. Ông hoạt động điện ảnh từ năm 1953, tại An toàn khu Việt Bắc và tham gia phục vụ cho bộ phim hợp tác *Việt Nam trên đường thắng lợi* của đạo diễn Liên Xô Roman

Cacmen. Ông tốt nghiệp Khoa Đạo diễn, Trường Đại học Điện ảnh Quốc gia Matxcơva (1960-1964). Năm 1968, ông được bầu làm Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật và 15 năm liền ông làm Phó Tổng thư ký Hội Điện ảnh. Năm 1980, ông làm Giám đốc Hãng phim Tài liệu - Khoa học Trung ương, rồi Cục trưởng Cục Điện ảnh từ năm 1992 đến khi nghỉ hưu 1996. Ông đã đoạt giải thưởng phim tài liệu: *Nước về Bắc Hưng Hải* giải Vàng tại LHP quốc tế Matxcơva, 1959; *Anh Nguyễn Văn Trỗi sống mãi*, giải Bạc tại LHP quốc tế Matxcơva, 1965, giải Bông sen Vàng LHP Việt Nam lần I, 1970; *Nguyễn Ái Quốc đến với Lênin* và *Đường về Tổ quốc*, giải Bông sen Vàng đặc biệt tại LHPVN lần V, 1980; *Hồ Chí Minh, chân dung một con người*, giải Bông sen Vàng tại LHPVN lần IX, 1990; giải Vàng LHP Truyền hình toàn quốc, 1990; phim truyện *Nguyễn Văn Trỗi*, giải Bông sen Vàng tại LHPVN lần I, 1970; *Đường về quê mẹ* giải chính của Ban giám khảo LHP quốc tế Cáclôvy Vary. Năm 1984, ông được tặng Danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân.

24. LÊ MINH HIỀN

Hoạ sĩ, nhà quay phim. Ông là một trong 3 nghệ sĩ (Nguyễn Thế Đoàn, Diệp Minh Châu và Lê Minh Hiền) được làm việc bên cạnh Bác Hồ những năm ở núi rừng Việt Bắc. Ông cùng nhà quay phim Nguyễn Thế Đoàn ghi lại hình ảnh Bác thăm dân công, kiểm tra kho vũ khí, giảng bài, thăm Cao Bằng, nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ..., Bác đi ngựa, đi bộ, lội suối, băng rừng... Sau đó, Nguyễn Thế Đoàn và Lê Minh Hiền được đi Trung Quốc tráng phim. Tháng 5-1952, Nguyễn Thế Đoàn và Lê Minh Hiền đi bộ suốt 16 tháng ròng trở về Nam Bộ. Những thước phim và hình ảnh ghi ở Việt Bắc được chiếu và triển lãm cho đồng bào Nam Bộ xem. Các bức vẽ, hình ảnh của 3 nghệ sĩ ghi lại những khoảnh khắc của Bác Hồ đã trở thành những tư liệu lịch sử quý giá của đất nước.

25. PHAN ĐÌNH MẬU

Nhà điện ảnh cách mạng Việt Nam, cùng lớp Bùi Đình Hạc, Thép Mới, Hồng Hà...

26. KIM LIÊN

Sinh năm 1942. Tên khai sinh là Nguyễn Kim Liên. Quê quán: Nam Định. Bà sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống nghệ thuật. Cha bà là nghệ nhân Nguyễn Thọ Hiện, đã lập ra một gánh hát chèo riêng ngay tại quê hương của mình. Kim Liên không chỉ hát văn hay, hát chèo giỏi, mà còn là một trong ba nữ nghệ sĩ ngâm thơ hay nhất của nước ta cuối thập niên 60 của thế kỷ trước. Bà đã được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

27. NHỮ ĐÌNH NGUYÊN

Hoạ sĩ, nghệ sĩ hoá trang. Trong gần 30 năm tiến hành công trình nghiên cứu hoá trang hình tượng Bác Hồ trên sân khấu và màn ảnh, ông đã tạo hình thành công hơn 20 nghệ sĩ, trong đó có những nghệ sĩ nổi tiếng với vai diễn Bác Hồ như Sỹ Hùng, Tuấn Tú, Tiến Hợi...

28. SĨ HÙNG

Nghệ sĩ kịch nói. Ông là người đầu tiên thể hiện hình tượng Bác Hồ trên sân khấu kịch trong vở kịch tư liệu "Người công dân số 1", do Nhà hát Cải lương Trung ương dàn dựng phục vụ Đại hội Đảng lần thứ 4 năm 1976.

29. VĂN HOÀNG

Nguyên Đoàn phó Đoàn Cải lương Hải Phòng.

30. TIẾN HỢI

Sinh năm 1959. Diễn viên đóng vai Bác Hồ trong nhiều kịch và phim nhất. Sau thành công của vở *"Đêm trăng"*, Tiến Hợi diễn thành công vai Nguyễn Tất Thành trong phim *"Hẹn gặp lại Sài Gòn"* (1990) và vai Hồ Chủ tịch trong phim *"Hà Nội mùa đông năm 46"* (1997).

31. TRẦN HOÀN (1928-2003)

Tên khai sinh là Nguyễn Tăng Hích. Quê quán: Quảng Trị. Trần Hoàn tự học nhạc và bắt đầu sáng tác từ năm 16, 17 tuổi. Năm 1935 Trần Hoàn theo học tại Quốc học Huế. Ông bắt đầu nổi tiếng với ca khúc *Sơn nữ ca* viết năm 20 tuổi khi đang ở chiến khu Quảng Bình. Trần Hoàn tham gia kháng chiến, đến ngày hoà bình lập lại, ông về làm Giám đốc Sở Văn hoá Hải Phòng. Năm 1964 ông trở lại chiến trường Bình Trị Thiên với bút danh Hồ Thuận An. Sau 1975, Trần Hoàn là Trưởng ty Thông tin Bình Trị Thiên. Sau đó ông giữ các chức vụ Trưởng ban Tuyên huấn Thành uỷ Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Thông tin, Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông Tin, rồi Phó ban Văn hoá - Tư tưởng Trung ương. Tác phẩm chính: *Sơn nữ ca, Lời người ra đi, Lời ru trên nương, Tình ca mùa xuân, Nắng tháng Ba, Một mùa xuân nho nhỏ, Giữa Mạc Tư Khoa nghe câu hò ví dặm, Lời Bác dặn trước lúc đi xa...*

32. PHẠM TUYÊN

Sinh năm 1930. Tên khai sinh là Phạm Tuyên. Quê quán: Hải Hưng. Năm 1949, ông công tác tại Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn, khoá V. Năm 1950 là Đại đội trưởng tại Trường Thiếu sinh quân Việt Nam. Trong thời gian này, ông đã có những chùm ca khúc về Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn, về Thiếu sinh quân Việt Nam. Năm 1954, ông được cử làm cán bộ phụ trách Văn-Thể-Mỹ tại Khu học xá Trung ương (Nam Ninh, Trung Quốc). Từ năm 1958, ông về nước, công tác tại Đài tiếng nói Việt Nam, đảm nhiệm nhiều chức vụ chỉ đạo về biên tập âm nhạc. Bài *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng* được ông sáng tác đêm ngày 28 tháng 4 năm 1975, tập và thu âm ngay trong chiều ngày 30 tháng 4 để phát sóng trong bản tin thời sự đặc biệt 17 giờ cùng ngày của Đài tiếng nói Việt Nam chính thức công bố tin giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam. Ông có nhiều năm là Chủ tịch Hội đồng giám khảo của nhiều Hội diễn toàn quốc về văn hoá văn nghệ của Bộ Văn hoá và nhiều ngành khác trong nước, là Uỷ viên Thường vụ Ban Chấp hành Hội Nhạc sĩ Việt Nam từ năm 1963 đến năm 1983. Ông hiện là Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Hà Nội. Tác phẩm chính: *Đảng đã cho ta mùa xuân, Chiếc gậy Trường Sơn, Con kênh ta đào, Gởi nắng cho em, Lời ru của đêm, Màu cờ tôi yêu, Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng, Đảng đã cho tôi sáng mắt sáng lòng, Từ một ngã tư đường phố...* Nhiều bài hát thiếu nhi đã trở thành bài truyền thống qua nhiều thế hệ như: *Tiến lên đoàn viên, Chiếc đèn ông sao, Hành khúc Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Hát dưới cờ Hà Nội, Gặp nhau giữa trời thu Hà Nội, Đêm pháo hoa, Cô và mẹ...*

33. HUY THỤC

Sinh năm 1935. Tên khai sinh là Lê Huy Thục. Quê quán: Hà Nam. Bút danh Lê Anh Chiến. Ông hoạt động cách mạng từ tháng 8 năm 1945, bắt đầu đi vào con đường âm nhạc từ năm 1950 bằng chơi đàn violon. Từ năm 1954-1956, ông vào Đoàn văn công Quân khu Hữu Ngạn. Sau đó ông theo học lớp sáng tác âm nhạc đầu tiên tại Trường Âm nhạc Việt Nam. Một thời gian sau, ông lại được cử đi tu nghiệp tại Nhạc viện Liszt ở Hungary. Về nước ông tham gia giảng dạy ở Trường Nghệ thuật Quân đội. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, ông đã có tại mặt trận đường Chín - Nam Lào. Sau đó ông về làm lãnh đạo và chỉ đạo nghệ thuật Đoàn Ca múa Tổng cục Chính trị. Đã xuất bản hai tuyển tập ca khúc và album *Tiếng đàn Ta-lư*. Ông đã được nhận Giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam (1993, 1995), Giải thưởng Bộ Quốc Phòng (1994), Giải thưởng Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (1980). Tác phẩm chính: *Kèn xuất trận* (thơ Tô Đức Chiêu), *Tiếng hát trên đường quê hương, Ơi dòng suối La La, Tiếng đàn Ta-lư,*

Tiến lên chiến sĩ đồng bào (phổ thơ Bác Hồ), *Đợi* (thơ Vũ Quần Phương), *Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân*, Hợp xướng *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*. Về tác phẩm khí nhạc: Độc tấu đàn bầu *Vì miền Nam*, Độc tấu trống dân tộc *Nhịp điệu nước non*, âm nhạc cho vũ kịch *Ngọn lửa Nghệ Tĩnh* (viết cùng Nguyễn Thành và Lương Ngọc Trác)... Ngoài ra ông còn viết phần âm nhạc cho kịch nói, phim truyện, phim tài liệu, múa...

34. PHONG NHÃ

Sinh năm 1924. Quê quán: Hà Nam. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Cả cuộc đời ông gắn bó với hoạt động thiếu niên nhi đồng. Ông được coi là một nhạc sĩ của tuổi thơ vì đã sáng tác những bài hát cho phong trào ca hát của trẻ em ngay từ ngày đầu Cách mạng tháng Tám. Những bài hát đó để lại ấn tượng sâu sắc trong đời sống tinh thần của nhiều thế hệ thiếu nhi Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua, với phong cách chung là giản dị, thân thiết, vui tươi. Tác phẩm chính: *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng, Cùng nhau ta đi lên* (nay là Đội ca), *Kim Đồng, Nhanh bước nhanh nhi đồng, Đi ta đi lên...*

35. AMƯ NHÂN

Quê quán: Ninh Phước. Nhạc sĩ người dân tộc Chăm. Tác phẩm "*Làng Chăm ơn Bác*" sáng tác năm 1985 của ông đã đoạt nhiều giải thưởng và trở thành một trong những ca khúc phổ biến nhất nói lên tình cảm của đồng bào dân tộc Chăm với Bác Hồ.

36. LINH NHÂM

Công tác tại Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị, cùng lứa với nghệ sĩ Tường Vi, Kim Cúc. Bà là giọng nữ dân ca chính, thường được Bác Hồ chọn để biểu diễn phục vụ trong Phủ Chủ tịch mỗi khi tiếp đón các đoàn cao cấp. Từ lời gợi ý của Bác về tập ngâm thơ để có nhiều tiết mục cho bộ đội, từ năm 1964, Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị có thêm tiết mục ngâm thơ và Linh Nhâm trở thành một trong những nghệ sĩ ngâm thơ nổi tiếng phục vụ tại nhiều chiến trường như Khu 4, Khu 5, Lào, Campuchia... Bà đã được phong danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

37. LINH NGA NIÊK ĐĂM

Sinh năm 1948. Tên khai sinh là Tuyết Nga Niêkđăm. Quê quán: Đăk Lăk. Dân tộc: Êđê. Vào Hội Nhà văn năm 1997. Tốt nghiệp Nhạc viện Hà Nội. Biên tập văn nghệ phát thanh từ 1988 đến 2002 tại Tây Nguyên. Nhiều năm là Uỷ viên BCH Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (khoá II đến khoá V); Uỷ viên BCH Hội Nhạc sĩ Việt Nam khoá VI; Phó Tổng thư kí Hội Văn nghệ các dân tộc thiểu số Việt Nam khoá I, II, III; Chủ tịch Hội Văn nghệ tỉnh Đăk Lăk. Giải B của Uỷ ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam năm 2003. Giải C Hội Văn nghệ các DTTS Việt Nam năm 1998. Tác phẩm chính: *Huyền thoại sau cánh rừng* (tập ca khúc và băng, 1996); *Con rắn màu xanh da trời* (tập truyện ngắn, 1997); *Vài nét đặc trưng phong tục các DTTS Tây Nguyên* (1997); *Trăng Xí Thoại* (tập bút ký, 1998); *Đăm san thời thơ ấu* (trường ca Êđê, 1999); *Nàng Bia Lúi* (trường ca Banar, 2000); *Truyền thuyết núi Nậm Nung* (trường ca Mnông, 2001); *Huyền thoại cây Tông Lông* (trường ca Êđê, 2002); *Văn hoá dân gian Tây Nguyên, một cách nhìn* (2002); *Đi tìm hồn chiêng* (tập bút ký, 2003); *Chân dung văn nghệ sĩ Tây Nguyên* (2003)...

38. LƯỜNG THỊ DOAN

Nghệ sĩ người dân tộc Thái, diễn viên Đoàn văn công Quân khu Tây Bắc.

39. LỆ VINH

Tên khai sinh là Nguyễn Lệ Vinh. Quê quán: Nghệ An. Nguyên diễn viên Đoàn văn công Nghệ An. Bà đã vinh dự được gặp Bác Hồ 3 lần, trong đó hai lần được

biểu diễn phục vụ Bác và cũng là người đầu tiên ở Nghệ An hát dân ca Nghệ Tĩnh cho Bác nghe trong dịp Người về thăm quê năm 1961.

40. NGUYỄN VĂN TỴ (1917-1992)

Quê quán: Hà Nội. Tổng thư ký đầu tiên của Hội Mỹ thuật Việt Nam. Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng I, Huân chương Độc lập hạng Ba (12/1988), Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam. Ông được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt 2 - 2001). Nguyễn Văn Tỵ bắt đầu sáng tác từ lúc học lớp dự bị Trường Mỹ thuật Đông Dương. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, mặc dù thiếu thốn nhưng ông vẫn liên tục có nhiều sáng tác mới trong đó có nhiều tác phẩm ký hoạ về nông dân, về bộ đội, về dân tộc Thái, các tác phẩm với chất liệu in đá, sơn mài, lụa... Sau khi đất nước thống nhất, ông cùng với nhiều hoạ sĩ trong cả nước tập trung sáng tác nhiều tác phẩm dựa trên những ký hoạ, những ký ức của các chuyến đi thực tế từ thời kháng chiến chống Pháp đến kháng chiến chống Mỹ. Ngoài ra ông còn vẽ bộ tem Hữu Nghị Quan nhân kỷ niệm quốc khánh nước CHND Trung Hoa (1965). Ngoài công việc sáng tác, ông còn là nhà lí luận, phê bình mỹ thuật với nhiều bài viết được đăng trên các báo. Ông đã giảng dạy, đào tạo nhiều thế hệ hoạ sĩ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và thời gian giảng dạy tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam (1956-1970). Ông còn soạn nhiều giáo trình phục vụ công tác giảng dạy, đặc biệt cuốn sách *Bước đầu học vẽ* được Nhà xuất bản Văn hoá tái bản 3 lần là một giáo trình cẩm nang hội hoạ có giá trị. Tác phẩm chính: *Hai cô Mường* - khắc gỗ in trên Lụa, 1940; *Nhà tranh gốc mít* - sơn mài, 1958; *Du kích Bắc Sơn* - sơn mài, 1958; *Thiếu nữ và biển* - sơn mài, 1960; *Buồm Cửa Hàn, lưới Cửa Hội* - sơn mài, 1960; *Nam Bắc một nhà* - sơn mài, 1961; *Đêm Noel Hà Nội 1972* - sơn mài, 1973; *Chợ Bờ* - sơn mài, 1984; *Phong cảnh* - sơn mài, 1991.

41. VŨ NĂNG AN

Tên khai sinh là Vũ Năng An. Quê quán: Nam Định. Từng là Giám đốc Xí nghiệp phim truyện Việt Nam (sau là Hãng phim truyện Việt Nam 1973-1979). Huy chương Vì sự nghiệp văn học nghệ thuật, Huy chương Vì sự nghiệp điện ảnh Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật lĩnh vực nhiếp ảnh (1996). Tác phẩm chính: *Bác Hồ ở Đông Khê, Quảng trường Nhà hát lớn, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà...*

42. NGUYỄN HỒNG NGHI

Nhà nhiếp ảnh cách mạng Việt Nam. Ông đã mở triển lãm ảnh đầu tiên về Bác Hồ và hoạt động bình dân học vụ ở Việt Bắc năm 1950, với hơn 100 bức ảnh quý.

43. HUỲNH VĂN THUẬN

Sinh năm 1921. Quê quán: Gia Định. Ông là một trong những trụ cột của nền mỹ thuật Việt Nam và có nhiều tác phẩm đoạt giải thưởng cao do Nhà nước, Hội Mỹ thuật trao tặng. Tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương năm 1944, ông được điều về công tác tại tổ hoạ của Trung ương Đoàn. Tại rừng Việt Bắc vào giữa năm 1951, ngay sau Đại hội toàn quốc Đoàn thanh niên cứu quốc, ông cùng hoạ sĩ Tôn Đức Lượng được tổ chức giao cho phác thảo huy hiệu Đoàn thanh niên cứu quốc. Bản phác thảo của ông đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn làm biểu tượng của Đoàn. Năm 1953, ông cùng hoạ sĩ Lê Phả, Bùi Trang Chước được giao nhiệm vụ vẽ đồng tiền riêng của Việt Nam. Năm 1974, ông được bầu làm Cục trưởng Cục Mỹ thuật miền Nam khi tham gia đoàn quân tiếp quản thành phố. Hoà bình lập lại, ông công tác tại Hội Mỹ thuật. Hiện ông đã nghỉ hưu và đang sống tại Hà Nội.

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN 7

LỜI TỰA CỦA NHÀ THƠ HỮU THỈNH 9

1. Hồ Chủ tịch với nhân dân

Nguyễn Đình Thi
(**Người là Hồ Chí Minh,** *Phong Vũ sưu tầm, biên soạn - Nxb. Hội Nhà văn, 1995)* 13

2. Câu chuyện về thơ Bác Hồ
(Trò chuyện với nhà thơ Tố Hữu)

Vũ Châu Quán - Nguyễn Huy Quát ghi
(Tạp chí **Diễn đàn văn nghệ Việt Nam,** *số tháng 5-2001)* 18

3. Chúng ta nhớ, nhớ mãi...

Đặng Thai Mai
(Báo **Văn nghệ** *số 308 ngày 10-9-1969)* 28

4. Miền Nam trong lòng Hồ Chủ tịch

Huỳnh Văn Tiếng
(Báo **Văn nghệ** *số 11 ngày 12-7-1963)* 38

5. Bác và thơ Bác trong lòng đồng bào miền Nam

Hoài Thanh
(Báo **Văn nghệ** *số 638-639 ngày 24-1-1976)* 45

6. Bài học Hồ Chí Minh

Thiếu Sơn
(Báo **Văn Nghệ** *số 35 - 36 năm 2003)* 51

7. Nhớ Bác Hồ

Phạm Huy Thông
(**Người là Hồ Chí Minh,**
Phong Vũ sưu tầm, biên soạn - Nxb. Hội Nhà văn , 1995) 56

8. Những kỷ niệm không quên về Bác

Hoàng Văn Bổn
(dost-dongnai.gov.vn) 59

9. Trên quảng trường Ba Đình sáng nay…
Phạm Hổ
(Báo **Văn nghệ** *số 309 ngày 12-9-1969)* 68

10. Cùng nhân dân đi bên Bác sáng nay
Nguyễn Minh Châu
(Tạp chí **Văn nghệ Quân đội** *số tháng 9-1969)* 72

11. Một giai thoại quý
Vũ Ngọc Phan
*(Trích hồi ký "***Những năm tháng ấy***")* 78

12. Hồ Chủ tịch năm nay
Nguyễn Huy Tưởng
(Gặp Bác - *Nxb. Kim Đồng, 2010; Báo* **Văn nghệ,** 5-1950*)* 89

13. Trong ngày thống nhất Việt Minh - Liên Việt
Nguyễn Huy Tưởng
(Gặp Bác - *Nxb. Kim Đồng, 2010; Báo* **Văn nghệ,** 15-3-1951*)* 95

14. Người mãi mãi dẫn đường cho chúng ta
Hữu Mai
(Tạp chí **Văn nghệ Quân đội** *số tháng 9-1969)* 101

15. Hồi được gặp Bác Hồ tôi còn là thiếu nhi
Kim Nhất 110

16. Những ngày tháng cuối cùng của Bác
Nguyễn Trí Huân
(Báo **Văn nghệ Trẻ** *số 35 - 36 năm 2009;*
Giữ nguyên giấc ngủ của Người - *Nxb. Quân đội Nhân dân)* 113

17. Tết với thơ Bác
Lữ Huy Nguyên
(Báo **Văn nghệ** *số 1161-1162 ngày 1-2-1986)* 123

18. Bác Hồ với truyện Kiều của Nguyễn Du
Nguyễn Lộc - Nguyễn Mạnh Bính
(Báo **Văn nghệ** *số 863 ngày 17-5-1980)* 131

19. Kính dâng Bác Hồ
Nguyễn Thị Cẩm Thạnh 142

20. Bác Hồ nghe đồng chí Võ Nguyên Giáp đánh đàn piano
Đào Vũ
(Báo **Văn nghệ** *ngày 25-8-1990)* 148

21. Đón xuân, vui tết với Bác Hồ

Lưu Trùng Dương 153

22. Năm ấy chúng tôi làm tập sách về Bác Hồ

Nguyễn Gia Nùng 159

23. Nhớ Bác

Nguyễn Đăng Bảy
(Trích ***"Bác Hồ với văn nghệ sĩ"*** *-*
Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995) 170

24. Những lần được gặp Bác

Bùi Đình Hạc
(Trích **Muôn vàn tình thân yêu** *-*
Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1975) 179

25. Quay phim Bác ở chiến khu Việt Bắc

Lê Minh Hiền
(Trích **Muôn vàn tình thân yêu** *-*
Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1975) 183

26. Đường về Tổ quốc...

Phan Đình Mậu
(Tạp chí **Văn nghệ Quân đội** *số 8-1980)* 186

27. Bác Hồ với điện ảnh dân tộc

Hiếu Trung
(Báo **Văn nghệ** *số 412 tháng 9-1971)* 192

28. Nhớ sinh nhật Bác Hồ

Tố Uyên
(Báo **Văn nghệ** *số 21 ngày 22-5-1999)* 197

29. Đoá sen hồng

Kim Liên kể
(Báo **Văn nghệ** *số 1580-1581 ngày 28-4-1990)* 200

30. Hoá trang nhân vật Bác Hồ trên sân khấu

Nhữ Đình Nguyên
(Hình tượng Bác Hồ trên sân khấu -
Nhiều tác giả, Viện Sân khấu, 1993) 206

31. Tôi cảm thấy hạnh phúc khi được đóng vai Bác Hồ trên sân khấu

Sĩ Hùng
(Hình tượng Bác Hồ trên sân khấu -
Nhiều tác giả, Viện Sân khấu, 1993) 218

32. Từ kẻ "xướng ca vô loài" đến người "kỹ sư tâm hồn"
Ngô Thị Liễu
(Người là Hồ Chí Minh -
Phong Vũ sưu tầm, biên soạn, Nxb. Hội Nhà văn, 1995) 224

33. Cây đờn của Bác
Văn Hoàng kể, Vân Long ghi
(Tạp chí **Văn nghệ Quân đội** *số tháng 2-1970)* 229

34. Nghệ sĩ Tiến Hợi: Tôi hoá thân vào nhân vật Bác Hồ
Minh Hằng
(Báo **Văn Nghệ Trẻ** *số 21 ngày 22-5-2005)* 240

35. "Lời Bác dặn trước lúc đi xa"
(Phỏng vấn nhạc sĩ Trần Hoàn)
Đỗ Bạch Mai thực hiện
(Báo **Văn nghệ Trẻ** *số 36 ngày 5-9-1999)* 246

36. Kỷ niệm khó quên về một bài ca nhỏ
Phạm Tuyên 253

37. Đường Chín - Khe Sanh trong kỷ niệm riêng tôi
Huy Thục
(Tạp chí **Âm nhạc** *số 4-5-6 năm 1997)* 259

38. Bác Hồ với thiếu nhi, chủ đề tôi có cảm xúc mãnh liệt
Phong Nhã
(Tạp chí **Âm nhạc** *số 3-1996)* 265

39. Tôi viết bài hát "Làng Chăm ơn Bác"
Amư Nhân
(Tạp chí **Âm nhạc** *số 4-1999)* 272

40. Những kỷ niệm vô giá
Linh Nhâm kể, Khắc Tuế biên soạn
(Những chuyện kể về Bác Hồ
với hoạt động văn hoá nghệ thuật -
Khắc Tuế sưu tầm, biên soạn, Nxb. Lao động, 2009) 274

41. Vượt cả ước mơ
Nay Hơvin kể, Thanh Giang ghi
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" -*
Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995) 279

42. Những ca khúc viết về Bác Hồ với Tây Nguyên
Linh Nga Niêk Đăm 287

43. Con vẫn hát để Bác nghe

Lường Thị Doan kể, Xuân Lộc ghi
(Tạp chí **Văn nghệ Quân đội** *số tháng 1-1970)* 293

44. Bác vẫn nghe điệu hò ví dặm

Lệ Vinh
(Tạp chí **Sân khấu** *số tháng 2-2007)* 297

45. Nhớ Bác Hồ

Trần Hồng
(Tạp chí **Sân khấu** *số 232 tháng 8-2000)* 303

46. Những ngày được trực tiếp phục vụ Bác Hồ

Trần Ngà kể, Khắc Tuế biên soạn
(Những chuyện kể về Bác Hồ
với hoạt động văn hoá nghệ thuật -
Khắc Tuế sưu tầm, biên soạn, Nxb. Lao động, 2009) 308

47. Ai báo cáo với Bác đây

Khắc Tuế
(Những chuyện kể về Bác Hồ
với hoạt động văn hoá nghệ thuật -
Khắc Tuế sưu tầm, biên soạn, Nxb. Lao động, 2009) 312

48. Trong tù tôi vẽ Bác

Tam Bạch
(Trích **Mỹ thuật với Bác Hồ** *- Nxb. Mỹ thuật, 2002)* 316

49. Một nhân cách lớn
(Phỏng vấn hoạ sĩ Ngô Tôn Đệ)

Hoàng Anh thực hiện
(Tạp chí **Mỹ thuật** *số 200 tháng 8-2009)* 319

50. Nét bút Chu Minh trên bình sứ của Bác Hồ

Trần Hữu Chất
(Tạp chí **Mỹ thuật** *số 196 tháng 4-2009)* 323

51. Sáng tác về Bác Hồ, lãnh tụ cách mạng Việt Nam

Nguyễn Văn Tỵ
(Tạp chí **Mỹ thuật** *số 196 tháng 4-2009)* 326

52. Một quê hương và một tấm lòng

Hà Thanh
(Báo **Văn Nghệ Trẻ** *số 17 tháng 6-1998)* 333

53. Mơ thành hiện thực

Cần Thư Công
(Trích **Mỹ thuật với Bác Hồ** *-*
Nxb. Mỹ thuật, 2002) 335

54. Bác Hồ và sự nghiệp mỹ thuật

Chu Quang Trứ
(Trích **Mỹ thuật với Bác Hồ** *-*
Nxb. Mỹ thuật, 2002) 338

55. Những ngày được sống bên Bác

Vũ Năng An
(Trích **Muôn vàn tình thân yêu** *-*
Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1975) 344

56. Nguyễn Hồng Nghi và những tấm ảnh đầu tiên được chụp Bác Hồ

Dương Tuấn Hoa
(Tạp chí **Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam** *số 9-10 năm 1997)* 351

57. Nhớ lại ngày Bác đến thăm triển lãm ảnh nghệ thuật lần thứ IV

Nguyễn Đức Vân
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" -*
Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995) 355

58. Bác Hồ giao cho tôi làm bức trướng

Huỳnh Văn Thuận
(Tạp chí **Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam** *số 6-2001)* 358

58. Hình tượng Bác Hồ trên tem Việt Nam

Thọ Từ
(Tạp chí **Mỹ thuật** *số 128, tháng 5-2005)* 360

CHÚ THÍCH VỀ TÁC GIẢ 367

MỤC LỤC 377

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội * Tel & Fax: 38222135
E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 2

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRUNG TRUNG ĐỈNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:
NGUYỄN ÁNH NGÂN
NGUYỄN MINH PHƯỚC

Bìa:
VĂN SÁNG

Trình bày và sửa bản in:
QUANG HOÀI

In 8.000 cuốn, khổ 16x24cm, tại Công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh
Giấy ĐKKHXB số: 368-2010/CXB/19-30/HNV.
In xong và nộp lưu chiểu: Tháng 12 năm 2010.